



CHÁNH PHÁP

HOẢNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



Giai phẩm

XUÂN ĐÌNH DẬU 2017

62

THÁNG 01.2017



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704. U.S.A. — Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Huệ Cảnh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: Vĩnh Hào
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Tâm Quang
Hình bìa: Vân Anh Wendler

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo/Phát hành:
(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHAP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

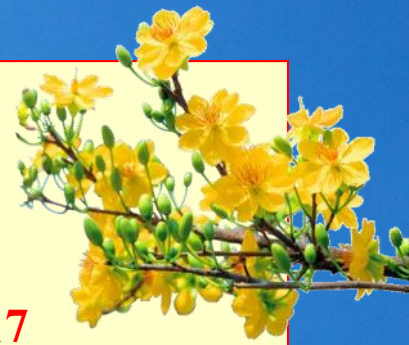
NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ THÔNG BẠCH XUÂN ĐÌNH DẬU 2017 (Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHNK)
- ♦ THƯ CHÚC XUÂN ĐÌNH DẬU 2017 (Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK)
- ♦ THƯ CHÚC XUÂN của CHỦ NHIỆM (HT. Thích Nguyên Trí)
- ♦ TÂM THƯ VẬN ĐỘNG MUA CƠ SỞ MỚI LÀM CHÙA BÁT NHÃ (HT. Thích Nguyên Trí)
- ♦ THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- ♦ MÙA XUÂN VĨNH CỬU CỦA TRÍ TUỆ TỪ BI (Nguyễn Thế Đăng), trang 3
- ♦ TẾT ĐÌNH DẬU (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 4
- ♦ CON GÀ VÀ BỊ-TRÍ-DỪNG (Huệ Trần), trang 5
- ♦ PHÁT GIÁO VIỆT NAM TRƯỚC NỖI ĐAU DÂN TỘC (Thích Đức Trí), trang 7
- ♦ XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH tt. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- ♦ MẶT THẬT CUỘC ĐỜI (thơ Thắng Hoan), tr. 12
- ♦ NHƯ Ý CHÂU (Nguyễn Hạnh dịch), trang 13
- ♦ CHỢ TẾT MIỀN ĐÔNG BẮC, TRƯỚC BIÊN (thơ Phan Thị Ngón Ngừ), trang 16
- ♦ PHÁT TRIỂN TÂM TỬ (Tuệ Sỹ), trang 17
- ♦ THỜI BAY THEO GIÓ (thơ Tâm Minh Ngô Tằng Giao), trang 24
- ♦ ĐÓN XUÂN, UỐNG TRÀ, MẠN ĐÀM CHUYỆN ĐỜI CHUYỂN ĐẠO (Huỳnh Kim Quang), tr. 25
- ♦ HƯƠNG XUÂN, DƯ ẨM (thơ Đăng Tâm), tr. 29
- ♦ PHƯỚC BẦU KHÔNG PHẢI LÀ ĐỊNH TUỆ (Chân Hiền Tâm), trang 30
- ♦ KHÁP BÁI GIÁC LINH AN SỰ (thơ Chúc Hiền), trang 32
- ♦ LỊCH SỬ HÀNH HOẠT CỦA GHPGVNTN (Thích Nguyên Siêu), trang 33
- ♦ THÔNG BÁO GIẢI THƯỞNG VĂN HỌC VIỆT ANANDA AWARDS VIẾT VỀ ĐẠO PHẬT (Ananda Viet Foundation), trang 39
- ♦ MỘT GÓC VÀNG LẠNG (Nguyễn Giác), trang 40
- ♦ XUÂN, QUÂN CUỐI NĂM... (thơ Quảng Tánh Trần Cẩm), trang 42
- ♦ ROBERT C. CHILDERS (HT. Thích Trí Chơn), trang 43
- ♦ TIỂU LIỆU PHÁP (thơ Tâm Không Vĩnh Hữu), trang 45
- ♦ ĐẠT TÂM ĐÚNG HƯỚNG (Quảng Tánh), tr. 46
- ♦ TÌNH VẬT, THÁP (thơ Luân Hoán), trang 47
- ♦ TRUNG ĐẠO / KẾ ÁC HẠI NGƯỜI HIỀN – Câu chuyện dưới cờ (GDPTVN), trang 48
- ♦ ĐỨC PHẬT DI LẶC – Phật Pháp thứ Năm (Nhóm Áo Lam), trang 49
- ♦ NGƯỜI ĐOÀN TRƯỞNG – Lá thư đầu tuần (GDPTVN Trên Thế Giới), trang 50
- ♦ QUÊ HƯƠNG ƠI MƯA BAY... (thơ Trần Văn Lệ), trang 52
- ♦ CHÂN DUNG CỦA MỘT THÁNH NHÂN (Ngọc Bảo), trang 53
- ♦ NẤU CHAY: BÁNH TÉT NGŨ SẮC (Cô Lê GDPT LH), trang 56
- ♦ THỂ LOẠI VĂN HỌC PHẬT GIÁO (Thích Nhuận Đàm), trang 58
- ♦ NHỮNG KHUÔN MẶT PHẬT TỬ TRONG ĐỜI TRẦN (Nguyễn Lang), trang 63
- ♦ GÀ TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA VIỆT NAM (Anh Hùng), trang 68
- ♦ HƯƠNG TÂM THỨC CHÚNG TA CHO THIÊN TẬP (Tuệ Uyển dịch), trang 72
- ♦ NGÃ TRONG QUAN ĐIỂM CỦA NIE-TZSCHE (Tâm Nguyên), trang 77
- ♦ MƯỜI NĂM - MƯỜI SỰ KIỆN LỚN CÓ Ý NGHĨA ĐỐI VỚI PHẬT GIÁO (Trí Tánh tổng hợp), trang 78
- ♦ TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Diệu Âm lược dịch), trang 87
- ♦ NHỮNG CẢNH ĐÀO TRONG KÝ ỨC (Phùng Quán), trang 92
- ♦ THI SĨ - VÀ TÂM CẢNH THẮNG HOA (Hạnh Chi), trang 94
- ♦ ĐẠO PHẬT VÀ TUỔI TRẺ (Bạch Xuân Phê), trang 97
- ♦ KHOẢNG CHẤT TRONG CƠ THỂ (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 102
- ♦ AN TẾT KIỀU MỸ (Thiên Ý), trang 104
- ♦ TỰ TÌNH GIỀNG HAI (Tuệ Như), trang 107
- ♦ VÌ SAO TÔI THEO PHẬT? (Tâm Cảnh Nguyễn Ngọc Cảnh), trang 109
- ♦ SỰ THƯƠNG GHÉT CỦA CON NGƯỜI (Đào Văn Bình), trang 111
- ♦ HƯƠNG KHÔI XA XÂM (Thu Nguyệt), tr. 115
- ♦ TRUYỆN NGÁN TRĂM CHỮ (Steven N.), trang 116
- ♦ BIÊN TRỜI LAI LẮNG (Nguyễn Văn Sâm), trang 118
- ♦ VƯỜN KIỀNG CỤ BÌNH (Lam Nguyên), trang 125
- ♦ CẢNH ẸN MÙA XUÂN (Nguyễn Thúy Ngân), trang 128
- ♦ ĐIỀU XẤU ĐẾN, DO LỖI MÌNH (Tâm Lương Đào Mạnh Xuân), trang 130
- ♦ TRƯỜNG CA ẨM BẢN THỜI GIAN (thơ Nguyễn Lương Vy), trang 132
- ♦ TÌNH GIÁC MƠ HOA (Trí Hiền), trang 138
- ♦ NGŨ TÂM HƯƠNG (Đức Hạnh) trang 141
- ♦ THƯ GỬI NGƯỜI BẠN ĐÃ KHUẤT (Tiểu Lục Thần Phong), trang 144
- ♦ STORY OF PUNNA, THE SLAVE GIRL (Daw Mya Tin), trang 145
- ♦ PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG – chương 12 & 13 (Vĩnh Hào), trang 148
- ♦ PHIÊU BẢO TRỢ QUỲ CHUYỀN PHÁP LUÂN - YẾM TRỢ KHỎA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ (Thích Diệu Tánh), tr. 160
- ♦ CÙNG VỚI THƠ CỦA: Nguyễn Tiến Quỳnh Dao 62, Minh Nguyệt 67, Nguyễn Giác 71, Du Tâm Lăng Từ 77, Hàn Long An 86, Nguyễn thị Minh Thủy 91, Nguyễn Thanh Huy 96, TN. Giới Định 101, Từ Thế Mộng 108, Diệu Viên 110, Phù Du 113, Lý Thừa Nghiệp 117, Tâm Cảnh Nguyễn Ngọc Cảnh 128, Từ Tú Trinh 131,...

Báo Chánh Pháp số 62, tháng 01.2017, Xuân Đình Dậu, do Chùa Bát Nhã (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư phật -tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM
CHÁNH VĂN PHÒNG
704. East "E" Street., Ontario, CA 91764 – U.S.A. | Tel. & Fax: (909) 986-2433



THÔNG BẠCH XUÂN ĐÌNH DẬU - 2017 **của Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK**

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Giáo phẩm, chư tôn đức Tăng Ni

Kính thưa quý Thiện nam Tín nữ

Ngày Tết thì tràn đầy bông hoa và tập nập người đi lại thăm viếng trong truyền thống dân tộc. Nhưng Tết Việt nam nơi đất Mỹ thường là những ngày lạnh lẽo, tuyết rơi chập chùng và riêng lẻ trong từng cộng đồng chúng ta. Con cháu mình sinh ra và lớn lên trên đất nước này, nếu ở những tiểu bang ít Việt nam thì ngày Tết là một ngày xa lạ làm sao. Điều ấy cho chúng ta thấy trách nhiệm của Phật giáo, của ngôi chùa đối với cộng đồng Việt xa xứ trong ngày Tết. Tất cả Phật giáo chúng ta, những ngôi chùa trên đất Mỹ hãy nỗ lực tổ chức ngày Tết chứa nhiều truyền thống đẹp của dân tộc. Mỗi người con Phật là một hình ảnh của văn hóa Việt trong ngày Tết hàng năm. Chúng ta nhất tâm cầu xin Phật tổ gia hộ cho đàn con Việt viễn xứ.

Năm nay là Tết thứ 47 của Phật giáo Việt nam trên đất Mỹ. Thời gian 47 năm chưa phải là dài cho một đoạn đường mang Phật giáo vào đất nước này. Những người đệ tử Phật, xuất gia và tại gia đã nỗ lực không ngừng để phát triển đạo pháp. Hàng trăm ngôi chùa Việt đã dựng lên, hàng ngàn người Mỹ đã biết về Phật giáo và trở thành Phật tử. Hơn nữa, Phật giáo đã là một điểm tựa lớn lao về tinh thần cho cộng đồng Việt xa xứ. Tuy nhiên, Đạo Phật chưa được nở rộ trên quê hương này. Những thiền viện và Tăng lữ người Mỹ còn hiếm hoi. Điều ấy là điều trăn trở lớn cho chúng ta trên đường hoằng truyền Phật đạo. Giáo hội đặt niềm tin này vào thế hệ Tăng Ni trẻ. Họ sẽ là những Đạo sư rực sáng trên đất nước này và đối cơ hoằng pháp là người Mỹ.

Thế giới ngày nay thật nhiều bi thương. Nào thiên tai, động đất, chiến tranh, di tản, khủng bố... Người con Phật hãy khởi niệm từ hăng ngày để thấy mình có nhiều phước báo, để thấy người sao lắm khổ đau. Chúng ta thường hướng tâm về nơi chốn diệu linh để chia sẻ, nguyện cầu. Họ là những quyền thuộc nhiều đời của ta. Ta đồng cảm đau khổ của họ. Đặc biệt trong đó có quê hương Việt nam. Những gì xảy ra trên thế gian này đều từ nghiệp báo. Phước báo của loài người ngày càng mỏng dần đi. An lành nhường chỗ cho bạo hành. Đầu năm, các chùa đều có khai kinh Cầu an, chúng ta thành tâm hướng về họ, những người lắm đau thương trong kiếp làm người.

Con đường của Đạo Phật là con đường ra khỏi tử sinh. Mỗi lần Tết đến trong cái vui Xuân đầm ấm này cũng mang đến chúng ta một thông điệp: Gần đến cửa Tử. Già, Bệnh và Chết không khoan nhượng cho bất cứ ai. Thêm một tuổi là tới gần vực sâu cửa tử. Chúng ta thường quán chiếu bảo tố vô thường sẽ đến với ta nhưng chưa từng hen. Do vậy chúng ta răn tạo thiện nghiệp, giữ tâm được an và mang lợi lành đến với mọi người. Ngày mai hay kiếp tới được bắt nguồn từ hôm nay. Mọi hoang phí về thời gian, trí não và tài vật sẽ là nơi chốn đọa đày dẫn lối ta đi. Chúng ta được phước duyên làm đệ tử Phật, nhờ lực Phật che chở thì đừng đánh mất viên ngọc quý trên tay mình.

Ngày Tết Đình Dậu, Hội Đồng Giáo Phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ xin kính chúc toàn thể chư Tôn đức Tăng Ni và quý Thiện Tín vô lượng cát tường.

California ngày 14 tháng 12 năm 2016 Phật Lịch 2560
TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK
Chánh Văn Phòng
Sa môn Thích Thắng Hoan



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
CHÙA BÁT NHÃ

Bat Nha Meditation Institute of America – Bat Nha Buddhist Temple
803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 | Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009



THƯ CHÚC XUÂN

Nam mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật

Nhân dịp xuân Đinh Dậu — 2017, thay mặt Chư Tôn Đức Tăng Ni, Phật Tử, Đoàn Thanh Niên Phật Tử Chùa Bát Nhã, Gia Đình Phật Tử Bát Nhã, Lớp Võ Thuật Bát Nhã, Báo Chánh Pháp; Đại diện chư Tăng, Ni và Phật tử Đạo tràng Chùa Bát Nhã,

Xin kính chúc chư Tôn Đức Tăng, Ni, các vị lãnh đạo tinh thần các Tôn Giáo, quý lãnh đạo các Hội Đoàn, Đoàn thể, quý Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia, các cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí, các cơ sở thương mại và đồng hương:

Một năm mới thân tâm an lạc, vạn sự kiết tường, sở cầu như nguyện, và thành tâm cảm niệm sự hỗ trợ hết lòng của chư liệt vị đối với Phật sự của Chùa Bát Nhã trong thời gian qua.

Thành tâm kính chúc,
Hòa Thượng Thích Nguyên Trí
Viện Chủ Chùa Bát Nhã



Cung Chúc Tân Xuân



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009



Phật Lịch 2560

HĐĐH/TCX/CT

THƯ CHÚC XUÂN ĐÌNH DẬU - 2017

Kính gửi:

- Chư tôn Giáo Phẩm Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni,
- Chư vị lãnh đạo Tinh Thần các Tôn Giáo bạn,
- Quý vị lãnh đạo các hội đoàn, đoàn thể, tổ chức, cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí người Việt Quốc Gia tại Hoa Kỳ,
- Quý đồng hương và Phật tử,

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính bạch chư Tôn Đức,
Kính thưa chư quý liệt vị,

Mùa xuân luôn là biểu tượng của sinh khí phát triển và thăng hoa của vũ trụ và vạn vật mà trong đó có cuộc sống con người.

Năm cũ với nhiều tai ương và khủng hoảng trên khắp toàn cầu sắp đi qua. Trước thềm năm mới, thay mặt GHPGVNTN HK, chúng tôi xin thành tâm kính chúc:

- ♦ Chư tôn Giáo Phẩm Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni: pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ, Phật sự viên thành;
- ♦ Chư vị lãnh đạo Tinh Thần các Tôn Giáo bạn: thân tâm Khang kiện, đạo nghiệp viên mãn;
- ♦ Quý vị lãnh đạo các hội đoàn, đoàn thể, tổ chức, cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí người Việt Quốc Gia: bình an, khỏe mạnh để tiếp tục sự nghiệp phục vụ làm thăng tiến cộng đồng, góp phần vận động tự do, dân chủ và nhân quyền cho Việt Nam;
- ♦ Quý đồng hương và Phật tử: thân tâm an lạc, sở cầu như nguyện, vạn sự thắng phước.

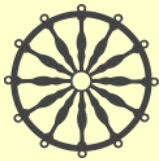
Santa Ana, ngày 01 tháng 01 năm 2017

TM. Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN HK

Chủ tịch,
(ấn ký)

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

Cung Chúc Tân Xuân



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH – EXECUTIVE COUNCIL
VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC – STANDING OFFICE

803 S. Sullivan Street, Santa Ana, CA 92704 Tel: (714) 571-0473



TÂM THƯ

VỀ VIỆC MUA NHÀ HÀNG REGENT WEST
4717 W. FIRST STREET, SANTA ANA, CA 92704 LÀM CHÙA MỚI

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính thưa quý Đồng hương Phật tử!

Chùa Bát Nhã tại 803 S. Sullivan Street có mặt tại Orange County từ năm 1993. Trong suốt quá trình hơn 23 năm, Tăng Ni Phật tử đã và đang phục vụ cộng đồng trên phương diện Tôn giáo cũng như giáo dục và từ thiện xã hội bằng tất cả thiện tâm và bổn phận của người con Phật.

Chùa đã mua thêm lô đất bên cạnh từ năm 2009 và đã tiến hành xin phép xây cất chùa mới từ năm 2010. Đến tháng 5/2016 chùa có giấy phép chính thức xây cất với kinh phí lúc đầu dự trù 4,5 triệu USD nhưng vì kéo dài thời gian hơn 5 năm nên kinh phí xây cất hiện tại đã lên hơn 7 triệu USD.

Sau đó, Chùa thuê lại nhà hàng Regent West để tiến hành xây cất chùa cũ và may mắn tại đây, chủ nhân quyết định bán nhà hàng Regent West cho chùa để làm chùa mới. Chùa Bát Nhã mới tọa lạc tại 4717 W. First Street, góc đường New Hope. Thành phố Santa Ana cũng đã tiến hành cho phép lập Chùa Bát Nhã tại địa điểm mới này. Đây là một cơ sở khang trang, tọa lạc trên mặt tiền đường First (tức đường Bolsa nổi dài) với diện tích 1.8 Acre, Parking rộng rãi, gần vùng Little Saigon và tiện việc xe Bus cũng như đi lại. Chánh điện có sức chứa đến 500 người, nhà bếp đầy đủ tiện nghi, phòng ăn sạch sẽ.

Vừa rồi, vào ngày 19 tháng 6, Vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, chùa tổ chức Ngày Nhập Tự tạm thời, Tăng Ni Phật tử tất cả đều hoan hỷ.

Ngày 19/9/2016, chùa đã hoàn thành thủ tục mua chùa mới và sang lại chùa cũ, và nay đã chính thức sinh hoạt tu học tại cơ sở mới này. Đến thời điểm này, chúng tôi rất vui mừng vì đã phần nào thực hiện được tâm nguyện xây dựng ngôi Già Lam, làm nơi sinh hoạt tu học theo giáo lý Phật đà cho thế hệ con em chúng ta trên đất Mỹ này.

Tuy nhiên, điều trần trở của Chùa hiện nay là **Chùa còn nợ lại 2,5 triệu USD** có lãi suất và chỉ cho vay thời hạn ngắn. Trước đó, chùa đã thử vay từ nhiều ngân hàng nhưng chưa có nơi nào chấp nhận. Kính mong quý Đồng hương Phật tử hoan hỷ phát tâm hộ trì Tam Bảo cúng dường, hay cho chùa mượn không lấy lãi, hoặc quý Phật tử cúng dường mỗi tác đất \$200 (để có sự tin tưởng, mọi đóng góp và cúng dường đều có Receipt để khai thuế).

Kính mong quý Phật tử hoan hỷ tận tâm ủng hộ cho Chùa có đủ tài chánh để sớm hoàn lại số nợ đó và Chùa sẽ gởi hoàn lại số tiền mà quý vị đã cho mượn trong thời gian sớm nhất.

Sự phát tâm cúng dường của quý Phật tử sẽ góp phần vào công tác Phật sự to lớn này được thành tựu viên mãn. Cầu nguyện mười phương chư Phật thù từ gia hộ cho quý Phật tử và bửu quyến thân tâm luôn an lạc và vạn sự cát tường như ý.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nay kính,

Ngày 15 tháng 9 năm 2016

Viện Chủ Chùa Bát Nhã

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí

Mọi sự phát tâm cúng dường xin gởi về:

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí

Bát Nhã Buddhist Temple

4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703

Phone: 1(714)548-4148 Tel:(714)571-0473

Bank Account #: 325063638819

Routing #: 026009593

BANK OF AMERICA





Thư Tòa Soạn

THƯỜNG XUÂN

Lá của hai cây phong ven lộ đã chuyển thành màu đỏ ối tự hóm nào. Mỗi ngày lái xe ra vào khu xóm, chỉ lo nhìn xe cộ hai chiều, xem có an toàn để băng qua đường hay không; không kịp nhìn thấy lá từ xanh chuyển sang vàng, rồi vàng đổi thành cam, cam chuyển thành đỏ. Giữa những tàn cây xanh lá, cây phong nổi bật lên như một ông hoàng, lẫm liệt, oai phong, và thật đẹp. Mà kỳ thực, cái đẹp này chẳng qua là màu lá không bình thường như những lá cây khác. Lá cây thì phải màu xanh lục, nếu héo úa thì phải vàng, khô, rồi rụng trơ cành; mà đây là màu đỏ, ở lại khá lâu trên cành từ cuối thu kéo qua đông, nên lạ, đẹp.

Thế nhưng, ra ngoài cái đẹp thẩm mỹ từ nhận quan của người, lá phong đỏ trên thực tế, vẫn là lá phong đỏ, là những chiếc lá đã trải qua thời kỳ sung mãn nhất, rồi dần bước vào thời kỳ tàn tạ, và đang ở giai đoạn cuối cùng của đời sống. Đây là qui luật chung của mọi sự, mọi vật.

Không phải một sự kiện bỗng dưng xuất hiện. Không phải mùa đông, mùa xuân bất ngờ đến. Không có thứ gì ngẫu nhiên, tình cờ mà có mặt; không có một thứ gì tự sinh ra, cũng không có thứ gì chỉ do một nguyên nhân độc nhất nào đó sinh ra. Tất cả đều hiện hữu từ nhiều yếu tố nhân duyên, từ một tổng thể trùng trùng những nguyên nhân, điều kiện và kết quả, tác động hỗ tương, tác động đối nghịch, tạo nên một thực tại hằng biến. Mọi thứ đều liên tục diễn tiến, chuyển tiếp, không gián đoạn. Không có cái thực tại bất biến. Chỉ có sự chuyển biến liên tục của tất cả sự vật, trong không gian và thời gian mông ảo, và đây chính là cái thường tại.

Vì vậy, nói về một mùa xuân thường tại, bất diệt, là nói về một cái gì không thể gọi tên, không thể mượn hình sắc, âm thanh, ý tưởng nào đó của cuộc đời mà diễn đạt. Mùa xuân bất diệt là mùa xuân bất sanh. Cái được sanh thì phải diệt, không thể bất diệt. Mùa xuân bất sanh hay bất diệt là mùa xuân không nằm trong bất kỳ trình tự nhân-quả, nhân duyên nào cả. Nó cũng không nằm trong quá khứ, hiện tại hay vị lai. Chợt khi, nghĩ là nằm hay thấy được thì nó đã qua rồi. Thế thì có chăng một mùa xuân trường cửu, bất diệt trên thế gian này? Nó nằm trong hay nằm ngoài sinh-diệt? Trong sinh-diệt thì không thể bất diệt; mà ngoài sinh-diệt thì làm gì có sinh để mà diệt hay bất diệt? Chỗ uẩn khúc, cùng ảo này đã được nhiều lần nhắc đến trong Kinh Lăng-già: "Thế gian ly sinh-diệt, do

như hư không hoa." Nói theo ngôn ngữ thường nhật, có nghĩa là thế gian này vốn chẳng dính gì đến chuyện sinh-diệt; không làm gì có chuyện sinh-diệt cả, vì sinh-diệt cũng chỉ như hoa đốm giữa hư không mà thôi.

Thế nhưng, tất cả mọi sự mọi vật đều đã trình hiện trong duyên sinh, duyên khởi; và thế gian vẫn muôn đời trôi chảy trong dòng biến diệt, vô thường, trong những nỗi thống khổ, bi thiết, và những hạnh phúc, hỷ lạc của con người và chúng sinh. Chỉ khi nào nhà đạo nhìn sâu vào căn nguyên khởi sinh vạn pháp, mới có thể nhìn thấy loáng thoáng vẻ ảnh hiện tròn đầy của cái thường tại, tạm gọi là mùa xuân bất diệt—cái mà Thiền sư Huệ Năng từng nói: "Niệm trước chưa qua, niệm sau chưa đến," ngay nơi khoảnh khắc ấy, bộ mặt thực của Chứa Xuân hiển hiện (1). Mới hay, mùa xuân bất diệt ở ngay trong lòng sinh-diệt, chứ không ở đâu xa. Và rồi, lại xin vay mượn thơ và hình ảnh của Trần Nhân Tông (2): sau giấc ngủ cát tường không mộng寐, mở toang hai cánh cửa sổ (mê-ngộ, tử-sinh), mới hay mùa xuân đã về rồi. Ngoài vườn kia, một đôi bướm trắng (sinh-diệt) vô cánh vờn bên hoa.

*Chung trà cuối năm uống qua ngày đầu năm.
Sương lạnh buổi sớm len vào cửa sổ. Trầm hương
lặng dâng quỳn nơi thư phòng. Lá phong đã rụng
hết ngày tàn đông. Xác lá đỏ thắm, trải một lớp
trên thảm cỏ xanh. Và trên cành khô, những nụ
non bắt đầu đâm chồi, chờ đón mùa xuân mới.*

(1) *Đông hoàng diện*: Mặt Chứa Xuân, trong câu "Như kim khám phá đông hoàng diện" (Ngày nay đã khám phá bộ mặt của Chứa Xuân) – Thơ của Trần Nhân Tông, bài Xuân Vãn.

(2) **Xuân hiểu**

Thụy khởi khai song phi,
Bất tri xuân dĩ quy.
Nhất song bạch hồ điệp,
Phách phách sấn hoa phi.
(Trần Nhân Tông)

Tạm dịch thoát:

Xuân sớm

Thức dậy mở hai cánh cửa,
Không ngờ xuân đã chạn hòa.
Bướm trắng một đôi, vô cánh
Phần phật bay đến với hoa.

MÙA XUÂN VĨNH CỬU CỦA TRÍ HUỆ TỪ BI

Nguyễn Thế Đăng

Trong mùa xuân, thiên nhiên tự làm mới lại, con người cũng tự làm mới lại thân tâm mình, mọi vật đều cố gắng chuyển hóa thành mới, trong sạch, thanh tịnh. Đạt đến sự thanh tịnh, trong mát, không phiền não nhiễm ô, bình an và hạnh phúc, đó phải chăng là ước mơ và hành động, dầu vô ý thức, của tất cả một đời người?

Kinh Đại Bát Nhã nhiều lần nói sắc, tức là sự vật, vốn là thanh tịnh:

"Sắc thanh tịnh tức là trí huệ ba la mật thanh tịnh" (phẩm Tín hủy) "Tất cả pháp thanh tịnh nên thanh tịnh này thanh tịnh" (phẩm Thán tịnh). "Tất cả các pháp bản tánh thanh tịnh. Ở trong các pháp đó, nếu Bồ tát tâm thông đạt chẳng mê mờ, đó chính là Trí huệ Bát nhã ba la mật" (phẩm Thông đạt).

Sắc hay sự vật thanh tịnh là đang thanh tịnh, chứ không phải đã thanh tịnh hay sẽ thanh tịnh. Vì *"Hoặc có Phật hay không có Phật, những pháp tướng này luôn luôn thường trụ không khác, vì pháp tướng, pháp trụ, pháp vị thường trụ chẳng sai chẳng mất vậy" (phẩm Vô tác).*

Tâm thanh tịnh thì thấy tất cả đều thanh tịnh, như Kinh Duy Ma Cật nói: *"Tùy tâm mình thanh tịnh thì thấy cõi Phật thanh tịnh" (phẩm Nước Phật).* Thật ra bản tánh của tâm thức chính là trí huệ Bát nhã, thường chiếu sáng tất cả pháp khiến tất cả pháp hiển lộ thật tướng thanh tịnh của chúng:

"Trí huệ ba la mật hay chiếu sáng tất cả pháp, vì rốt ráo thanh tịnh vậy" (phẩm Chiếu minh).

Bản tánh của tâm thức vốn là trí huệ Bát nhã, vốn là thanh tịnh, vô lậu, không từng có nhiễm ô:

"Tâm phàm phu cũng là vô lậu, chẳng bị dính lắm, trói buộc, vì là tánh Không vậy. Tâm Thanh Văn, tâm Độc giác Phật, tâm chư Phật cũng là vô lậu, chẳng bị dính lắm, trói buộc, vì là tánh Không vậy.

Sắc cũng là vô lậu, chẳng bị dính lắm, trói buộc, vì là tánh Không vậy" (phẩm Đoạn các

kiến).

Tâm và cảnh đều vô lậu, chẳng bị dính lắm trói buộc, nên vốn là thanh tịnh. Tin và sống được điều này thì đây là đời sống chân thật, tự do và an vui.

Sắc hay sự vật vốn là thanh tịnh, do đó được gọi là Như:

"Sắc là tướng Như, Bát nhã ba la mật là tướng Như: Như duy nhất, không hai, không khác. Nhẫn đến nhất thiết chủng trí là tướng Như, Bát nhã ba la mật là tướng Như: Như duy nhất, không hai không khác" (phẩm Xu hướng Nhất thiết trí).

"Vì các pháp rốt ráo thanh tịnh, các pháp là tướng Như" (phẩm Đại Như).

Trong mùa xuân của trí huệ Bát nhã, tất cả đều thanh tịnh, đều Như.

Cuộc chiến chống lại phiền não sanh tử, cuộc chiến để thoát khỏi khổ đau đã dứt bặt. Tất cả đều một màu bình tịnh của một mùa xuân không có bắt đầu nên cũng không chấm dứt.

Sắc hay sự vật cũng chính là tự do giải thoát, vì vô biên, vô lượng: *"Vì sắc*

là Không, vì thọ tướng hành thức là Không nên vô số, vô lượng, vô biên. Các pháp là Không nên vô tận, vô số, vô lượng, vô biên" (phẩm Thâm áo).

Một sắc là vô tận, vô lượng, vô biên nên mở ra thu nhiếp toàn bộ vũ trụ. Trong mùa xuân Bát nhã này, một đóa hoa bao gồm toàn bộ vũ trụ, và toàn bộ vũ trụ phản chiếu trong một đóa hoa.

Trong cái thấy của trí huệ tánh Không, không những thế giới sự vật vô tình là thanh tịnh, mà thế giới chúng sanh hữu tình cũng thanh tịnh, vì tất cả phiền não đều vô tự tánh:

"Vì bốn lai chúng sanh thường thanh tịnh vậy. Nay Kiều Thi Ca! Do nhân duyên này, vì chúng sanh vô biên nên biết Bát nhã ba la mật cũng vô biên" (phẩm Tán hoa).

Trong trí huệ Bát nhã, không những không gian thanh tịnh mà thời gian cũng thanh tịnh:

"Này Tu Bồ Đề! Vì quá khứ thanh tịnh nên vị lai và hiện tại thanh tịnh. Vì vị lai thanh tịnh nên quá khứ và hiện tại thanh tịnh. Vì hiện tại



thanh tịnh nên quá khứ và vị lai thanh tịnh.

Tại sao thế? Vì hiện tại thanh tịnh cùng với quá khứ và vị lai thanh tịnh không hai không khác, không dứt không hoại vậy” (phẩm Tín hủy).

Tất cả các pháp đều thanh tịnh, thanh tịnh cho đến rốt ráo chẳng sanh chẳng diệt, chẳng dơ chẳng sạch, chẳng tăng chẳng giảm:

“Đức Phật nói: Này Tu Bồ Đề! Vì sắc thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh. Vì thọ tướng hành thức thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật thanh tịnh. Này Tu Bồ Đề! Nếu sắc chẳng sanh chẳng diệt, chẳng dơ chẳng sạch thì gọi là sắc thanh tịnh” (phẩm Vô tác).

Trong mùa xuân trí huệ Bát nhã, mọi vật đều sáng sạch, mở rộng đến vô biên, nghĩa là tự do vô biên, nhưng trong ấy không phải rỗng không một cách vô cơ, vô tình mà có tình thương nhuần thấm, bao bọc khắp, liên kết mọi sự với nhau. Một mùa xuân ấm áp, chan hòa nắng ấm. Trí huệ luôn luôn đi liền với từ bi, trí huệ chính là từ bi.

“Do nhân duyên này nên nói rằng Đại thừa đồng đẳng với hư không cũng dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sanh” (phẩm Đăng Không).

Sự dung thọ tất cả chúng sanh của tánh Không chính là từ bi, và cả hỷ xả, tức là Bốn tâm vô lượng. Thế nên thực hành Đại thừa là thực hành trí huệ tánh Không cùng với từ bi:

“Ngài Tu Bồ Đề nói: Này ngài Xá Lợi Phất! Tôi muốn khiến Đại Bồ tát thực hành Bồ tát đạo chẳng rời niệm này: chính là niệm đại bi.

Bấy giờ Đức Phật khen: Lành thay, lành thay! Đây chính là trí huệ Bát nhã của Đại Bồ tát. Ai muốn nói thì phải nói như vậy. Tu Bồ Đề nói về Bát nhã ba la mật đều là tuân theo ý của Phật. Đại Bồ tát học Bát nhã ba la mật phải học như lời Tu Bồ Đề nói” (phẩm Vô sanh).

Trí huệ và từ bi là hai yếu tố căn bản của nền tảng Đại thừa. Chúng ta luôn luôn sống trong mùa xuân vĩnh cửu của trí huệ và từ bi ấy, dù có ý thức hay không, nhiều hay ít. Kho tàng thanh tịnh, tự do và ấm áp này là có sẵn, và chúng ta luôn luôn sống trong kho tàng ấy:

“Bát nhã ba la mật là kho thanh tịnh. Vì sắc thanh tịnh nên Bát nhã ba la mật là kho thanh tịnh” (phẩm Kinh nhĩ văn tri).

Phật Di Lặc Từ Thị là người sống trọn vẹn trong kho thanh tịnh ấy, nên ngài luôn luôn cười, nụ cười hỷ xả, tượng trưng cho mùa xuân bất tuyệt.

Trước khi nói Kinh Đại Bát nhã, trong phẩm đầu tiên, chúng ta thấy Đức Thích Ca cũng hiển lộ mùa xuân trí huệ và từ bi ấy:

“Tất cả lỗ chân lông khắp thân của

tho



TẾT ĐÌNH DẬU

Tết đi tết đến đã bao lần,
Chông chất tuổi đời khổ cái thân,
Đình Dậu trở về thêm tàn sức,
Bính Thân tạm biệt lại yếu chân.

Tọa thiền bái sám lưng nhức mỏi,
Niệm Phật trì kinh căng tê dần.
Vũ trụ xoay vần không ngừng nghỉ,
Thu tàn đông đến lại sang xuân.

Sang xuân thử nghiệm cuộc thế coi,
Đám đá vờ nhau chực năm trời,
Đứa lớn u đầu, tâm bệnh hoạn,
Nhóc con gãy cẳng, trí thụt lùi.

Sức tàn lực tận đòi gánh núi,
Trí thiên ý cùn muốn úp voi.
Vẽ rắn thêm chân coi cũng chán,
Mừng xuân Đình Dậu chẳng gì vui?!

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

(Mạnh xuân Đình dậu, mồng Ba tết khai bút)

Phật cũng đều mỉm cười, phóng ánh sáng chiếu khắp cõi Đại thiên suốt đến hằng sa thế giới ở mười phương” (phẩm Tự).

Kinh dạy chúng ta phải biết “hộ trì, an trụ trong Bát nhã ba la mật” (phẩm Kiên cố). Dầu chỉ một ngày, dầu chỉ một niệm, “có thể làm, có thể học đúng như lời, quan sát đúng như trong Bát nhã ba la mật, siêng năng tinh tấn đầy đủ thì lúc phát khởi một niệm sẽ được vô lượng vô biên vô số phước đức” (phẩm Thâm áo).

Nói theo đời thường, chỉ một niệm, chỉ một ngày sống trong kho tàng mùa xuân Bát nhã cũng đủ mãn nguyện cho cả một đời người.

Con Gà và BI – TRÍ – DŨNG

HUỆ TRÂN

Tôi phải xin thưa ngay một cách rất nghiêm túc là tựa đề bài viết không hề dám có ý đùa cợt khi nói về Bi Trí Dũng mà lại có con gà đứng bên cạnh.

Thưa, gợi ý này là từ một vị giảng sư, trước khi thầy nói vào đề tài chính của bài giảng. Thầy gợi ý rằng khi gà mẹ nằm ấp nhiều ngày thì tình thương con đã nảy nở dù khi đó vẫn mới chỉ là những cái trứng. Vì tình thương đã sẵn nên khi trứng nở ra gà con thì gà mẹ ôm lấy ngay, nhận ra ngay sự gắn bó với đàn con. Tình thương đó là Bi.

Sau đó, gà mẹ không hề rời đàn con. Nó rất thực tế, lập tức dẫn đàn con đi quan sát, đào bới những nơi đất mềm, ẩm thấp để tìm lương thực là giun, trùng, sâu bọ... Đó là nó đang dùng Trí mà dạy con và nuôi con.

Khi cảm thấy có gì hiểm nguy, gà mẹ không hề ngần ngại hay chậm trễ mà ngay tức khắc, dũng cảm xông tới đối tượng, giương cựa, xòe cánh, bảo vệ đàn con. Đó là Dũng.

Một con gà phát triển tự nhiên đều hội đủ ba điểm son Bi Trí Dũng như thế.



Ngay buổi giảng hôm đó, tôi biết mình đã không chú tâm hoàn toàn vào đề tài chính mà lại để tâm vướng mắc vào "dăm phút nói chuyện vui" mở đầu của thầy!

Tôi tự biện minh rằng, khai triển dăm phút này cũng là một bài học quan trọng lắm chứ! Ít nhất là quan trọng đối với tôi khi tôi tự vấn rằng nếu người không có đủ Bi Trí Dũng, e rằng người đã thua... con gà!

Tự vấn như thế, tôi có câu trả lời ngay cho mình.

Tôi đã thua con gà.

Vâng, tôi đã thua con gà. Tôi rất thành thật mà nhận như thế. Chỉ kiểm điểm đơn giản thôi, tôi đã thấy thế này:

Ăn chay giúp tôi giữ được tâm Bi vì không còn sát hại sinh vật để chiên xào nấu nướng, nhưng trong đời sống hàng ngày tôi vẫn vô tình dẫm đạp kiến, vô tình giết trùng khi trồng cây, nhổ cỏ, vẫn vô tình đánh muỗi khi bị đốt... Những sự vô tình này, nếu thực có tâm Bi, tôi có thể tránh được bằng cách cẩn trọng hơn.

Giúp người hoạn nạn tôi cũng thường giúp nhưng dường như tôi chỉ giúp khi khả năng đang sẵn có. Giúp như thế còn dễ dàng quá, nhẹ nhàng quá, chưa thể đủ là tâm Bi khi nhớ chuyện tiền thân, Đức Phật từng xả thân nuôi còp đối, chư Bồ Tát nguyện vào chốn nguy nan cứu người.

Về Trí, được làm con Như Lai, khoác áo Như Lai thì phải đi trên đường Như Lai. Muốn vững bước trên đường Như Lai thì phải vận dụng trí tuệ, luôn học hỏi để quán triệt giáo pháp mới có thể ứng dụng vào căn cơ của mình.

Tôi thú nhận vẫn còn nhiều lười biếng. Sự lười biếng này sẽ tác hại gấp bội nếu được hỗ trợ thêm lòng tham lam. Tham đây không phải tham những thứ đời-thường mà tham biết nhiều thứ cùng lúc. Như đang học *Kinh Thắng Man*, loay hoay mãi phần Như-Lai-Tạng, đối với tôi, không dễ thông qua, bèn "giải đãi nghỉ mệt" bằng cách mở cuốn *Kinh Bốn Mươi Hai Chương*, đã được diễn giải để mong đỡ phải vận dụng suy nghĩ. Nhưng mới mấy trang đầu đã gặp ngay đoạn:

"*Xuất gia Sa-môn giả, đoạn dục khứ ái, thức tự tâm nguyện. Đạt Phật thâm lý, ngộ vô vi pháp. Nội vô sở đắc, ngoại vô sở cầu. Tâm bất hệ đạo, diệc bất kiết nghiệp. Vô niệm vô*

tác, phi tu phi chứng. Bất lịch chư vị, nhi sự sùng tối. Danh chi vi đạo."

Nội dung lời Phật dạy tỏ như ánh sáng mặt trời, mặt trăng nhưng cũng cứng rắn như ngọn roi của người nài, buộc lửa, ngựa phải rảo bước và bước cho đúng đường.

Người đã tự nguyện cắt bỏ ái dục mà xuất gia làm sa-môn, phải biết được nguồn tâm của mình, phải thận trọng học hỏi kỹ càng mới đạt được nghĩa ý thâm sâu của pháp. Muốn thế, phải học bằng tâm khoáng đạt, trong không sở đắc, ngoài không mong cầu, không ràng buộc tâm vào đạo mà phải làm sao để đạo thấm vào tâm khiến không tạo nghiệp. Không cầu quả vị mà vẫn tự chứng nghiệm qua sự nhiệt tâm học hỏi. Đó gọi là đạo.

Qua đoạn này, và hiểu đơn giản như thế, tôi vội vàng gấp cuốn *Kinh Bốn Mươi Hai Chương*, trở lại *Kinh Thắng Man*, phần Như-Lai-Tạng để nương theo lời chỉ dạy trên, bình tĩnh đọc từng chữ, từng giòong chưa hiểu, ghi xuống, tra cứu và may mắn thay, tôi vỡ lẽ ra đoạn Thắng Man phụ nhân bạch Phật:

"... Như-Lai-Tạng với tự tánh thanh tịnh này, tuy bị ô nhiễm bởi phiền não khách trần và phiền não hiện khởi, nhưng vẫn là cảnh giới bất tư nghị của Như Lai. Vì sao? Thiên tâm sát-na không phải là bị ô nhiễm bởi phiền não. Bất thiên tâm sát-na cũng không phải là bị ô nhiễm bởi phiền não. Phiền não không xúc tâm; tâm không xúc phiền não, vậy đâu có thể pháp không xúc mà có thể nhiễm ô tâm được..." (*)

Đó, tôi thường có những lúc vô trí, để sự giải đãi và tham lam chi phối, khiến nhiều lúc sự học tập cứ dở dang này tiếp nối dở dang kia!

Về tâm Dũng thì tôi thường được dạy rằng, là người xuất gia, phải cương cố giữ giới luật, hành trì đúng pháp, đạt hạnh vô úy để nói ngay, nói thật những khi cần nói ngay, nói thật, mang lại an vui hạnh phúc lợi người, dù điều đó có tổn thương mình. Tâm Dũng cũng còn nhắc nhở người xuất gia phải thắng mọi cám dỗ của ái dục lạc vô thường thế gian.

Nhìn lại mình, tôi xin tự nhận là tôi chưa đủ Dũng. Thắng những cám dỗ thế gian, đối với tôi tương đối đã dễ, nhưng giữ giới luật và hành trì đúng pháp thì đôi khi vẫn phạm, vì lơ là, vì vô ý mới sanh ra thiếu nghiêm túc; trong khi nói ngay nói thật thì nhiều lúc lại "Ngay quá! Thật quá!" Cái Dũng này mà thiếu Trí thì có thể chỉ chuốc lấy phiền não cho mình và cho người!

Luẩn quẩn tự xét mình về Bi Trí Dũng như thế, tôi thấy tôi thua con gà! Nhận thua rồi, tôi bỗng nhớ một câu chuyện vui khác, cũng có con gà góp phần.

Đó là chuyện một anh chàng bị bệnh tâm thần, cứ nghĩ mình là hạt bắp nên hề thấy gà ở đâu là anh hốt hoảng, chạy chối chết vì sợ gà sẽ... mổ hạt bắp.

Anh được một bác sỹ tận tâm chữa trị,

kiên nhẫn ngồi với anh hàng giờ để giải thích và chứng minh cho anh biết, anh là người, chứ không phải hạt bắp. Nếu con gà thấy anh thì con gà phải sợ mà chạy, chứ không phải anh chạy.

Nhiều tháng liên tục, không phải uống thuốc thang gì, mà bác sỹ chỉ bắt anh nói có một câu "*Tôi là người. Tôi không phải hạt bắp.*"

Bệnh nhân ngoan ngoãn tuân lời, chỉ trừ khi ngủ, lúc ăn, thì giờ còn lại, anh như người thành tâm, siêng năng tụng chú "*Tôi là người. Tôi không phải hạt bắp.*" Giọng nói của anh mỗi ngày mỗi tự tin, hùng dũng, nên một hôm, bác sỹ muốn chứng nghiệm kết quả bền cùng đi ra sân với anh sau khi đã thả vào sân một con gà.

Hỡi ơi, vừa thấy con gà, anh chàng run rẩy, mặt mũi xanh rờn và lại cầm cổ chạy. Bác sỹ giận quá, túm anh lại và quát:

- Anh là người! Anh không phải hạt bắp, sao thấy gà lại chạy?

Anh ta vừa run, vừa chấp tay lạy bác sỹ:

- Vâng, tôi biết tôi là người, tôi không phải hạt bắp. Nhưng con gà nó có biết vậy không, lỡ nó chỉ biết tôi là hạt bắp mà mổ, mà nuốt tôi thì sao?

Câu chuyện này, với những liên tưởng của tôi về con gà và Bi, Trí, Dũng, đã khởi chút hoài nghi về trí của gà. Nếu gà thực có trí và thừa sức đánh bại tôi, sao lại có những con gà nuốt giấy thun mà mất mạng? Khi ấy, chắc gà đã nhìn lầm giấy thun là sâu, là trùng chẳng?

Những nghĩ lằm, thấy lằm, tác hại vô song, chẳng trừ là với người hay vật, nên trong Bát Chánh Đạo, chánh-tư-duy đứng ngay sau chánh-kiến.

Tuy đứng sau, nhưng với tôi, cái suy nghĩ chủ động cái nhận thức. Suy nghĩ sai mới đưa tới nhận thức sai rồi hành động sai. Con gà sẽ không nuốt sợi giấy thun nếu nó không nghĩ đó là con trùng, là thực phẩm.

Nên điều căn bản trong Đạo Phật là Trí Tuệ. Chẳng thế mà hàng chữ "Duy Tuệ Thị Nghiệp" thường thấy ghi ở nơi trang trọng, trong hầu hết những Già Lam tự viện.

Dăm phút lăm bàn, cảm thấy hồ then, tôi tự nhủ, phải thắng con gà, ít nhất ở điểm Trí này.

Nếu không, thà là hạt bắp, còn cho gà được một bữa no lòng!

Huệ Trân
(Độc Cư Am, buổi giao mùa)

(*) *Thắng Man giảng luận – TT. Thích Tuệ Sỹ*

PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRƯỚC NỖI ĐAU CỦA DÂN TỘC

Thích Đức Trí



Phật giáo Việt Nam đã thể hiện tinh thần đồng hành với dân tộc qua nhiều thời đại. Các Tăng sĩ Việt Nam đã từng thấm thấu nỗi khổ của nhân dân dưới ách thống trị giặc ngoại xâm và đã hết lòng giúp vua giữ nước. Ở đây, chúng ta trở về những hình ảnh tiêu biểu Phật Giáo Đinh, Lê, Lý, Trần để thẩm định tinh thần đạo Phật trong vận mệnh đất nước lâm nguy. Tư tưởng và hành trạng các thiền sư giúp vua giữ nước, an dân là bài học cao quý. Chúng ta cần lắng lòng quán chiếu sâu sắc nỗi khổ của người dân trong hiện tại để có thái độ sống yêu thương và hiểu biết của người con Việt.

Trước hết, nói về tính chủ quyền quốc gia, Việt Nam là một quốc gia độc lập, dù ngàn năm đô hộ của giặc Tàu nhưng tổ tiên chúng ta cũng từng xả thân bảo vệ để giữ gìn non sông xã tắc. Đối trước một quốc gia đông dân số mạnh như Trung Quốc, nhưng nhiều lần bị thất bại trước tinh thần đấu tranh bảo vệ lãnh thổ của người dân Việt. Tư tưởng chủ đạo vượt qua mọi thế thống trị đó là tinh thần yêu nước và sức mạnh hòa hợp ý chí toàn dân. Vua hay chính quyền lãnh đạo cũng vì quyền lợi thiết thực của người dân để thi hành mọi lĩnh vực bao gồm đạo đức, chính trị, văn hóa, kinh tế, an ninh quốc phòng... Một xã hội tốt đẹp là đáp ứng nguyện vọng mưu cầu hạnh phúc của người dân. Chính vì quyền lợi chung cho dân tộc mà tạo được niềm tin quần chúng, ý chí toàn dân là sự tổng hợp sức mạnh lớn nhất để quyết định tồn vong của đất nước trước nạn ngoại xâm. Đức Phật dạy rõ trong kinh Tăng Chi về bảy pháp gồm bảy điều kiện để một quốc gia hưng thịnh. Trong pháp ấy, nhấn mạnh tinh thần: Hòa hợp, tôn trọng dân chủ, dân quyền, xây dựng luật pháp nhân bản, tôn trọng quyền sống, quyền bình đẳng, tôn trọng các bậc hiền trí trong đời. (Xem *Kinh Tăng Chi Bộ*-Phẩm Vajji, HT. Thích Minh Châu dịch). Khi dân chúng ở Vajji thực hành bảy pháp để tổ chức sức mạnh một quốc gia cho nên vua A Xà Thế không dám dùng âm mưu đánh chiếm mà phải chịu rút lui. Phật giáo Nguyên Thủy đã sớm có tư tưởng hộ quốc an dân theo tinh thần Phật dạy. Các kinh điển Đại thừa phát triển mà các thiền sư ứng dụng phong phú hơn, như *Kinh Kim Cang*, *Bát Nhã*, quan điểm: Tất cả

pháp là Phật Pháp (*Nhất thiết pháp giai thị Phật Pháp*). Tinh thần từ bi vô ngã là thể nhập vào xã hội để bảo hộ đời sống hòa bình nhân loại, là tư tưởng chủ đạo dẫn thân giúp đời.

Vua Đinh Tiên Hoàng (924-979), có công dẹp loạn 12 sứ quân, nội loạn này cũng có nguyên nhân từ việc giặc Tàu gieo rắc từ trước. Nhà vua chính thức mời thiền sư Khuông Việt nhậm chức Tăng Thống, cổ vũ hành chính cho triều đình. Thiền sư cũng giúp Vua Lê Đại Hành trong công tác chính trị và ngoại giao. Điều mà các nhà lãnh đạo quốc gia ngày nay cần quan tâm, dùng đạo đức cảm hóa nhân dân, thương dân mới giữ vững đất nước. Lòng dân mến thuận thì mọi thế lực ngoại xâm không còn có chỗ dựa để thôn tín, đồng hóa hay chiếm đoạt đất nước.

Vua Lê Đại Hành (980-1005), vị vua thời tiền Lê, có công chống giặc Tống phương bắc, dẹp quân Chiêm Thành phương nam để củng cố đất nước Đại Cồ Việt. Khi Vua hỏi thiền sư Đỗ Thuận (914-990) về vận nước, thiền sư đã trả lời như sau: "*Vận nước như dây quần. Trời Nam ôm thái bình. Đạo đức ngự cung điện. Muôn xứ hết đao binh*" (1) (Quốc tộ như đằng lạc. Nam thiên lý thái bình. Vô Vi cư điện các. Xứ xứ hết đao binh). Bài: *Vận Nước* (Quốc Tộ), được xem như bản tuyên ngôn hòa bình của dân tộc Việt Nam. Vua được xem là thiên tử, người lãnh đạo muôn dân trăm họ, trong tổ chức pháp quyền phong kiến, Vua đứng trên cả thầy và cha mẹ, với tư tưởng "Quân-Sư-Phụ." Toàn dân ví như mây quần lại, hướng về Vua lãnh đạo, vua và dân cùng lý tưởng sống vì dân tộc thì quốc gia hùng mạnh, thanh bình.

Thời vua Lý Thái Tổ, tức Lý Công Uẩn, vị vua đầu tiên sáng lập triều đại nhà Lý. Vị Vua anh minh này được thiền sư Vạn Hạnh (938-1025) đào tạo ngay thuở bé và cùng triều thần lập ngôi vua. Thiền sư Vạn Hạnh đã từng cố vấn cho vua Lê Đại Hành đánh Tống, thống nhiếp quân Chiêm Thành. Thiền sư năng động, học rộng hiểu nhiều, làm việc đại sự giúp vua bình trị đất nước với lòng bi mẫn của hạnh Bồ Tát. Thiền sư ra đi đã để lại cho hậu thế những lời dạy cao quý của bậc thầy đạt lẽ có không và thịnh suy ở đời: "*Thân như bóng chớp chiều tà. Cổ xuân tươi tốt thu qua rụng rời. Sá chi suy*



thịnh việc đời. Thịnh suy như hạt sương rơi đầu cành.” (2) (Thân như điện ảnh hữu hoàn vô. Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô. Nhậm vận thịnh suy vô bố úy. Thịnh suy như lộ thảo đầu phò). Các nhà sư xem thân như huyễn, dẫn thân cõi đời như huyễn để cứu khổ ban vui.

Trần Thái Tông (1218-1277) là vị vua đầu tiên của thời đại nhà trần, văn võ song toàn, cũng là một thiền sư lỗi lạc, mang tinh thần nhập thế. Năm 1258, đích thân nhà vua đã đích thân lãnh đạo quân đội đánh bại quân Nguyên Mông ra khỏi đất nước. Ông vận dụng tư tưởng: *“Lấy tâm thiên hạ làm tâm của mình”* (Dĩ chúng tâm vi kỷ tâm). Tư tưởng Thái Tông trong vai trò lãnh đạo quốc gia, phát huy đạo lý giải thoát trong mọi hoàn cảnh, làm nền tảng cho hình thành phái thiền Trúc Lâm sau này. Thời đại Nhà Trần với các vị vua kế tiếp đều đem hết sức mình cứu nước, cứu dân, đó là niềm tự hào muôn đời cho thế hệ người Việt Nam.

Ngày nay, đất nước chúng ta đang bị quân Trung Quốc lấn chiếm biển đảo, chiếm dụng đất đai biên giới và hình thức đồng hóa qua các hợp đồng lãnh thổ xây dựng khu dân cư trong lòng đất Việt. Đằng sau quan hệ kinh tế là nạn đe dọa về môi trường sinh thái, nguồn tài nguyên thực phẩm cũng bị nhiễm độc. Vô số món hàng giả, thực phẩm giả đã ồ ạt xâm chiếm thị trường Việt Nam, người dân đang chịu cảnh sống lo âu và bế tắc. Sự phân hóa rõ rệt trong mọi tầng lớp người dân, một dân tộc hiện tại không còn tự tin về chủ quyền dân tộc thì tương lai đất nước sẽ đi về đâu? Vậy bài học vì dân vì nước mà dân thân bảo vệ là sức mạnh thiêng liêng vốn có ngàn đời của dân tộc Việt Nam, nếu bỏ dân sẽ mất nước. Ngay trong tiếng nói trung thực để đòi quyền sống người dân hôm nay là thông điệp định hướng cho hành động cứu nguy dân tộc. Đáng lý xem đó là sự nỗ lực đáng khích lệ thay vì đàn áp và ngược đãi.

Hãy hướng về truyền thống cao thượng của tổ tiên, của các bậc anh hùng ái quốc để sống có trách nhiệm với dân tộc. Hãy thương dân, hãy quý dân, hãy vì dân, hãy đồng cảm với nỗi khổ của dân, hãy đồng hành với dân. Không phân biệt tôn giáo, địa vị, ai là người con dân Việt, người có lương tri và ân nghĩa hãy tự nhận thức trước thảm họa giặc Tàu trên đất Việt. Mọi người dân vô tội như đàn cá nôt

trong chảo lớn khi lò lửa nung nóng và cơn đau quần quai sẽ diễn ra trong vài giây phút sau đó. Dân tộc chúng ta trước thảm họa xâm lược của Trung Quốc hôm nay cũng như thế.

Trong giáo lý Tứ đế, bốn chân lý chắc thực trên hai phương diện chân đế và tục đế thuyết minh cho đạo đức giải thoát trong hiện thực nhân sinh. Truy tìm nguyên nhân khổ đau để loại bỏ là phương pháp nhất quán cho lập trường Phật giáo trong xã hội hiện tại. Một nhà lãnh đạo, một chủ thuyết mù quáng mới chọn lựa con đường xâm lấn, cướp giết để xây dựng hạnh phúc cho dân tộc, cho đất nước là điều không thể có được. Sự đàn áp, sự che đậy nỗi đau, nỗi khổ của dân là hành động mê hèn vô lương tâm tiếp tay nối giáo cho giặc, nhấn chìm tổ quốc trong lửa than và trong niềm tủi nhục là tội bán nước hại dân.

Người dân là bảo vật của đất nước, người dân cùng khổ đáng được bảo bọc và che chở trước mọi chướng nạn cuộc đời. Tiếng kêu thương của dân là tiếng gọi của hồn thiêng sông núi nhắc nhở mọi người dân Việt có lương tâm nòi giống hãy vươn lên trước mọi cường quyền ngang trái để giữ gìn đất nước tổ tiên lâu đời gây dựng và bảo vệ. Đất nước thực sự độc lập và tự do là chiếc nôi kỳ diệu nuôi lớn mọi thế hệ con cháu chúng ta hôm nay và muôn đời./.

Thích Đức Trí

- 1) Bài Quốc Tộ-Thiền Sư Đỗ Thuận, Nguyễn Lang dịch, *Việt Nam Phật giáo Sử luận I*, NXB. Lá Bối, in lần thứ 1, S, 1973
- 2) Vạn Hạnh Thiền Sư “Thị Độ Tử”, HT. Thích Mật Thể dịch.



XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH

Sa môn Thích Thắng Hoan

(tiếp theo)

3)- Hướng Dẫn Con Cái Về Đạo Đức Và Hiếu Hạnh:

Đạo đức là nền tảng căn bản của con người và hiếu hạnh là điều kiện hàng đầu trong nếp sống làm người. Những đứa trẻ sanh ra theo luật nhân quả của Phật Giáo là kết quả sơ khởi với dạng vô ký (không phải thiện mà cũng không phải ác) của những nghiệp nhân kiếp trước có quan hệ trực tiếp với cha mẹ, nghĩa là những nghiệp nhân thiện ác chứa đầy trong tâm của nó chờ gặp duyên xuất hiện để thọ nhận quả báo tốt hay xấu trong cuộc đời nó. Có thuyết cho rằng đứa bé sanh ra thuộc về bản tánh thiện và có thuyết cho rằng đứa bé sanh ra thuộc về bản tánh ác. Đứa bé sanh ra nếu là bản tánh thiện thì không thể trở thành người tội lỗi xấu ác được; còn đứa bé sanh ra nếu là bản tánh ác thì không thể trở thành người hiền lương đạo đức được. Theo Phật Giáo, đứa bé sanh ra thuộc về bản tánh vô ký là bản tánh không phải thiện và bản tánh không phải ác, nghĩa là nó sống gần những điều thiện thì trở thành người hiền lương đạo đức và nó sống gần những điều ác thì trở thành người xấu xa tội lỗi. Những đứa bé mới sanh ra thuộc dạng vô ký, nghĩa là những nghiệp thiện ác của kiếp trước hiện đầy dẫy trong tâm thức của chúng nhưng chưa có đủ duyên xuất hiện để tạo lấy quả báo an vui hay khổ đau cho cuộc đời của chúng đúng với châm ngôn: "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng." Cũng vì lý do đó, bậc làm cha mẹ cần phải hướng dẫn con cái xây dựng đạo đức làm người, tránh xa những điều xấu ác và làm những điều lành, giữ tâm cho thanh tịnh. Những nguyên tắc hướng dẫn con cái về đạo đức và hiếu hạnh như:

a)- Về Đạo đức:

*)- Lúc nó còn trẻ thơ, cha mẹ phải tập cho con cái biết xưng hô dạ thưa, biết vâng lời, biết chào hỏi khi khách đến nhà,

không được lấy mắt ngó rồi bỏ đi hoặc không được nói năng vô lễ.

*)- Tập cho con cái biết làm việc thiện, biết bố thí, biết giúp đỡ người già yếu, bệnh tật, v.v...

*)- Chỉ dạy cho chúng biết kính trên nhường dưới, biết thương yêu anh em bà con dòng họ, v.v...

*)- Nếu cha mẹ đạo Phật, dẫn chúng đi chùa lễ Phật, hợp đoàn bạn đạo với lứa tuổi của chúng và còn các đức hạnh khác của đạo Phật như mình muốn cúng dường cho Tam Bảo nên đưa tiền bảo chúng nó bỏ vào thùng phước sượng, mình đốt hương lễ Phật đưa chúng nó mỗi đứa một cây và giúp chúng nó cắm lên lư hương trên bàn Phật, mình lạy Phật và bảo chúng nó lạy theo, v.v... đó là những hình ảnh, những cử chỉ, những hành động uốn nắn chúng nó trở thành thói quen, có thể giúp đạo đức được ăn sâu vào tâm não nơi chúng nó.

b)- Về hiếu hạnh:

Cha mẹ phải hướng dẫn con cái của mình tổ chức ngày lễ Hiếu Hạnh nho nhỏ tại gia đình cũng như ngày lễ Mother day và Father day của nước Mỹ, nhưng tổ chức nội dung phải có chất lượng mà không phải chỉ chú trọng hình thức thiếu giá trị tinh thần, nghĩa là không phải mua một gói quà nho nhỏ và một cái thiệp chúc cha chúc mẹ là đủ. Nếu gia đình đạo Phật, cha mẹ chọn ngày Hội Vu Lan rằm tháng bảy hướng dẫn con cái tổ chức ngày lễ Hiếu Hạnh tại gia đình. Phương thức tổ chức như sau:

· Tối Chủ Nhật, cha mẹ tập trung các con cái lại tại phòng khách trong nhà.

· Trong các cháu, cử một cháu lớn tuổi hơn đứng ra đọc bài văn ngắn chúc tụng công lao cha mẹ bằng tiếng Anh do cha mẹ viết cho cháu, vì tiếng Việt các cháu không hiểu hết nghĩa..

· Một cháu đại diện gần bông hồng cho cha mẹ và cha mẹ gần bông hồng lại cho các cháu.

· Sau đó cha mẹ tặng cho mỗi cháu



một món hòa hỷ Hạnh nho nhỏ cho các cháu.

- Tiếp theo các cháu hợp ca bài hát Bông Hồng, cha mẹ phải dạy trước cho các cháu hát và giải nghĩa bài hát cho các cháu hiểu.

- Đồng thời cùng nhau uống trà và ăn bánh ngọt.

- Sau đó bế mạc, thế là xong buổi lễ Hỷ Hạnh tại nhà.

Các cháu khi lớn lên, ăn tượng Hỷ Hạnh ăn sâu trong tâm hồn của các cháu không bao giờ quên. Đó là một trong những phương pháp giáo dục hạnh hỷ đối với cha mẹ cho tuổi trẻ hữu hiệu không ít. Nhờ đó, các cháu sau này khi lập gia đình biết cách tổ chức lễ Hỷ Hạnh cho con của chúng nó học hỏi theo.

4)- Đừng Chen Lấn Vào Đời Sống Gia Đình Của Con Cái:

Một số không ít, cha mẹ thường hay chen lấn vào đời sống của con cái có gia đình, kiểm soát lối sinh hoạt riêng tư của chúng, bắt chúng phải sống theo lối sống của mình, vô tình làm tổn thương đến đời sống hạnh phúc của lứa đôi. Cha mẹ có những hành động như đã kể trên vô tình đào sâu hố thẳm ngăn cách tình cảm giữa cha mẹ và con cái, nhất là tạo nên thành kiến sâu dầy giữa cha mẹ và dâu rể. Thực tế khi cha mẹ già yếu, con cái không quan tâm đến sự sống chết của cha mẹ mà lúc đó cha mẹ rất cần đến con cái làm chỗ nương tựa lúc tuổi xế chiều. Cha mẹ phải để cho con cái có tinh thần tự lập, có trách nhiệm gánh vác sự nghiệp gia đình riêng tư của chúng nó.

Trước khi lập gia đình, cha mẹ phải huấn luyện con cái cách sống của một gia đình hạnh phúc giữa chồng vợ con cái, biết cách xây dựng sự nghiệp, biết chia sẻ tình cảm, biết nuôi dưỡng con cái, biết giao dịch xã hội, v.v...

Khi con cái đã lập gia đình, cha mẹ không nên chen lấn vào đời sống hạnh phúc riêng tư của chúng. Sự thành bại của gia đình chúng nó để cho chúng nó tự chịu trách nhiệm giải quyết và cha mẹ chỉ đóng vai cố vấn là khi nào chúng nó đến nhờ chỉ dạy, nhưng cha mẹ chỉ trao đổi lợi hại với chúng nó bằng cách ái ngữ để chúng nó không bị mặc cảm khi tiếp nhận, không thành kiến khi bị trách móc.

Phận làm cha mẹ nên luôn luôn nhớ câu: "Kỷ sở bất dục vật thị ư nhơn," nghĩa là những điều mình không thích thì đừng làm cho người khác; mình không muốn cha mẹ chen lấn kiểm soát vào đời sống hạnh phúc riêng tư của mình thì mình cũng đừng chen lấn kiểm soát vào đời sống hạnh phúc riêng tư của con cái.

5)- Không Nên Đem Tôn Giáo Vào Gia Đình:

Theo quan niệm của tôi, phận làm cha mẹ không nên đem tôn giáo vào gia đình mà nên để cho gia đình tự động hướng về tôn giáo, nghĩa là cha mẹ đừng bắt ép con cái dâu rể muốn được cưới vợ lấy chồng trước hết phải vô tôn giáo rồi sau đó mới được tác hợp với nhau.

Cha mẹ bắt ép như thế vô tình làm tổn thương tâm lý của đôi trai gái mới yêu nhau mà chúng nó chưa có khái niệm đức tin về vấn đề tín ngưỡng, nghĩa là chúng nó vì sợ không được yêu nhau nên vẫn làm theo lệnh của cha mẹ, nhưng tâm hồn của chúng nó vẫn âm thầm bất kính và khinh thường sự thánh thiện của tôn giáo đó.

Tôn giáo là một tổ chức thánh thiện và gia đình là một xã hội thể tục, cha mẹ nếu đem tôn giáo vào gia đình thì vô tình hạ thấp giá trị thánh thiện của tôn giáo đó khi chúng nó chưa có đức tin vững chắc. Gia đình hướng về tôn giáo để tu tâm dưỡng tánh thì tôn giáo đó mới có lý tưởng và gia đình đó mới được hạnh phúc.

Gia đình hướng về tôn giáo để tu tâm dưỡng tánh, nghĩa là gia đình đó, đôi trai gái sau khi xây dựng đức tin về tình yêu vững chắc cho nhau, rồi sau đó chúng nó mới tự động hướng về tôn giáo theo đức tin tín ngưỡng sẵn có của mình để cùng nhau bồi dưỡng tâm linh cho việc xây dựng hạnh phúc chân thật.

Gia đình nào, đôi trai gái cùng một tôn giáo thì rất dễ dàng cho việc đem tôn giáo vào gia đình trước khi cưới gả. Còn gia đình, đôi trai gái khác nhau tôn giáo thì đừng ép chúng nó theo đạo trước khi yêu nhau mà chúng nó không có chút đức tin tín ngưỡng nào và cũng không có quyền tự do chọn lựa đức tin tín ngưỡng cho mình.

Phận làm cha mẹ nếu như thật sự thương yêu con dâu hay con rể của mình thì để cho chúng tự do chọn lựa tôn giáo theo sự hiểu biết của chúng nó, đừng chen lấn vào gia đình riêng tư của chúng nó, đừng đem tôn giáo vào khống chế đời sống hạnh phúc lứa đôi của tuổi trẻ. Nếu được như vậy thì gia đình đó hạnh phúc biết bao.

C)- Đối Với Người Thân:

Người thân của chúng ta là cha mẹ ruột và cha mẹ bên chồng cũng như cha mẹ bên vợ. Cha mẹ ruột là những người thân nhất trực tiếp quan tâm, chia sẻ, bao dung không vị kỷ đến đời sống của chúng ta và cũng là cây đại thọ che mát cuộc đời của chúng ta trên cuộc hành trình xây dựng hạnh phúc gia đình; còn cha mẹ bên vợ và bên chồng là những người thân gián tiếp hỗ trợ tinh thần, khuyến khích và hướng dẫn những kinh nghiệm sống an vui cho chúng ta. Chúng ta phận làm con, làm rể, làm dâu đối với cha mẹ hai bên phải biết cảm thông kính trọng.

1)- Phải Tôn Kính Cha Mẹ Hai Bên:

Chúng ta thường có một tâm bệnh ích kỷ riêng tư chỉ biết tôn kính cha mẹ ruột của mình, còn cha mẹ bên vợ hay cha mẹ bên chồng thường tỏ thái độ thiếu lễ nghi cung kính. Người rể cũng như người dâu phải ý niệm rằng: Nếu không có cha mẹ vợ thì làm sao có vợ để mình yêu và nếu không có cha mẹ chồng thì làm sao có chồng để mình thương. Chúng ta kính trọng cha mẹ ruột của mình bao nhiêu thì

cũng phải kính trọng cha mẹ bên chồng và cha mẹ bên vợ bấy nhiêu. Chúng ta nếu như thương yêu vợ của mình thì phải kính trọng cha mẹ bên vợ, chúng ta nếu như thương yêu chồng của mình thì phải kính trọng cha mẹ bên chồng giống như câu Ca Dao nhân gian thường nói: *"Thương chồng phải lụy mẹ già, gấm tôi với mẹ có bà con chi."* Một khi đã sống chung trong một gia đình, chúng ta đừng làm cho chồng của mình hay vợ của mình lương tâm bị tổn thương, bị giày vò bởi dòng họ nguyên rủa cho chồng mình hay vợ mình là đứa con bất hiếu đối với cha mẹ của họ do chính mình gây nên. Mình cứ mãi gây tạo những ấn tượng cho chồng của mình hay cho vợ của mình bị mang tiếng là đứa con bất hiếu nói trên nội kết lâu ngày vào tâm khảm sẽ đưa đến tình trạng hạnh phúc gia đình bị sút mẻ và cũng có thể đi đến tình trạng chồng vợ ly dị với nhau.

Ngoài ra, chúng ta nếu là người con rể hay con dâu cũng phải quý mến và kính trọng họ hàng cũng như bạn bè bên vợ và bên chồng để tạo một bầu không khí tương quan thích hợp, an vui cho cuộc sống ra riêng tự lập của chúng ta. Nhờ tư cách lễ độ khiêm cung của chúng ta đối với họ hàng và bè bạn hai bên tạo nên một ấn tượng đẹp để mến yêu thắm thiết của mọi người và nhờ đó không bị cô đơn về tâm linh trên bước đường lập nghiệp.

Giả sử, anh chị em bên chồng hay bên vợ có thái độ ganh ghét thì chúng ta vì chồng của mình hay vì vợ của mình luôn luôn nhin nhục làm thình, nếu nhận thấy những sự ganh ghét đó không hại đến đời sống riêng tư của gia đình mình. Còn như những sự ganh ghét đó có ảnh hưởng đến đời sống riêng tư của gia đình mình thì chúng ta vẫn có thái độ lịch sự với họ, đồng thời chồng hay vợ nên tâm sự với nhau để cùng thông cảm và không cần phải đôi co với họ không có lợi ích chi cả, vì họ là những người bên ngoài không có sống chung với chúng ta.

Chúng ta cũng nên giác ngộ rằng mình thể hiện những cử chỉ lễ độ khiêm cung, tôn kính với cha mẹ hai bên, với họ hàng bè bạn cũng là một phương pháp bồi dưỡng tâm linh về đạo đức làm người đúng với câu tục ngữ nhân gian: *"Hoa thơm nhờ nhụy, người có giá trị nhờ đạo đức."*

2)- Thường Xuyên Vấn An Sức Khỏe Cha Mẹ Hai Bên:

Thường xuyên vấn an sức khỏe cha mẹ hai bên chính là chức năng của con người hiếu hạnh và cũng là đạo nghĩa của nhân cách làm người. Con người biết tôn trọng giá trị nhân phẩm, biết sống đạo nghĩa tình người đối với cha mẹ hai bên thì không thể thiếu sót nghĩa



vụ này. Thường xuyên vấn an sức khỏe cha mẹ hai bên có ba mục đích:

a)- Mục đích thứ nhất:

Nền tảng căn bản của xã hội loài người là sự quan hệ phức tạp trên mặt đời sống cũng như trên mặt tình cảm giữa cha mẹ và con cái. Theo tâm lý thông thường, cha mẹ nào khi có con cái đều đặt hết tình thương yêu vào chúng nó và muốn chúng nó suốt đời không ra khỏi tầm tay chăm sóc của mình. Nhưng theo luân lý xã hội, con cái lớn lên phận làm cha mẹ phải dựng vợ gả chồng cho chúng nó và nếu như không cho chúng nó lập gia đình thì cha mẹ phạm tội

lỗi rất nặng thiếu trách nhiệm rất lớn về hạnh phúc tương lai của chúng nó. Nhưng tình cảm của cha mẹ lại không muốn chúng ra riêng tự lập, tách khỏi sự quan tâm của mình. Vì lý do đó, thuở xưa cha mẹ mới đặt ra một luật lệ "Cưới Dâu và Bắt Rể": là để chúng nó được sống bên cạnh gia đình của mình và để tình cảm của mình khỏi bị tổn thương.

Ngày nay thời đại văn minh khoa học tân tiến, vấn đề "Cưới Dâu và Bắt Rể" không còn giá trị đối với tuổi trẻ. Khi lập gia đình, cặp chồng vợ son trẻ nào cũng muốn ra riêng tự lập theo sở thích của mình mà không muốn bị ràng buộc, bị khống chế bởi luân lý khô cứng của cha mẹ hai bên.

Con cái khi sống tự lập trên mặt tâm lý là một hiện tượng khiến cho tâm trạng của cha mẹ trở nên buồn tủi vì cha mẹ cảm thấy kể từ nay con cái của mình bỏ rơi mình, không còn cho mình trách nhiệm thương yêu, chăm sóc và bao dung nữa. Đó là lý do bốn phận làm con cái cần phải luôn luôn cảm thông sâu sắc tấm gương tình cảm thương yêu vô bờ bến của những đấng sanh thành đã dành trọn cho mình và nên thường xuyên vấn an sức khỏe cha mẹ hai bên để cho cha mẹ với bớt phần nào tâm trạng buồn tủi mà họ đã cam chịu quá nhiều khổ đau trong cuộc đời.

b)- Mục đích thứ hai:

Vì quá thương yêu con cái, tâm hồn cha mẹ luôn luôn bồn khoăn lo lắng, khiến cho tâm trạng không an, ăn ngủ không yên, sợ con cái của mình còn ngây thơ, thiếu kinh nghiệm, không đủ sức đương đầu trước cuộc đời quá nhiều cam bẫy giăng mắc khắp nẻo đường trần. Quan niệm của cha mẹ cho rằng:

*)- Trường học khác hơn trường đời, trường học chỉ dạy trên lý thuyết nhưng không có dạy trên kinh nghiệm sống; trường đời mặc dù không dạy trên lý thuyết, nhưng trực tiếp dạy trên kinh nghiệm. Chỉ có kinh nghiệm mới giúp con người sống thực tế hơn.

*)- Con cái của mình mặc dù thông minh trên trường học, nhưng thiếu kinh nghiệm trên trường đời. Cha mẹ mặc dù không thông minh

bằng con cái trên trường học, nhưng rất kinh nghiệm trên trường đời.

*)- Con cái mới lớn lên còn ngây thơ trên trường đời, chúng nó chỉ biết bề mặt của trường đời mà không biết bề trái của nó. Thí dụ chúng nó chỉ biết bề mặt của tình yêu nhưng không biết mặt trái của tình yêu.

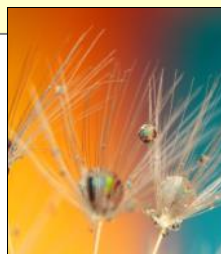
Trên trường đời, tuổi trẻ ngây thơ tưởng rằng: đời toàn là hoa gấm, vàng son trải thảm trên cuộc hành trình may mắn và hạnh phúc, nhìn đời với đôi mắt ngang bằng sổ thẳng mà không biết uyển chuyển tùy duyên để vương mình lên. Trong xã hội, con người cần có mục thước công bằng để xây dựng đời sống vật chất, nhưng về mặt tình cảm, con người nếu như sử dụng mục thước công bằng để xây dựng hạnh phúc thì sẽ thất bại, nguyên vì "Thăng mục tàu, đau lòng gỗ," mà ở đây con người phải xây dựng tình cảm trên nguyên tắc "Hạnh Tùy Duyên" để có hạnh phúc, giống như dòng nước uyển chuyển đều có mặt khắp nẻo ngọn ngành của sông hồ. Đối với cuộc đời Hạnh Tùy Duyên là hạnh biết sống đúng với châm ngôn của Phật Giáo là: "Khôn thì chết, Dại thì chết, chỉ Biết thì mới sống," chữ *Biết* ở đây nghĩa là sống biết tùy duyên theo hoàn cảnh. Người biết sống tùy duyên phải là người có kính nghiệm đời và cha mẹ của chúng ta chính là một trong những người sống có kinh nghiệm ở đời. Cho nên chúng ta là con cái mới lớn lên cần phải có cha mẹ hướng dẫn trên kinh nghiệm trường đời. Đó là lý do cha mẹ hai bên lo lắng cho chúng ta khi chúng ta ra riêng tự lập. Điều nên nhớ cha mẹ hai bên có dạy dỗ cho chúng ta những điều gì, chúng ta nếu thấy những điều đó có lợi ích thiết thực cho mình thì chân thành tiếp nhận, còn chúng ta nhận thấy những điều dạy dỗ đó không thiết thực cho mình thì chỉ lắng nghe mặc niệm cho qua, không nên có thái độ phản ứng bất kính đối với bề trên.

c)- *Mục đích thứ ba:*

Như trước đã trình bày ở mục Giai Đoạn Tuổi Già, cha mẹ khi già yếu, tuổi gần đất xa trời, ngoài việc thân thể bất an, tứ chi mỗi một, tâm trạng của họ trở nên lo âu cho số phận hẩm hiu, cảm thấy đường trần lần lần thâu ngắn, hổ thẹn tử sanh mỗi ngày mỗi gần kề, không biết rồi đây sau khi từ giả cuộc đời mình sẽ đi về đâu. Đứng trước tình trạng khổ đau vì mịt mờ nẻo trước này của đấng sanh thành, phận làm con hiếu hạnh phải thường xuyên đến vấn an sứ khỏe và tìm mọi cách an ủi cha mẹ cho với bớt nỗi phiền não hầu đem lại đôi chút niềm vui cuối đời của tuổi xế chiều. Đó là nghĩa vụ của mục đích thứ ba.

3)- Khuyến Khích Và Giúp Đỡ Cha Mẹ Trong Việc Tu Tập Đạo Đức:

Đạo đức là nền tảng căn bản cho cuộc sống của con người có ý nghĩa. Con người cần đến đạo đức cũng như hoa cần đến hương sắc đúng như câu tục ngữ thường nói: "Hoa thơm nhờ nhụy, người có giá trị nhờ đạo đức." Đạo



MẬT THẬT CUỘC ĐỜI

*Ngồi trên tột đỉnh Thiên Na
Điểm cao trí tuệ chan hoà am mây
Nhìn xem thế giới trần ai
Chìm trong bể khô vơi đầy trầm luân
Phù sinh nào có mùa xuân
Vành môi héo hắt, mắt rưng lệ sâu
Bến mê sao bắc nhịp cầu
Xe tơ hoa mộng, gôi đầu tử sinh
Đua chen đi bất bóng hình
Xỏ râu hạt nước cho mình điểm trang
Cuộc đời giăng mắc trái ngang
Ai qua nhiều ít cưu mang nào phiền
Sao không tìm lại bình yên
Phút giây tĩnh lặng cửa Thiền an tâm
Dù cho sóng giữa thẳng trầm
Nguồn vui cảm thấy ngàn năm rạt rào.*

thơ **THẮNG HOAN**

đức tự nó có từ trường móc nối và kết hợp thân thương của tất cả mọi người quy tụ về mình, hỗ trợ cho mình đủ sức vượt qua mọi nẻo đường cay đắng của cuộc đời, đồng thời nó còn là một sợi giây vô hình thắt chặt sinh mệnh của mình trong đời này trải dài qua các đời sau trên cuộc hành trình chuyển hóa thăng tiến tâm linh. Có thể khẳng định đạo đức chính là liều thuốc dưỡng sinh để bồi dưỡng tâm linh tăng cường sức sống, tạo nguồn hạnh phúc an lạc thực sự cho mình.

Cha mẹ tuổi đã già cần phải tu tập để bồi dưỡng đạo đức làm hành trang cho kiếp sau trên con đường giác ngộ và giải thoát khổ đau của kiếp nhân sanh. Cũng vì lý do đó, khi cha mẹ tu tập đạo đức hay làm những việc phước thiện để bồi dưỡng đạo đức, phận làm con hiếu hạnh phải tìm mọi cách giúp đỡ cho cha mẹ đạt được như ý nguyện và cha mẹ nếu như chưa biết tu tập đạo đức thì hãy khuyến khích họ chuyên cần tu tập đạo nghiệp cho đời sống nở hoa, đừng để họ lãng phí thì giờ của khoản đời xế chiều còn lại.

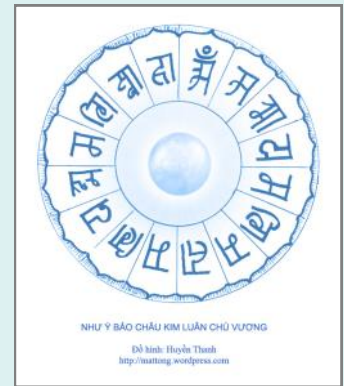
(còn tiếp)

NHƯ Ý CHÂU

HERBERT V. GUENTHER

— Đại Học Saskatchewan, Canada

Nguyễn Hạnh dịch



Lời dịch giả: Trong nguyên tác, các thuật ngữ thường được tác giả giải thích trực tiếp trong văn bản nên đôi chỗ làm câu văn rườm rà khó hiểu sau khi chuyển ngữ. Cho nên ở đây, phần giải thích thuật ngữ được cho vào ngoặc đơn, chữ in nghiêng để ý vẫn được dễ hiểu.

Có viên ngọc gọi là Như Ý Châu (*Cintāmaṇi*) bởi ánh sáng của người sở hữu nó tỏa chiếu toàn vũ trụ và mọi ước nguyện của người có nó đều được thành tựu ngay tức thì. (*) Nhiều người đã lên đường tìm viên ngọc này nhưng rất ít người thành công. Vì, để tìm thấy viên *Cintāmaṇi* này, ta phải vượt qua cái tôi (*P. atta*; Skt. *ātman*), tức là, phải vượt lên các giới hạn không gian và thời gian, vượt ra ngoài các ranh giới của ký ức và ước vọng, phải từ bỏ tất cả những gì chúng ta yêu quý, phải cắt đứt tất cả những gì chúng ta vốn bám vào và giữ chặt chúng ta trong lòng của nó. Dù không phải là công việc khó khăn nhất nhưng nhất định đây là một cuộc phiêu lưu cần nhiều dũng cảm nhất. Ấy bởi chúng ta không thể nói sẽ tìm thấy điều gì một khi cái tôi đã ngừng thống trị mình, sự thống trị làm cho chúng ta luôn bị bên ngoài thì ràng buộc bởi không gian và thời gian còn bên trong thì dao động bởi những ký ức quá khứ và ước vọng tương lai. Tự chúng ta có thể sẽ nêu lên những câu hỏi làm chần động tận thâm tâm: không còn cái tôi, nó là cái gì? là vực thẳm rùng rợn và là màn đêm đáng sợ của hư vô và cái chết? hay là ánh sáng huy hoàng của trí tuệ giải thoát và là mùa xuân bất diệt của cuộc đời? Ở đây, mọi câu trả lời (cho cái tôi) có thể nêu ra được thì chắc chắn là sai và chỉ càng làm cho không yên lòng hơn là làm vững tâm lại và chắc chắn là chúng ta thất bại trong việc xóa tan nỗi sợ hãi thường ám ảnh mình.

Sao có thể tìm được sự vững vàng khi

chúng ta đứng trên nền tảng luôn bị rung lắc? Làm sao ánh quang minh (mà ta cần) có thể tỏa chiếu những tia linh diệu khi bóng tối và những áng mây dày đang che khuất nguồn sáng của nó? Dù hết sức cố gắng và có những tác ý tốt đẹp nhất, mọi ước nguyện của chúng ta sao có thể được trọn vẹn khi kết quả của những gì mà chúng ta mong đợi, nếu có đạt thành, cũng đều có tính ngắn ngủi nhất thời?

Quả thật, bao lâu chúng ta còn nuôi dưỡng ý thức về cái tôi như một thứ cứu cánh gì đó thì bấy lâu chúng ta không thể có được viên ngọc, vì cái tôi cùng với việc tự khẳng định khinh suất về nó là sự phụ nhận và chối bỏ bầu vật này. Lại nữa, giữ chặt cái tôi bằng mọi cách là bao quanh mình bằng các sự thật giả tạo, là tự nhốt mình trong buồng giam chật hẹp và là phớt lờ nguồn gốc mà từ đó mọi thứ dẫn xuất ra sự hiện hữu của nó, bao gồm cả cái tôi hết sức yêu mến của chúng ta. Do đó, để có được và nắm trong tay viên *Cintāmaṇi* hết sức quý báu này, viên ngọc mà một khi sở hữu, tất cả sầu muộn và sự túng thiếu sẽ chấm dứt, chúng ta phải phá vỡ những sự gia cố cái tôi, phải giữ chặt nó trong tay trần và không bóp méo sự thật bằng các ảo tưởng thông thường về nó. Chỉ khi đó chúng ta mới có được thứ tài sản không thể chuyển nhượng, mới cảm thấy có được thứ mình thiếu và cảm thấy có thể giải quyết những vấn đề cuộc sống và con người thay vì tạo ra thêm nhiều vấn đề nữa. Như trong bộ *Thiền Thuyết Nhiếp Sự Tập* nói:

"Vì loại trừ các pháp hư ảo, khi hợp thời, những ai đang nỗ lực cho chân lý (tattvayogin) sẽ thể nhập chân tính và thể hội chân trí về năm uẩn nhờ loại bỏ các pháp không thật và loại trừ (ý nghĩ về) tính thường tại của các vị thần trú khắp (mọi nơi trên) mạn-đà-la."

An trú trong Vô tướng định, thành tựu Vô tướng diệu tuệ, vị ấy không bám vào bất kỳ pháp sai biệt nào. Bấy giờ, khi còn dạo bước

trong luân hồi, vị ấy hoàn thành tất cả ước nguyện của chúng sinh bằng cách diễn bày Chánh Pháp qua vô lượng vô số mật chú và thủ ấn của các vị Bồ tát và các đức Như Lai. Như thế vị ấy chứng đạt ngôi vị cao nhất (trong đời sống).

Vì hoàn thành tất cả mong cầu của chúng sinh mà không khởi niệm (tiền liệu và thành kiến về những mong cầu của họ), vị ấy như Ngọc Như Ý, bất động trước sự khuấy nhiễu như đông tố của các pháp hý luận. Đứng trên nền tảng vững chắc như vậy, vị ấy hoàn thành mọi ước nguyện của chúng sinh.” (1)

Nhưng, vấn đề được nêu ra (ở đây là), khi đã vượt qua những ranh giới do bản ngã dựng lên, sao các dục vẫn có thể còn đó khi “dục” chính là sự biểu hiện rõ ràng nhất của cái tôi? Câu trả lời là: việc loại bỏ xong cái tôi và mọi thứ liên hệ với nó thì không đồng với trạng thái không còn sinh lực của viên đá cuội, mà là trạng thái viên mãn với cuộc sống, một cuộc sống hiện tại biết rõ về những hạn chế và ngay đó đem vào một ý nghĩa khác cho bất cứ điều gì mà “dục” đã định nghĩa.

Như bất kỳ nhân tố lấp lánh và không lấp lánh dễ lay động (lòng người) nào, dục cũng có hai mặt: một mặt lôi kéo con người vào vòng xoáy của những cảm tính đặt trọng tâm nơi cái tôi, mặt khác (nó) nhắc nhở và giải phóng con người và làm cho khả thi cái điều từng khiến anh ta cho là bất khả. Mặt thứ hai này chính là tính tích cực của loại “dục” khi đã cởi bỏ cái tôi. Đây là tính năng động tự nhiên đầy cảm hứng không thể tả, là niềm hỷ lạc của sự phong nhiêu bất tận và là sự sinh động với tất cả năng nổ thay vì làm cho nó héo khô lại trong cơ cấu căn cỗi của cái tôi.

Ở đây, mối liên kết chung giữa chúng ta và vạn vật là gì? Chính là cái thể tương tục bất định chuyển động một cách đầy xúc cảm vì ở đó những quá trình đa dạng hóa của bản ngã và các đối tượng xuất hiện rồi biến nhập trở lại vào nó.

Vì một mình cái thể liên tục là tỏa khắp và bao quát lên tất cả - vô cùng vô tận, (và) chỉ có những quá trình đa dạng hóa xuất hiện trong không gian và thời gian nên chính ngay nơi cái thể này chúng ta sẽ tìm thấy tính nhất thể vô song với tất cả, tìm thấy sự tĩnh lặng mà ta mong mỏi và tìm thấy sự viên mãn mọi ước nguyện của chúng ta. Cùng lúc đó chúng ta có thể làm lợi lạc cho nhân loại theo cách hiệu quả nhất vì bấy giờ nhân loại không còn là khái niệm trừu tượng không có sinh khí mà chính là sự sống và sự sống tồn tại khi sự tức thì đầy xúc cảm có mặt nơi mọi thứ.

Nói cách khác, khi đã đứng vững trên tính bất định của cái tôi (cái tính không lập trường theo nghĩa thông thường của ngôn từ), khi nhìn với cái nhìn thoáng qua là biết rõ bản chất của sự đa dạng biến dịch và đổi thay không ngừng của các đối tượng, chúng ta sẽ luôn có được những phương cách đúng và hợp thời, việc làm



của chúng ta (lúc bấy giờ) không còn tính được và mất khá dễ thấy trong cuộc sống đời thường. Như ngài Advayavajra nói:

“Dục là Tâm Đại Bi, cái tâm có liên hệ tới niềm phúc lạc cho toàn thể giới. Tâm này như Ngọc Như Ý giúp cho viên mãn bản hoài mà không phải cố gắng (tức là, không cần phải tạo ra các thuận duyên cho sự hoàn thành nhưng mọi thứ vẫn tiến triển tốt đẹp như nó vốn thể).” (2)

Bấy giờ, đúng thật đây là sự hợp nhất vô song giữa trí tuệ, hoạt dụng (được sánh với Ngọc Như Ý) của trí tuệ (là cái biết ngay tức thì - chứ không phải là sự hiểu biết trừu tượng - và hoạt dụng thực tế chứ không bị những khái niệm cứng nhắc làm cho đổi thay, sai lệch và không rõ ràng về chính nó) và những hoạt động được dẫn xuất từ sự lưu lộ của trí tuệ (những hoạt động luôn được thấm đẫm với cảm giác thân hữu cho tất cả mọi loài, cây cỏ, muôn thú cũng như con người). Ngài Anangavajra cho chúng ta biết rằng:

“Ai đã thâm nhập được thể tính của trí tuệ phương tiện thiện xảo (prajnopāyāśwarupātma) thì được xem như Ngọc Như Ý. (Ngay bây giờ vị ấy nên) dẫn thân không mệt mỏi và không dính mắc vì lợi lạc cho tất cả chúng sinh.” (3)

“Vị ấy tán thán trí tuệ vì thể tính của nó thì không nhiều về nhất thời và hạn định thuộc những gì mà ta gọi là chủ thể và đối tượng và, với tâm Đại Bi, vị ấy đã có khả năng làm việc vì lợi lạc cho hết thảy chúng sinh giống như Ngọc Như Ý (luôn hoàn thành các ước nguyện cho mọi loài).

Không giống sự hiểu biết thuộc tri thức có cái tôi làm trung tâm, Trí tuệ không có đối tượng xác định; không như tính đa cảm có cái tôi làm đường biên, tâm Đại Bi không có đối

tượng thành kiến và hạn định. Sau khi trở thành một với tâm vô hạn (tức là sự hòa lẫn hoạt dụng của trí tuệ với hành động), nó sẽ giống sự hòa lẫn bầu trời với bầu trời.” (4)

Ngài Indrabhuti nói về loại trí tích cực bất tận này như sau:

“Vì luôn trọn vẹn hoàn thành những ước nguyện của chúng sinh, loại trí này được gọi là *Cintāmaṇi* chứ không phải là sự bất lực vô cảm của vật chất trơ lì.” (5)

Tất cả điều này cho thấy *Cintāmaṇi* không phải là loại ngọc có thể tìm được trong trời đất như (các châu báu) vẫn được ta nhận diện qua các giác quan và (sự thẩm định bằng) nội quán, mà nó là viên ngọc chỉ được tìm thấy khi chúng ta vượt qua cái tâm nhị nguyên. Ở đây, Ngọc Như Ý chỉ là một cách minh họa, một lối ví von bằng hình tượng gợi lên và khuyến khích chúng ta tìm hiểu rõ ràng ẩn ý của nó – cái ẩn ý về việc nhận thức rõ (sự quý báu) của Phật quả. Như thế *Cintāmaṇi* không phải là đối tượng hữu hình bên ngoài hay chỉ là ảo ảnh tâm thần phù du. Đây là loại ngọc như ngài Advayavajra nói:

“Đúng là cái thật thể của *Cintāmaṇi* (thì) không thể nào tìm được ở bất cứ nơi đâu, nhưng khi có viên ngọc này trong tay, dù vẫn còn những pháp tùy miên, vị ấy cũng (đủ tự tin

để) nghĩ đến lúc hoàn thành mọi việc. Như vậy, lời chỉ dẫn của bậc minh sư cũng quý báu như *Cintāmaṇi* giúp các hành giả thành tựu Phật quả ngay hiện đời như (có được) viên ngọc trong tay chứ không còn là niềm mơ ước.” (6)

Quả thực, *Cintāmaṇi* - thứ quý báu nhất trên đời - không phải là loại ngọc với phẩm chất được thẩm định hay được nhận biết rõ ràng, chẳng hạn như, (cần cứ vào) màu sắc hoặc âm thanh hoặc khái niệm. Nó cũng được nói rõ trong bộ *Bí Mật Tập Hội* rằng:

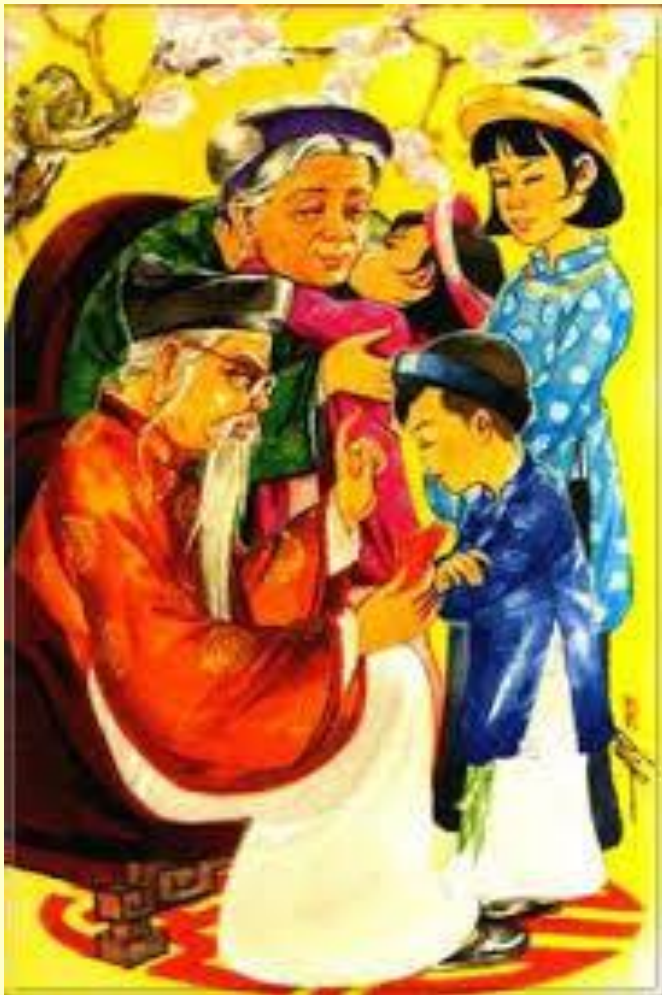
“Bạch đức Thế Tôn, *Cintāmaṇi* đúng là ngọc quý nhất trong hết thảy châu báu, (ngọc này) có tất cả phẩm chất tuyệt hảo, và những ai sở hữu nó có thể ước bất cứ điều gì, dù ước về vàng bạc hay châu báu, khi vừa khởi nghĩ về chúng, điều ước này liền được thành tựu. Tuy nhiên, các châu báu này và v.v... lại không phải hiện ra từ trong tâm (*citta*), cũng không phải từ trong *Cintāmaṇi*. Cũng thế, bạch đức Thế Tôn, vạn pháp cần được hiểu (tức là không cục bộ, không riêng biệt, và không tà được).” (7)

Tất cả điều này cho thấy rằng thể tính của Ngọc Như Ý và những gì là hiệu quả có được từ nó thì bất khả tư lượng trừ khi nó được lĩnh hội ngay tức thì. Sự lĩnh hội này có cường độ xúc cảm và sự sáng suốt rõ ràng hơn những gì có thể truyền đạt vì nơi đó không tồn tại những giới hạn và các đối tượng xác định.

Hơn nữa, vì tính biến hóa ưu việt, nó tỏa ra sự tức thì năng động tự nhiên và tính sáng chói trong suốt. Tính trong suốt này không có mùi vị, hương thơm, âm thanh và màu sắc (như) của tự nhiên, cũng không có tính năng của tâm thức con người. Ở đây, những ngôn từ (mà) chúng ta dùng chỉ có thể diễn đạt về các phẩm chất đặc trưng nhất định hoặc những sai biệt chứ không thể chuyển tải tính nhạy cảm, tính bất khả tư nghĩ tỏa khắp tất cả và bao hàm tất cả. Tính bất khả tư nghĩ này là chất liệu của cái điều giúp chúng ta nhận biết rõ về chính mình và thế giới, nhận biết ngay tức thì. Đó là Kim Cang Tính hay Phật tính. Như ngài Indrabhuti nói:

“Đại Kim Cang Tính là cái thể tỏa khắp tất cả, hiện diện khắp tất cả như bầu trời, thấu suốt tâm của chúng sinh, là nguồn gốc của tất cả điều thiện. Kim Cang Trí là sự thể nhập, là sự Toàn tri, là vị chúa tể của muôn loài, là bậc Kim Cang Trì (Vajradhara), vị Bốn Phật được diễn tả trong tất cả Mật Chú.” (8)

Do vậy, sẽ sai lầm khi cho rằng tất cả tính chất của Ngọc Như Ý được diễn đạt ở đây là mang ý nghĩa cụ thể. Chúng chỉ là những cố gắng bằng nhiều cách để truyền đạt tính phong phú được trải nghiệm bởi sự lãnh hội trực tiếp về nó. Như thế, khi cho rằng tâm (*citta*) giống Ngọc Như Ý, hoặc giống như chiếc hộp báu, nó không mang ý nghĩa của bất kỳ phẩm chất nhất định hoặc nội dung cụ thể nào vì tính chất và nội dung đó luôn bị hạn chế bởi tư duy khái niệm. Trái lại, nó có nghĩa là cái gì không cụ



thể và không bị giới hạn, vì thế, không từ ngữ nào có thể diễn tả nó được. Nó là sự bất khả tư nghĩ mà chúng ta có thể chứng nghiệm trong Luân Hồi và Niết Bàn khi tấm màn khái niệm đã được gỡ bỏ.

Ngài Saraha nói:

"Chỉ có Tâm là hàm tàng tất cả chúng tử vượt thoát mà ngay cả (chúng sinh trong) vòng Luân Hồi và (những vị an trú trong) cõi Niết Bàn cũng thốt lên: cúi đầu trước Chân tâm – Bản thể uyên nguyên có chân tính của Ngọc Như Ý làm viên mãn mọi ước nguyện." (9)

Và ngài Tilopa nói: "Tâm là chiếc hộp báu. Thoát khỏi sự ràng buộc, nó chiếu sáng như bầu trời." (10) Đây chính là tính thanh tịnh rỗng rang (Phật tính) – cái tính thanh tịnh sáng suốt vốn dĩ đã sẵn nơi chúng ta từ vô thủy và cũng đã bị che lấp bởi các khái niệm. Nó là cái tính mà ta trở về khi xé được các màn che của thuyết khái niệm và thuyết tâm thể trừu tượng và khi loại trừ xong sở tri chướng (jneyāvaraṇa) và phiền não chướng (kleśāvaraṇa).

Hoặc, như trong bộ *Kim Cang Kệ Đại Thủ Ấn* nói: "Khi Như Ý Châu được lau sạch thì mọi ước nguyện của chúng ta sẽ trở thành sự thật." (11)

(trích *Tạp Chí Nghiên Cứu Phật Học Canada*, số 2, 2006, tr. 55-60; in lại từ *Tạp chí Stepping Stones*, tập 2, số 4, 1952)

(*) **Chú thích của Biên tập viên:**

Cintāmaṇi (Sanskrit) là Ngọc Như Ý. Trong Phật giáo Tây Tạng, viên ngọc này được vẽ trong lòng bàn tay các vị Bồ tát. Ai trì tụng Như Ý đà-la-ni thì người ấy sẽ đạt được trí tuệ và giác ngộ.

(1) *Thiền Thuyết Nhiếp Sự Tập* (Skt. *Subhāṣitasamgraha*), tr. 67.

(2) Chú giải *Chứng Đạo Ca* của Saraha (Skt. *Dohākośagīti*), 41

(3) *Bát Nhã Phương Tiện Quyết Định Thành Tựu Pháp* (Skt. *Prajñopāyavinīṣṭayasiddhi*) III, 28.

(4) Như trên, IV, 10-11.

(5) *Trí Huệ Thành Tựu Pháp* (Skt. *Jñānasiddhi*), IV, 24

(6) Chú giải *Chứng Đạo Ca* của Saraha (Skt. *Dohākośagīti*), tr. 76

(7) *Bí Mật Tập Hội* (Skt. *Guhyasamājatantra*), tr. 110.

(8) *Trí Huệ Thành Tựu Pháp*, I, 21-22

(9) Sa-la-ha, kệ 41

(10) Trích dẫn từ *Bất Tư Nghì Đại Thủ Ấn* (T. *Phyag-rgya-chen-po bsam-gyis-mi-khyab-pa*; Sk. *acintamahāmudrā*).

(11) Trích từ *Kim Cang Kệ Đại Thủ Ấn*, (T. *Phyag-rgya-chen-po-rdo-rje'i glu*, Skt. *mahāmudrāvajragīti*).

CHỢ TẾT MIỀN ĐÔNG-BẮC

*Cuối năm chợ Tết xôn xao nhóm
mua bán cho quên nỗi nhớ nhà
xứ lạnh nhành mai vàng nụ già
ngày xuân tuyết trắng ngút trời xa*

*Những bánh chưng xanh chen chúc nằm
rượu trà kẹo mứt đợi người thăm
bưởi hồng đưa hấu lăn chiên ngũ
nhánh đào hé nụ ngó xa xăm*

*Dăm đứa trẻ con chùng lên mười
cầm tay thiếu nữ tuổi đôi mươi
chị em thơ thẩn đôi vòng lượn
ngọng ngịu thơ ngây khúc khích cười*

*Bà níu tay ông – người lính già
thời gian lần lữa đã đi qua
trên mái đầu xanh giờ chớm bạc
khỏi trời xa xứ khói Quê cha...*



TRƯỚC BIỂN

*Muốn trốn đời ta đáy vực sâu
như ngày đêm chẳng thể gặp nhau
như nhật nguyệt hai vầng hư huyền
tương ngộ chi rồi... để xa mau*

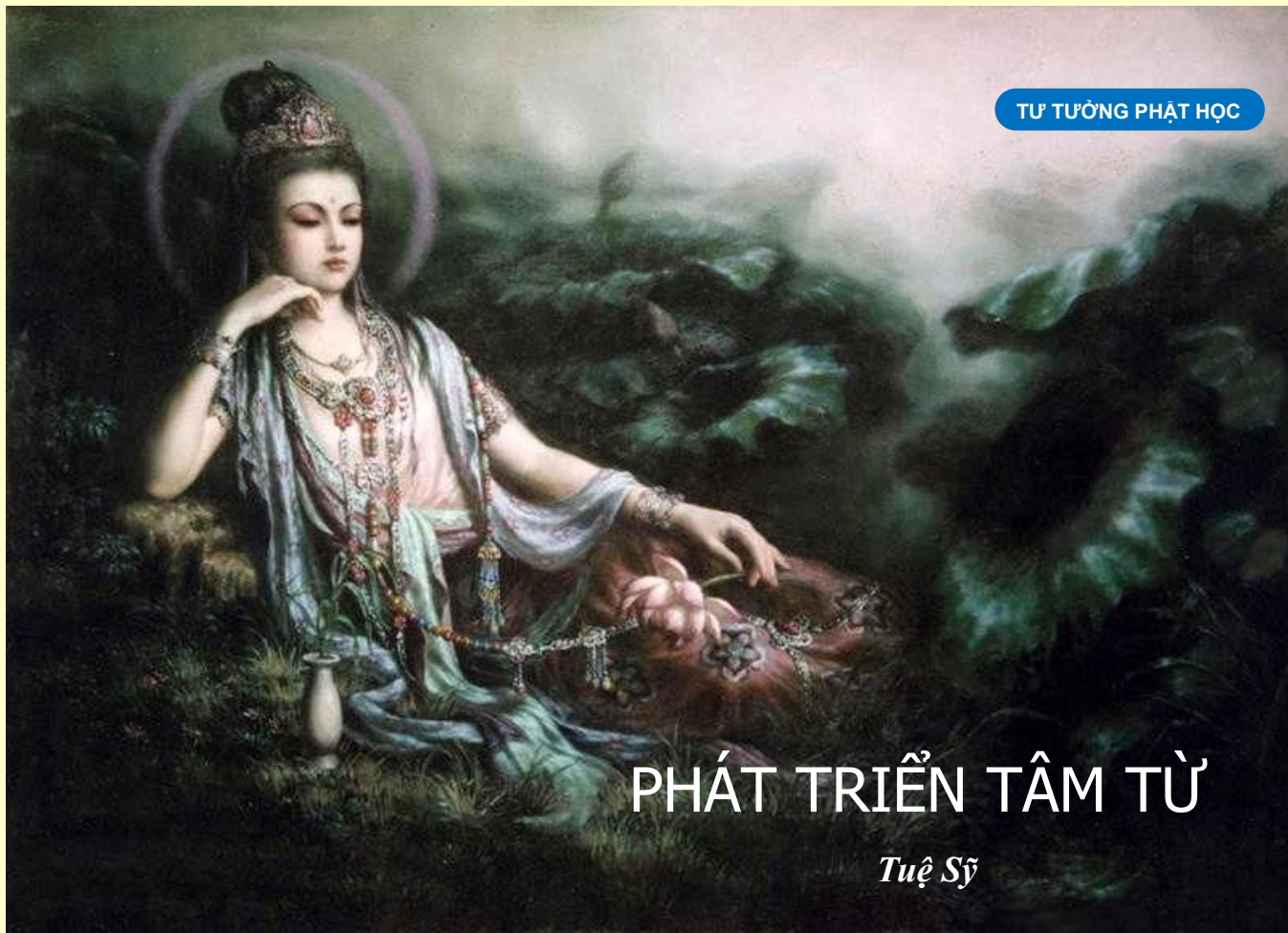
*Hỏi biển đi đâu – biển về đâu
biển ngóng trông ai để bạc đầu
lòng ta không biển sao sóng nộ
đời quá thẳng trảm hơn biển dâu*

*Hỏi biển về đâu – biển đi đâu
ta không là sóng sao bạc đầu
ta không là biển mênh mông rộng
sao chứa muôn trùng những khổ đau?*

thơ

PHAN THỊ NGÔN NGỮ

[Cuối Con Đường Ngó Lại,
Hương Tích ấn hành tháng 9/2015]



PHÁT TRIỂN TÂM TỪ

Tuệ Sỹ

Bồ tát hành đạo bắt đầu từ giữa lòng xã hội nên sự tiếp cận với mọi thông khổ nhân sinh là lẽ tất nhiên. Tu bốn vô lượng là y trên a-thế-da, trên tầng thượng ý lạc, nghĩa là y trên thâm tâm, trên tâm nguyện nhiệt thành và luôn luôn hướng thượng, ước mong xóa sạch mọi thông khổ của thế gian.

VĂN-THÙ hỏi Duy-ma-cật: [1]

"Bồ tát nên quán sát chúng sanh như thế nào?"

Duy-ma-cật đáp:

"Như nhà ảo thuật quán sát con người ảo hóa do mình tạo ra; Bồ tát nên quán sát chúng sanh cũng như vậy. Cũng như bậc trí giả nhìn trăng nơi đáy nước; nhìn bóng mình trong gương; nhìn ánh lửa khi nhiệt bốc; [2] như tiếng vọng của lời gọi; như mây nổi trong bầu trời; [3] như đám bọt nước; [4] như bong bóng trên mặt nước; [5] như lõi chuối rỗng; như ánh chớp lóe kéo dài; [6]

(...)

Bồ tát nên quán sát chúng sanh cũng như vậy."

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

"Bồ tát quán như thế thì làm sao thực hành lòng từ?" [7]

1. Từ thế giới quan đến nhân sinh quan

Trên đây, mặc dù câu hỏi của Văn thù là sự quán sát chúng sinh, Bồ tát nhận

thức về chúng sinh như thế nào; trong giải thuyết của Duy-ma-cật, chúng sinh được nhận thức như một cá thể của thế giới, một pháp trong tất cả pháp, bị chi phối bởi các quy luật tồn tại như tất cả mọi sự hữu. Đó là cái nhìn khắc kỷ lạnh lùng. Nếu thế giới và chúng sinh là giấc mộng, và những hoạt cảnh của giấc mộng trong đó mọi vui buồn, đều chỉ là giả dối; vậy thì, người đã nhận thức ra giấc mộng, đã tỉnh mộng, không còn bận tâm gì đến nó. Cho nên, Văn thù mới đặt câu hỏi: Nếu quán sát như thế, Bồ tát làm thế nào để phát triển tâm từ?

Cũng ý nghĩ tương tự, trong kinh Bát nhã, sau khi nghe Xá-lợi Tử thuyết minh về sự tu tập ba-la-mật của Bồ tát bằng tịnh giới mà chuyển hướng tâm đến cứu cánh thành tựu trí Nhất thiết trí, Mãn Từ Tử liền hỏi, "Nếu hết thấy pháp đều như huyền, hoàn toàn không thực chất tồn tại, Bồ tát làm thế nào để chuyển hướng đến cứu cánh trí Nhất thiết trí?" Xá-lợi Tử đáp, "Nếu hết thấy các pháp có một phần thực hữu mà không phải là huyền sự, thế thì Bồ tát tuyệt đối không thể chuyển hướng đến trí Nhất thiết trí... Do bởi tác nghiệp của phương tiện thiện xảo, sinh ra từ đại bi tâm của Bồ tát đối với hết thấy chúng sinh; do phương tiện thiện xảo mà Bồ tát biết hết thấy các pháp đều là Không; và cũng do phương tiện thiện xảo đó mà Bồ tát không cố ý an trụ trong chân lý

của tuyệt đối tịch tĩnh."[8]

Quán chiếu của Bồ tát cũng như quán chiếu của Thanh văn, đó là thực huệ. Điều dụng của thực huệ là phương tiện, mà tự thể của phương tiện là tâm đại bi. Như một người có trí, nhận thức được nguy cơ tàn phá của dòng thác lũ, không thể không khuyến cáo những ai đang sống trên dòng chảy của con thác. Bồ tát cũng vậy, ánh sáng từ con mắt trí tuệ của Bồ tát khi quán chiếu thực tại như huyền, thì cũng đồng thời cảm nghiệm được nỗi khổ của chúng sinh bị nhận chìm trong dòng thác như huyền đó, cho nên tự nguyện trở thành là người bạn của hết thảy. Kinh Phật mẫu Bát nhã nói, "*Bồ tát do tu tập Bát nhã ba-la-mật mà thành tựu chính trí. Bằng trí tuệ ấy, Bồ tát nhận thức chúng sinh đang bị gồng cùm đầy dọa trong lao ngục, bèn phát khởi tâm nguyện cứu trợ. Bấy giờ, Bồ tát được hỗ trợ bởi tâm đại bi, và bằng thiên nhãn thanh tịnh mà quán sát cùng khắp vô lượng vô số vô biên chúng sinh, thấy có chúng sinh tạo nghiệp vô gián sẽ phải thọ báo kịch khổ, hoặc thấy rơi vào lưới tà kiến không sao thoát được; thấy như vậy tức thì khởi tâm đại bi, nguyện rằng, ta sẽ làm chỗ nương tựa cho chúng sinh, diệt trừ mọi thống khổ cho chúng sinh. Bằng tư duy như vậy, mà không trụ trong tướng đó, cũng không trụ trong tướng khác. Đó gọi là ánh sáng trí tuệ của Đại Bồ tát.*"[9]

Bồ tát như vậy được ví như một người tài ba, mưu trí và dũng cảm, cùng với thần quyền và bằng hữu đang lữ hành băng qua hoang mạc đầy nguy hiểm. Tất nhiên, tự mình, ông có thể vượt qua hoang mạc ấy một cách an toàn; nhưng ông cũng không thể bỏ mặc mọi người. Bằng tất cả tấm lòng yêu thương chân thật, ông không sợ nguy hiểm cho bản thân trong khi băng mưu trí khéo léo ngăn ngừa mọi tai họa có thể ập đến bất ngờ cho những người thân yêu của mình, bao che và an ủi họ trong những cơn kinh sợ hãi hùng. "*Các Bồ tát cũng vậy, thương xót các sinh loại hữu tình chìm ngập trong thống khổ sinh tử nên nhất tâm chuyên niệm từ bi hỷ xả, được nâng đỡ bởi thiện căn thù thắng do tu tập Bát-nhã ba-la-mật-đa, được hỗ trợ bởi phương tiện thiện xảo của chư Phật, tích lũy các công đức hướng đến Vô thượng Chính giác, tuy tu tập Không, Vô tướng, Vô nguyện, nhưng tâm không tác chứng nơi thực tế.*"[10]

Quán chiếu tự tính Không mà chẳng hề chứng nhập thực tế Không, không an trụ trong biến tế như thực của tính Không như là cảnh giới an toàn của chính mình, Bồ tát vẫn phải lăn lóc trong sinh tử như hết thảy chúng sinh khác. Như Duy-ma-cật nói với Văn thù: "*Sí và hữu ái là nguồn gốc của bệnh tôi. Vì hết thảy chúng sanh bệnh mà tôi bệnh. Bao giờ hết thảy chúng sanh đạt đến chỗ không bệnh, bệnh tôi sẽ hết. Vì sao? Bồ tát, vì chúng sanh mà đi vào sinh tử. Có sinh tử thì có bệnh. Nếu hết thảy chúng sanh được thoát ly bệnh khổ thì Bồ*

tát không còn bệnh."[11]

2. Bốn Phạm trụ và Vô lượng tâm

Bồ tát phát triển tâm đại bi như thế nào? Tu tập từ, bi, hỷ, xả; bốn vô lượng tâm mà Phật giảng dạy cho các Thanh văn. Một thời, tôn giả A-nan dẫn các tỳ kheo trẻ đến đức Phật, thỉnh cầu Phật giáo giới, làm thế nào để hướng dẫn các tỳ kheo trẻ tu tập, Phật dạy, "*A-nan, Ta đã từng giảng thuyết cho người về bốn vô lượng. Tỳ kheo thành tựu và an trụ tâm tương ứng với từ, tràn đầy khắp một phương, cho đến bốn phương, trên dưới... Cũng vậy, an trụ tâm bi, tâm hỷ, tâm xả... A-nan, người hãy dạy các tỳ kheo trẻ tu tập bốn vô lượng này để cho các tỳ kheo được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu phạm hạnh...*"[12]

Bốn vô lượng này cũng được gọi là bốn Phạm trụ. [13] Đó là bốn tâm tư để cho một người mà đời sống được coi là tương ứng với Phạm thiên, và với tâm ấy sau khi chết được tái sinh lên thế giới của Phạm thiên. Tạng nhất A-hàm nói, có vị Thiên chúa gọi là Đại Phạm, thống lãnh một nghìn thế giới, tối thượng không gì vượt qua. Nếu tỳ kheo tu tập bốn Phạm trụ này, tâm tư có thể bao trùm cả một nghìn thế giới như vậy. Tỳ kheo muốn siêu việt Dục giới để sống trên cõi Phạm thiên giới, hãy tu tập bốn vô lượng này.[14]

Một thời, khi Phật trụ tại vương quốc Câu-tát-la; bấy giờ có hai thanh niên Bà-la-môn tranh luận nhau về con đường dẫn đến cộng trú với Phạm thiên, nghĩa là được nhìn thấy và sống gần bên Thiên chúa. Tất nhiên họ đều y trên tín điều tôn giáo được truyền bởi các Thánh điển Vệ-đà như nhau, nhưng mỗi người hiểu theo một cách khác theo trường phái Sư truyền của mình. Hai người tìm đến Phật, đề nghị phân giải. Đức Phật không bác bỏ sự tồn tại của Phạm thiên, và giảng giải cho họ rằng chỉ có thể đi đến Phạm thiên, sống với Phạm thiên, những ai mà tâm tư tương ứng với phẩm chất Phạm thiên. Tâm tư ấy là bốn vô lượng: từ, bi, hỷ, xả.[15] Nói cách khác, nếu hiểu theo tín điều tôn giáo của họ, theo đó, Phạm thiên hay Thiên chúa là tình yêu; vậy thì, một người với tâm thù hận không thể sống chung với một người mà tâm tư luôn tràn ngập tình yêu. Như vậy, đức Phật đồng thời bác bỏ quan điểm truyền thống, tin tưởng tập tục lễ nghi tế tự và cầu nguyện của Vệ-đà để có thể thấy được Phạm thiên.

Nếu tu tập bốn vô lượng như là bốn Phạm trụ, thiên cao nhất mà người thực hành có thể đạt đến là Sơ thiên. Bởi vì, kết quả của Sơ thiên là cõi Phạm thiên, phân thành ba cấp theo ba trình độ cao thấp khác nhau trong Sơ thiên. Ba cấp ấy là, từ dưới thấp kể lên, Phạm chúng thiên,[16] cõi của cư dân của Phạm thiên, tức các linh hồn con dân của Thiên chúa trên Thiên đường nước Chúa. Cao hơn, là Phạm phụ thiên,[17] các vị trợ tế, hay các đại thần

của Phạm thiên; tức các Thánh trên thiên đường. Cao nhất, chỉ một ngôi vị duy nhất, là Đại Phạm thiên,[18] chúa tể của một nghìn thế giới; được xem là đẳng biến mãn, toàn năng, nhưng chỉ giới hạn trong một nghìn thế giới mà thôi.

Vượt lên trên Phạm trụ, các trình độ thiền đạt được bằng các vô lượng tâm khác nhau. Theo lý giải của Hữu bộ, tu hỷ vô lượng cần phải y trên Sơ thiền và Nhị thiền, vì trong hai thiền này hỷ đều hiện diện. Ba vô lượng còn lại y trên sáu địa mà tu tập, tức bốn thiền, vị chí định và trung gian định; hoặc chỉ y trên năm địa, trừ vị chí định.[19] Hữu bộ cũng nói, thành tựu cao nhất của tu tập từ vô lượng là đạt đến Biên tịnh thiên, tầng thứ ba cao nhất trong Đệ tam thiên. Tu bi vô lượng, cao nhất đạt đến Không vô biên xứ thiên, tầng cao nhất trong bốn vô sắc định. Tu hỷ, cao nhất đạt đến Thức vô biên xứ thiên, tầng thứ hai trong bốn vô sắc định. Tu xả, cao nhất đạt đến Vô sở hữu xứ thiên, tầng thứ trong bốn vô sắc định.[20]

Như vậy, bốn vô lượng nếu được tu tập như là bốn Phạm trụ, chỉ có mục đích thế gian, mong cầu kết quả phước báo trên chư thiên. Bốn vô lượng được thực hành bởi các Thanh văn cũng chỉ hướng đến mục đích tự lợi, như là một trong các phương pháp tu tập thích hợp để đối trị tham sân. Như tu từ để đối trị sân tâm, tu bi đối trị hại tâm, tu hỷ đối trị bất hân úy tâm (bất mãn, không hài lòng), tu xả đối trị dục tham.[21]

Mặc dù như trong kinh được trích dẫn bởi *Thanh tịnh đạo luận*, theo đó khi một tỳ kheo đến trình cầu Phật chỉ dạy một pháp môn rồi ông sẽ thọ trì pháp môn để tu tập hầu đạt đến cứu cánh, và thoát đầu Phật không mấy tin tưởng vào khả năng tu tập của tỳ kheo này nên đã chỉ dạy cho bốn vô lượng tâm, tu tập tâm giải thoát với từ, bi, hỷ, xả; tu tập thường xuyên coi như là cỗ xe, như là cơ sở, nỗ lực thực hành, tích lũy, cho đến mức hoàn hảo.[22] Thế nhưng, tiếp theo sau đó là tu tập bốn niệm trụ để diệt tận phiền não, chứng đắc A-la-hán. Cho nên, các nhà Hữu bộ nói, bốn vô lượng được tu tập chỉ có thể đối trị bốn chướng chứ không thể diệt trừ các mê hoặc, phiền não.[23] Lý do được giải thích, là vì các thiền là cơ sở để tu bốn vô lượng này đều có tính hữu lậu không có hiệu lực diệt trừ mê hoặc. Thêm nữa, chúng là những tác ý thắng giải, nghĩa là chỉ y trên ước nguyện, hay trên phán



đoán tự do chứ không phải phán đoán bằng hiện thực. Tuy nhiên, chúng cũng có thể được tu tập trong giai đoạn gia hành, tức như là những tu tập chuẩn để trấn áp các chướng ngại trước khi thực sự đoạn trừ các phiền não.

Theo một cách nói, tu bốn vô lượng như vậy chính là sự vận dụng ước nguyện, lấy đó làm công cụ đối trị các chướng ngại. Như đối với các chúng sinh đang sống an lạc, hành giả lấy đó làm đối tượng mà khởi lên tâm từ, mong rằng hết thảy chúng sinh đều được an lạc. Cũng vậy, khi tu bi vô lượng, hành giả rải tâm đến hết thảy chúng sinh đang đau khổ với ước nguyện mong cho hết thảy chúng sinh thoát khỏi khổ

não. Sự khởi tâm như vậy là thắng giải tác ý, nghĩa là y trên phán đoán tự do, chứ không phải là chân thật tác ý, là phán đoán căn cứ hiện thực. Tư duy như vậy, như Thế Thân nói, chỉ là ước nguyện, chứ không thực sự khiến cho chúng sinh nhờ vậy mà hưởng lạc, thoát khổ. Như vậy, há không phải là điên đảo? Nghĩa là, tu tập với tâm hướng đến sự thể mà sự thể sẽ không xảy ra như tâm tưởng. Tất nhiên là không điên đảo. Vì cơ bản, a-thế-da,[24] tức thâm tâm hay ý hướng của hành giả là chân thật. Nói cách khác, đó là những ước nguyện chân thật, tuy không được thể hiện thành sự thực như ước nguyện.

Đó là tính chất của bốn vô lượng được tu tập bởi Thanh văn.

3. Bốn vô lượng và ba đối tượng

Các nhà Đại thừa cũng nhận bốn vô lượng tâm, về cơ bản, là bốn Phạm trụ. Ngoài ý nghĩa chính của vô lượng tâm là đối trị chướng như trong sự tu tập của Thanh văn, trong Đại thừa còn nêu lên ba đặc tính khác nữa của bốn Phạm trụ hay Vô lượng. *Trang nghiêm kinh luận* nói, "Bốn Phạm trụ tức bốn Vô lượng: từ, bi, hỷ xả. Trong đó, bốn vô lượng của Bồ tát có bốn đặc tính: 1. Trị chướng, tức đối trị các chướng ngại, nghĩa là trấn áp các phiền não. 2. Hiệp trí, sự đối trị đặc biệt do chứng đắc trí vô phân biệt. 3. Chuyển cảnh, hướng đến đối tượng là chúng sinh duyên, pháp duyên và vô duyên. 4. Thành sinh, thực hiện những nghiệp thù thắng để thành thực chúng sinh." [25] Tức là, Thanh văn tu bốn vô lượng chỉ nhằm đến đối tượng duy nhất là chúng sinh, trong khi đó Bồ tát còn y trên đối tượng là pháp để quán chiếu bản tính tồn tại của chúng sinh, và sau cùng y trên đối tượng vô phân biệt mà phát khởi bốn vô lượng.

Y trên các đối tượng như vậy để phân biệt, khi lấy chúng sinh làm đối tượng, bốn vô lượng hay bốn Phạm trụ là thực hành trong phạm vi Dục giới, chung cho các phàm phu và ngoại đạo. Bởi lẽ, tín đồ của các tôn giáo chỉ ước nguyện sinh lên trời, sinh về nước Chúa để có thể diện kiến Thiên chúa ở đó. Tình yêu của chúng sinh ở Dục giới không thể trù lên các cõi trên, Sắc giới và Vô sắc giới. Cho nên, khi kinh nói, “*tâm cầu hữu với từ, trù khắp một phương*”[26] là nói đến không gian của Dục giới đối với chúng sinh chưa ly Dục, hay chưa đắc Sơ thiên trở lên. Thêm nữa, y trên đối tượng là chúng sinh, chỉ quán chiếu đến các điều kiện khổ hay lạc của chúng sinh mà không quán chiếu bản chất tồn tại của chúng, đó là sự vận dụng tâm ý một cách chủ quan.[27] Do tính chất chủ quan như vậy nên không thể diệt trừ phiền não. Phiền não chỉ có thể bị đoạn trừ với nhận thức chân chính về bản chất của tồn tại. Ngoài ra, chúng chỉ bị trấn áp. Nói cách khác, chỉ khi nào tư duy tập trung quán chiếu trên đối tượng là pháp, quán chiếu bản chất tồn tại của pháp, chỉ như vậy mới diệt trừ được phiền não.[28] Cho nên, luận *Du-già* nói, bốn vô lượng được tu tập với đối tượng là hữu tình là hành trì phổ thông cho cả phàm phu lẫn ngoại đạo. Lấy pháp làm đối tượng, là pháp tu bất cộng, hay đặc hữu của Thanh văn và Độc giác. Vô duyên, tức đối tượng vô phân biệt là thực hành riêng biệt của Bồ tát.[29]

Trong đó, vô duyên từ được giải thích là thực hành của Bồ tát từ địa thứ tám trở lên. Ở đó, Bồ tát duyên đến đối tượng Chân như để quán chiếu. Khi chúng đắc vô sinh pháp nhẫn,[30] bấy giờ tất cả thiện căn đều viên mãn, và hết thảy phiền não được diệt tận, do bởi thân và ngữ nghiệp, mà Từ vô lượng y trên đó để thể hiện, bấy giờ hoàn toàn thanh tịnh.[31] Địa thứ tám của Bồ tát tương ứng với quả vị A-la-hán của Thanh văn, ở đó phiền não cũng đã bị diệt tận, và thân ngữ nghiệp đều thanh tịnh.

4. Quán chiếu tu Vô lượng

Hành từ như được thuyết minh trong *Du-già sư địa luận* và *Đại thừa tạng nghiêm kinh* là bắt đầu từ chỗ lấy chúng sinh làm đối tượng. Đây là sự nghiệp từ thiện xã hội mà mục đích là xóa đi nỗi thống khổ của chúng sinh. Làm như vậy chỉ có thể mong cầu phước báo ở thiên giới, mà cao nhất là thiên giới của Phạm thiên. Các Thánh đệ tử không quan sát nỗi khổ thế gian như là hậu quả của hàng loạt phản ứng tâm sinh lý. Ngoài nhận thức sự khổ của thế gian do ái biệt ly, hay tình thù tụ hội, các vị ấy quán sát sự khổ trên tính chất vô thường của các hành, tức trên tính vận động của mọi hiện tượng mà xu hướng tất yếu là dẫn đến tình trạng tan rã và sụp đổ. Quán sát rằng, “*Sắc là vô thường. Cái gì là vô thường, cái đó là*

khổ. Cái gì là khổ, cái đó không phải là tự ngã. Cái đó không phải là của tôi. Tôi không phải là cái đó. Cái đó không phải là tự ngã của tôi.” Trên cơ sở nhận thức đó, cái gọi là chúng sinh hay hữu tình, chỉ là tổ hợp giả danh; không tồn tại một thực hữu nào như là chúng sinh cả. Cho nên, khi các Thánh đệ tử hành bốn vô lượng, nói là rải tâm từ lên hết thảy chúng sinh trong một phương; từ phương đông, cho đến cả sáu phương, thượng phương, hạ phương. Nhưng vì chúng sinh là giả hữu, không thể lấy cái giả hữu làm đối tượng tu tập; cho nên, đối tượng mà Thánh đệ tử hướng đến để vận dụng tâm từ là pháp.

Trong hai đoạn kinh được dẫn từ A-hàm và Nikāya ở trên, Phật chỉ dạy bốn vô lượng như là pháp yếu dự bị làm nền tảng cho sự tu tập cao hơn đối với các tỳ kheo trẻ, hay tỳ kheo mà nghị lực không nhiều lắm. Bởi vì đối tượng ở đây không phải là các vật vô tri vô giác như đất, nước, hơi thở, hay xác chết ngoài bãi tha ma, mà là những con người cụ thể có một quan hệ xã hội hay thân thích trong chừng mực nào đó. Tập trung ý tưởng trên những đối tượng gần gũi, dễ gợi nhớ, với những tình cảm thân thiết nhất, để loại bỏ dần các ý tưởng xấu, những ác bất thiện pháp. Nói theo ý nghĩa tâm lý học, các tỳ kheo trẻ được khuyến khích tu tập bốn vô lượng, coi đó như là sự đào luyện tâm lý để có thể sống cuộc sống viên ly, an lạc, mà không cảm thấy cô độc trong núi rừng hoang vắng.

Bồ tát hành đạo bắt đầu từ giữa lòng xã hội nên sự tiếp cận với mọi thống khổ nhân sinh là lẽ tất nhiên. Tu bốn vô lượng là y trên a-thế-da, trên tầng thượng ý lạc, nghĩa là y trên tâm tâm, trên tâm nguyên nhiệt thành và luôn luôn hướng thượng, ước mong xóa sạch mọi thống khổ của thế gian. Như vậy, khởi điểm hành từ là hướng đến các chúng sinh như là đối tượng. Như kinh *Kam-cang* nói, Bồ tát hành đạo đưa vô số chúng sinh đến an lạc của Niết bàn mà không thấy ở đó có chúng sinh, vì Bồ tát không hành đạo với ấn tượng về sự tồn tại của tự ngã. Ngay chỗ này, Văn-thù đã chỉ ra mâu thuẫn như là xung đột nội tâm khi Bồ tát hành từ như thế. Không thấy tồn tại chúng sinh như là thực hữu, nhưng vẫn cảm nghiệm một cách sâu xa các chúng sinh đang ngụp lặn trong biển khổ. Duy-ma-cật thuyết minh hành từ của Bồ tát gồm cả ba phương diện, như được phân tích trong luận *Du-già* và *Trang nghiêm*, cho nên không hề có mâu thuẫn xung đột trong nhận thức của Bồ tát và kinh nghiệm thực tế đời thường.

Trong thuyết minh của Duy-ma-cật, ba đối tượng hành từ không tách rời nhau, tuy vậy mỗi đối tượng vẫn có những đặc tính cá biệt y theo đó mà vận dụng quán chiếu. Trước hết, y trên quán chiếu tính Không theo đó mọi tồn tại đều bất thực, hết thảy chúng sinh đều như huyễn, Bồ tát hành từ không đối tượng, tức vô

duyên từ mà Duy-ma-cật giới thiệu như là tịch diệt tử. Tịch diệt, vì bản chất của tồn tại vốn không sinh không diệt. Bồ tát nhân thức pháp tính là Không, mọi hiện tượng đều là giả hữu; đau khổ hay an lạc là những hiện tượng giả hữu. Bồ tát tự bản thân không thấy có đau khổ hay an lạc, nhưng đồng thời cũng biết rằng các chúng sinh đang chịu đầy đọa bởi các khổ. Bồ tát vốn không bệnh, nhưng vì chúng sinh bệnh nên Bồ tát bệnh. Tâm từ như vậy vận hành một cách tự nhiên, tùy thuận pháp tính. Bồ tát yêu thương chúng sinh, đó là tình yêu không điều kiện, vì pháp tính là như vậy.

Một chuỗi các khái niệm tiếp theo trong đoạn thuyết minh này của Duy-ma-cật là những mô tả các yếu tính của vô duyên từ. Nói tóm lại, vô duyên từ được mô tả ở đây cũng là các phẩm tính của trí tuệ quán chiếu.

Trong vô duyên từ, như đã thấy, không thể thiếu chúng sinh duyên và pháp duyên. Các khái niệm về hành từ của A-la-hán, cho đến Phật, thuyết minh Bồ tát thể hiện từ tâm với đối tượng là pháp, là y trên những gì đã được chứng ngộ và được giảng dạy bởi Phật. Đó là pháp thanh tịnh ly nhiễm.

Cuối cùng là hành từ với chúng sinh duyên, Bồ tát hành từ cụ thể với mười ba-la-mật. Vật bổ thí là pháp, nhận bổ thí là chúng sinh; ba-la-mật được thành tựu là thực tại siêu việt, từ đó lưu xuất vô duyên từ.

Trên đây là đoạn thuyết minh về các phẩm chất của từ y trên các đối tượng. Trong sự thực hành, đoạn thuyết minh này cần được hiểu là sự hành từ diễn theo tuần tự thứ lớp, tương ứng với ba đại thời gian hành Bồ tát đạo: giai đoạn phàm phu trước khi chứng nhập Sơ địa; thứ hai, từ Sơ địa cho đến địa thứ bảy; sau hết, từ Bất động địa thứ tám cho đến thành Phật.

Bồ tát trong giai đoạn phàm phu, khi hành từ, để tâm từ không bị dao động và thoát thối trước vô lượng thống khổ của chúng sinh mà tâm từ hữu hạn của phàm phu không thể ôm trọn, do đó hành từ vì tình yêu đối với chúng sinh nhưng đồng thời cũng quán chiếu bản chất tồn tại như huyễn, bất thực của chúng sinh. Bồ tát hành từ như là tịch diệt, như là vô tránh, v.v...

Khi vào Sơ địa, do quá trình tích lũy tư lương phước đức bằng hành từ, do quán chiếu tính Không của các pháp, Bồ tát chứng thực chân lý, thấy được một phần của Chân như, bấy giờ thị hiện giữa thế gian mà hành từ với tâm vô cầu như A-la-hán, cho đến như

Phật. Từ tâm phát khởi từ các quả chứng Bồ đề hay giác ngộ. Trong đây, Bồ tát hành từ không chỉ thuận bằng a-thế-da tức bằng tâm nguyên mà thôi; nhưng là hành từ cụ thể bằng các ba-la-mật: thí, giới, nhẫn, tinh tấn, định, huệ, phương tiện, nguyện, lực, trí.

Sau hết, từ địa thứ tám, Bồ tát không bị dao động giữa sinh tử và Niết bàn, nên hành từ bằng các tự tại thọ sinh, hiện các thần thông du hý để giáo hoá, dựng thành một thế gian mà chúng sinh sống an lạc với trực tâm, thâm tâm, không dối trá, không tạp hành.

Trên đây là thuyết minh tường tận các sắc thái và các phẩm chất của hành từ y trên ba đối tượng. Đoạn tiếp theo, Văn thù hỏi về ba vô lượng còn lại, nhưng chỉ được thuyết minh văn tắt.



Về ý nghĩa căn bản của bốn vô lượng, luận Câu-xá [32] nói, “*Trước hết, tư duy về lạc mà mình cảm thọ được, hoặc lạc nơi Phật, Bồ tát, Thanh văn, Độc giác, hành giả ước nguyện hết thảy chúng sinh cũng cảm được lạc thọ như vậy. Đó là hành tâm từ vô lượng... Quán sát chúng sinh chìm đắm trong biển khổ, hành giả ước nguyện chúng được giải thoát khổ. Đó là hành bi vô lượng. Quán sát sự kiện các chúng sinh thoát khổ, được an lạc, hành giả khởi tâm tùy hỷ. Đó là hỷ vô lượng.*” [33] *Tu xả vô lượng, hành*

giả quán sát các chúng sinh với tâm bình đẳng, không thiên lệch thân sơ.” Đây là tu tập bốn vô lượng theo phương diện tiêu cực.

Định nghĩa của luận *Du giả* trước hết cũng theo ý nghĩa mang tính tiêu cực như vậy. Luận nói, “*Đối với chúng sinh mong cầu an lạc, Bồ tát phát khởi tăng thượng ý lạc, duyên đến khắp cả mười phương, an trụ trên nhận thức không điên đảo về hữu tình (với ước nguyện cho chúng được an lạc). Đó là tâm câu hữu với từ... Đối với chúng sinh thọ khổ, Bồ tát khởi tăng thượng ý lạc ước nguyện trừ khổ, duyên khắp mười phương với tâm câu hữu với từ... Đối với chúng sinh đang hưởng thọ lạc, khởi tăng thượng ý lạc tùy hỷ, duyên khắp mười phương với tâm câu hữu với từ... Đối với chúng sinh không khổ, không lạc, cũng không đang thọ khổ hay thọ lạc, theo thứ tự lần lượt khởi tăng thượng ý lạc trừ các mê hoặc si, tham, sân, duyên khắp mười phương với tâm câu hữu với xả.”*

Ở đây, trong định nghĩa của Duy-ma-cật, các vô lượng được nhận thức từ phương diện tích cực của chúng. Duy Ma-cật nói, Bồ tát hành bi là chia xẻ hết thảy công đức mà mình chứa nhóm được cho hết thảy chúng

sinh. Công đức ấy có thể hiểu theo nghĩa vật chất và cả ý nghĩa tinh thần. Cho nên, nói bi tâm là ước nguyện bạt khổ, thì đây không chỉ là ước nguyện, mà chính là hành động dẫn thân trong những công tác cứu tế.

Về tu hỷ, Duy-ma-cật nói, đối với những thành tựu lợi ích của chúng sinh, Bồ tát khởi tâm hoan hỷ, tùy hỷ mà không hề hối hận. Tức là luôn luôn tán trợ và khuyến khích những sự nghiệp từ thiện, đem lại ích lợi cho nhiều người. Nói là không hối hận, nghĩa là không hề do dự. Cuối cùng, tu xả, là thi hành phước nghiệp sự một cách bình đẳng với tâm vô cầu.

Đến đây thì một vấn đề quan trọng được đặt ra: Bồ tát hành bốn vô lượng, mang tình yêu đến với hết thảy chúng sinh, ngay trong thế giới đầy biến động kinh sợ, đây đây những hận thù như vậy, làm thế nào để giữ vững được tâm tư không dao động? Duy-ma-cật nói, bấy giờ Bồ tát nương tựa trên Đại ngã của Phật. Những người tu Phật không tin vào sự tồn tại của một Thần Ngã siêu việt. Tuy nhiên, như đã nói ở trên, được hành trì trong giới hạn phạm phủ, bốn vô lượng chính là bốn Phạm trụ, tức là con đường dẫn đến cộng trụ với Phạm thiên, thể nhập bản tính của Phạm thiên. Đối tượng để hành bốn Vô lượng chỉ trong giới hạn chúng sinh duyên. Bồ tát sơ phát tâm, tu bốn vô lượng để làm kiên cố tâm bồ đề, cũng bắt đầu với đối tượng là chúng sinh, nhưng chuyển đối tượng hướng đến Phật như là sở y. Đối tượng và sở y đó là Pháp thân Phật, với Niết bàn mà Phật chứng đắc, được nhân cách hóa hay thần hóa thành Đại Ngã. Đó là nhân cách biểu hiện cho sức mạnh của đại từ và đại bi, là nguồn suối tâm linh vô tận luôn tắm mát cho Bồ tát, thêm sức cho Bồ tát, nghĩa là gia trì uy lực cho Bồ tát trong mọi chương duyên khi hành đạo. Trong tận cùng sâu thẳm, ý nghĩa nơi nương tựa của Bồ tát có nguồn gốc là vô trụ. Vô trụ, là căn nguyên vô thủy của thiện và bất thiện. Vì căn bản vô trụ nên tất cả tùy thuộc nhân duyên. Nói cách khác, Bồ tát thâm hiểu lý duyên khởi, nhận thức rõ các pháp khi sinh, khi diệt đều lệ thuộc và quan hệ lẫn nhau. Nghĩa là, y trên quán chiếu tự tính của các pháp là Không mà vượt qua mọi sợ hãi.

KẾT

Ở đây, chúng ta tạm thời kết luận bằng trích dẫn đoạn kinh dưới đây.

Văn-thù-sư-lợi hỏi: "Đâu là nguồn gốc của vô-trụ?"

Duy-ma-cật đáp:

"Vô-trụ chẳng có gốc. Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi, từ gốc vô-trụ này mà các pháp được kiến lập."

Bấy giờ trong thất của Duy-ma-cật có một thiên nữ, thấy các trời, người đến nghe Pháp, liền hiện thân xuống rải hoa trời lên các Bồ tát và Đại đệ tử. Hoa rắc trên thân

các Bồ tát tức thì rơi xuống đất, nhưng rắc trên thân các Đệ tử thì bám vào. Tất cả các vị Đệ tử dùng thần lực phủi hoa, nhưng hoa không đi.

Tuệ Sỹ

[1] *Duy-ma-cật sở thuyết* (La-thập), Phẩm Quán chúng sinh (*Vimalakīrtinirdeśa*, *Devatāparivartah śaṣṭha*)

[2] Nhiệt thời viêm 熱時炎. VCX: dương diệm thủy 陽焰水, bóng nước trong quang năng. *Vimala*: marīcikāyām udakam.

[3] Không trung vân 空中雲. VCX: hư không trung vân thành đài các 虛空中雲城臺閣, thành quách, đài các trong mây trong bầu trời; Skt. gandharavanagara, thành phố gandharva, thành phố càn-thát-bà, chỉ thành phố nhìn thấy trong biển do phản chiếu của mây và hơi nước bốc từ biển.

[4] DMC: thủy tụ bọt 水聚沫. (Skt. phenapiṇḍa). VCX: thủy tụ bọt sở hữu tiền tế 水聚沫所有前際, tiền tế của đám bọt nước; VCS giải thích: «tiền tế vốn không hiện hữu, vì nguyên lai là không.» Nghĩa là, không thể xác định điểm xuất phát của bọt nước. Cf. Pali, Samyutta, iii. 142: *Phenapiṇḍupamaṃ rūpaṃ, vedanā bubbulūpamā, marīkūpamā saññā, saṅkhārā kadalūpamā; māyūpamañña viññāṇaṃ*, quán sắc đồng bọt nước, thọ như bong bóng nước, tưởng như quang năng, hành như cây chuối, thức như huyền thuật.

[5] DMC: thủy thượng bào 水上泡; (Skt. udakabudbuda) VCX: thủy phù bào hoặc khởi hoặc diệt 水浮泡或起或滅. bong bóng trên mặt nước chợt nổi chợt chìm. Cf. Trung A-hàm 12 (Đại 1, tr. 503b).

[6] Điện cửu trú 電久住. VCX không có thí dụ này.

[7] VCX: tu đại từ (Skt. mahāmaitrī-bhāvanā).

[8] *Đại Bát-nhã* (Huyền Trang), quyển 587, T7n220, tr. 1036c29.

[9] *Phật mẫu xuất sinh Tam pháp tạng Bát-nhã ba-la-mật-đa kinh*, quyển 20, Taisho T8n228, tr. 655b04 佛說佛母出生三法藏般若波羅蜜多經

[10] *Đại Bát-nhã* (Huyền Trang), quyển 550, T7n220, tr. 834b12

[11] Phẩm 5, "Văn thù thăm bệnh".

[12] *Trung A-hàm* 21, kinh Thuyết xứ, T1n26, tr.563b13.

[13] Cf. *Đại tập pháp môn kinh*, T1n12, tr. 228a21 ba trụ: Thiên trụ, Phạm trụ, Thánh trụ. 天住梵住聖住. *Trường A-hàm* 8, kinh Chúng tập, T1n1, tr. 50b14. gọi là ba đường: Hiền thánh đường, Thiên đường, Phạm đường. 賢聖堂. 天堂. 梵堂. Cf. *Tập dị môn luận* 6, T26n1536, tr. 389a16, ba trụ: "Thiên trụ, Phạm trụ, Thánh trụ. .. Thế nào là Phạm trụ?

Đó là bốn vô lượng: từ, bi, hỷ, xả. Như Thế Tôn nói cho Bà-la-môn Phệ-na-bồ-lê, Ta có khi hành một trong bốn vô lượng, với mục đích Phạm trụ.." Cf. Pali, *Saṅgīti-sutta*, D. iii. 219: *tayo vihāra- dibbo vihāro, brahmāvihāro, ariyo vihāro*. Giải thích ý nghĩa của *Brahma-vihāra* (Phạm trụ), *Visuddhimagga*, ix. 106 (i. 321): *Yathā ca brahmāno niddosacittā viharanti, evaṃ etehi sam-*

payuttā yogino brahmasamā hutvā viharantī seṭṭhaṭṭhena niddosabhāvena ca brahmavihārāti vucanti. Cũng như các Phạm thiên sống với tâm không oán kết, cũng vậy ở đây hành giả an trụ tương ưng bình đẳng với Phạm thiên được nói là an trụ với Phạm thiên (Phạm trụ) với tâm tối thượng không oán kết.

[14] *Tăng nhất A-hàm* 21, T2n125, tr.658c18, gọi bốn vô lượng này là "bốn đẳng tâm" 四等心 và bốn Phạm trụ là "phạm đường. 梵堂" Nguyên tiếng Phạn *vihāra* có nghĩa là *trụ*, hay đời sống, và cũng chỉ cho tinh xá hay tăng viện.

[15] *Trường A-hàm* 16, kinh Tam minh, T1n1, tr. 104c16. Cf. Pali, *Tevijjā-sutta*, D. i. 236ff.

[16] Skt. Brahmakāyika.

[17] Skt. Brahmapurohita.

[18] Skt. Mahābrahman.

[19] *Câu-xá* 29. Tham chiếu, Pali, *Visuddhimagga*, ix. 111-112 (bản Anh, Nānamoli): ba phạm trụ đầu, y trên ba thiền đầu trong hệ bốn thiền, hay bốn thiền đầu trong hệ năm thiền. Xả vô lượng, duy nhất y trên thiền cuối cùng. Hoặc y trên cả năm thiền, dẫn kinh *Samkhitta-suttam*, Anguttara iv. 300: cả bốn vô lượng y trên định có tâm có tứ (*savitakkampi vicāraṃ pi*: Sơ thiền), y trên định không tầm chỉ có tứ (*avitakkam savicāraṃ*: trung gian thiền), định không tầm không tứ (*avitakkam avicāraṃ*: Nhị thiền), định câu hữu với hỷ (*sappītikam pi*: Nhị thiền), định không hỷ (*nippītikampi*: Tam thiền), định câu hữu với niệm (*sātasahagatampi*: Tứ thiền), định câu hữu với xả (*upekkhāsahagatampi*: Tứ thiền).

[20] *Thuận chính lý* 79. Tham chiếu Pali, *ibid.*, 119: từ tâm giải thoát (*mettaṃ cetovimuttim*), cao nhất là Tĩnh thiền (*Subhāparama*); bi tâm giải thoát (*karuṇaṃ cetovimuttam*), cao nhất là Không vô biên xứ (*Ākāśañāñcāyatanaparama*); hỷ tâm giải thoát (*muditaṃ cetovimuttim*), cao nhất là Thức vô biên xứ (*Viññāṇañcāyatanaparama*); xả tâm giải thoát (*upekkhaṃ cetovimuttim*), cao nhất là Vô sở hữu xứ (*Ākiñcaññāyatanaparama*).

[21] *Câu-xá* 29, T29n1558, tr. 150b23. Giải thích của *Thuận chính lý* 79, T29n1562_p0769a03: sân (thù nghịch, *vyāpāda*) là một tâm sở. Muốn sát hại hữu tình, gây đau đớn cho chúng là tâm sở hại (*vihiṃsa*). Đắm trước cảnh giới, không muốn, không hài lòng với các phẩm thiện, gọi là không hân uỷ (*arati*). Trọng các đối tượng dục lạc mà khởi tâm tham nhiễm, tình không biết chán, gọi là dục tham (*kāmarāga*). Cf. *Visuddhimagga*, ix. 93-96 (bản Anh, Nānamoli): từ đối trị sân (*vyāpādūpasamo*), bi đối trị hại (*vihiṃsūpasamo*), hỷ đối trị bất mãn (*arativūpasamo*), xả đối trị hiềm hận và tùy tham (*paṭighānūpasamo*).

[22] Cf. *Samkhitta-suttam*, Anguttara iv. 300: *mettā me cetovimutti bhāvitā bhavissati bahulikatā yānikatā vatthukatā anuṭṭhitā paricitā su-samāradhāti*.

[23] *Câu-xá* 29, T29n1558, tr. 150c21. Cf. *Thành thật luận* 12: "Tu từ tâm tuy không đoạn được kết sử phiền não, nhưng trước hết bằng từ tâm mà tích lũy phước đức, trí tuệ, nhờ đó đạt được huệ của Thánh đạo để đoạn trừ các kết sử. Vì vậy, Kinh nói, tu tâm để chứng đắc A-na-hàm."

[24] Skt. *āsaya*, ý hướng, hay xu hướng. Vì rất khó tìm thấy từ nghĩa tương đương, nên Huyền Trang đành phiên âm. La-thập thường dịch là *thâm tâm*.

[25] *Đại thừa tạng nghiêm kinh luận* 9, T31n1604,

tr. 635c20. Cf. *Sūtrāṅkāra*, xvii, k.17, *brāhmyā vipakṣahinā jñānena gatās ca nirvikalpena/ triv-idhāmbanavṛttāḥ sattvānām pācākā dhīre//*

[26] Pali định cú: *mettāsahagatena cetasā ekaṃ disaṃ pharivā viharati*.

[27] Thăng giải tác ý, skt. *adhimukti-manasikāra*, phán đoán chủ quan. Trái với chân thật tác ý, Skt. *tattva-manasikāra*, phán đoán y trên sự thực.

[28] *Thuận chính lý* 79.

[29] Quyển 44, T30n1579, tr. 535c25.

[30] *anutpattidharmakṣānti*, chứng nghiệm tự tính không sinh khởi của các pháp. Bồ tát từ địa thứ sáu, thành tựu Bát-nhã ba-la-mật, thâm đạt tính Không, nhận thức các pháp bản lai không sinh, không diệt. Nhận thức này được gọi là thuận nhẫn. Từ địa thứ bảy đến thứ chín, thuận nhẫn chuyển thành vô sinh pháp nhẫn.

[31] *Sūtrāṅkāra*, xvii. k. 19: *tasyās ca tathatārthatvāt kṣāntilābhād viśuddhitah/ kar-madvayād anāmbā maitrī kleśakṣayād api//* vô duyên từ, vì quán chiếu chân như, vì đắc (vô sinh pháp) nhẫn, vì hai nghiệp đã tịnh và vì phiền não đoạn tận.

[32] Quyển 29, .

[33] Cf. *Visuddhimagga*, ix. 108 (bản Anh): đó là bốn ước nguyện đem lại lợi ích an lạc, giải thoát khổ, tùy hỷ theo sự thành tựu của chúng sinh, và vô cầu. *Yasmā ca hitūpasamhāra-ahitāpanayana-sampattimodana-anābhogavasena catubbidhoyeva sattesu manasikāro*.





The Nobel Prize in Literature 2016 was awarded to Bob Dylan "for having created new poetic expressions within the great American song tradition". (nobelprize.org)

“BLOWIN' IN THE WIND”

How many roads must a man walk down
Before you call him a man?
How many seas must a white dove sail
Before she sleeps in the sand?
Yes, and how many times must the cannon balls fly
Before they're forever banned?
The answer, my friend, is blowin' in the wind
The answer is blowin' in the wind

Yes, and how many years can a mountain exist
Before it's washed to the sea?
Yes, and how many years can some people exist
Before they're allowed to be free?
Yes, and how many times can a man turn his head
And pretend that he just doesn't see?
The answer, my friend, is blowin' in the wind
The answer is blowin' in the wind

Yes, and how many times must a man look up
Before he can see the sky?
Yes, and how many ears must one man have
Before he can hear people cry?
Yes, and how many deaths will it take 'till he knows
That too many people have died?
The answer, my friend, is blowin' in the wind
The answer is blowin' in the wind

BOB DYLAN

“THÔI BAY THEO GIÓ”

Người bao nhiêu dặm đường trần phải bước
Đề thiên hạ gọi là được thành nhân?
Bao biển xa bờ câu cần bay lướt
Mới về được cồn cát mượt ngủ yên?
Vâng! Đại bác bắn bao viên tàn phá
Rồi người ta mới lệnh cấm ban ra?
Câu trả lời, bạn ơi, hòa trong gió
Câu trả lời theo gió thổi bay xa!

Ngọn núi kia tồn tại được bao đời
Trước khi bị nước cuốn trôi ra biển?
Kiếp người phải sống thêm bao năm tháng
Rồi mới được xếp vào hàng tự do?
Vâng! Bao lần ta chỉ lo ngoảnh mặt
Và làm ngơ như mắt chẳng thấy gì?
Câu trả lời, bạn ơi, mờ trong gió
Câu trả lời, bay theo gió còn chi!

Biết bao lần ta phải ngược mắt lên
Mới nhìn thấy trời cao ngất phía trên?
Ta cần phải có thêm bao tai nữa
Mới nghe được ai nức nở canh trường?
Vâng! Phải thấy nhiều cái chết thảm thương
Mới nhận ra sinh mạng chỉ vô thường!
Câu trả lời, bạn ơi, vương trong gió
Câu trả lời, theo gió lượn muôn phương!

TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO

thơ

(chuyển ngữ, Nov-2016)

Đón Xuân, uống trà, mạn đàm chuyện Đời, chuyện Đạo

HUỲNH KIM QUANG

Ngày Tết theo truyền thống dân Việt là dịp sum họp gia đình, họ hàng. Dù đi đâu hay có bận gì thì tới ngày Tết con cháu trong nhà cũng dành vài ngày để quy tụ về nhà ông bà, cha mẹ, nhà từ đường cùng nhau ăn Tết, chúc xuân, thăm hỏi và hàn huyên chuyện trò.

Thôi thì mình cũng “trước sao sau vậy,” theo tục lệ mấy ngày Tết cùng nhau đón xuân, ăn mứt, uống trà và mạn đàm chuyện đời, chuyện đạo cho vui! Người viết đã pha bình trà rồi, lại còn có mứt nữa. Bây giờ mình bắt đầu câu chuyện đầu năm đi nha.

Theo âm lịch, năm nay là năm Đinh Dậu, năm con gà. Con gà làm được một việc lợi lạc mà những con khác trong mười hai con giáp không làm được là đánh thức nhân gian bằng tiếng gáy lúc gần sáng. Ở miền quê Việt Nam ngày xưa, mà có lẽ ngày nay cũng thế, khi mà người dân quê ít ai canh đồng hồ báo thức để dậy sớm đi cày cấy, đi làm lụng, đi buôn bán tảo tần thì tiếng gà gáy sáng chính là đồng hồ báo thức chính xác và hữu ích nhất.

Trong lúc mọi người đang ngủ say thì tiếng gà gáy thức tỉnh họ dậy, kéo người ta ra khỏi mộng mị của cuộc đời để trở về với thực tại cuộc sống. Cho nên ca dao Việt Nam có câu:

*“Gió đưa cành trúc là đà
Tiếng chuông Linh Mụ, canh gà Thọ Xương.”*

Người mình xem tiếng gà gáy báo thức

sang canh như tiếng chuông Chùa Linh Mụ thức tỉnh lúc gần sáng. Như vậy, con gà ngoài việc cống hiến trứng và thịt cho con người ăn còn giúp người ta tỉnh giấc mộng đời. Hữu ích lắm chứ!

Xin nói thêm về con gà một chút để biết cho vui. Theo tự điển bách khoa mở Wikipedia, thì con gà là loài gia súc có mặt sớm nhất tại Đông Nam Á và tại Ai Cập gà được biết tới rất sớm vào khoảng 15 thế kỷ trước công nguyên. Vào năm 2011, dân số gà nhiều hơn gấp 2 lần dân số loài người, với 19 tỉ con gà sống trên trái đất.

Nhưng, nói đến tục lệ đón xuân của người Việt thì người viết chịu nhất là chuyện làm mới mọi thứ từ tâm đến thân, từ trong nhà ra ngoài đường, đâu đâu cũng mới, cũng đẹp. Để đón xuân, người Việt mình chuẩn bị nhiều thứ, sơn sửa, quét dọn, lau chùi, trang hoàng nhà cửa từ trong ra ngoài. Lại còn sắm sửa đồ đạc, mua hoa quả bánh trái, rim mứt để cúng Phật, cúng ông bà trong ba ngày Tết. Và đối với bọn con nít thì háo hức se sua quần áo mới để mặc đi chơi Tết. Đặc biệt, trong ngày Mừng Một Tết thì tục lệ nước mình rất kỹ lưỡng, rất tinh tế, từ việc giữ gìn lời ăn tiếng nói đến việc đi chùa lễ Phật trong ba ngày Tết để thân tâm đều trong sạch mà chiêu cảm phước lạc cho cả năm.

Lúc nhỏ thì không hiểu, nhưng khi lớn lên, học được Phật Pháp thì người viết nhận thức

tục lệ sửa soạn và làm mới thân tâm trong ngày Tết là điều rất hay, rất hữu ích. Qua đó, ít nhất, một năm người mình cũng có một cơ hội để tu sửa thân tâm, nhất là tu sửa cái tâm mình để sao cho không nghĩ, không nói và không làm điều gì bất lợi cho mình và người. Đó chính là thực hành theo lời Phật dạy là chuyển hóa chánh báo (thân tâm) và y báo (hoàn cảnh sống chung quanh, gia đình và xã hội) bằng cách chuyển hóa ba nghiệp (tức hành tác của thân, miệng và ý) theo điều thiện. Đó cũng chính là làm đúng theo đạo lý nhân quả, tạo nhân lành để có quả lành. Nếu chỉ biết cầu mong điều tốt đẹp mà không làm gì để tạo nhân lành thì không thể có kết quả lành đến với mình. Khoa học và thực tế lắm chứ, không mê tín dị đoan chút nào. Nếu mỗi ngày cũng làm mới thân tâm như ngày Tết thì chắc chắn sẽ có nhiều kết quả lợi lạc hơn rất nhiều.

Ở Quận Cam của Tiểu Bang California, Hoa Kỳ, nơi có đông đảo người Việt định cư nhất tại hải ngoại, vào dịp cuối năm âm lịch phổ xá cũng từng bùng vào những ngày mua sắm đồ Tết. Ở đây không thiếu thứ gì, từ hoa quả bánh trái, rim mứt, và những món ăn truyền thống dân tộc. Dường như ở đây, những ngày cận Tết thì có không khí Tết hơn là chính mấy ngày Tết.

Người viết mấy năm nay cứ vào đêm Giao Thừa là đến các chùa tại Little Saigon để làm tin, làm phóng sự cho báo. Nhận nhíp, vui vẻ và có không khí Tết nhất là đêm Giao Thừa tại các chùa. Chùa nào cũng đông người đi lễ Phật, đi coi văn nghệ và đốt pháo. Vì an ninh, các chính quyền thành phố chỉ cho đốt pháo tại một số chùa có xin phép, nên rất đông người, nhất là giới trẻ là những người ghiền đốt pháo Tết, tập trung về các chùa có đốt pháo để "ăn ké." Có chùa vào giờ Giao Thừa từ trong chánh điện ra tới ngoài đường người đi không có chỗ chen chen. Đúng là đông như ngày hội Tết! Tất nhiên hễ có đông người tụ hội thì không sao tránh khỏi những điều phức tạp. Có chùa than phiền về tình trạng người đi lễ đầu năm bứt bẻ cây cảnh để làm lộc đầu năm khiến cho cây kiểng trong chùa xác xơ tan nát, nên các chùa đã chuẩn bị thật nhiều trái cây như cam quýt hoặc những cành mai, hoa đủ thứ và cả bao lì xì để tặng người đi lễ chùa làm lộc mang về đầu năm.

Ày vậy mà sao có người đòi bỏ đi tục lệ đón xuân ý nghĩa và cao đẹp này? Thật là mười phần không nên. Nếu sợ tốn kém, phung phí thì chỉ nên giảm bớt ngày nghỉ lễ Tết không để kéo dài quá lâu làm hăng xướng, công sở bị thiệt hại và ảnh hưởng tới nền kinh tế cả nước

thôi. Nhưng đó là chuyện ở trong nước, còn ở hải ngoại thì ngày Tết Việt Nam không ảnh hưởng tới công sở Mỹ, có chăng là một số cơ sở kinh doanh của người Việt, mà cũng chỉ cho nghỉ vài bữa chứ không lâu lắm.

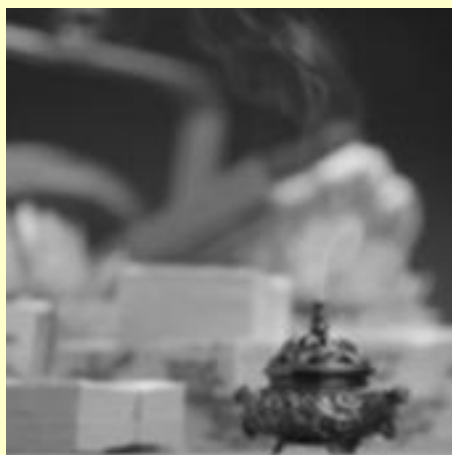
Năm mới, ai cũng mong điều tốt đẹp sẽ đến, nhất là trong bối cảnh nhiều bất an của thế giới mà chúng ta đang sống hiện nay. Truyền thông ngày nào cũng tràn ngập những tin tức về Nhà Nước Hồi Giáo (IS) và khủng bố al-Qaeda mở mặt trận quy mô ở Syria, Iraq, vừa rình rập từng cơ hội để nổ bom, bắn giết nhiều người trên khắp thế giới từ Âu Châu sang Mỹ Châu. Hàng triệu di dân tại Trung Đông và Bắc Phi tràn qua Châu Âu gây khủng hoảng an ninh, kinh tế, xã hội chưa từng có và tạo dây chuyền bất ổn đến các nước khác trên thế giới. Chưa hết, còn chủ nghĩa dân tộc tả phái, hữu phái cũng đang vùng dậy, qua hình ảnh của một Tổng Thống Nga Vladimir Putin, Chủ Tịch Trung Quốc Tập Cận Bình, Tổng Thống Philippines Rodrigo Duterte, và mới đây Tổng Thống Mỹ Donald Trump. Thêm vào đó là các chủ trương bảo hộ mậu dịch về kinh tế góp phần tạo mối đe dọa đến các thành quả có được của toàn cầu hóa trong mấy chục năm qua. Trật tự thế giới đang bị những nhà chủ nghĩa dân túy đó sắp xếp lại theo chủ

thuyết riêng của họ mà chẳng nghĩ gì tới sự an nguy của toàn nhân loại. Thực trạng của một đất nước Syria tan nát, một Châu Âu đầy bất trắc, một Trung Mỹ chao đảo, một Biển Đông của Thái Bình Dương dậy sóng là các hệ quả của chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Và chắc chắn sẽ còn nhiều bất an nữa sẽ diễn ra trên hành tinh này trong những năm tháng tới!

Không chỉ có chừng đó bất an, thế giới này và đặc biệt ngay trên quê hương Việt Nam tình trạng biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi sinh đã và đang đem tới nhiều thiệt hại to lớn về nhiều mặt, từ kinh tế, xã hội tới an ninh, sức khỏe và đời sống của con người. Thảm họa mực nước biển dâng cao xâm thực làm thiệt hại việc canh tác tại đồng bằng lưu vực Sông Cửu Long; vụ thải chất độc xuống biển của công ty Formosa tại Hà Tĩnh làm cá chết hàng loạt, gây ô nhiễm vùng nước biển, khiến cho hàng triệu người dân nhiều tỉnh miền Trung Việt Nam lâm vào tình cảnh điều đứng khổ sở!

Chắc có người sẽ nhún mày cho rằng bộ hết chuyện nói rồi chẳng, sao ngày Tết ngày Nhứt mà lại đem ba cái chuyện không vui này ra nói!

Thưa, trên đời, đã có chuyện vui thì ắt có chuyện không vui. Nhất là người con Phật thì ý thức rõ điều đó hơn ai hết. Và nếu đã thích vui thì cũng phải chấp nhận cái không vui, vì đó là hai mặt của cuộc đời luôn luôn cùng hiện hữu.





Không ai có thể chỉ muốn có điều vui không thôi mà không nhận điều không vui được. Dù mình có phủ nhận, có từ chối, có trốn chạy cái khổ thì nó vẫn sờ sờ ra đó, ngay trong nhà mình, trong cuộc sống mình, trong thân tâm mình. Trong thế giới tương quan duyên khởi này có-không, sinh-diệt, khổ-vui cùng nương nhau mà tồn tại, khi *"cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia không."* Bởi thế chúng ta mới đi theo đức Phật, mới đến với đạo Phật để học và tu sao cho đạt tới mở mang trí tuệ để nhìn rõ bản chất các pháp và biết cách trực diện để chuyển hóa chứ không trốn chạy nữa. Khi làm được vậy thì mới mong giải thoát khổ đau.

Trong mấy ngày Tết tam được nhàn hạ một chút, người con Phật cũng nên suy nghiệm là chúng ta có thể làm gì để góp phần giải quyết các nan đề của nhân loại nói chung và ngay chính cuộc sống của mỗi người chúng ta nói riêng? Từ vấn đề đó dẫn chúng ta đến hai vấn đề khác là, một, có phải người Phật tử là nên tránh xa những chuyện đời như thế để chỉ lo tu hành thôi; và hai, trong Phật Giáo có giải pháp cho những vấn đề như thế?

Nãy giờ nói chuyện cũng hơi lâu, bình trà đã pha tới nước thứ ba rồi. Nước trà đã nhạt, hết ngon. Xin cho phép vài phút để người viết pha lại bình trà khác uống cho đậm đà, nha quý vị. À, nói chuyện say mê đến quên thưởng thức món mứt gừng vừa cay, vừa ngon miệng rồi. Trong lúc chờ pha bình trà khác, xin mời chư vị ăn mứt để biết hương vị Tết Đinh Dậu mặn mà cỡ nào!

Bây giờ chúng ta lại vào chuyện tiếp. Được rồi chứ!

Thật ra, sự tồn tại và phát triển của Phật Giáo trên thế giới hơn hai ngàn rưỡi năm và tại Việt Nam hơn hai ngàn năm đã là câu trả lời thật rõ ràng cho chúng ta đối với những vấn đề vừa được nêu ra. Tại sao? Bởi vì, nếu Phật Giáo không có khả năng, không đóng góp được gì cho nhân loại và cho đất nước Việt Nam thì Phật Giáo đã không được nhân loại và dân tộc Việt đón nhận một cách trân quý và nhiệt thành như chúng ta đã và đang thấy suốt chiều dài lịch sử trên hai mươi lăm thế kỷ qua.

Trong tác phẩm *Lý Hoặc Luận*, có mặt vào khoảng hậu bán thế kỷ thứ 2 sau tây lịch tại Giao Châu, tác giả Mâu Tử—một tri thức Tàu tị nạn tại Giao Châu và rồi chống lại quan điểm cho rằng nước Trung Hoa là trung tâm của trời đất—khi bàn về đạo hiểu trong Phật Giáo có nói rằng đạo lý đó không phải là lý thuyết suông mà là *"Ở trong nhà thì hiếu thảo với cha mẹ, ra ngoài xã hội thì cứu dân độ thế, khi ngồi một mình thì tu thân."*

Đúng vậy, trên thực tế Phật Pháp không chỉ là lương dược trị bệnh thân tâm cho cá nhân con người mà còn là giải pháp hữu hiệu để trị quốc an dân. Điều này đã được lịch sử chứng thực qua việc đem giáo pháp Phật để bình trị thiên hạ một cách thành công của Vua A Dục ở Ấn Độ, Vua Lương Võ Đế ở Trung Hoa, các vua triều đại nhà Đinh, Lê, Lý, Trần của Việt Nam, v.v... Gần đây nhất là cuối năm 1999, Liên Hiệp Quốc cũng đã ra Nghị Quyết lấy giáo pháp tử bi và hòa bình của đức Phật để xoa dịu và hóa giải những bất an, bạo động và khủng hoảng trên thế giới. Cũng nhân Nghị Quyết đó, Liên Hiệp Quốc mới đặt ra việc tổ chức Đại Lễ Vesak, kỷ niệm ngày Đản Sanh, Thành Đạo và Nhập Niết Bàn của đức Phật hàng năm.

Hãy nói chuyện ở nước mình cho dễ thấy. Rằng, nếu mọi người từ dân đến quan đều thực hành lời Phật dạy một cách hữu hiệu, giữ gìn Năm Giới, bỏ bớt tham sân si, thực hiện lòng từ bi thương yêu lẫn nhau [từ bi], biết nghĩ cho người khác [lợi tha], vận dụng được phần nào tiềm lực trí tuệ ngay trong chính mỗi người [trí tuệ], thì sẽ mang lại biết bao lợi lạc cho mình, cho người, cho đất nước và dân tộc. Đừng nói đâu xa chỉ xin nói một chuyện là mỗi người dân, mỗi ông quan có thể bỏ bớt lòng tham chiếm hữu của cải của người khác, không trộm cắp của người, của công, giữ lòng thanh bạch thì đã có thể tránh được đại nạn tham nhũng, bóc lột và hà hiếp dân lành. Ngay như chuyện Fomorsa còn mới tinh trước mắt, suy cho cùng căn nguyên sâu xa nhất cũng là từ lòng tham của con người mà ra, phải không? Còn gì nữa chứ! Thì do lòng tham mà các quan có trách nhiệm đã mắt nhắm mắt mở để dãi thông qua kế hoạch để nhận hầu bao, do tham lợi mà mờ mắt lương tri không nghĩ tới hậu quả tai hại cho người khác, do tham lam mà quên mất việc làm của mình sẽ dẫn tới thiệt hại lớn lao và lâu dài cho môi trường sống của muôn vạn người dân, v.v...

Người viết có cảm nghĩ dường như người con Phật ngày càng có khuynh hướng sống và cho rằng người tu Phật thì không nên can dự vào chuyện đời, nhất là chuyện "chính trị chính em," thì phải!

Xin nhớ rằng, Phật Giáo sở dĩ được các dân tộc bản đ đón nhận một cách hoan hỷ và xem như là một bộ phận gắn bó của dân tộc đó, như ở nước ta, chẳng hạn, hay có câu nói "đạo pháp và dân tộc như nước với sữa," là vì Phật Giáo,



ngoài việc tự tu tự độ, còn làm được rất nhiều việc lợi lạc cho con người và xã hội, kể cả chuyện trị quốc an dân.

Nhân chuyện này, chúng ta cũng nên chiêm nghiệm lại vấn đề rằng là, tại sao hậu thế ngày nay khi nhắc đến công hạnh cống hiến cho quốc gia xã tắc của các vị thiền sư Việt Nam thời Đinh, Lê, Lý, Trần như Thiền Sư Khuông Việt, Thiền Sư Vạn Hạnh, Thiền Sư Tuệ Trung Thượng Sĩ, Sơ Tổ Thiền Phái Trúc Lâm Trần Nhân Tông, v.v... thì không tiếc lời tán dương, ca ngợi, nhưng lại chê trách việc dẫn thân hộ quốc an dân của người con Phật thời nay? Chẳng lẽ những việc quý ngài thời đó làm lại không liên quan đến chuyện chính sự hay sao!

Bình tâm mà xét, chúng ta có thể thấy rằng, ngoài việc đóng vai trò giữ vững ngọn đèn Chánh Pháp, nỗ lực hoằng pháp lợi sinh, người con Phật, cũng cần đóng góp vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước và xã hội ở nhiều bình diện khác, gồm cả chính trị. Ở đây, chư vị xuất gia vì đời sống tu hành xuất thế không tiện tham gia vào chính sự thì có thể góp phần vào công cuộc giáo dục quần chúng, giáo dục tuổi trẻ, gây ý thức, truyền trao kiến thức để những người Phật tử tại gia này trực tiếp đóng góp vào việc trị quốc an dân. Cũng xin nhắc lại rằng, ngày xưa tại nước ta khi chưa có hệ thống giáo dục nhà nước để đào tạo nhân tài ra giúp nước, thì chùa chiền là nơi đảm nhận vai trò giáo dục quốc dân, mà bằng chứng lịch sử rõ nhất là triều đình Nhà Đinh đã cử Thiền Sư Đỗ Pháp Thuận giả làm gã chèo đò để tiếp đón sứ giả Nhà Tống là nhà thơ Lý Giác đi sứ sang Việt Nam; hoặc Vua Lý Công Uẩn được Thiền Sư Vạn Hạnh nuôi dạy trong chùa rồi cho ra làm quan tới chức Điện Tiền Chỉ Huy Sứ trong triều đình Nhà Lê nên mới có cơ hội làm cách mạng để lập ra Nhà Lý.

Tất nhiên, đó không phải là chuyện dễ thực hiện. Xin nêu ra hai cái khó. Trước hết, Phật Giáo Việt Nam hiện tại trong nước vẫn chưa có các trường trung tiểu và đại học được nhà nước công nhận để thực hiện việc giáo dục tuổi trẻ hữu hiệu. Tuy nhiên, vẫn còn có nhiều điều có thể làm được như biến nhà chùa thành cơ sở giáo dục nhiều mặt, có thể là nơi dạy

kèm sau giờ học, là nơi giúp dạy nghề nghiệp, dạy ngoại ngữ, dạy sử dụng máy điện toán, v.v... Chùa cũng có thể lập các tủ sách, hay quy mô hơn thì lập thư viện, tùy theo điều kiện cơ sở vật chất, tài chánh và nhân sự của chùa. Lập được thư viện ngay trong chùa là điều lý tưởng vì vừa giúp các em có sách vở tham khảo, học hành, vừa khuyến khích các em nói riêng và quần chúng nói chung tham gia vào công cuộc đọc sách để vực dậy phong trào đọc sách trên cả nước. Đây là công tác có hiệu quả dài hạn, bởi vì đó là cách bồi đắp nền dân trí của quốc dân thực sự. Khi dân trí cao thì đất nước dễ tiến bộ và phát triển.

Cái khó thứ hai là dù người Phật tử tại gia có quy y, có thọ năm giới, có học Phật Pháp, có Thầy bổn sư dạy dỗ, nhưng khi tham gia vào guồng máy chính trị điều hành đất nước thì chưa chắc giữ được đạo tâm và làm được những gì đã học từ trong chùa, bởi vì khi vào đó thì rất dễ bị lợi danh, quyền hành lôi kéo và khó giữ sạch mình. Đây không những là thực tế xã hội mà còn là nan đề của Phật Giáo Việt Nam. Các Phật tử có tâm có tu thì không thích dẫn thân vào chính sự, còn các Phật tử xông pha vào chính trường thì thường, chứ không dám nói là hết tất cả, bị "bất phong xuy động," rồi đánh mất sợ tâm của mình. Đây là thiếu sót của phương thức giáo dục hay là "bản chất nan đi" của con người dù là người con Phật?

Nói tới chuyện này, chúng ta cũng cần quan sát hiệu quả của công tác hoằng pháp, hướng dẫn quần chúng Phật tử sao cho công tác Phật sự mang lại thành quả thực sự. Chẳng hạn, trong một khu phố, trong một ngôi làng, hay rộng hơn trên bình diện cả nước nếu chúng ta thường tự hào tì lệ Phật tử trong dân số chiếm phần đông nhưng thực tế xã hội ngày càng có nhiều tệ nạn, tệ đoan, tội ác, bất an lan tràn, thì phải xét lại phương thức góp phần xây dựng con người và xã hội như thế có phù hợp không, có hiệu quả không.

Còn nữa, người con Phật làm sao để hình ảnh của đức Phật, của Phật Giáo luôn luôn thân cận, hòa đồng với dân tộc, với đất nước, đừng biến đức Phật thành vị thần thánh chỉ biết ngồi trên cao ban phước giáng họa và cũng đừng biến Phật Giáo thành một tôn giáo xa cách với đồng bào Phật tử. Hai hình ảnh dễ thấy nhất là vị Tăng Sĩ và ngôi Chùa. Ở giữa cộng đồng dân chúng nghèo khổ, đói rách, cơ cực không thể có hình ảnh một vị Tăng Sĩ giàu sang quyền quý và một ngôi chùa đồ sộ nguy nga với những mảnh giấy xác lập kỷ lục chùa to, Phật lớn. Những hình ảnh đó chắc chắn không những biến Phật Giáo thành một ốc đảo giữa nhân gian, mà còn làm đau lòng những người con Phật hiểu biết Chánh Pháp!

Thực tế, con người, dù là người con Phật, khi đi vào đời để hành đạo, nhất là hành đạo trong môi trường xã hội phức tạp, đặc biệt là trong lãnh vực chính trị, thì rất dễ bị biến chất, bị tha hóa, bị thế tục hóa. Chính vì vậy, Đại

Thừa trang bị cho người thực hành Bồ Tát Đạo thật kỹ lưỡng, thật nghiêm túc từ lý tưởng, phương thức cho đến nội lực từ bi và trí tuệ. Hình ảnh của Thiện Tài Đồng Tử trong Phẩm Nhập Pháp Giới của *Kinh Hoa Nghiêm* trên cuộc hành trình tâm sư học đạo và thể nghiệm Phật Pháp, cũng như trang bị các kỹ năng của thế gian pháp cho thấy Đại Thừa rất nghiêm cần đối với vấn đề đào tạo nhân sự đi vào đời làm việc đạo. Để cuối cùng, Đại Thừa giới thiệu mẫu người đã thành tựu con đường tự giác và giác tha là Cư Sĩ Duy Ma Cật, Cư Sĩ Thắng Man Phu Nhân là những người Phật tử có đủ bản lĩnh để xông vào cuộc đời làm mọi việc đời việc đạo mà không bị tha hóa. Tất nhiên, những mẫu người như thế thì không dễ tìm thấy nhiều trong suốt dòng lịch sử Phật Giáo thế giới. Nhưng mẫu người lý tưởng đó không phải chỉ là cái hình ảnh biểu tượng chỉ để ngắm, để tôn thờ và để mơ ước, mà trên thực tế cũng đã có những người con Phật làm được tại Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản, Việt Nam, v.v... như được nêu ra ở trên.

Nhắc đến Thiện Tài Đồng Tử thì cũng phải nhắc đến những bậc Thầy trác việt của chàng thanh niên Phật tử này, mà hai trong số rất nhiều thân giáo sư của Thiện Tài là Bồ Tát Văn Thù và Bồ Tát Di Lặc. Bồ Tát Văn Thù là bậc đại trí tuệ đã chỉ dẫn cho Thiện Tài từ sơ cơ đến cứu cánh. Còn Bồ Tát Di Lặc người đã khai thị cho Thiện Tài về tâm bồ đề. Người con Phật hành Bồ Tát Đạo thì trước hết là phải phát khởi tâm bồ đề, là tâm trên cầu thành Phật và dưới thệ nguyện cứu khổ chúng sinh. Muốn thành Phật và cứu chúng sinh đều cần phải tu tập làm sao để xả kỷ, bỏ ngã chấp. Tâm bồ đề chính là tâm vô ngã. Không có tâm bồ đề thì không làm được việc lớn.

Vào đêm cúng Giao Thừa tại các Chùa Việt Nam cũng đồng lúc cử hành Lễ Khánh Đản của đức Phật Di Lặc, vị Phật tương lai luôn luôn nở nụ cười trên môi vì tâm ngài là tâm bồ đề, tâm giác ngộ, tâm giải thoát mọi khổ đau. Chúng ta làm lễ kỷ niệm Ngài đầu năm để học theo đại nguyện và đại hạnh hưng phát tâm bồ đề của mình để làm cho mình có đủ nghị lực vượt qua mọi khổ não của cuộc đời đầy bất an.

Lo đàm đạo hăng say quá mà quên cả bình trà pha lần thứ hai cũng đã cạn. Thôi thì, xin dừng lại câu chuyện đầu năm ở đây để chúng ta cùng pha trà, ăn mứt và tiếp tục đón xuân Đinh Dậu.

Kính chúc chư vị một năm mới tràn đầy sức khỏe, phước lộc và bình an.

Huỳnh Kim Quang

HƯƠNG XUÂN

*Núi chân đời xuân cũ
Ráng giữ tìm hương xưa
Quá khứ trôi biên biệt
Theo từng buổi tiễn đưa.*

*Hồn ta trôi viễn mộng
Thân ta dạt âm ba
Sớm khuya trên đời nhỏ
Cảm giác nào phù hoa?*

*Giác ngủ say trên núi
Nào chợt biết xuân về
Sáng nay ra phố chợ
Bỗng thấy mình đang mơ?*

*Đơm thử xuân hiện hữu
Lạc lờng đời trôi qua
Chuyện thường tình ai hiểu
Chiều đông lạnh nắng nhòa
Lương tình ôi thế sự!
Một ánh trăng cuối mùa.*



DƯ ÂM

*Thôi từ già nụ cười xưa ngậm tắt
Em đã đi như dấu định trong đời
Biển có vỗ nghìn trùng bao ngăn cách
Ta muôn đời lang bạt như bóng trôi.*

*Dấu chân cũ niềm đau xưa chợt hiện
Chiều về đây cõi đáy mắt se buồn
Đôi tay khép như ôm đời đưa tiễn
Vẫn ngại ngừng từng tiếng hát mưa tuôn.*

*Từng giấc đi qua trên dòng quá khứ
Tháng đủ buồn có chậm lại lạ quen
Ta về đó nhịp sầu thêm cử ngỡ
Từ bao năm gầy dựng thoáng ưu phiền.*

*Thôi từ già đêm dài chưa chớp mắt
Đôi chân này có níu kéo được lâu
Thì cũng đủ tâm lòng ta với biển
Từ dạo em đi sóng vỗ thay màu.*

thơ

ĐĂNG TÂM

PHƯỚC BÁU KHÔNG PHẢI LÀ ĐỊNH TUỆ

Chân Hiền Tâm

Đại sư Bạch Ẩn nói:

"Thường có một số người hay gom góp thật nhiều để có nếp sống xa hoa, cho sự trù phú của ngôi chùa sẽ làm tăng vẻ hào nhoáng cho việc giảng pháp."

Chư vị tướng có tài hùng biện, ăn nói lưu loát là có trí tuệ, coi việc ăn ngon mặc đẹp là đồng với Phật đạo, xem vẻ đẹp hấp dẫn và sự kiêu ngạo như những đức tính, và cho rằng lòng tin của tín đồ đối với họ là dấu hiệu cho thấy họ đã giác ngộ được pháp Phật. Nhưng đáng buồn nhất là họ đem cái thân xác con người có được này ra làm nô lệ cho sự mưu cầu danh lợi chôn vùi Phật tánh vô thượng dưới những lớp bụi ảo tưởng chông chất..."

Giải thích:

Thiền sư Bạch Ẩn phân tích để thấy: Sự trù phú của một ngôi chùa, việc ăn nói lưu loát và lòng tin của Phật tử đối với một thiền giả, chưa hẳn đã là thứ biểu trưng cho việc thiền giả đó có đủ Định Tuệ. Đây nói CHƯA HẸN, vì những việc như thế có thể xảy ra với một vị có Định Tuệ nhưng vẫn có thể xảy ra nơi một vị không có Định Tuệ. Phân biệt như thế, để chúng ta hiểu phước báu và Định Tuệ không phải một. Có phước báu chưa hẳn đã có Định Tuệ. Có thể lấy việc hiện tại ở thế gian để chứng tri: Người có thể xây mấy ngôi chùa chưa hẳn đã biết gì về giáo lý thiền, huống là hành thiền để nói là có Định Tuệ.

Sự trù phú không phải là Định Tuệ

Tăng ni nếu chẳng niệm Phật, thiền tọa v.v... mà chỉ lo tập trung làm việc phước thiện như cứu trợ, cúng dường các chùa, các trường hạ, lo việc phật sự thì quả báo của những việc đó là sự sung túc, đệ tử đông v.v... chứ không thể là Định Tuệ. Định Tuệ là cái quả của Chỉ Quán, của Niệm Phật Tam Muội v.v... không phải là cái quả phát sinh trực tiếp từ bố thí cúng dường.

Phát tâm tu Phật một thời gian, đây nói tu Phật không nói tu phước, bỗng thấy mọi thứ chung quanh thay đổi: Từ ngôi nhà hay ngôi chùa cũ rích bỗng trở thành nguy nga tráng lệ, tiền bạc bắt đầu hanh thông v.v... thế là cái niệm tự mãn nảy sinh, cho đó là kết quả tu hành thành công của mình. Ừ, đó là do kết quả tu hành của mình, nhưng chỉ mới ở mặt phước đức, chưa hẳn là do định lực và trí tuệ phát triển. Nếu mình lằm lằm giữa hai việc này với nhau thì mình rơi vào chỗ mà Đại sư đã nói: "Coi việc ăn ngon mặc đẹp là đồng với Phật đạo".

Người tu phước thì không có gì để nói vì họ chỉ nhắm tới mặt phước báu. Khi phước báu đầy đủ, họ dừng trụ ở đó là chuyện đương nhiên. Còn mình tu Phật, mình đã khoát lên người chiếc áo của Như Lai thì "Trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sinh." Muốn cầu Phật đạo thì Định Tuệ phải có. Không có Định Tuệ thì không có Phật đạo. Bản thân mình đã không có Định Tuệ thì lấy gì để hóa độ chúng sinh hướng về Phật đạo?

Không có Định Tuệ mà phước báu càng lớn thì có khi nguy hại càng nhiều. Bởi nó khiến mình không thể dừng mà cũng không có ý muốn dừng. Mình bị cuốn phăng trong dòng phước báu mênh mông. Ý thức được sự nguy hại của nó, chưa chắc đã thoát ra được, huống là không ý thức, cứ nhập nhèm cái quả phước đức với Định Tuệ?

Trong quá trình xây dựng thiền viện Trí Đức, thầy T.H. đã ra đi. Tôi không tiếp xúc nhiều với thầy nhưng vẫn nghe thầy là một người đáng nể trong việc phật sự cũng như tu học, thành nghe tin thầy mất, tôi không khỏi sửng sốt và đau đớn.

Chết và sống là chuyện thường tình ở nhân gian. Không ai chịu trách nhiệm về cái chết của ai được. Bởi con người là kẻ tạo nghiệp và thừa tự cái nghiệp mình tự gây tạo đó. Nhân duyên của thầy như thế thì việc xảy ra là như thế.



Xây dựng Trí Đức cũng là việc phải làm, bởi thiện sinh ngày càng đông và phật tử cần có chỗ tu học. Mọi thứ là cần thiết, không có gì dư thừa. Việc làm và sự ra đi của thầy là cao quý. Nhưng không hiểu sao, cái chết ấy cứ xoáy mạnh vào tâm gan tột như một lời nhắc nhở: Làm phật sự, **NEU KHONG KHEO** cũng chính là đang chạy theo tướng bên ngoài. Chạy theo tướng bên ngoài thì giết chết tuệ mạng của người tu. Tuệ mạng của mình đã chết thì tuệ mạng chúng sinh hữu duyên với mình cũng không còn. Bởi lấy gì để hướng chúng sinh của mình về Phật đạo?

Cho nên, ngay với phật sự, mình cũng cần phải sàng lọc xem thứ gì cần thiết, thứ gì dư thừa để cân đối nhịp nhàng giữa Phước Báo và Định Tuệ, giữa tự lợi và lợi tha. Với những hình thức có vẻ như phật sự chứ chưa hẳn là phật sự, mình càng phải cẩn trọng. Bởi thứ gì cũng để huân vào tạng thức, làm mầm mống sinh khởi tập nghiệp trong những kiếp sau. Định Tuệ đã lỏng thì chánh đề thành tả. Tả kiến rồi thì việc lợi tha chưa hẳn là lợi tha.

Thầy Tổ và những bậc đi trước đã xả thân để chúng ta có được chỗ tu học khang trang thơm mát. Có lẽ, điều mong ước của chư vị không gì hơn là lớp hậu sinh có đủ điều kiện và thời gian để tập trung toàn bộ cho việc thực hành xử mạng mà Như Lai đã giao phó: *"Trên cầu Phật đạo. Dưới hóa độ chúng sinh."* Muốn đền đáp ít nhiều công ơn đó, không gì hơn là phải phát triển Định Tuệ của chính mình, đó là tự lợi. Tự lợi được ít nhiều rồi thì phải lợi tha. Đó là giúp những người hữu duyên với mình cùng phát triển Định Tuệ như mình.

Trên là phần Đại sư cảnh tỉnh người tu về vấn đề hưởng thụ phước báu. Chúng tôi ghi ra đây để chúng ta không lầm phước báu là Định Tuệ. Tăng ni không lầm, phật tử cũng không lầm, thì việc xây dựng một ngôi Tam bảo cho bằng chị bằng em, không phải là cái mốc mà người tu nhắm đến. Không đặt mục tiêu sai lầm, ta mới không vướng vào những chuyện sai lầm.

Nếu một ngôi thiền viện được xây dựng cho thật lớn, không phải để giải quyết việc tu học cho tăng ni và phật tử, nhưng vì xây dựng nó, ta phải đầu tư khá nhiều tâm lực đến nỗi không có thì giờ tu hành, suốt ngày chỉ lo chạy vạy, nợ nần, mượn tiền người không trả v.v... khiến phật tử có cái nhìn không tốt về đạo hạnh của một người tu, thì việc tự lợi của mình còn chưa xong, nói là lợi tha hay truyền bá chánh pháp?

Hòa thượng Thường Chiếu vẫn dạy tăng ni cũng như phật tử nên hoàn chỉnh phần chánh báo cho tốt. Chánh báo tốt rồi thì y báo đương

hiện đầy đủ, không cần phải chạy vạy lo toan. Lo toan chạy vạy đến nỗi quên mất việc tu học cho bản thân, lại khiến tam nghiệp thành bất tịnh, là ta đang đi ngược lại với lời dạy của Phật Tổ. Quả xấu khó tránh khỏi trong tương lai. Đều do thiếu chánh kiến mà ra.

Ăn nói lưu loát chưa hẳn là có trí tuệ

Kể, Đại sư dạy về vấn đề ngôn luận: *"Chư vị tưởng có tài hùng biện, ăn nói lưu loát là có trí tuệ."* Câu này tương đương với câu ta hay nghe hiện nay 'Nói thì hay mà làm không hay'. Cái 'hay' nói đó là cái hay của việc 'hay nói' và 'nói nhiều', không phải là cái thực sự 'hay' trong việc nói pháp. Vì sao? Vì thứ gì muốn nói hay, dù là pháp thể gian, đòi hỏi phải có trải nghiệm ít nhiều mới có thể nói hay, mới có thể đi vào lòng người, huống là Phật pháp, nhất là pháp tối thượng.

Cho nên, nếu có hay cũng chỉ là cái hay của thể gian, thứ mà ta hay gọi là khéo miệng, hoặc là những cái hay thuộc về hình tướng như nhân quả v.v... Còn những thứ thuộc phần tâm thức thâm sâu, nếu không có sự trải nghiệm ít nhiều thì không thể nói hay. Thứ gì chỉ do học hỏi không do trải nghiệm mà ra, thì câu trước dù đúng, qua đến câu sau cũng dễ trật, không có sự nhất quán trước sau. Thứ ta thấy nói hay, chẳng qua vì người nói 'không hay' mà mình không biết, tưởng là 'hay', hoặc mình lấy cái 'hay' của một sự này làm nền tảng khóa lấp hết những cái 'không hay' khác mà mình không biết. Như vịn vào nốt ruồi đen của người da trắng mà cho người da trắng ấy da đen. Đó là lý do vì sao mình thấy người đó nói hay mà trên sự thì chỉ mới ở phần giới luật đã thấy họ giữ không nổi. Chẳng qua vì những cái họ nói 'không hay', mình không đủ trình độ nhận thức để hiểu cho cặn kẽ.

Đứng ở mặt nhân quả mà nói, cái quả mình nhận được trong hiện tại, đều có cái nhân ở quá khứ. Mình nói chuyện trên trời mà thiên hạ vẫn tin vẫn nghe, đó là do cái phước cái đức ở thời quá khứ. Phải có phước đức thể nào đó ở quá khứ giờ mới thiên hạ mới chịu nghe. Không có cái phước đức ấy làm nền tảng, dẻo miệng bao nhiêu cũng thành vô duyên. Có điều, trong cái phước đang hiện tiền đó, mình dụng cái khéo của mình là vì lợi ích cho người hay vì một lợi ích chung, thì phước tạo phước. Nếu dụng cái phước ấy vì lợi ích cho bản thân thì đó là phước tạo họa. Với các sự khác cũng như vậy.

Phân tích thì như thế, nhưng cái chính không phải để hướng ra ngoài phê phán hay luận bàn mà để thiền giả 'Phản quan tự kỷ,' để rút kinh nghiệm cho chính mình.

thơ



**Thành Kính Khấp Bái
Giác Linh Hoà Thượng Ân Sư**

Thầy nằm xuống giữa biết bao nhịp đập
Từng con tim từng ánh mắt rưng rưng
Niềm khắc khoải chợt trào dâng nỗi nhớ
"Hải Triều Âm" từng vang dội trùng trùng...!

Con vẫn biết hữu hình tắc hữu hoại
Sao trong con suối lệ chảy tuôn tràn
Niềm xúc động cõi tim con se thắt
Tình Ân Sư tựa chất báu Kim Cang!

Thân bé nhỏ mà tâm Thầy với với
Điêu chúng con đi suốt mọi nẻo đường
Vượt trăm luân, dần rời xa khổ hải
Lên thuyền tử, vui đạo đến Lạc bang

Con cứ ngỡ Thầy điem nhiên cõi thế
Nào ngờ đâu Thầy theo lẽ vô thường
Năm hai năm Thầy chăm măm tuệ nghiệp
Hạnh nguyện tròn Thầy nhẹ gót thông dong

Niềm tiếc thương con thấp hương khăn nguyện
Đài liên hoa thượng phẩm Thầy cao đẳng
Thương chúng con, Thầy: "Ta Bà hồi nhập."
Tiếp hậu lai, "Niềm...Vi Tiểu" soi cùng!

Cựu Tăng Sinh-Thích Chúc Hiên

LỊCH SỬ HÀNH HOẠT CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

Thích Nguyên Siêu

(BÀI THUYẾT TRÌNH trong Ngày Về Nguồn - Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư Lần Thứ 10
tại Tu Viện Phổ Đà Sơn, Ottawa, Canada Ngày 07 – 09 tháng 10, 2016)

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được thành lập vào ngày 04 tháng 01 năm 1964. Trong Lời Mở Đầu của Hiến Chương đã viết:

"Công bố lý tưởng hòa bình của giáo lý đức Phật, hai tông phái Phật giáo (Bắc tông và Nam tông) tại Việt Nam thực hiện nguyện vọng thống nhất, thật sự đã là hoài bão từ lâu để phục vụ nhân loại và dân tộc: đó là lập trường thuần nhất của GHPGVNTN."

GHPGVNTN không đặt sự tồn tại của mình nơi nguyên vị cá biệt mà đặt sự tồn tại trong sự tồn tại của nhân loại và dân tộc."

Quan niệm thống nhất Phật giáo Việt Nam để thực hiện theo chủ trương điều hợp, nghĩa là giáo lý, giới luật và nếp sống của hai tông phái cũng như của hai giới Tăng sĩ và cư sĩ chẳng những được tôn trọng mà còn phải nỗ lực phát triển trong sự kết hợp có chỉ đạo. Đó chính là sắc thái đặc biệt của nền Phật giáo Thống Nhất tại Việt Nam."

Đọc Lời Mở Đầu của Hiến Chương là quá đủ cho chúng ta thấy sự hiện hữu của GHPGVNTN trên quê hương đã mang sứ mạng, trọng trách như thế nào trong công cuộc xiển dương Phật pháp, phụng sự chúng sinh, an bình quốc gia, xã tắc. Từ những mục tiêu, lý tưởng ấy GHPGVNTN luôn dẫn thân trong mọi hoàn cảnh để tạo dựng, thiết lập một vũ trụ quan, nhân sinh quan Phật giáo, ngõ hầu lấy trí tuệ làm sự nghiệp, lấy Từ Bi làm lẽ sống cho nhân quần, xã hội. Những mục tiêu, lý tưởng, hành động

ấy sẽ được trình bày trong những tiết mục sau:

I. DẪN NHẬP: Hai Nghìn Năm Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam

Trong bài "Bằng Đôi Chân Của Mình Mời Người Hãy Đi Lên" của Hòa Thượng Thích Đức Nhuận, vào đề Hòa Thượng viết:

"Là người Việt Nam thì dù ở nơi đâu, sống trong hoàn cảnh nào cũng đều mong muốn góp phần mình vào việc làm tốt đẹp cho quê hương. Là người Phật tử Việt Nam thì dù ở nơi đâu, sống trong hoàn cảnh nào cũng chẳng thể nào quên được mình là một thành viên của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất."

Một minh thị trong ý thức lịch sử, Phật giáo Việt Nam đã có mặt trong dòng lịch sử đó, đã thăng trầm thành bại, nổi trôi theo vận nước ngót 2000 năm qua. Nước nhà được hưng thịnh, dân sinh được ấm no thì Phật giáo cũng được an bình hành hoạt; bằng ngược lại Phật giáo cũng không tránh khỏi cảnh đầu rơi, máu đổ. Từ những thực trạng ấy cho đến hôm nay, những thức giả, những nhà nghiên cứu hai dòng lịch sử Phật giáo Việt Nam và dân tộc Việt Nam đã nói: *"Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành với dân tộc Việt Nam."* Để chứng minh điều này, chúng ta cần có cái nhìn thấu suốt dòng lịch sử 2000 năm trước khi GHPGVNTN ra đời. Sự ra đời của GHPGVNTN là điều tất yếu phải có vì tinh thần truyền đăng tục diệt, vì tiếp nối con đường hoằng pháp của chư vị Lịch Đại Tổ Sư, vì yếu tính thích nghi với thời đại, để



Phật giáo không bị tụt hậu, luôn đồng hành với nền văn minh tiến bộ của nhân loại, luôn tranh đấu để phát huy mọi đức tính tự tôn làm phương châm dẫn khởi trong quê hương, dân tộc.

Trong Bạch Thư về quá trình xây dựng Giáo Hội và Đòi Tự Do Dân Chủ của GHPGVNTN, Hòa Thượng Huyền Quang, Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, đã viết:

"Đạo Phật đã hiện hữu trong dòng sinh mệnh của dân tộc Việt Nam gần 2000 năm, biết bao nhiêu thăng trầm cùng vận nước. Thời kỳ Lý, Trần vẻ vang giữ nước, dựng đạo, rồi suy vi nối liền ba thế kỷ nhiều nhương thời Trịnh Nguyễn phân tranh và lệ thuộc Tây Phương, nhất là thời kỳ đất nước lâm vào cảnh chiến tranh ý thức hệ quốc gia và cộng sản của hai miền Nam Bắc đã làm suy nhược sinh thể của dân tộc và Phật giáo không ít. Nhưng, nhờ vào tinh thần khai phóng, khoan dung, với khả năng chuyển hóa phi thường, Phật giáo Việt Nam vẫn trường tồn và phát triển vững vàng." (Ưu Đàm Lướt Bão, tr. 505 – Viện Triết Lý Việt Nam Triết Học Thế Giới, xuất bản 1998 – Nguyên Siêu)

a. Phật giáo đồng hành trong công cuộc dựng nước và giữ nước:

Khi triều đại nhà Lê mới lập nghiệp, Vua Lê Đại Hành hỏi vận nước như thế nào. Thiền Sư Pháp Thuận trả lời:

*Quốc to như đấng lạc
Nam thiên lý thái bình
Vô vi cư điện các
Xứ xứ tức đạo binh*
(Thiền Uyển Tập Anh)

Dịch:

*Vận nước như giây quần
Trời Nam mở thái bình
Đạo đức ngự cung điện
Xứ xứ hết đạo binh*

(Việt Nam Phật giáo Sử Luận, Lá Bối xuất bản, 1974, tr. 146 – Nguyễn Lang)

b. Phật giáo đồng hành qua thi ca văn học:

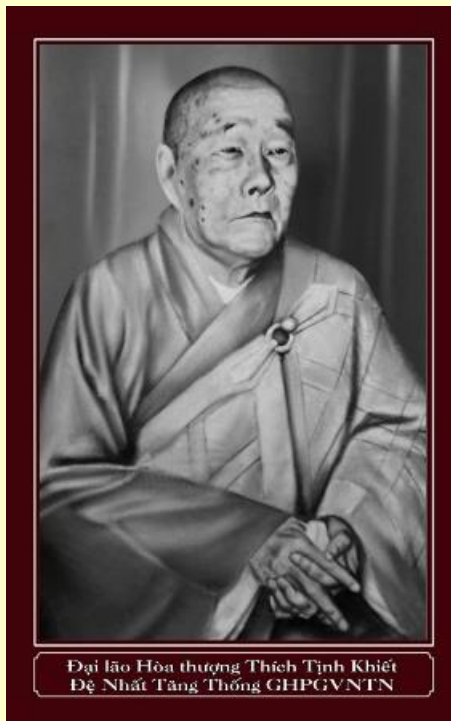
Nói lên sự gắn bó, bất phân ly giữa Phật giáo và dân tộc Việt Nam trên suốt dòng lịch sử, bài thơ Tình Sông Nghĩa Biển của Trụ Vũ đã viết:

*"Việt Nam và Phật giáo
Phật giáo và Việt Nam*

Ngàn năm xương thịt kết liền

Tình sông nghĩa biển, mối duyên mặn nồng...

Trang sử Việt Nam yêu dấu



Đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết
Đệ Nhất Tăng Thống GHPGVNTN

*Thơm ướp hương trầm
Nghe trong tim Lý, Lê, Trần
Cổ năm cánh đạo nở bừng
nguy nga..."*

Một thi hào Nguyễn Du với Truyện Kiều. Ôn Như Hầu với Cung Oán Ngâm Khúc... đều mang sắc thái văn học Phật giáo, nội hàm một tinh thần giáo lý Phật pháp.

c. Phật giáo đồng hành qua nền văn hóa hiếu thảo trong tục ngữ ca dao:

"Ngó lên trời cao thấy cặp cu đang đá

Nhìn ra ngoài biển thấy cặp cá đang đua

Anh về lập miếu thờ vua

Lập trang thờ Mẹ, lập chùa thờ Cha."

"Lên non mới biết non cao

Nuôi con mới biết công lao mầu tử"

Hay:

"Tôm càng lột vỏ bỏ đuôi

Giã gạo cho trắng để nuôi Mẹ

già

Mẹ già ở túp lều tranh

Sớm thăm tối viếng mới đành dạ con"

Phật giáo đã đồng hành trong nhiều lãnh vực giáo dục, văn hóa học thuật, kể cả tinh thần tu chứng trở thành các bậc Tổ đức Thiền Sư, được ghi lại trong *Thiền Uyển Tập Anh*.

Một đôi nét tiêu biểu qua lịch sử, qua đời sống sinh hoạt trung thực của Phật giáo Việt Nam trong dòng sinh mệnh dân tộc. Từ đó, chúng ta có một cái nhìn thấu suốt sự ra đời của GHPGVNTN trên dòng lịch sử 2000 năm qua.

II. BỐI CẢNH LỊCH SỬ 1963

Nguyên nhân khởi đầu từ bức Công Điện của Đồng Lý Văn Phòng phủ Tổng Thống ra lệnh cấm treo cờ Phật giáo quốc tế nhân ngày Đại lễ Phật Đản năm 1963. Từ đó tạo thành pháp nạn cho Phật giáo Việt Nam. Dù phải hy sinh đến thân mạng, Phật giáo Việt Nam vẫn biểu tỏ tinh thần đại hùng để bảo vệ lá cờ Phật giáo trong mọi hoàn cảnh. Sự triệt hạ cờ Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm là biểu hiện không tôn trọng tinh thần tự do tín ngưỡng và bình đẳng tôn giáo, mà Phật giáo đã có mặt trên quê hương Việt Nam ngót 2000 năm.

Máu đã đổ nơi đài phát thanh Huế, cuộc đàn áp Phật giáo được dàn dựng quy mô của chính quyền đã đẩy Phật giáo vào thế phải tự vệ. Một bản Tuyên Ngôn của Tăng Tín Đồ Phật Giáo Việt Nam và năm nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo được gửi đến phủ Tổng Thống. Năm nguyện vọng như sau:

1) Yêu cầu chính phủ Việt Nam Cộng Hòa thu hồi vĩnh viễn Công Điện triệt hạ giáo kỳ của Phật giáo.



- 2) Yêu cầu Phật giáo phải được hưởng một chế độ công bằng đặc biệt như các Hội Truyền giáo Thiên chúa đã được ghi trong Dự số 10.
- 3) Yêu cầu chính phủ chấm dứt tình trạng bắt bớ khủng bố Tăng Tín đồ Phật giáo.
- 4) Yêu cầu Tăng Tín đồ Phật giáo được tự do truyền đạo và hành đạo.
- 5) Yêu cầu chính phủ đền bồi một cách xứng đáng, cho những người bị giết oan vô tội và kẻ chủ mưu giết hại phải đền bồi đúng mức.

Đại diện ký tên, Phật lịch 2507, Huế
Ngày 10 tháng 05 năm 1963

Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam

Ký Tên, Hòa Thượng Tường Vân

Ban Tổng Trị Sự Giáo Hội T.G.T.P

Ký Tên, Thích Mật Nguyên

Ban Trị Sự Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam Tại
Trung Phần

Ký Tên, Thích Trí Quang

Ban Trị Sự Giáo Hội Phật Giáo Thừa Thiên

Ký Tên, Thích Mật Hiền

Ban Trị Sự Tổng Hội Phật Giáo Thừa Thiên

Ký Tên, Thích Thiện Siêu

(Phật Giáo Tranh Đấu, in lần thứ Năm, nhà xuất bản Hưng Đạo, USA, tr. 30. Quốc Oai biên soạn)

Phật giáo Việt Nam thời nào cũng có Bồ Tát Thánh Tăng, phát nguyện vào đời để hộ quốc an dân. Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật giáo được thỉnh cử để điều hành công việc giải trừ pháp nạn. Bồ Tát Thích Quảng Đức đã vị pháp thiêu thân, đốt lên ngọn lửa Từ Bi và lưu lại trái tim bất diệt cho Phật giáo Việt Nam được trường tồn. Chư vị Tăng Ni Phật tử đã hy hiến thân mạng cho đại cuộc, như là một ý thức minh nhiên, một trách nhiệm phải hoàn tất từ dòng máu của bản thể Tăng già Việt Nam linh thiêng, mẫu nhiệm.

Bối cảnh lịch sử 1963, kể từ lúc 15:00 giờ ngày 06 tháng 05 đến ngày 01 tháng 11 năm 1963, đã diễn ra không biết bao nhiêu thể lực trù dập trên thân người, chết chóc, dọa dẫm, đau thương, tủi nhục. Những nhân chứng

sống của lịch sử đã kể lại nỗi kinh hoàng hứng chịu mà lịch sử Phật giáo Việt Nam chưa bao giờ bị đàn áp khốc liệt như pháp nạn 1963. Chùa chiền nhuộm màu tang tóc, Tăng Ni bị thảm sát, Phật tử mất tích... Tất cả những sự kiện thực đó là chứng tích lịch sử, bài học sống cho dân tộc và nhân loại. Bài học khoan dung, tha thứ. Bài học xả kỷ, vị tha. Bài học hy sinh thân mạng để bảo vệ chính nghĩa cao thượng. Bài học tôi luyện tâm tư thanh lương, trong sáng, tươi mát mà ngồi trong lửa vẫn không thấy nóng. Học tất cả những tinh túy của loài người. Học tinh thần hy sinh bản thân để cho người được sống... Tất cả những bài học đó đã tiềm ẩn trong dòng máu của Việt tộc, của buổi bình minh Phật giáo Việt Nam mà tinh thần Từ Bi – ban vui cứu khổ được trân quý như một bảo vật đem kính dâng, hiến tặng cho người. Lòng Từ Bi đó không có nhân ngã, bỉ thử mà thân thù bình đẳng. Chúng ta phải mở rộng tấm lòng để học hạnh vô úy, đức khiêm cung, tâm tự nguyện hy hiến thân mạng để bảo vệ cho đạo pháp trường tồn, cho dân sinh được tự do hạnh phúc. Và học cái tinh thần tu chứng như ngọn lửa Từ Bi, trái tim bất diệt của Bồ Tát Thích Quảng Đức. Chúng ta hãy lắng đọng tâm tư, giữ lòng thanh tịnh mà nghe tâm huyết của Bồ Tát Quảng Đức viết gửi lại cho Tăng Tín đồ Phật giáo Việt Nam, cho nhân loại trên thế giới, cho dân tộc Việt Nam, cho chính quyền Ngô Đình Diệm:

"Mong ơn mười phương chư Phật, chư Đại Đức Tăng Ni chứng minh cho tôi đạt thành chí nguyện như sau:

Mong ơn Phật Tổ gia hộ cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận 5 nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản Tuyên Ngôn.

Nhờ ơn Phật Từ Bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường tồn bất diệt...

Cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc. Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gởi lời cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái, từ bi đối với quốc dân và thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thuở..."

Đọc lời nguyện Tâm Huyết của Bồ Tát, chúng ta chỉ thấy lòng Từ Bi được trang trải



đến cho tất cả, lòng Từ Bi đó không những chỉ cầu mong Phật pháp được trường tồn, nhân dân được an lạc, mà chẳng có khinh trọng bên nào, dù người đó là nguyên nhân, là động cơ đưa mình đến cái chết. Đây chính là chất liệu, tiềm năng để un đúc cho GHPGVNTN ra đời. Vì sự hiện thân của GHPGVNTN là tiếp nối con đường của Bồ Tát đã hành hoạt, là kết tinh của ngọn lửa Từ Bi và trái tim bất diệt để dệt thành dòng lịch sử Phật giáo Việt Nam tươi sáng muôn đời.

III. ĐẦU NĂM 1964, GHPGVNTN RA ĐỜI

Hiển Chương của GHPGVNTN:

"- *Chương thứ I, Điều 1: Tổ chức thống nhất của hai tông phái tại Việt Nam, lấy danh hiệu là "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất" viết tắt là "GHPGVNTN".*

- *Chương thứ II, Điều 4: GHPGVNTN điều hợp hai tông phái Phật giáo tại Việt Nam để phục vụ nhân loại và dân tộc bằng cách hoằng dương chánh pháp.*

- *Chương thứ III, Điều 5: Thành lập của GHPGVNTN gồm hết thầy Tăng sĩ và cư sĩ thuộc Bắc và Nam tông, chấp thuận bản Hiến Chương này."*

Sứ mạng của GHPGVNTN là công bố lý tưởng hòa bình, mang nếp sống hòa bình đến cho con người. Cuộc sống có hòa bình thì con người mới có được giá trị sống ý nghĩa và cao quý, bằng ngược lại chỉ có khổ đau. Do vậy, GHPGVNTN là hiện thân của hòa bình qua những nội dung Thông Điệp Phật Đản, Đức Đệ Nhất Tăng Thống Thích Tịnh Khiết luôn kêu gọi các phe lâm chiến trên toàn lãnh thổ Việt Nam hãy chấm dứt bom đạn để bớt đi máu và nước mắt của dân tộc, hãy tiết kiệm xương thịt của dân tộc này, vì trải qua bao nhiêu thời cuộc, chúng ta đã chứng kiến bao nhiêu cuộc di tản. Con dân bồng bế nhau đi. Trải qua những cuộc chiến ấy GHPGVNTN đã hòa mình cùng dân tộc, luôn đi đầu để khởi xướng con đường hòa bình, chống lại các thế lực chủ xướng chiến tranh. Do vậy mà Giáo Hội luôn bị kết án và trù dập dù ở bất cứ chế độ nào. Chính vì không đồng tình với các thế lực gây hấn chiến tranh mà Hòa Thượng Thích Minh trong thời đệ nhị Cộng Hòa đã suýt chết trong cuộc ám sát bằng lựu đạn. Đến chế độ cộng sản, cũng vì tinh thần khí khái, không khuất phục trước bạo lực, cường quyền của chế độ để giữ vững lập trường của GHPGVNTN bằng khả năng bản



Hòa thượng THÍCH THIÊN HOA
1918 - 1973

thân để biểu hiện khả tính công lý hòa bình cho quê hương, dân tộc. Với tinh thần bất khuất ấy, Hòa Thượng đã chấp nhận cái chết trong ngục tù cộng sản. Đó chính là ý thức Thiện Minh, người khai phóng cho công lý, hòa bình, dân chủ.

Hóa thân GHPGVNTN trong thập niên 60 là để tiếp nối và phát huy nền văn hóa Phật giáo Luy Lâu. Con đường cách mạng nhân bản của triều đại nhà Lý, cũng như các triều đại khác, chống quân Nguyên, đuổi quân Mông, thắng quân, xua quân Thanh ra khỏi đất nước để giành lại nền tự chủ độc lập nước nhà.

GHPGVNTN tiếp tục thắp sáng ngọn đèn nhà Thiền qua tinh thần tu chứng của Bồ Tát Thích Quảng Đức, cùng chư Thánh tử đạo vị pháp thiêu thân để xiển dương nền đạo học của Vạn Hạnh Thiền

Sư, Khuông Việt Thiền Sư, Hương Hải Thiền Sư hay Huyền Quang, Pháp Loa Tôn giả...

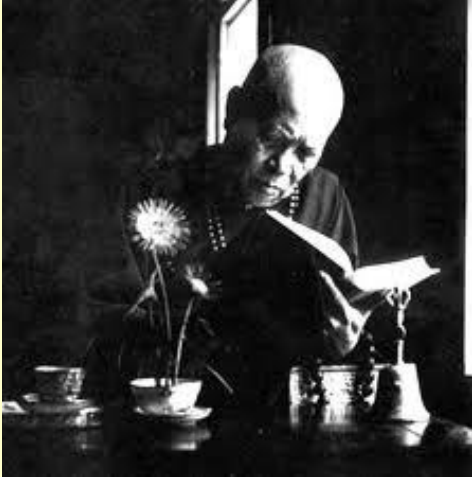
Các triều đại vàng son của Phật giáo đã xuất hiện bao nhiêu bậc kỳ túc, Tổ Sư nhà Thiền, Quốc sư danh Tăng thạc đức, tạo dựng một hành trạng độ sinh lấy lòng trên dòng lịch sử 2000 năm qua. Kể từ thời Thiền Tổ Khương Tăng Hội, Chi Cương Lương, Mậu Bắc thì đến nay, GHPGVNTN đã có 4 đời Tăng Thống:

- Đức Đệ Nhất Tăng Thống, Trưởng Lão HT Thích Tịnh Khiết
- Đức Đệ Nhị Tăng Thống, Trưởng Lão HT Thích Giác Nhiên
- Đức Đệ Tam Tăng Thống, Trưởng Lão HT Thích Đôn Hậu
- Đức Đệ Tứ Tăng Thống, Trưởng Lão HT Thích Huyền Quang

Bốn đời Tăng Thống của GHPGVNTN đã mang đức tính Đại Hùng, Đại Lực để vào đời phá đổ mọi thế lực vô minh, mạnh động của thời đại, san bằng những thành trì ngăn cách, bất công, chủ nghĩa để xây dựng cho Đạo cho Đời một nếp sống thuần hậu, nhân bản theo truyền thống Phật Việt và Tộc Việt.

Bốn đời Tăng Thống đã xây dựng cho con người một đời sống đạo hạnh, đức độ, lễ nghĩa mà phần đông con dân Việt đã hướng thân lập mệnh trên đời sống Đạo đó. Nhờ vậy, mà người dân đã giữ gìn được giềng mối đạo đức, luân thường, phong tục tập quán của Tổ Tiên, Ông Bà, nội giống.

GHPGVNTN công bố lý tưởng hòa bình trong giáo lý của đức Phật để cho nhân loại và dân tộc thấy được khả tính Từ Bi, tôn trọng sự sống, quý chuộng tình thương để thăng hoa đời



sống bình an, hạnh phúc. Đồng thời GHPGVNTN luôn mang hoài bão để phục vụ nhân loại và dân tộc qua các lãnh vực: xây dựng đời sống tinh thần qua giáo pháp Tam Vô lậu học: Giới, Định, Tuệ để tạo cho con người cổ phương châm thánh thiện. Mục đích rõ ràng mà không bị lầm đường

lạc hướng.

Xây dựng đời sống vật chất của cái thành thật, biết tôn trọng của tư hữu, không xâm lấn bất cứ của ai theo tinh thần giới pháp đã thọ. Quả thật đây là tinh thần phục vụ đúng ý nghĩa giáo pháp của đức Phật giảng dạy.

GHPGVNTN phục vụ cho xã hội người qua các lãnh vực:

1- Giáo Dục:

- Mở Đại học Vạn Hạnh cho sinh viên, các vị thức giả học đời cũng như học đạo để nghiên cứu hai nền văn học thể gian và xuất thế gian - phổ thông và nội điển. Hệ thống giáo dục này đã tạo nên bao lớp người tri thức thời ấy. Một dân tộc có trình độ dân trí cao thì nước nhà sẽ được phồn vinh, giàu đẹp.

- Mở hệ thống trường Trung Tiểu Học Bồ Đề xây dựng thể hệ người từ khi còn non trẻ để thế hệ này thấy được, học được tình tự quê hương dân tộc một cách khách quan, lành mạnh. Học và thấy đúng nghĩa hai chữ Việt Nam.

- Mở Viện Cao Đẳng Chuyên Khoa Phật Học Huệ Nghiêm ở Sài Gòn, Hải Đức ở Nha Trang để đào tạo tăng tài hoằng dương Phật pháp, phiên dịch Đại tạng, giảng dạy giáo lý đức Phật.

- Mở hệ thống Phật Học Viện từ Sơ Đẳng đến Trung Đẳng cho Tăng Ni sinh theo học Phật pháp, ngộ hầu làm ruộng cột nơi chốn nhà Thiền, làm các bậc Thầy mô phạm cho hàng cư sĩ Phật tử, để Phật pháp được xiển dương, xã hội được an hòa, lợi lạc.

2- Từ Thiện Xã Hội:

- Thành lập các Cô Nhi Viện nuôi dưỡng trẻ mồ côi, khuyết tật mang yêu thương đến các em thiếu may mắn để các em được

trưởng thành trong yêu thương đùm bọc như phong tục tập quán Việt Nam:

*"Nhiều điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng"*

*"Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn"*

Hay:

*"Thấy người tàn tật thì thương
Thấy người hoạn nạn lại càng thương hơn"*

3- Kinh Tế Tài Chánh:

- Mở hãng Vĩ trai Lá Bồ Đề, Dấm Bình Minh, Đèn cây Giác Ngộ, Hương Giải Thoát, Thuốc tẩy Phiền não... để có phương tiện nuôi dưỡng Tăng Ni sinh theo đuổi lý tưởng xuất trần, ngộ hầu giảm bớt gánh nặng cho hàng Phật tử hộ trì Tam Bảo. Đồng thời cũng biểu tỏ cho tinh thần tự túc, tự cường - tay làm hàm nhai bởi chính mình.

- Mở tiệm phát hành kinh sách, Phật cụ v.v... phục vụ nhu cầu hoằng pháp, kiến thiết... GHPGVNTN luôn hiện hữu trên nhiều lãnh vực nhằm phụng sự tha nhân trong lý tưởng, hoài bão, lập trường... như trong Lời Mở Đầu của Hiến Chương đã viết.

Tóm lại GHPGVNTN đã hành hoạt qua các phạm trù:

- *Lý Tưởng*: xây dựng nền hòa bình để đem lại phúc lợi phụng sự nhân loại và dân tộc.

- *Mục Tiêu*: thăng hoa đời sống tinh thần và an sinh xã hội.

- *Hành Động*: dẫn đạo qua các lãnh vực hoằng pháp, văn hóa giáo dục, từ thiện xã hội, kinh tế tài chánh.

- Kêu gọi tinh thần bình đẳng tôn giáo để cùng có một niềm tin thánh thiện làm điểm tựa tâm linh thuần khiết và góp phần xây dựng nền hòa bình cho quê hương Việt Nam và các quốc gia trên thế giới.

IV. ĐẤU TRANH CHO ĐỘC LẬP TỰ CHỦ

GHPGVNTN ra đời từ ngày 04 tháng 01, 1964 đến nay 2016, trải qua bao nhiêu thế chế, thăng trầm, thành bại, cho dù trải qua nhiều nổi gian truân, bá quyền, tham vọng, độc tài... GHPGVNTN vẫn giữ bản thể của một tôn giáo dân tộc có tuổi thọ 2000 năm, đứng về phía dân tộc quê hương, để nói tiếng nói của quê hương dân tộc. Nhìn rõ vị trí của mình vững vàng trên con đường Trung Đạo, không thái quá cũng không bất cập của buổi giao thời giữa hai thế kỷ 20 - 21, thấy rõ vị trí của mình trong mọi tình huống. Chính vì vậy mà sau biến cố 1975, khi đất nước rơi vào cảnh trạng đau thương, tan tác, từ thôn quê đến thị thành, từ người già đến thế hệ trẻ bị đánh bật ra khỏi nếp sống an bình, bị mất tất cả mọi quyền tự do căn bản, nhân phẩm. GHPGVNTN đã đại diện cho các tầng lớp người dân, đấu tranh đòi hỏi quyền làm người, đòi hỏi quyền tự chủ, độc lập nước nhà. Do đó, nhân sự của GHPGVNTN đã bị áp bức tù đày, lao lý, đầy ải từ trại giam



Nam Mô Từ Lâm Tế Chánh Tôn Từ Thập Nhị thế, hỷ Thị Khai, tự Hạnh Huệ hiệu thượng Đồng hạ Minh Hoà Thượng giác linh (1927 - 2005)



Thượng Tọa THÍCH THIÊN MINH
Cố vấn Ban chỉ đạo Việt Nam Thống Nhất
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất
(1922 - 1978)

này đến trại giam khác, cùng chịu chung số phận với mọi thành phần quần chúng bị giam giữ, đói khát, bệnh hoạn trong cơ thể ốm yếu gây mòn chỉ còn da bọc xương, những chết chóc được chôn vùi hời hợt trong những nấm mộ hoang sơ, hiu hắt, hương tàn nhang lạnh.

GHPGVNTN đã ý thức được bốn phận, trách nhiệm của người con dân nước Việt, cùng góp phần giữ gìn đất nước của tiền nhân đã dày công xây

dựng, bao công sức của các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần... đã nằm xuống bảo vệ quê hương, cho dù đó là một hải đảo nhỏ, một nhánh sông, một ngọn đồi, một dãy núi. Tất cả là của dân tộc Việt Nam, không ai có quyền làm mất đi tấc đất tấc vàng mồ hôi nước mắt của Cha Ông.

GHPGVNTN luôn đồng hành với dân tộc, đấu tranh, cảnh tỉnh những thế lực tham vọng, bá quyền nhằm đáp ứng nguyện vọng chung của quê hương đất nước thái hòa, dân tộc phồn vinh thịnh trị. Chính vì những đấu tranh cho quyền lợi của dân tộc, mà thời nào các nhân sư của GHPGVNTN cũng bị đàn áp, vào tù ra khám, bị khảo tra bức hại, phải hy sinh thân mạng. Vậy mà vẫn có những người phê bình, đặt vấn đề sao Giáo Hội không lo tu hành, yên phận tụng kinh gõ mõ. Thưa rằng, GHPGVNTN mang lý tưởng hòa bình, mang hoài bão phụng sự nhân loại và dân tộc, đòi hỏi bình đẳng tôn giáo, xây dựng nền hòa bình công chính cho tất cả và trong tất cả những yếu tính trên: *"GHPGVNTN không đặt sự tồn tại của mình nơi nguyên vị cá biệt mà đặt sự tồn tại trong sự tồn tại của nhân loại và dân tộc."* Vì sự sống còn của con dân nước Việt, vì sự sinh tồn của Giáo Hội, đạo giáo mà có những Thánh tử đạo như Bồ Tát Thích Quảng Đức, của chư Tôn Đức Tăng Ni, của Phật tử GDPT, của nữ sinh Phật tử Quách Thị Trang trong pháp nạn 1963, của Hòa Thượng Thiện Minh, Hòa Thượng Trí Thủ, Hòa Thượng Thanh Trí, Hòa Thượng Thiện Giải... của 12 Tăng Ni chùa Dược Sư Cần Thơ và nhiều Phật tử khác nữa sau năm 1975. Họ là những chiến sĩ vô danh góp phần viết nên dòng lịch sử dân tộc hào hùng.

V. KẾT LUẬN

Nói đến lịch sử hành hoạt của GHPGVNTN là nói đến sứ mạng thừa tiếp dòng lịch sử 2000

năm qua của chư vị Lịch Đại Tổ Sư truyền nhiệm. Thừa tiếp để hành hoạt thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh trong tinh thần phụng sự tuy có lúc thành công, nhưng cũng có lúc nội bộ bị khủng hoảng. Cụ thể như sự ban hành Giáo Chỉ số 9, phủ nhận 4 Giáo Hội Thống Nhất ở Hải Ngoại. Đây là một quyết định sai lầm của người lãnh đạo, sự sai lầm này đã làm suy yếu tiềm năng của Giáo Hội trong nước. Tuy nhiên, chính nghĩa tồn tại nên bốn GHPGVNTN Hoa Kỳ, GHPGVNTN Âu Châu, GHPGVNTN Úc Đại Lợi - Tân Tây Lan và GHPGVNTN Gia Nã Đại đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách để ngày càng lớn mạnh trong tinh thần tương kính, tương thuận để tiến tới sự thành lập Văn phòng Điều Hợp Liên Châu, cùng tổ chức các Phật sự hàng năm: An Cư Kiết Hạ, Đại Lễ Phật Đản chung, các Khóa Tu Học Phật Pháp của các Châu Lục, ngày Về Nguồn - Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư đã được hanh thông, thành tựu viên mãn. Sự thành tựu này là nhờ khả tính thương yêu, tôn trọng, hiểu biết để cùng chia sẻ Phật sự của các Giáo Hội với nhau. Về mặt từ thiện xã hội, GHPGVNTN đã tích cực cứu trợ những nạn nhân thiên tai bão lụt, sóng thần, động đất ở các quốc gia Nam Dương, Nhật Bản, Phi Luật Tân, Ấn Độ, Việt Nam... trong tinh thần tục ngữ ca dao Việt Nam: *"Miếng khi đói bằng gói khi no"* hay *"Lá lành đùm lá rách."* Tuy vào lúc đó các Giáo Hội cũng đang gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn không quên bốn phận, trách nhiệm cứu khổ của mình.

Nhìn chung, lịch sử hành hoạt của GHPGVNTN có lúc trong sáng, tốt đẹp, có lúc nhạt nhòa khốn khó, nhưng rồi cũng qua đi như lời của nhà thơ Vũ Hoàng Chương:

*"Trang sử Việt cũng là trang sử Phật
Trải bao độ hưng suy có nguy mà chẳng mất."*

GHPGVNTN sinh ra trên lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam, một quê hương khiêm tốn trên bản đồ thế giới, nhưng cho đến hôm nay GHPGVNTN không những có mặt trên quê hương nơi chôn nhau cắt rốn mà đã hóa thân hiện hữu khắp năm châu bốn biển. Đây là điều kỳ diệu, Phật pháp nhiệm mầu.

Kính bạch chư Đại Tăng,
Kính thưa hội chúng,

Sơ lược vài nét lịch sử hành hoạt của GHPGVNTN nhân ngày Về Nguồn - Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư lần thứ 10 này, như là một cảm niệm để nhớ ơn và đền ơn trong muôn một kính dâng lên các bậc kỳ túc, thánh Tăng đã vì con đường hoàng dương Phật pháp, an sinh xã hội mà vui lòng phụng hiến thân mình cho đạo pháp trường tồn, nhân dân an lạc.

Thành kính đánh lễ Đại Tăng và trân trọng kính cảm ơn toàn thể quý Phật tử.

Ottawa, ngày 08 tháng 10 năm 2016

Tu Viện Phổ Đà Sơn

Thích Nguyên Siêu



THÔNG BÁO

GIẢI THƯỞNG VĂN HỌC ANANDA VIỆT AWARDS

VIẾT VỀ ĐẠO PHẬT

Hội Phật Học Đuốc Tuệ, Thư Viện Hoa Sen, và Ananda Viet Foundation
đồng tổ chức cuộc thi viết về đạo Phật

1. Mục đích

Mục đích của giải thưởng là khuyến khích việc sáng tác cá nhân, xuất phát từ nguồn cảm xúc đối với các hiện tượng thiên nhiên và đời sống xã hội, được miêu tả, bằng nhận thức, lý giải và thái độ sống động qua những lời dạy của Đức Phật. Bài tham dự có thể trình bày dưới nhiều hình thức như tác phẩm nghệ thuật, truyện ký, truyện ngắn, tạp bút, thơ... Người viết hoàn toàn tự do chọn đề tài, miễn có liên quan đến tư tưởng Đạo Phật và nội dung có thể chuyển tải được giáo lý thâm sâu, vi diệu mà rất gần gũi, giản dị của đức Phật trong đời sống hàng ngày.

2. Đối tượng dự thi

Các bài viết chưa từng được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng. Các luận văn tốt nghiệp đại học và học viện chuyên môn không thuộc đối tượng của cuộc thi. Không giới hạn số lượng bài viết của một tác giả và không giới hạn tuổi cũng như thành phần tham dự.

3. Giải thưởng

Hội đồng giám khảo sẽ lựa chọn và quyết định trao giải cho tối đa 08 người có sáng tác xuất sắc nhất. Giải thưởng sẽ bao gồm bằng khen và tiền thưởng tương đương với giá trị khoảng 7.000 USD, được phân bổ thành 8 giải như sau: một giải nhất \$3000, một giải nhì \$2.000, một giải ba \$1.000, và năm giải khuyến khích, mỗi giải \$200.

4. Hội đồng Giám khảo

Hàng năm, Ban Tổ chức sẽ mời một số nhà văn và nhà phê bình văn học Phật giáo tham dự vào một *Hội đồng Tuyển chọn Chung kết* để chọn ra các tác phẩm trúng giải.

Hội đồng Tuyển chọn Chung kết cho năm 2017 - 2018 gồm quý học giả, nhà văn, thi sĩ: Cư sĩ Chân Hiền Tâm (Việt Nam), Hoàng Phong (Pháp), Mật Nghiêm, Nguyễn Giác, Nguyễn Minh Tiến (Việt Nam), Nguyễn Lương Vy, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Tâm Huy Huỳnh Kim Quang, Tâm Thường Định, và Vĩnh Hào.

5. Hướng dẫn nộp bài

a. Bản thảo viết bằng tiếng Việt sử dụng loại chữ unicode, giới hạn từ 3.000 đến 10.000 từ, kèm sơ lược tiểu sử của tác giả và địa chỉ liên lạc, xin gửi file attachment về địa chỉ e-mail của Thư Viện Hoa Sen: info@thuvienhoasen.org. Dưới tên bài, tác giả cần để rõ "Bài viết tham dự Ananda Viet Awards".

b. Thời hạn gửi bài từ nay cho đến hết ngày 30-10-2017. Bài gửi sau ngày 30-10-2017 sẽ được để dành cho năm kế tiếp và lễ trao giải thưởng đầu tiên sẽ được tổ chức vào dịp cuối năm 2017 hay đầu năm 2018 tại Orange County, Nam California, Mỹ. Các tác giả trúng giải ở xa sẽ được gửi đến tận nhà.

c. Mỗi cá nhân sẽ được tham gia với một hay nhiều sáng tác. Những sáng tác với nhiều tác giả sẽ được xem như là bài viết của một cá nhân đứng tên, với sự đồng ý của tất cả các đồng tác giả.

d. Chúng tôi không nhận những bài tham dự đánh máy hay bản viết tay gửi qua đường bưu chính. Vui lòng gửi bản vi tính .DOC qua file attachment về địa chỉ e-mail của Thư Viện Hoa Sen: info@thuvienhoasen.org

e. Những bài phù hợp được tuyển chọn bởi Ủy ban Sơ tuyển sẽ được phổ biến trên website Thư Viện Hoa Sen và Ananda Viet Foundation. Bài được chọn để phổ biến sẽ tự động nằm trong danh sách chuyển lên *Hội đồng Tuyển chọn Chung kết* để Hội đồng chọn ra các tác phẩm trúng giải.

f. *Hội đồng Tuyển chọn Chung kết* có toàn quyền chọn hoặc không chọn theo các tiêu chuẩn mà hội đồng đề ra và dành mọi quyền biên tập, sửa chữa, phổ biến các bài tham dự trên báo chí, phát thanh, phim ảnh, hoặc in thành sách.

Chúng tôi hoan hỷ đón nhận mọi bảo trợ từ tinh thần đến vật chất. Hiện nay, đã có 8 tổ chức bảo trợ Giải thưởng Ananda Viet Awards là Hội Phật Học Đuốc Tuệ, Thư Viện Hoa Sen, Trang nhà Quảng Đức, Tu viện Huyền Không Sơn Thượng, Rộng Mở Tâm Hồn, Liên Phật Hội, Việt Nalanda, và Nguyệt san Chánh Pháp. Danh sách này sẽ được mở rộng khi chúng tôi nhận thêm được sự bảo trợ của các tổ chức hay cá nhân khác.

Về bảo trợ tài chánh, chúng tôi không nhận tiền mặt, chỉ nhận chi phiếu cá nhân hay tổ chức. Chi phiếu xin đề "Ananda Viet Foundation," hay chuyển ngân khoản qua Pay Pal. Toàn bộ số tiền nhận được từ các nhà bảo trợ sẽ được chuyển vào quỹ giải thưởng.

Với tư cách pháp nhân là một Hội đoàn bất vụ lợi theo quy chế 501(c)(3) của Tiểu bang California, chúng tôi sẽ cung cấp Mã số Thuế (Tax Exemp ID) để quý vị có thể sử dụng khi khai thuế. Mọi thông tin liên lạc bảo trợ xin gửi thư về:

Ananda Viet Foundation
14902 Moran Street, Suite B
Westminster, CA 92683
Tel. 714-988-5388
Email: info@thuvienhoasen.org

Ban tổ chức giải thưởng dành mọi quyền ngưng chương trình mà không cần báo trước. Trong trường hợp này, hiện kim của các nhà bảo trợ sẽ được hoàn trả lại. Mọi thắc mắc, xin email hay liên lạc về địa chỉ trên.

Ban Tổ Chức Giải Thưởng kính mời.

- **Hội Phật Học Đuốc Tuệ**
- **Thư Viện Hoa Sen**
- **Ananda Viet Foundation**

MỘT GÓC VẮNG LẶNG

Nguyễn Giác

Hãy hình dung, nơi một lề đường thành phố New York, nơi ồn ào không ngừng với đủ thứ âm thanh. Và ngồi bệt dưới đất, lặng lẽ ở một hè phố, là một vị sư và một số người Mỹ đang thiền tập, bất kể người đi bộ lướt qua trước mặt, bất kể xe chạy vù vù dưới đường, và bất kể xe điện chạy ầm ầm gần đó. Họ là những mạng rất là bình an, vắng lặng giữa một thành phố không ngừng chuyển động.

Chúng ta đang sống trong một thế giới hỗn loạn và ồn ào. Những tiếng động vang lên khắp nơi, không ngừng. Tiếng xe chạy, tiếng máy TV, tiếng nhạc hắt ra từ quán xá, tiếng rao ngoài phố, tiếng gió kêu, tiếng sóng biển, tiếng xe lửa, và vân vân. Gần như, không thể tìm được phút giây nào vắng lặng nơi thành phố.

Đặc biệt, là ở những thành phố thức mãi 24 giờ như New York. Do vậy, một nhóm khoa học gia từ đại học NYU, làm việc chung với các khoa học gia ở Ohio State University, bắt đầu nghiên cứu về tình hình ô nhiễm tiếng ồn ở New York, với dự án sẽ kéo dài nhiều năm với tên là Sounds of New York City (SONYC), với tài trợ 4.6 triệu đô từ National Science Foundation.

Một cuộc nghiên cứu nhiều năm trước đó về ảnh hưởng tiếng động thành thị đã cho thấy rằng tiếng ồn đang làm nhiều người dân suy giảm thính lực, sức khỏe yếu hơn, khả năng học chậm hơn và dễ có thái độ đối kháng xã hội.

Tiến sĩ Alice H. Suter, chuyên gia về âm thanh học ở viện National Institute for Occupational Safety and Health, ghi nhận rằng tiếng ồn gây ra sự căng thẳng, nhưng "xã hội chúng ta chấp nhận tiếng ồn như cái xấu cần thiết," và rồi mọi người xem như tiếng ồn là một phần của môi trường không gạt bỏ được.

Suter nói rằng có hơn 20 triệu người Mỹ mỗi ngày tiếp cận với môi trường âm thanh ồn tới mức làm suy giảm thính lực, tức là âm thanh cao hơn 80 decibels, tức là ngang với tiếng ồn của một máy hút bụi, hay máy cơ khí điện, hay khối lượng xe cộ đông đúc.

Tiếng ồn cũng ảnh hưởng tới áp huyết máu, theo một số thử nghiệm với loài khỉ rhesus monkeys và huyết áp vẫn cao kể cả khi tiếng ồn chấm dứt.

Phải chăng, đó là một trong các lý do nhiều Phật tử quyết định đưa thiền tập tới đường phố và tới các trạm xe điện ngầm ở thành phố New York, vừa để hoằng pháp, vừa để tự vệ, vừa giúp nhau giữ sức khỏe cho thân và tâm?

Tạp chí Lion's Roar hôm 16/11/2016 có bản tin của Sam Littlefair ghi nhận hiện tượng này.

Một tổ chức mới lập và lan rộng nhanh chóng có tên là Buddhist Insights đang tìm cách giúp người dân New York tập thiền ở những nơi bất ngờ nhất – và một phần thiền tập là, làm bạn với những gì chung quanh mình.

Bài báo viết rằng dân New York có thể





không nghĩ rằng các đường phố thô nhám gạch đá là nơi để tìm bình an nội tâm, nhưng nhóm Buddhist Insights đang nhằm thay đổi các suy nghĩ đó.

Một người đồng sáng lập Buddhist Insights là Giovanna Maselli nói rằng, “Người ta nói rằng bạn phải xa lìa New York để tìm bình an và vắng lặng.” Để thách thức suy nghĩ đó, cô và người đồng sáng lập là nhà sư Bhante Sudhaso đã tổ chức các lớp thiền tập ở các địa điểm bất thường trong thành phố. Người ta gọi đó là “nhập thất trên đường phố.”

Maselli nói, “Nhập thất trên phố lúc đầu như là chuyện vui đùa. Nhưng rồi có nhiều phản ứng tích cực. Dân chúng nhận ra rằng họ có thể thiền tập ở bất kỳ nơi nào.”

Buddhist Insight tự định ra nhiệm vụ là nối kết dân New York với các nhà tu Phật giáo. Maselli giải thích rằng khi cô muốn tìm một vị thầy hồi năm 2015, cô chẳng gặp ai cả. Do vậy cô hợp tác với Sudhaso, một nhà sư Phái Lâm Truyền của Theravada để lập tổ chức này.

Nhà sư và cô Maselli gần như tình cờ khám phá ra khái niệm mở các lớp thiền tập trên đường phố.

Maselli nói, “Nó khởi đầu chỉ vì tôi thường tới trễ. Bất cứ khi nào chúng tôi gặp nhau, tôi lại thấy nhà sư đang thiền tập để chờ tôi, nên tôi mới chụp hình nhà sư.”

Maselli phóng các hình đó lên mạng Instagram, nơi mỗi tấm hình được hàng trăm “ưa thích” (likes). Trong vòng chưa tới một năm, tài khoản hội Buddhist Insights có hơn 20,000 người theo dõi. Khi Buddhist Insights mở lớp đầu tiên trong tháng 1-2016, quảng bá trên mạng Instagram, có 50 người tham dự và 50 người khác ghi tên trong danh sách chờ.

Thế rồi cô Maselli và nhà sư Sudhaso bắt đầu mở các lớp hàng tuần tại nhiều nơi ở New York City: các nhà thờ, các phòng tranh, các bờ biển, các hè phố, các trạm xe điện ngầm, các công viên và bất cứ nơi nào cho họ ngồi tự do.

Nhà sư Sudhaso giải thích rằng chỉ là vấn đề thiết lập một thái độ để thiền tập bất cứ nơi nào và làm bạn với môi trường chung quanh, “Thường thì, khi chúng ta tập thiền và có tiếng ồn bên ngoài, chúng ta suy nghĩ, ‘Ồ, tôi có thể thiền tập nếu không có tiếng ồn kia.’ Vấn đề không phải là tiếng ồn. Điều quấy rối việc thiền tập của bạn là thái độ đối với tiếng ồn: tiếng

ồn chỉ là tiếng ồn. Do vậy, chúng ta thiết lập thái độ tập trung vào giây phút hiện tại và dùng nó như phòng thí nghiệm của bạn để khảo sát tâm mình. Đó là điều bạn có thể làm bất kỳ nơi nào, với bất kỳ điều kiện hoàn cảnh nào.”

Các lớp hàng tuần thường tổ chức ở bờ biển hay hè phố, nhưng một vài chương trình rất sáng tạo. Hồi tháng 6/2016, Buddhist Insights tổ chức quán niệm về sự chết trong một nghĩa trang. Hồi tháng 9/2016, họ thiền tập trong một cơ xưởng làm sô-cô-la. Maselli nói, “Khi chúng ta nói về ly dục, chỉ là khái niệm trừu tượng thôi, nhưng khi bạn vào một nơi bạn có thể ăn kẹo sô-cô-la, nó có một ảnh hưởng khác liền.”

Hồi tháng 10/2016, họ tổ chức nhập thất suốt ngày dài về thiền tâm tử trên xe điện ngầm, khuyến khích người tham dự thực tập từ bi với các hành khách xe điện chung quanh họ.

Không phải mới lạ gì về “nhập thất trên đường phố.” Thiền sư Bernie Glassman (truyền thống Zen) và dòng thiền có tên là Zen Peacemakers từng tổ chức “nhập thất trên phố” trong nhiều thập niên, có nhiều ngày và đêm sống trên đường phố New York. Nhưng nhập thất như Buddhist Insight vẫn khác hơn, vì thời lượng thiền tập ngắn, và bất kỳ ai – dù sơ học hay thâm niên – đều có thể tham dự.

Buddhist Insights cũng được ghi nhận là mô hình không-bộ-phái. Y hệt như MNDFL ở Manhattan và như Dharma Bum Temple ở San Diego, Buddhist Insights để cho các thiền sinh thử tập theo phương pháp nhiều tông phái khác nhau, và giúp họ tìm xem truyền thống Phật giáo nào thích hợp với họ.

Các lớp và các buổi nhập thất của Buddhist insights được hướng dẫn bởi nhà sư Sudhaso hay các nhà sư thỉnh giảng từ các thiền viện khác nhau trong truyền thống Theravada, hay Vajrayana (Phật giáo Tây Tạng), hay Thiền Tông (Zen). Các chương trình đều miễn phí, nhưng cúng dường sẽ được đón nhận. Họ đang trở thành những góc rất an bình và vắng lặng của New York.



xuân

đền lồng leo lét
chẳng thấy trắng
cũng chẳng thấy sao
lướt thướt, mượt mà
xuân!
trườn mình êm ả
hương đêm ngào ngạt
xào xạc
thấp thoáng yếm lụa đào
vỗ tay, ai biết hư hay thực
mây áp trắng
người ngất sao

quán cuối năm

quán vắng, trầm mặc
chiều lạnh, mưa cuối năm
lê thê giọt đắng
miệt mài gió reo
tận cùng ngày tháng
vất vưởng, buông lời
quán đợi
quán đời
bến bờ vời vợi, chơi vơi
Quán-Tự-Tại Bò-Tát
nguyện xin cho người mê mãi
cuối đời bình an

mẹ ru

mẹ ru con ngu ngôn buồn
lao đao mệt mỏi, tận cùng cơn mê
đây thành quách, đây ngựa xe
ngược xuôi. lạc lõng. rạc rày. tráo trằng

mẹ ru con cuộc biển dâu
trắng sao xuống đất, trên đầu khăn tang
dâu ruột thịt, dâu họ hàng
ai còn. ai mất. ngút ngàn. xót xa

mẹ ru con giữa ta bà
con về luân quản, tàn ngàn dưới hiên
con về vong nghĩa, vong niên
con về lú lùn, đêm ngày không xa
mẹ ru con
lục tự di đà

bước thên thang

ngày nấu cơm, lật rau
đêm trải lòng đêm phật
nâu sòng tâm chân chất
bờ bụi bước thên thang

vội vàng chi nắng ấm
xoa trán nhớ mệnh mang
ngàn xưa như mưa lũ
ngàn sau như sương mù

vội vàng chi đi, đến
đến, đi mây tụ, tan
Nam-Mô Cầu-Sám-Hối Bồ-Tát
giặt giũ buổi hoang đàng

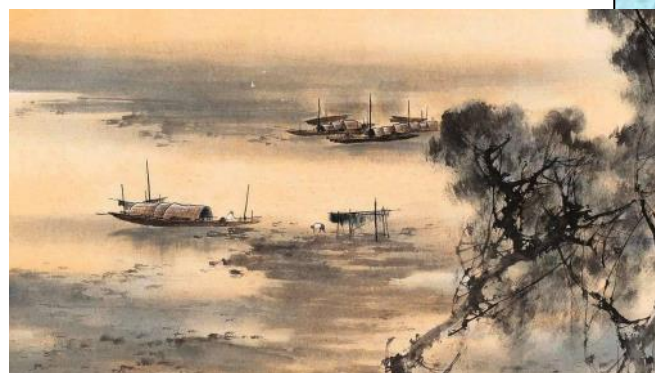
đời theo mộng

vội vàng đến, vội vàng đi
chân men lối vắng xuân thì đã xa
đời như mộng, lắm bốn ba
lòng nghe trần trở đêm qua đến ngày

nhà trống vắng, nắng phôi phai
lời kinh câu kệ miệt mài công phu
nổi trôi – ngây ngất sương mù
bóng chim tăm cá
thần-phù lênh đênh
đời theo mộng
mộng không tên

thơ

QUẢNG TÁNH TRẦN CẨM



NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ

H.T. Thích Trí Chơn

R. C. CHILDERS (1838-1876)

Robert Caesar Childers sinh năm 1838 tại Nice, miền đông nam nước Pháp, con của Charles Childers, một giáo sĩ Anh quốc. Thiếu thời, là sinh viên trường Wadham College tại Oxford, miền trung nam nước Anh, Robert C. Childers được cấp học bổng Hebrew. Lớn lên, ông lập gia đình với bà Anne Childers có năm con: hai trai và ba gái.

Năm 1860 ông được bổ nhiệm tham gia ngành Dân Chính của Tích Lan (Ceylon Civil Service). Trước tiên, R. C. Childers làm thư ký riêng cho thống đốc Sir Charles Mc Carthy; sau đó ông được mời giữ chức Phó Giám Đốc văn phòng đại diện chính quyền tại Kandy (Tích Lan).

Từ năm 1860 đến 1863 Childers học tiếng Tích Lan (Sinhalese) và cổ ngữ Pali với Thượng Tọa Yàtràmulle Sri Dhammàràma (1828-1872), một giáo sư Pali nổi tiếng bấy giờ tại chùa Bentota Vanavasa và kết bạn thân với Thượng Tọa Waskaduwe Sri Subhùti (1835-1917), cũng là một học giả uyên thâm về thánh ngữ Pali thời ấy. Trong thời gian này, Childers đã trao đổi nhiều thư từ qua với T.T.W.S. Subhùti nhằm mục đích nhờ thượng tọa chỉ dẫn cho ông học hỏi tiếng Sinhalese (Tích Lan), thánh ngữ Pali và Phật Giáo. Chúng tôi xin lược trích dưới đây nội dung của một số trong những bức thư đó:

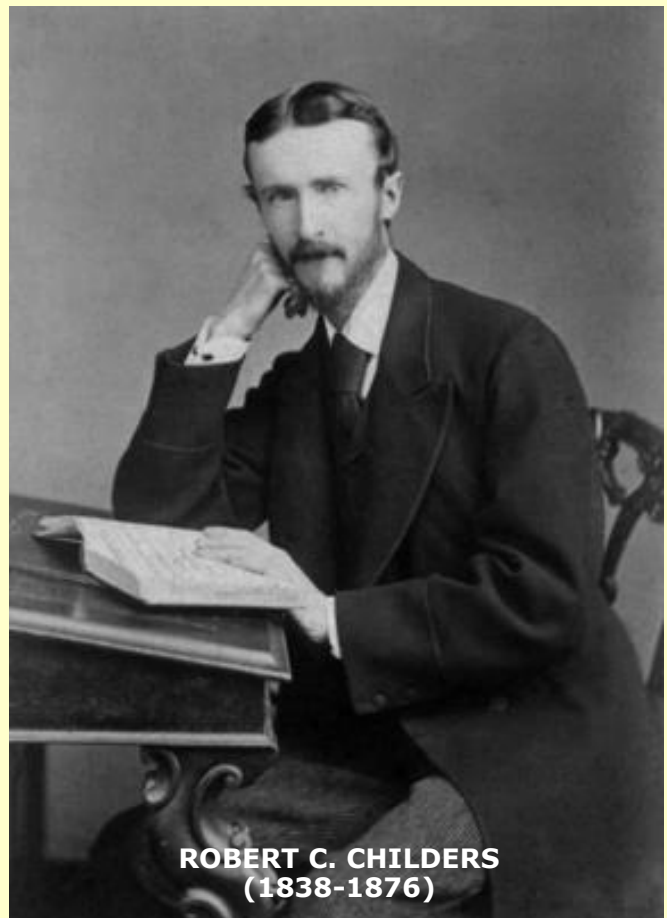
1. Trong thư đề ngày 29-11-1866, Childers gửi tặng T. T. Subhuti chiếc ảnh của ông. Trước đó, ông cũng đã gửi cúng dường T.T. Subhùti một hộp đựng bút chì bằng vàng. Lúc ấy Childers cư ngụ tại số 35 Mecklenburg Square ở Luân Đôn (London), Anh quốc và đang làm thư ký cho Ủy Ban Nghiên Cứu về các bệnh dịch của súc vật (Cattle Plague Commission).

2. Thư viết bằng tiếng Pali đề ngày 31-05-1869, Childers thông báo đã đặt mua cho T.T. Subhùti một số sách văn học bằng tiếng Phạn (Sanskrit) mà thượng tọa rất ưa thích.

3. Trong thư (không đề ngày) gửi đầu

năm 1870, Childers cảm ơn thư của T.T. Subhùti viết cho ông ngày 24-12-1869. Ngoài ra, Childers còn nêu lên 13 câu hỏi nhờ T.T. Subhùti giải đáp về các danh từ và thuật ngữ Phật Giáo trong các bộ kinh như Pháp Cú (*Dhammapada*), Trung Bộ Kinh (*Majjhimanikàya*) và Đại Sử của Tích Lan (*Mahavamsa*).

4. Ngày 23-09-1870, Childers gửi thư cảm ơn thư của T.T. Subhùti viết ngày 31-08-1870 kèm với tập chuyện tiền thân đức Phật "*Sigàla-Jataka*" và tấm hình của thượng tọa. Ngoài ra, ông còn nhờ T.T. Subhùti giải đáp



**ROBERT C. CHILDERS
(1838-1876)**

nhiều câu hỏi liên quan đến Luật Giới (*Vinaya*) và các danh từ Phật Học trong kinh Phạm Võng (*Brahmajālasutta*) thuộc Trường Bộ Kinh (*Dīgha Nikāya*).

5. Thư ngày 06-04-1871, Childers tin đã gửi cho T.T. Subhūti những cuốn sách y học bằng tiếng Phạn (Sanskrit). Ngoài ra ông còn nêu lên trong thư 17 câu hỏi liên quan đến những danh từ Phật Giáo, cách cấu tạo văn phạm tiếng Pali và một vài bài viết phê bình về các sách tiếng Pali vừa mới xuất bản lúc bấy giờ trong đó có tác phẩm của T.T. Subhūti.

Năm 1864, Childers xin thôi việc trong ngành Dân Chính ở Tích Lan và trở về Anh quốc. Từ năm 1868, ông bắt đầu dành hết thì giờ cho việc nghiên cứu, học hỏi thánh ngữ Pali dưới sự chỉ giáo của học giả Reinhold Rost (1822-1896). Năm 1872, Childers được mời giữ chức phụ tá nhân viên quản thủ thư viện (Sub-Librarian) của "Văn Phòng Ấn Độ" (Indian Office) cũng như làm giáo sư về môn cổ ngữ Pali và văn học Phật Giáo (Buddhist Literature) tại University College ở Luân Đôn (London).

Những Đóng Góp Của R.C. Childers Cho Nền Văn Học Phật Giáo Cổ Ngữ Pali Tại Tây Phương

Trong thời gian từ 1869 đến năm 1876, R.C. Childers đã viết nhiều bài khảo cứu Phật Học giá trị và dịch từ Pali ra Anh văn một số bài kinh Phật Giáo như dưới đây:

- 1869: Dịch từ Pali ra Anh ngữ và chú thích tập Tiểu Tụng (*Khuddaka Pāṭha*) thuộc Tiểu Bộ Kinh (*Khuddaka Nikāya*). Tài liệu này được đăng tải ở tạp chí của Hội Hoàng Gia A Châu (*Journal of the Royal Asiatic Society*, viết tắt JRAS), Tập (Vol.) IV, xuất bản tại Luân Đôn (Anh Quốc).

- 1871: Đăng tải ở tạp chí nói trên JRAS, Tập (Vol.) V, bài "Notes on Dhammapada with Special Reference to the Question of Nirvana" (*Chú giải về Kinh Pháp Cú và đặc biệt liên quan đến vấn đề Niết Bàn*).

- 1873: Đăng tải ở tạp chí JRAS, Tập (Vol.) VI hai tài liệu: "Notes on the Sinhalese Language No. 1: On the Formation of the Plural of Neuter Nouns" (*Chú giải về tiếng Sinhalese - Tích Lan, bài 1: Cách cấu tạo ở số nhiều của các danh từ trung tính*) và "The Pali Text of the Mahāparinibbāna-Sutta and Commentary with an English translation" (*Kinh Đại Bát Niết Bàn tiếng Pali và lời chú giải với dịch bản Anh ngữ*).

- 1874: Viết nhiều bài "Khảo Cứu về cổ ngữ Pali tại Tích Lan" (*Pali Studies in Sri Lanka*) cho các tạp chí phát hành tại Luân Đôn

như tờ "Academy", "Athenaeum" và "Trubner Literary Record".

- 1875: Đăng tải ở tạp chí JRAS, tập (Vol.) VII phần dịch tiếp từ Pali ra Anh văn của Kinh Đại Bát Niết Bàn.

- 1876: Đăng tải ở tạp chí JRAS, tập (Vol.) VIII bài "Notes on the Sinhalese Language, No. 2: Proofs of the Sanskrit Origin of Sinhalese" (*Chú giải về tiếng Sinhalese, bài 2: Chứng cứ về nguồn gốc Phạn ngữ trong tiếng Sinhalese - Tích Lan*) và phần kết thúc bản dịch từ Pali ra Anh văn kinh Đại Bát Niết Bàn (*Mahā-Parinibbānasutta*).

Cũng trong năm 1876 Childers bắt đầu dịch ra Anh ngữ 10 kinh chọn lọc tiếng Pali trong Trường Bộ Kinh (*Dīgha Nikāya*) và ông đã hoàn tất được 7 kinh.

Ngoài các bài viết nghiên cứu về cổ ngữ Pali, tiếng Sinhalese và Phật Học giá trị cũng như dịch ra Anh văn từ nguyên bản Pali những kinh thuộc Kinh Tạng Nam Tông (*Sutta-Pitaka*) nói

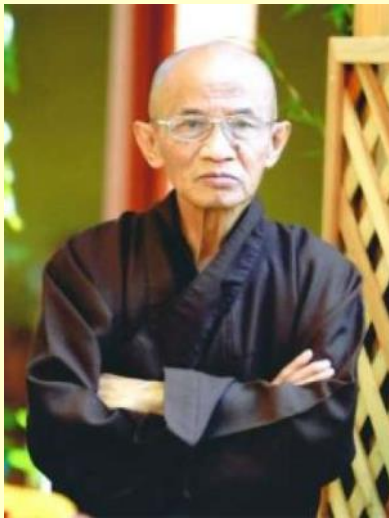
trên, công trình đóng góp lớn lao nhất của R.C. Childers cho nền Phật Học Tây Phương là ông đã dày công soạn cuốn "A Dictionary of the Pali Language" (*Tự Điển tiếng Pali*).

Đây không những là cuốn tự điển tiếng Pali mà còn là cuốn "Bách Khoa Tự Điển Phật Giáo" (*Encyclopedia of Buddhism*) đầu tiên được xuất bản tại Châu Âu gồm có hai tập: Tập I ấn hành năm 1872 và Tập II xuất bản năm 1875.

Sự kiên nhẫn, hy sinh khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành cuốn tự điển Pali vô giá này của giáo sư Robert C. Childers đã được học giả T.W. Rhys Davids (1843-1922) hết lời tán dương qua đoạn văn dưới đây, trích từ cuốn "The History and Literature of Buddhism" (*Lịch sử và Văn Học Phật Giáo, trang 33*) của ông xuất bản năm 1896:

"Tác phẩm vĩ đại này được thành hình là do công trình hy sinh kiên nhẫn của giáo sư Childers. Ngay sau khi về hưu năm 1866, ông bắt đầu biên soạn, sắp xếp theo thứ tự abc tất cả những từ ngữ ông tìm thấy trong tập Abhidhānappadīpikā, một cuốn ngữ vựng về tiếng Pali gồm 1203 câu thơ (xuất hiện khoảng thế kỷ 12 sau tây lịch). Khi biên soạn lại cuốn tự điển này, Childers đã bổ túc thêm nhiều danh từ Phật Học khác được trích từ các kinh điển Pali đã xuất bản cũng như những sách do các học giả Châu Âu viết về Phật Giáo. Tác phẩm của Childers sau khi hoàn tất rõ ràng là một đóng góp tiên khởi cần thiết cho những công trình nghiên cứu uyên thâm, sâu rộng khác về cổ ngữ Pali".

Và tạp chí Athenaeum phát hành ngày 21 -08-1875 tại Luân Đôn (London) Cũng không



**H.T. THÍCH TRÍ CHƠN
(1933—2011)**

ngọt lời khen ngợi cuốn tự điển của Childers như sau:

"Giáo sư Childers đã cày, gieo và gặt hái được mùa lúa tốt đẹp từ nơi cánh đồng mà ông ta không ngờ kết quả như vậy. Đó là cuốn tự điển Pali đầu tiên của ông. Giáo sư đã không cần vay mượn đến ý kiến nào từ các học giả khác để xây dựng nền tảng cho tác phẩm của ông, ngay cả một từ ngữ cũng không. Là một công trình với nhiều khó khăn, cuốn tự điển của Childers được xem như thành quả kỳ diệu của sự kiên nhẫn, nghị lực bất khuất và chịu khó khảo cứu đầy nhiệt tâm... Chúng tôi có thể nói rằng giáo sư Childers đã không dùng đến một cuốn tự điển nào khác, ngay cả một từ ngữ vững cũng không. Tuy vậy, cuốn tự điển Pali của ông hiện chứa đựng gần 14.000 danh từ và 45.000 sự tham khảo, tra cứu. Đây thực sự là một sáng tác vĩ đại của Childers."

Để tán thưởng sự đóng góp to lớn của giáo sư Childers sau khi soạn xong cuốn tự điển Pali nói trên, ông được trường "Institute of France" cấp giải thưởng Volney (Prize) vào năm 1876.

Rất tiếc Robert C. Childers với thiên tài xuất chúng như vậy lại từ giã cõi đời quá sớm vào ngày 25 tháng 7 năm 1876, hưởng thọ 38 tuổi. Sự ra đi đột ngột của Childers khiến cho các độc giả Phật tử Tây Phương bấy giờ hết sức bàng hoàng sửng sốt, là một mất mát lớn lao đối với các nhà nghiên cứu văn học cổ ngữ Pali nói riêng và chung cho nhiều học giả Phật Học trên toàn thế giới.

THÍCH TRÍ CHƠN

(Chánh Pháp sẽ lần lượt đăng trọn tác phẩm NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÁU MỸ trong những số kế tiếp. Thành kính tri ân Cố Hòa Thượng Thích Trí Chơn, và xin kính mời độc giả đón đọc)

TIỂU LIỆU PHÁP

Buồn buồn ngaoáy rón Ngai chơi

Hỏi rằng đang khổ có cười được chăng?

Ngài rằng: "Con cứ nhe răng

Cười luôn những chuyện nhân gian khó cười!"

Ngoáy xong con "ngộ" được rồi

Về nhà lục bát lục nôi tìm thơ

Cười khi chổng gọng, chơ vơ

Cười khi mắt mắt, sa cơ điêu tàn

Cười mà nước mắt hai hàng

Đêm về ngủ giấc mơ màng cười lên

Cười cho vui hết lạ quen

Đời đâu có khổ mà rên than hoài?!

Ngoáy xong cái rón Ngai rồi

Từ nay con cứ muốn cười liên miên!

thơ

TÂM KHÔNG VĨNH HỮU



ĐẶT TÂM ĐÚNG HƯỚNG

Quảng Tánh

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, dạy các Tỷ-kheo:

- Ví như, này các Tỷ-kheo, sợi râu của lúa mì, hay sợi râu của lúa mạch bị đặt sai hướng, khi tay hay chân đè vào, có thể đâm thủng tay hay chân, hay có thể làm đổ mấu; sự tình này không xảy ra. Vì cố sao? Này các Tỷ-kheo, vì sợi râu bị đặt sai hướng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vì Tỷ-kheo với tâm bị đặt sai hướng, có thể đâm thủng vô minh, làm minh sinh khởi, có thể chứng đạt Niết-bàn; sự tình này không xảy ra. Vì cố sao? Này các Tỷ-kheo, vì tâm bị đặt sai hướng.

- Này các Tỷ-kheo, ví như các sợi râu của lúa mì, hay sợi râu của lúa mạch được đặt đúng hướng, khi tay hay chân đè vào, có thể đâm thủng tay hay chân, hay có thể làm cho đổ mấu; sự tình này có xảy ra. Vì cố sao? Này các Tỷ-kheo, vì sợi râu được đặt đúng hướng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vì Tỷ-kheo với tâm được đặt đúng hướng, có thể đâm thủng vô minh, làm minh sinh khởi, có thể chứng đạt Niết-bàn; sự tình này có thể xảy ra. Vì cố sao? Này các Tỷ-kheo, vì tâm được đặt đúng hướng.

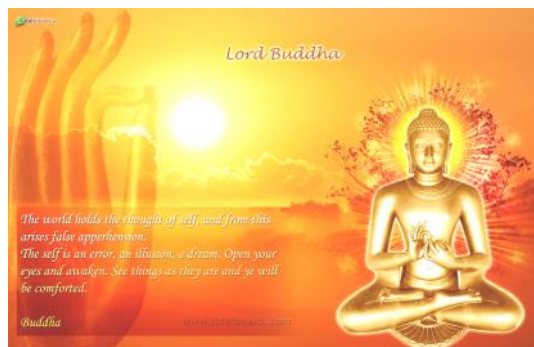
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta biết tâm một người là uế nhiễm, Ta rõ biết: "Nếu trong thời gian này, người này mệnh chung, người ấy bị rơi vào địa ngục như vậy tương xứng." Vì cố sao? Này các Tỷ-kheo, vì rằng tâm người ấy uế nhiễm.

Cũng do tâm uế nhiễm làm nhân như vậy, này các Tỷ-kheo, một số loài hữu tình ở đời, sau khi thân hoại mạng chung, sinh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta biết tâm một người là thanh tịnh, Ta biết rõ: "Nếu trong thời gian này, người này mệnh chung, người ấy được sinh lên Thiên giới như vậy tương xứng." Vì cố sao? Này các Tỷ-kheo, vì rằng tâm người ấy thanh tịnh.

Cũng do tâm thanh tịnh làm nhân như vậy, này các Tỷ-kheo, một số loài hữu tình ở đời này, sau khi thân hoại mạng chung, sinh vào cõi thiện, cõi Trời, cõi đời này.

(Kinh Tăng Chi Bộ I, chương 1, phẩm Đặt hướng và trong sáng, phần Tâm đặt sai hướng [trích])



LỜI BÀN

Nhiều người nghĩ rằng tu hành là do nơi tự tâm, nói cách khác là tu tâm. Nhưng tâm của con người thì muôn hình vạn trạng "công cũng đứng đầu mà tội cũng đứng nhất" nên biết tu tâm nào? Theo kinh nghiệm của Thế Tôn, tuy là tu tâm nhưng tâm phải đặt đúng hướng thì mới có thể xuyên thủng vô minh, thành tựu tuệ giác, chứng đắc Niết-bàn.

Một trong những đặc điểm của tâm là dịch chuyển, thay đổi rất mau lẹ như vượn chuyền cành, như ngựa phi ngoài đồng cỏ. Tâm thay đổi, sinh diệt trong từng sát-na nên việc hướng tâm, giữ tâm an trú vào thiện pháp là điều chẳng dễ dàng. Thường thì ban đầu ai cũng tinh tấn, hăng hái tu tập nhưng về sau cứ giải đãi, biếng nhác dần và không ít người thối thất.

Như cây lớn, cành lá nghiêng về hướng nào thì khi bị cửa chắn chắn nó sẽ ngã về hướng đó. Như râu của hạt lúa mì, lúa mạch, nếu đặt đúng hướng mới có thể đâm thủng bàn chân. Cũng vậy, tâm của chúng ta phải nghiêng về giải thoát mới hướng cuộc đời về tịnh lạc. Tâm của chúng ta phải hướng về Giới-Định-Tuệ, vì chỉ có tuệ giác mới có thể chọc thủng vô minh. Do đó, tâm người tu phải luôn hướng về và an trú trong Chánh pháp mới mong thành đạo nghiệp.

Ngày nay, người tu tuy nhiều nhưng người thành tựu đạo nghiệp Thánh hiền thì không nhiều. Vậy nên "đặt tâm đúng hướng" cũng là một trong những vấn đề quan trọng mà mỗi người con Phật cần suy ngẫm và điều chỉnh để vượt thoát phiền não, thăng hoa tâm linh, thành tựu giải thoát, Niết-bàn.

TĨNH VẬT

*có chuông, còn mõ - thiếu đôi?
Phật nằm thư thái khuất môi vĩnh hằng
bạch đào thêm sáng ánh đèn
khói trà tan những vết hằn ưu tư
cổ đeo chuỗi hạt hiền từ
như người vàng áo thi thư ẩm tình
mười cuốn sách đứng lặng thính
trống đồng, họa phẩm hữu hình vô âm
tất cả thỏa hiệp đồng lòng
cùng người hóa tĩnh vật nằm bình yên
bàn tay bấm ảnh có duyên
biết giữ lại phút tâm thiền sớm mai
vượt qua nhiều chặng bi ai
an nhàn bù trả đêm dài mê chuông
sao như còn phảng phất buồn?
mơ hồn núi Ngự sông Hương ngàn trùng
tĩnh vật hẳn biết hình dung
biết ưu tư biết nhớ nhưng mơ màng
người xem ảnh chợt ngỡ ngàng
thấy mình từ động chuyển sang tĩnh rồi*



THẬP

*nhàng tàn khói lẫn về đâu?
thập vô ngôn niệm nguyện cầu thành tâm
an lành hương sắc thơm thân
âm hơi Trời Phật ngát dòng thánh thi
mạng kiếp duyên nghiệp chi chi
tâm nhân gieo tía từ bi mỗi giờ
kinh niệm không tiếng nam mô
không vịn chuông mõ tan vào mệnh môn
Trời Phật vô ảnh cõi không
hiển linh ẩn hiện theo dòng khói lan
bao la độ lượng cứu mang
hồn lành giàu đức tin an tâm thiền
lời kinh ý kệ vô biên
không rộng bằng nổi niềm riêng tám lòng
trang nghiêm thập tình đầu năm
sắc diện thân thái như trầm hương bay
nhẹ nhàng tĩnh lặng vui đầy
những ưu tư nặng thảng ngày vụt tan
đã diễn nhiều vai nhân gian
minh tinh phút chốc mơ màng bản khoăn?
nhân vật, tâm linh đã oằn
vai đời trần trở trắng đen vui buồn
điện ảnh thế giới yêu thương
sinh động ảo tưởng sắc hương chân tình
thập tâm vọng đến thần linh
cũng là dịp để nghe mình lảng lảng
một kiểu làm thơ không cân
hiện hữu ngôn từ thuận vắn xuôi câu
tĩnh trong tim trí trong đầu
hồn thơ bát ngát quanh châu thân đời
tự dựng tôi chợt bồi hồi
ngắm tinh khiết chỗ đứng người trang
ng nghiêm
tâm hương tan loãng hồn nhiên
sao tôi như thấy nổi niềm bài thơ
gắng đọc chơi, thật bất ngờ
khói bay cuốn mắt dật dờ ba hoa
rụng hồn vào cõi ta-bà*

thơ LUÂN HOÀN

TRUNG ĐẠO / KẺ ÁC HẠI NGƯỜI HIỀN

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện)



TRUNG ĐẠO

Ở đời đừng tìm cầu những việc quá sức. Quá sức thì việc không thành tựu, không thành tựu thì phiền não rầu buồn phát sanh.

Lại chớ nên biếng lười. Biếng lười, thì việc không thành thường sanh tâm hối tiếc, việc đã muộn, thời đã qua.

Trong kinh *Tứ Thập Nhị Chương* có câu chuyện, nay tôi xin kể lại các anh chị trưởng toàn thể đoàn sinh lắng nghe và khó thực hành.

"Thuở Phật còn tại thế, một đêm có thầy Sa Môn tụng kinh Di Giáo của Đức Phật Ca-Diếp. Tiếng tụng gấp rút và buồn bã. Thầy nghĩ ăn năn muốn thoái bước, bỗng thấy Phật tiến về phía thầy, thái độ phóng khoáng, thanh thoát, khi gặp nhau Phật ân cần hỏi rằng:

- Ngày trước còn tại gia, người từng làm việc chi?
- Bạch Thế Tôn, con làm nghề khài đàn cầm ạ.
- Thế dây chùng quá thì

nên làm thế nào?

- Bạch Thế Tôn, dây chùng quá đàn không kêu.

- Thế dây căng quá thì sao?

- Dây căng quá, bạch Thế Tôn, đàn bật tiếng mất ạ.

- Thế chẳng chùng, chẳng căng dây trương vừa phải thì thế nào?

- Bạch Thế Tôn, trương vừa phải thì tất cả các âm thanh đều đầy đủ.

- Thầy Sa môn học đạo cũng lại như vậy. Nếu tâm được điều hòa vừa phải thì mình có thể đạt đạo. Còn đối với đạo tâm mình gặt gồng thì thân phải mệt mỏi ý sanh buồn phiền. Việc hành đạo vì thế thoái hủ. Tội tăng trưởng, vậy nên thanh tịnh an lạc thì đạo không mất."

Nhờ lời giáo huấn ấy mà không bao lâu sau vị Sa môn chứng đắc quả A La Hán.

Tinh tấn bất thoái nhưng không nên nóng âm thầm miệt mài làm việc chánh thiện. Cứu cánh niết bàn trong tầm tay mình vậy.

KẺ ÁC HẠI NGƯỜI HIỀN

Vô cơ quấy nhiễu người đã là điều quấy. Tác hại đến kẻ hiền lương lại càng quấy hơn.

Trong kinh *Pháp Cú Thí Dụ* có thuật lại một câu chuyện làm tỏ rõ nghĩa ấy.

"Lúc Phật còn tại thế. Ngày kia có một người thợ săn vào rừng tìm mồi cùng với đàn chó dữ. Trên đường đi anh gặp một tăng sĩ. Trong suốt buổi anh không săn được gì. Lúc trở về anh gặp vị tu sĩ ban sáng. Anh nghĩ rằng vì gặp tu sĩ nên xui xẻo. Anh tức giận xua đàn chó tấn công vị tăng, vị tăng liền trèo lên cây. Anh lấy tên bắn vào chân vị tăng. Đau quá vị tăng loay hoay trên cây làm rớt cái y phủ trên người thợ săn. Anh chàng lo gỡ cái y ra, đàn chó ngỡ là người tu sĩ rớt xuống nên bu vào cắn xé. Một lúc sau người thợ săn chết ngay tại chỗ.

Khi đàn chó kéo nhau về cả, tăng sĩ mới tụt xuống cây sửa thi hài người thợ săn nằm ngay thẳng, lấy y đắp lên trên rồi trở về tịnh xá bạch Phật đầu đuôi câu chuyện xin Phật chỉ dạy cho: Hành động như vậy có gây nên ác nghiệp không?

Phật dạy: "Kẻ nào xâm phạm người ôn hòa trong sạch vô tội, quả dữ dội trở lại kẻ cuồng dại ấy, như tung cát bụi ngược chiều gió, cát bụi sẽ bay vào mắt."

Chỉ có hành động nhân từ hòa ái biết nhẫn nhục, chịu đựng, quả cảm, dám hy sinh vì đại nghĩa mới đem lại quả vị an lạc, tươi vui và hạnh phúc.

Xin các anh chị em hãy thận trọng trong mọi hành động tạo tác ở đời vậy.





ĐỨC PHẬT DI LẶC

(*Phật Pháp Thứ Năm — bài viết hàng tuần của GDPT*
do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)



I. Thân Thế Ngài:

Ngài người dòng Bà La Môn ở Nam Thiên Trúc. Cha mẹ tên là Ba Bà Lợi. Ngài họ A Dật Đa, tên Di Lặc.

II. Ý Nghĩa Tên Ngài:

A Dật Đa dịch là Vô Năng Thắng, có nghĩa là sự tu hành và lòng từ bi ngài không ai sánh kịp. Di Lặc dịch là Từ-thị. Trước kia mẹ ngài là một người tâm địa không tốt, nhưng sau khi thọ thai ngài thì tâm trở nên hiền từ. Và lại trong kiếp trước ngài đã từng tu phép tu tâm tam muôi, Ngài tu pháp ấy đến khi thành Phật, nên gọi Ngài là Từ-thị.

III. Tiền Thân Của Ngài:

Trong một kiếp trước đời Đức Phật Đại Thông Trí Thắng, Ngài cùng Đức Phật Thích Ca đồng thời phát Bồ Đề tâm tu các pháp lành. Đến đời Đức Phật Nhứt Nguyệt Đăng, Ngài cũng xuất gia tu hành.

Ngài có lòng Từ Bi, nhưng thiếu hạnh Tinh Tấn, nên khi Đức Phật Thích Ca thành Phật Ngài mới lên địa vị Bồ Tát Bồ Xứ, nghĩa là sẽ thành Phật trong một đời sau. Ngài được

Đức Phật Thích Ca thọ ký sẽ thành Phật Di Lặc sau này tại Long Hoa Hội.

1. Hạnh Tu: Ngài tu theo pháp Duy Thức, không chấp vào danh tướng giả hợp, chỉ tin vào nhân duyên giả hợp mà phát sanh.

2. Hạnh Nguyên: Hiện nay Ngài ở cung trời Đâu Suất Nội Viện thuyết pháp độ chúng sanh. Nhờ hạnh nguyện rộng lớn của Ngài nên những ai sanh lên cung trời Đâu Suất Nội Viện thì không còn thoái đạo. Đến khi nhân loại sống đến tám vạn tuổi, ngài mới hiện sanh và thành Phật dưới cây Long Hoa.

3. Một Hóa Thân Của Ngài: Ngài hiện thân làm vị Hòa Thượng tại đất Minh Châu huyện Phụng Hóa và lấy tên là Khê Tử. Minh Ngài rất to lớn, tánh tình hoan hỷ, nói năng khác thường, ngủ nghỉ không chọn sang hèn. Ngài thường mang túi vải đi khắp thực, đem về nuôi trẻ con. Người ta thường gọi Ngài là Bồ Đại Hòa Thượng (Hòa Thượng mang túi vải). Trước khi qua đời, Ngài có để lại bài

kệ rằng:

"Di Lặc thiết là ta
Phân thân như hằng sa
Thường hiện làm thường dân,
Mắt phàm không thấy ta."

IV. Biểu Tượng Và Lòng Quy Ngưỡng Của Phật Tử:

Hiện nay các chùa đều thờ tượng Ngài bên phía tay phải của Đức Phật Thích Ca. Rất nhiều nơi tạc hình Ngài thân thể to lớn, mặt mày vui vẻ, lại có sáu đứa con nít leo trên mình. Sáu đứa con nít biểu hiệu cho sáu thức (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) luôn luôn khuấy phá Ngài. Nhưng vì Ngài độ tu phép Duy Thức nên Ngài vẫn luôn luôn tự tại.

V. Niệm Danh Hiệu Ngài:

Niệm danh hiệu hoan hỷ, vui tươi.

Cầu mong được Ngài hóa độ.

Mong được dự Hội Long Hoa để được Ngài Giáo Hóa.

(*Tài liệu Tu Học của Bạc Trung Thiện*)





NGƯỜI ĐOÀN TRƯỞNG

Lá Thư Đầu Tuần:

Bài viết hàng tuần của GDPT trên trang nhà GDPTVN Trên Thế Giới

Ở trại Lộc Uyển chúng ta đã có dịp tìm hiểu người Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử phải là người như thế nào? Nhưng qua 2 năm sống với Gia Đình Phật Tử, 2 năm thực hiện nhiệm vụ của mình - của một người Đoàn Phó - chắc hẳn Anh, Chị mới cảm nhận một cách cụ thể cái "sứ mạng" của người Huynh trưởng.

Để hoàn thành sứ mạng đó, chúng ta phải qua từng nấc thang. Qua bài "Người Đoàn phó" khi học ở trại Lộc Uyển và 2 năm ở nấc thang đầu tiên này, chúng ta đã thấy trách nhiệm khá nặng nề rồi đó, phải không?

Giờ đây chúng ta đang chuẩn bị bước lên nấc thang thứ hai "Người Đoàn trưởng." Chúng ta sẽ nhận lãnh nhiệm vụ trực tiếp giáo dục đàn em của mình, người Đoàn trưởng còn có trách nhiệm về sự thịnh suy của Đoàn mình. Chắc hẳn nhiệm vụ của chúng ta càng nặng nề hơn, "Tấm gương" cho các em của chúng ta soi hằng ngày phải được sáng hơn.

I.- TƯ CÁCH NGƯỜI ĐOÀN TRƯỞNG:

Tư cách người Đoàn trưởng cũng như tư cách người Đoàn phó (và rồi đến tư cách người Liên Đoàn trưởng cũng như thế), nói chung là tư cách của người Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử Việt Nam. Nhưng đã là một người Đoàn trưởng, thì cần phải trau dồi tác phong, đức độ nhiều hơn nữa (cần ôn lại người Đoàn phó ở chương trình Lộc Uyển).

II.- NHIỆM VỤ CỦA NGƯỜI ĐOÀN TRƯỞNG:

Cũng như Đoàn phó, người Đoàn trưởng cũng phải có những nhiệm vụ đối với Đạo pháp, đối với Gia Đình Phật Tử, đối với phụ

huynh Đoàn sinh, đối với các em Đoàn sinh và đối với cấp lãnh đạo của mình.

1.- Đối với Đạo pháp:

Càng phải hiểu rộng hơn về giáo lý để áp dụng vào đời sống hàng ngày một cách thiết thực, nhờ đó việc tu sửa bản thân tiến thêm một bước, do vậy tác phong đạo đức chúng ta được hoàn chỉnh thêm. Chính cái tác phong này, đạo đức này là yếu tố cụ thể để duy trì và xiển dương Đạo pháp (thần giáo). Nếu một Huynh trưởng nói chung, người Đoàn trưởng nói riêng mà tác phong không chỉnh mực và thiếu đạo đức thì người ngoài nhìn anh Đoàn trưởng này mà đánh giá về tổ chức Gia Đình Phật Tử, đánh giá về đạo Phật vì chính anh Đoàn trưởng này được lớn lên và được huấn luyện trên nền tảng của Đạo Phật.

Chúng ta phải nhìn rõ nhiệm vụ xiển dương chánh pháp của mình, chúng ta có nhiệm vụ xiển dương chánh pháp với mọi người chung quanh bằng tác phong và đạo đức của chính mình. Nhưng đối tượng chính là các em Đoàn sinh của chúng ta. Ngoài việc làm gương cho các em chúng ta phải xây dựng cho các em cũng như đã tự xây dựng cho chính mình, một đức tin sáng suốt. Ngoài ra, chúng ta không còn có mà "phải có" nhiệm vụ đóng góp xây dựng Giáo hội vững mạnh và trang nghiêm.

2.- Đối với Gia Đình Phật Tử:

Chúng ta không còn là tiếp sức cho Đoàn trưởng mà chính mình là Đoàn trưởng, nên mọi vấn đề của Đoàn, mình phải chủ động. Nhưng không phải vì thế mà bỏ qua vai trò của Đoàn phó. Khi chúng ta làm Đoàn phó chúng ta cũng đã hiểu rồi. Người Đoàn phó là một cánh tay đắc lực của Đoàn trưởng, chúng ta cần trao đổi, thảo luận hội ý với Đoàn phó để cùng chung sức giải quyết công việc của Đoàn. Chúng ta phải biết giữ cho thanh danh của Đoàn mình. Người Đoàn trưởng phải biết lèo lái để đưa Đoàn mình mạnh tiến đúng tôn chỉ và mục đích của Gia Đình Phật Tử.

3.- Đối với phụ huynh Đoàn sinh:

Đương nhiên, khi đưa các em đến với Đoàn (với Gia Đình Phật Tử), phụ huynh đã nhìn ở người Đoàn trưởng trước tiên (Đoàn sinh tự nguyện đến với Đoàn qua sự giới thiệu của bạn bè mình thì cũng thế) vì đây là người chịu trách nhiệm trực tiếp điều khiển và giáo dục các em (Anh Chị Liên Đoàn trưởng coi cả một Liên đoàn nhưng không phải trực tiếp điều khiển các em, anh Đoàn phó thì chỉ có trợ giúp





cho Đoàn trưởng mà thôi). Phụ huynh đã đặt niềm tin vào các anh chị, đừng để đánh mất niềm tin quý giá ấy!

Các anh chị thường xuyên giao tiếp với phụ huynh, thông báo cho phụ huynh biết những tiến bộ của con em họ, đồng thời cũng qua phụ huynh mình mới biết được kết quả giáo dục của mình (nhiều em đến Đoàn thì ngoan nhưng về gia đình thì còn kinh cự với anh em hay chưa thật sự vâng lời yêu mến của cha mẹ). Cũng qua việc giao tiếp này, chúng ta cũng thông tin cho phụ huynh biết những thói hư tật xấu các em còn mắc phải để cùng với phụ huynh uốn nắn, sửa chữa cho các em.

4.- Đối với Đoàn sinh:

Ngoài việc yêu thương, trìu mến, chăm sóc che chở cho các em, người Đoàn trưởng phải bỏ nhiều công sức để đi sâu tìm hiểu tâm tính của từng em một, hoàn cảnh của từng Đoàn sinh một, để giáo dục uốn nắn một cách thấu đáo. Những Đoàn sinh tính tình chưa tốt, giáo dục nhiều lần mà vẫn chưa sửa đổi thì Đoàn trưởng phải hội ý với Đoàn phó để đưa ra một biện pháp giáo dục cho thống nhất chứ không thể mỗi người uốn nắn một cách (Tuy nhiên một đôi khi cùng một cách uốn nắn nhưng hai thái độ khác nhau mới có hiệu quả như trong một gia đình, khi ông cha nghiêm khắc trừng trị bằng biện pháp mạnh thì phải có người mẹ vỗ về khuyên bảo).

Người Đoàn trưởng cần phải biết rèn luyện thêm cho Đội, Chúng, Đoàn trưởng, để những em này có thể khá hơn các Đội, Chúng, Đoàn sinh. Một mặt tạo thêm uy tín cho các Đội, Chúng, Đoàn trưởng, một mặt nhờ đó Đội, Chúng, Đoàn trưởng có thể giúp cho Đoàn trưởng trong việc giáo dục và luyện tập Đoàn sinh (Ví dụ: Một cái gút vừa học, Đội, Chúng, Đoàn trưởng thắt được thành thạo, Đội, Chúng, Đoàn trưởng bày vẽ lại cho Đội, Chúng, Đoàn

sinh, đỡ mất thì giờ cho anh, chị Đoàn trưởng).

Trong việc bố trí công tác cho Đội, Chúng, Đoàn cũng phù hợp với khả năng, tinh thần của từng Đội, Chúng, Đoàn.

Như vậy người Đoàn trưởng phải nắm chắc khả năng của từng Đội, Chúng, Đoàn và tinh thần của mỗi Đội, Chúng, Đoàn trưởng, tinh thần của mỗi cá nhân Đội, Chúng, Đoàn trưởng ảnh hưởng đến tinh thần chung của Đội, Chúng, Đoàn rất nhiều. Em Đội, Chúng, Đoàn trưởng hăng say tích cực thì kéo theo cả Đội, Chúng, Đoàn đó nhiệt tình làm việc hết mình. Em Đội, Chúng, Đoàn trưởng nào chểnh mảng thì chắc chắn Đội, Chúng, Đoàn đó cũng giải đãi. Em Đội, Chúng, Đoàn trưởng biết tháo vát nhanh nhẹn thì cả Đội, Chúng, Đoàn đó trở thành năng động.

5.- Đối với cấp Lãnh đạo:

Trong khi là Đoàn Phó, chúng ta đã phải thành tâm cộng tác với cấp trên trong mọi công tác, nhất là các Phật sự được giao phó, phải thi hành chu đáo. Bây giờ là Đoàn trưởng, không những phải có tinh thần trách nhiệm như thế mà phải tự nguyện nhận lãnh công tác hợp với khả năng cá nhân cũng như tập thể Đoàn mình, không dơì phải được phân công, không những phải ảnh hưởng tinh thần tự giác mà còn phải nêu cao tinh thần tự giác. Tuân hành chỉ thị cấp trên (Liên Đoàn trưởng, Gia trưởng), nếu chỉ thị đó xét thấy có gì sai trái với Nội Quy Gia Đình Phật Tử thì có quyền đề đạt ý kiến của mình. Nếu chỉ thị đó là điều động một công tác Phật sự ngoài khả năng của Đoàn mình thì cũng phải cố gắng hết mình để thực hiện cho kỳ được nhưng cũng trình lại cho cấp trên biết khả năng hiện có của Đoàn mình. Nếu cấp trên chuyển đổi được công tác khác thì tốt, còn vì một lý do nào đó, không thể giao trách nhiệm đó cho Đoàn khác thì chúng ta phải thi hành trong tinh thần vui vẻ thông cảm. Xong công tác chúng ta sẽ nêu ý kiến cho cấp trên rút kinh nghiệm lần sau.

III.- KẾT LUẬN:

Nhiệm vụ người Đoàn phó ta đã thấy lớn lao, nhưng nhiệm vụ của người Đoàn trưởng lại càng lớn lao hơn, nặng nề hơn. Để chu toàn nhiệm vụ ấy, ngoài việc ý thức trách nhiệm, chúng ta còn phải luôn luôn học hỏi nghiên cứu giáo lý, dựa vào giáo lý để trau dồi tác phong đạo đức của mình và cần nhất phải biết hy sinh, phải có tinh thần vị tha.

Ngoài đời, nhiệm vụ thường gắn liền với quyền lợi, ở Gia Đình Phật Tử nhiệm vụ thì có mà quyền lợi thì không, mà lại còn phải hy sinh cho các em, hy sinh công sức, hy sinh thì giờ lẫn lúc hy sinh cả tiền của nữa!

Tìm đâu ra những con người như thế các Anh, Chị nhỉ? Chỉ có ở Gia Đình Phật Tử mới có. Chỉ có người Đoàn trưởng (nói riêng, người Huỳnh trưởng Gia Đình Phật Tử nói chung) mới là những con người giàu tinh thần vị tha đến thế!

QUÊ HƯƠNG ƠI MƯA BAY

Như nước con sông bỗng thở dài
ta buồn không biết ngỏ cùng ai
rồi nghe trong gió điệu ta nhớ
mưa thuở tràn lan lối cỏ cây...

Một thoáng Quê Hương hình ảnh hiện
những bầy ma vỗ cánh đêm trăng
và mưa như thể vàng trắng khóc
ta lạnh bao giờ nổi Núi Sông?

Ta đứng dưới dòng mưa mái ngói
con chim rừng rụt cổ nhìn mưa
nhìn con sông chảy bên bờ gấu
chim nhớ rừng chăng? Ta nhớ thơ!

Ơi hỡi bạn bè khi bỏ gôi
đôi sim hoa tím vượt ngàn lau
thềm sao chút nắng hừng đông rọi
để thấy đồng xa những ngọn cau!

ĐÊM ĐÊM BIỂN LẠ

Đêm. Tôi ra biển vì buồn
một câu tôi nói - nghe dường vu vơ!
vô duyên mấy cũng là Thơ
bởi trần gian vẫn thấy bờ trần gian...

Đêm. Trên đường cát. Lang thang
tôi nghe sóng vỗ, trăng vàng gió bay
lòng tôi rộng với trời mây
hình tôi, cái bóng phôi bày dễ thương!

Đêm. Trên mặt biển có sương
mặt tôi không biết có hồn ai theo
mà sao nhớ thuở ngưng chèo
thuyền đi tới bến buồn neo giữa vời!

Đêm. Kìa, em ạ, biển khơi
nói sao cho hết buồn tôi thuở nào
vui - là một thoáng chiêm bao
tới đâu để giấu lệ trào đêm đêm?



THẤY TRONG HOA CỎ NGHE TRONG HOA CỎ

Ở trong cỏ ở trong hoa
em ơi con nhện mù lòa bởi em
những đường tơ chẳng giăng thêm
bởi trong vũ trụ buồn tênh lối về...
anh, người lính trần sơn khê
một hôm bỗng thấy bốn bề tịch liêu
em ơi, đó, một buổi chiều
súng ngưng, gió lặng, điều hiu núi rừng!

Rồi thì tắt cả mệnh mông
rồi thì tắt cả là dòng lệ tuôn!

Em và hình ảnh Quê Hương
cùng câu ước nguyện, giữa đường tan hoang
thấy trong từng vệt nắng vàng
máu tanh cùng đồng xương tàn tạ bay...
rừng xanh lối cỏ chen dày
hoa mai nở, rụng, rơi, đầy Việt Nam!
anh hôn cây súng, nói thầm
một câu từ già những tầm đạn xưa...

Bây giờ...
trong gió trong mưa
em ơi có biết anh vừa ra sao?
hình như con nhện mới lao
đường tơ cuối cuộn lời chào Nước Non
đường xa hết tiếng câu giòn
nghe trong hoa cỏ tiếng buồn tí tê
một mai, em sống, em về
cắm cho anh vôi, bèn lẻ, nén nhang...

thơ **TRẦN VĂN LỆ**

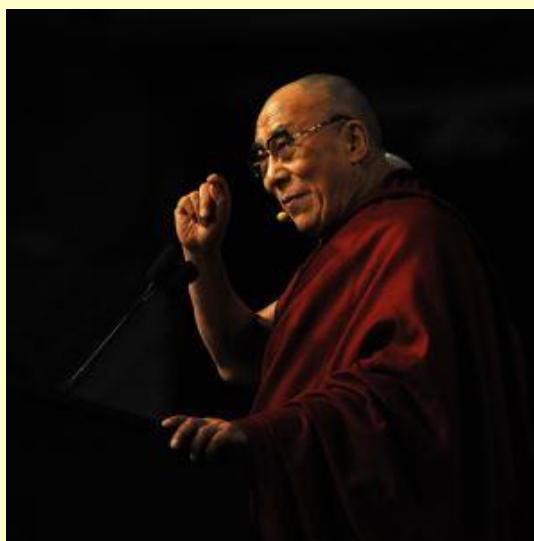
CHÂN DUNG CỦA MỘT THÁNH NHÂN

Ngọc Bảo

Trên đời này có những bậc thánh hay không? Nhiều người không tin như vậy. Nhưng trong cả tỷ người của nhân loại, đã có một số người hiếm hoi được coi như là thánh nhân, vì họ làm được những điều mà những người bình thường không ai làm được, ví dụ như Gandhi, hay Mẹ Theresa chẳng hạn... Những người ấy dường như thuộc về loại người phi thường, ở trên một tầng lớp cao xa, cách biệt với những người bình thường chúng ta. Đó là theo cách nhìn của những tôn giáo như Ấn độ giáo, Thiên Chúa Giáo v.v.. Nhưng theo đạo Phật, trong mỗi con người đều đã có sẵn một vị Phật, và ai cũng có thể thành Phật, qua quá trình chuyển đổi "từ phàm qua thánh." Như vậy, trong cõi trần gian ô trọc này, có thể có những người đã hoán chuyển từ phàm nhân thành thánh nhân vẫn đang sống lẫn lộn với chúng ta, mà ta không biết tới. Bởi vì không có thánh nhân thực sự nào tự nhận mình là thánh nhân cả, mà phần nhiều là do những người có cơ duyên tiếp xúc đã cảm nhận như vậy mà thôi.

Theo thiền ý, tiến trình chuyển hóa từ phàm qua thánh cũng qua nhiều cung bậc, mà có lẽ chỉ có người chứng đắc mới tự biết được. Tuy nhiên, một người đạt tới mức "thánh" không chỉ vì trí tuệ của sự giác ngộ và công đức của những điều lành đã làm, mà còn có thể tỏa ra một từ lực ảnh hưởng đến tâm của người trước mặt. Từ lực đó đem lại sự an lạc và hứng khởi, và cũng làm dấy lên một niềm tin trong lòng người đối diện.

Trong tháng vừa qua, miền Nam California đã có cơ duyên đón tiếp một vĩ nhân của thời đại, Đức Đạt Lai Lạt Ma của Tây Tạng, trong đại lễ khánh thành chùa Điều Ngự. Không đi tham dự, nhưng tôi đã ở nhà theo dõi chương trình truyền hình trực tiếp. Điều làm tôi để ý nhất, có lẽ là thái độ khiêm tốn, bình dị, mà



luôn ung dung tự tại của Ngài. Những cử chỉ của ngài rất hồn nhiên, rất bình thường như một con người bình thường, nhưng vẫn có một vẻ gì cao quý khiến người ta phải kính trọng. Tuy chỉ qua màn hình, nhưng tôi dường như cảm nhận được từ lực toát ra từ Ngài, qua bộ mặt lúc nào cũng tươi cười hỷ xả, qua lòng từ bi thể hiện đối với tất cả những người được tiếp cận. Một con người phải có sức hấp dẫn siêu phàm mới thu hút được hàng ngàn vạn người từ đủ mọi sắc tộc, mọi tôn giáo khác nhau đến để gặp mặt, mặc cho thời tiết nóng lạnh, phải chịu đựng những bất tiện, ngay cả tốn kém nữa. Như vậy, điều gì đã tạo ra từ lực siêu phàm ấy?

Tìm hiểu tiểu sử của ngài, ngay từ thuở ấu thơ đã được tôn vinh như vị vua tinh thần và chính thức của đất nước Tây Tạng, rồi khi đất nước bị ngoại bang xâm chiếm đã phải sống đời lưu vong nơi xứ người, mang nặng trên vai trọng trách của một nhà lãnh đạo. Kể từ đó trong suốt 60 năm qua ngài đã tranh đấu không ngừng nghỉ, tìm một giải pháp tự trị cho quê hương để bảo vệ cho dân tộc và nền văn hóa truyền thống. Có lẽ hơn ai hết, cuộc đời của ngài đầy đầy những thử thách gian nan, những nỗi niềm u uất và trăn trở trước hành động dã man của kẻ xâm lược bá quyền muốn xóa bỏ một đất nước dân tộc đã từng một thời có một quá khứ vinh quang. Nhưng chính những khó khăn trở ngại đó lại là cơ duyên cho ngài rèn luyện con người của mình, để trở thành một biểu tượng của tình thương và trí tuệ mà mọi người trên thế giới đều phải kính phục. Ngài đã nói như sau về kinh nghiệm của mình:

"Trường hợp của tôi, ở tuổi 16 đã mất tự do, và đến 24 tuổi thì mất quê hương. Tôi đã là một người tỵ nạn trong suốt 40 năm, với trách nhiệm nặng nề trên vai. Khi tôi nhìn lại, thấy cuộc đời mình không dễ dàng chút nào. Tuy

nhiên, qua suốt những năm tháng đó, tôi đã học được lòng từ bi, về sự quan tâm săn sóc đến người khác. Tinh thần ấy đã đem lại sức mạnh nội tại trong tôi.

Những đau khổ gặp phải chắc chắn sẽ góp phần thăng tiến trong sự tu tập tâm linh, nếu bạn có thể chuyển hóa những tai họa và sự bất hạnh qua con đường Đạo pháp.

Những thời kỳ khó khăn xảy đắp cho ta sự quyết tâm và sức mạnh nội tại, qua đó ta có thể nhìn ra được sự vô ích của những cơn nóng giận. Thay vì nổi giận, hãy nuôi dưỡng một mối quan tâm sâu xa và sự kính trọng đối với kẻ đã xâm hại đến ta, bởi vì chính nhờ những hoàn cảnh thử thách họ đã tạo nên mà ta mới có cơ hội vô giá để thực hành hạnh nhẫn nhục.

Cũng nên nhớ rằng thời kỳ đem lại lợi lạc nhất cho trí tuệ và sức mạnh nội tại lại thường là thời kỳ có nhiều khó khăn nhất. Bằng cách ứng xử đúng đắn - ở đây một lần nữa ta lại thấy sự tối quan trọng của việc khai triển một thái độ tích cực - kinh nghiệm đau khổ có thể làm cho ta mở mắt thấy được thực tại. Ví dụ như, kinh nghiệm riêng của tôi trong đời tỵ nạn đã cho tôi nhận ra rằng những nghi thức kéo dài lê thê, vốn là một phần quan trọng trong đời sống của tôi ở Tây Tạng, là hoàn toàn không cần thiết."

Trong những bài giảng pháp, Đức Đạt Lai Lạt Ma đều nói về sự phát triển lòng từ bi. Nghe qua thì không có vẻ gì là mới lạ hay cao siêu, nhưng khi nhìn đến con người của ngài, mới thấy được năng lực kỳ diệu của lòng từ bi như thế nào. Lòng từ bi ấy hẳn là đã kết tinh từ một trí tuệ bao la thấy rõ tính Không trong mọi người mọi việc, từ đó phát xuất một tâm vô ngã và bình đẳng, xem tất cả mọi người đều như nhau, không phân biệt sang hèn hay giàu nghèo. Chính lòng từ bi ấy đã là chất liệu hun đúc nên từ lực tỏa ra từ ngài, khiến cho đi đến đâu, sự hiện diện của ngài cũng có thể đem lại sự an bình và hừng khởi cho tất cả những người có may mắn được diện kiến.

Chade-Meng Tan, đồng chủ tịch uỷ ban vận động đề cử ứng viên giải Nobel hòa bình và tác giả sách bán chạy nhất theo NYT, đã viết một bài với đề tài "Ai là người bạn đã gặp hay làm việc chung gây cảm hứng nhiều nhất?" như sau:

"Không cần phải nghi ngờ gì cả, người tạo hứng khởi nhiều nhất mà tôi đã gặp là Đức Đạt Lai Lạt Ma. Lần đầu tiên tôi gặp ngài vào năm 2005, khi ngài đến thăm trường Đại Học Stanford. Lúc đó, tôi là một trong những người đóng góp nhiều nhất cho Đại học Stanford để lập chương trình học về Tây Tạng, nên khi Đức Đạt Lai Lạt Ma tới, tôi được mời như một VIP đến dự buổi tiệc trưa khoản đãi.

Trước khi gặp ngài, tôi đã nghĩ là mình sẽ thất vọng. Bởi vì tôi có một số kỳ vọng về người thánh thiện phải như thế nào, và tôi đoán chắc là ngài sẽ không đạt tới những tiêu chuẩn đó. Tôi nghĩ chắc ngài chỉ là một ông già

trọc đầu nói những lời giả dối mà thôi.

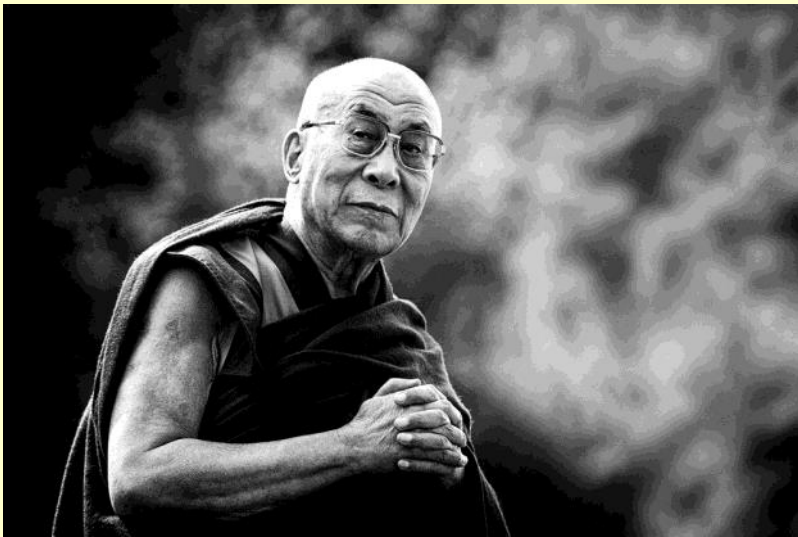
Thế mà, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã vượt qua cả những kỳ vọng cao nhất của tôi. Thật là đáng thần phục!

Điều đầu tiên làm tôi ngạc nhiên là sự ấm áp và hoan hỷ của ngài. Ngài thân thiện với tất cả những người diện kiến. Ngài mỉm cười với mọi người, cầm tay họ, và cười một cách tự nhiên thoải mái. Ngài không có cái vẻ kiêu cách giống như những người thường có nhân viên bảo vệ theo hầu.

Điều thứ hai khiến tôi ngạc nhiên là trong cuộc nói chuyện buổi trưa của ngài, có lúc vẫn đề Tây Tạng được nêu ra. Bạn có thể thấy được rằng, đây là một đề tài rất thương tâm cho người Tây Tạng, bởi vì những người Tây Tạng ở chung quanh tôi đều hoặc là khóc, hoặc là cố cầm nước mắt, nhưng ngài vẫn nói chuyện một cách bình thản, không có một dấu vết giận dữ nào trong giọng nói, và luôn nhấn mạnh đến nguyên tắc bất bạo động, sự cảm thông lẫn nhau, và biểu lộ tình cảm đối với người dân Trung Hoa. Tôi ngồi ngay trước sân khấu, vì ở hàng danh dự, nên thấy rõ mặt ngài khi đang nói. Ngay lúc đó, tôi đã vững tin rằng, ngài chính là một Con Người Chân Chính. Mặc dù phải trải qua bao đau khổ trong cuộc đời, người này đã không hề tỏ ra bất cứ một sự giận dữ, thù hận hay cay đắng nào. Tôi thật hoàn toàn thần phục.

Ngày hôm sau, tôi lại càng thần phục hơn sự thông minh của ngài. Tôi đang theo dõi cuộc đối thoại của ngài với những chuyên gia khoa học thần kinh trên sân khấu. Ngài đang ở đó giữa một nhóm học giả uyên bác, mà vẫn giữ vị thế của mình rất vững vàng. Ngài hỏi những câu thật thông minh, và nêu lên những điểm trong đó hàm chứa sự hiểu biết có tính cách khai sáng. Sau một lúc, người ta bắt đầu nghi rằng ông già trọc đầu hay cười này lại là người thông minh nhất trên sân khấu.

Nhưng giây phút kinh ngạc nhất của tôi là khi Đức Đạt Lai Lạt Ma trả lời một câu hỏi về tình thương và sự đau khổ. Đề cập đến một buổi thuyết trình trước của Bill Mobley chứng minh rằng những vùng tương tự ở não sáng lên khi một người đang đau cũng như khi người ấy đồng cảm với một người khác đang đau, ngài đã đưa ra một vấn đề quan trọng mà không ai nghĩ tới. Ngắt lời người thông dịch viên, ngài giải thích bằng giọng tiếng Anh chậm choàng rằng, có ít nhất hai loại tình thương, tình thương cho người thân của mình (mà ngài gọi là "tình thương giới hạn") và tình thương cho người xa lạ (mà ngài gọi là "tình thương chân thực"). Cả hai có tính chất khác nhau, do đó cần phải được nghiên cứu một cách riêng biệt. Nếu những biểu hiện trên não của cả hai đều giống nhau, ngài nói, "thì tôi cảm thấy bộ não thật là điên rồ". Tất cả mọi người đều cười ồ lên. Bill Motley có ấn tượng về ngài đến nỗi, ông nói rằng, "Đây là một trong những kinh nghiệm khai thị cho ta biết rằng, cách suy nghĩ



mạch lạc như thế đã hoàn toàn định rõ một công trình khảo cứu 20 năm như thế nào."

Con người của Đức Đạt Lai Lạt Ma, với trí tuệ và lòng từ bi rộng lớn, đã chinh phục sự ngưỡng mộ của mọi người trên thế giới như thế nào, ở đây không cần nhắc đến nhiều. Điều đáng nói là ngài có vẻ ưu ái đặc biệt đến cộng đồng người Việt ở hải ngoại, vốn đã là một lực lượng đông đảo ủng hộ ngài và Phật giáo Tây Tạng. Có lẽ vì cộng đồng người Việt và Tây Tạng có những hoàn cảnh giống nhau. Kể từ sau tháng 4 năm 1975, miền Nam Việt Nam bị mất vào tay cộng sản, những người dân tìm đường bỏ nước ra đi sống đời lưu vong không khác gì những người dân Tây Tạng. Hơn bốn mươi năm trôi qua, mọi sự tưởng như đã nhạt nhòa, nhưng rồi hiểm họa mất nước lần nữa ngày lại càng hiện ra rõ rệt hơn, với nguy cơ hoàn toàn rơi vào tay ngoại bang và bị diệt vong, như Tây Tạng ngày nào. Điều khác biệt là người Tây Tạng may mắn có một vị lãnh đạo siêu phàm vĩ đại, còn người Việt Nam thì không. Hơn bao giờ hết chúng ta phải biết tỉnh ngộ mà rút kinh nghiệm từ bài học Tây Tạng, để cố tìm đường thoát ra khỏi vũng lầy càng ngày càng lún sâu. Chính Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng đã lên tiếng cảnh cáo: "Nếu người Việt Nam không làm gì cả, Việt Nam rồi cũng sẽ trở thành như Tây Tạng."

Gần 60 năm đã trôi qua kể từ ngày quân Trung Cộng tràn vào cưỡng chiếm Tây Tạng. Thời gian làm mòn mỏi nhiều thứ, kể cả quyết tâm và hi vọng, nhưng người dân Tây Tạng dù trải qua đến mấy thế hệ vẫn luôn nung nấu trong lòng ý chí phấn đấu cho đất nước được ra khỏi thảm họa diệt vong, vẫn coi Đức Đạt Lai Lạt Ma như vị lãnh tụ tối cao dù ở trong hay ngoài nước. Và người lãnh đạo tinh thần của Tây Tạng, dù đã trên 80 tuổi, vẫn còn nuôi hi vọng một ngày nào đó mọi sự sẽ xoay chiều, để đất nước của ông vẫn còn nguyên vẹn và dân tộc của ông sẽ sống trong tự do, hạnh phúc.

Có một lần đến thăm nhà người bạn, tôi

thấy trên tường có treo một khung hình trong đó có bài thơ của Đức Đạt Lai Lạt Ma. Đây là những lời nói của ngài được dịch ra tiếng Anh như một bài thơ, với sự cho phép của ngài. Nghe nói, bài thơ này đã được treo khắp nơi ở Dharamsala, nơi cư ngụ của ngài ở Ấn Độ gần biên giới Tây Tạng. Bài thơ này đã đem lại sự xúc động và niềm cảm hứng không chỉ cho dân tộc Tây Tạng, mà còn cho tất cả mọi người ở bất cứ mọi nơi, trong bất cứ hoàn cảnh nào. Xin tạm dịch như sau:

Không bao giờ bỏ cuộc

*Dù bất cứ chuyện gì xảy ra
Đừng bao giờ bỏ cuộc
Hãy khai triển tâm bạn
Có quá nhiều năng lượng đã tiêu dùng
Vào việc phát triển trí óc
Thay vì để khai triển tấm lòng
Hãy mở lòng từ bi
Không phải chỉ cho bạn bè thân thuộc
Mà cho tất cả mọi người
Hãy mở lòng từ bi
Làm những việc đem lại hòa bình
Trong tâm và cho cả thế giới
Làm những việc đem lại hòa bình
Và tôi nhắc lại rằng
Đừng bao giờ bỏ cuộc
Dù bất cứ chuyện gì xảy ra quanh mình
Cũng không bao giờ bỏ cuộc!
(Đạt Lai Lạt Ma thứ 14)*

Nguyên bản:

Never give up

*No matter what is going on
Never give up
Develop the heart
Too much energy in your country
Is spent developing the mind
Instead of the heart
Be compassionate
Not just to your friends
But to everyone
Be compassionate
Work for peace
In your heart and in the world
Work for peace
And I say again
Never give up
No matter what is going on around you
Never give up
(Dalai Lama XIV)*

Dù hơn nửa thế kỷ đã trôi qua, dân tộc Tây Tạng vẫn chưa bỏ cuộc.

Dù một ngàn năm ở dưới ách xâm lăng, dân tộc Việt Nam đã không bỏ cuộc.

Vậy thì có lý gì lại bỏ cuộc trong lúc này?

Ngọc Bảo

(www.ngocbao.org)

BÁNH TẾT NGŨ SẮC

VẬT LIỆU:

(để nấu 3 đòn bánh tét)

- Nếp hiệu NẾP THƯƠNG HẠNG: 800 grs
- 1/2 gói đậu xanh cà không vỏ hiệu DOUBLE HORSE (12 OZ)
- 1 lon 1/2 nước dừa hiệu SAVOY (COCONUT CREAM 400 ml = 450 grs)



CÁCH NẤU NHÂN:

Ngâm 1/2 gói đậu xanh 3 giờ, sau đó vo sạch, cho 1 chút muối vô đậu xanh vo kỹ lại để khử mùi. Chắt nước không khô hẳn. Cho vào 1/2 lon nước cốt dừa hiệu Savoy, 1/4 muỗng cà phê muối. Nấu chín, sau khi chín cho vào 5 muỗng đường cát trắng. Quay tan đường trong đậu xanh cho đều. Xong đây nếp nôi lại để lửa riu riu 5 phút sau tắt lửa. Để nguội, chia làm 3 phần đều nhau, sau đó vo tròn mỗi viên dài 7.5 inches.



CÁCH LÀM VỎ NẾP:

Lấy 4 cái tô nhỏ, mỗi tô đựng 200 grs nếp, vo sạch, sau khi vo sạch và chắt ráo nước, mỗi tô là một màu:

- 1) tô nếp màu trắng ngâm nước lọc hơn mặt nếp 1/2 lòng tay và 100 grs nước cốt dừa.
- 2) tô nếp màu lá dứa cùng ngâm hơn mặt nếp 1/2 lòng tay nước màu lá dứa và 100 grs nước cốt dừa.
- 3) tô nếp màu lá cẩm cũng ngâm hơn mặt nếp 1/2 lòng tay nước màu lá cẩm và 100 grs nước cốt dừa.
- 4) tô nếp màu gấc cũng ngâm nước trái gấc cao hơn mặt nếp 1/2 lòng tay và 2 giọt màu vàng (food color) và 100 grs nước cốt dừa.

Tất cả 4 tô nếp này ngâm 3 giờ.

Sau 3 giờ ngâm nếp, bắt chảo lên bếp xào. Xào mỗi phần nếp màu đã ngâm thêm 1/8 muỗng café muối và 1 muỗng café đầy đường cát trắng, chỉ xào cho đều màu không nên xào lâu quá nếp sẽ nhão khi nấu thì nếp sẽ chín và lúc gói cần phải cho thật chặt tay bánh mới đẹp.

Mỗi phần nếp đã xào chia làm 3 phần đều nhau. Như vậy là có tất cả 12 phần nhỏ.



Cách gói bánh:

Lá chuối đông lạnh.

Lá chuối rửa bằng nước nóng cho sạch chất bột, và lau sạch: cắt bớt sống lá.

- Trải lá ngoài dài 16 inches đặt mặt lá xuống mặt bàn, lá phía trong dài 12 inches ngang 7 inches 1/2 đặt mặt phải ngược chiều với lá ngoài. (bề có sợi gân cứng hướng vào trong)
- Trải 1 miếng nylon trên bàn.

Lấy 1 phần nếp màu ép thành hình chữ nhật ngang hơn 2 inches, dài 7 inches $\frac{1}{2}$ tiếp lấy thêm 1 phần nếp màu cũng ép thành hình chữ nhật hơn 2 inches dài 7 inches $\frac{1}{2}$. Làm tất cả 4 màu sao cho đủ chiều dài 7 inches $\frac{1}{2}$, ngang 6 inches.



Để viên nhân vào giữa cuộn tròn lại

Đặt đòn bánh vào miếng lá chuối nhỏ ngang 7 inches $\frac{1}{2}$, ngay bề có sợi gân cứng, bỏ miếng nylon ra mỗi đầu bánh bao 1 miếng lá chuối nhỏ ngang 2 inches làm như vậy đòn bánh rất dễ gói và đẹp, xong cuộn tròn lại.

Đặt đòn bánh đã cuộn vào đầu của lá ngoài xong cuộn tròn lại.

Tiếp đến xếp sơ 1 đầu lá dẫn xuống cho đầu này hướng xuống mặt bàn.

Xếp đầu lá lại phải xếp cho vuông vức, 2 miếng lá chuối ngang 2 inches chiều dài 9 inches bịt đầu đòn bánh để giữ cho 2 đầu không bung ra, dùng dây cột sơ đầu bánh vừa mới gói.



Trở đầu bánh vừa mới cột xuống mặt bàn, - giọng đòn bánh thêm lần nữa cho đòn bánh săn cứng lại rồi xếp đầu bánh còn lại như đầu bánh vừa rồi. Dùng dây cột sơ đầu bánh lại 2 đầu bánh phải vuông vức giống nhau khi xếp, nếu không đòn bánh gói xong không được đẹp. Cột lại thành 1 đòn bánh tết. Cột bánh không được cột lỏng tay, khi luộc bánh sẽ bị vỡ nước.



Bắt nồi nước nấu sôi thả 3 đòn bánh tết vào. Nấu 1 giờ 30 phút, vớt ra xả nước lạnh, để dựng đứng, khi bánh nguội. Cắt bánh vào tủ lạnh, 1 ngày sau ăn mới ngon.

Chúc các bạn làm Bánh Tết Ngũ Sắc Thành Công.

Cô Lê (GDPT LONG HOA) (nguồn: www.amthucchay.org)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

THỂ LOẠI VĂN HỌC PHẬT GIÁO

Thích Nhuận Đàm

1. Xưa nay, việc phân loại văn học Phật giáo với tư cách là một tác phẩm văn học dường như chưa được sự quan tâm đúng mức của chư vị tổ sư tiền bối, dẫn đến dù cho Phật giáo đã thành lập được Tam tạng thánh điển nhưng vẫn không rõ những điều được tập thành kia thuộc thể loại nào của văn học và cách hiểu cũng như giảng giải ra làm sao. Khi chúng tôi nêu ra quan điểm này chắc chắn sẽ có ý kiến cho rằng đây là một việc làm không cần thiết; bởi vì văn điển Phật giáo đã có Tứ tất-đàn (Catvāri siddhānta) đâu cần phân loại, xưa nay không phân loại mà đã bao vị tổ sư ngộ đạo, nên nay đưa ra việc phân loại phỏng có ích gì? Nếu cho rằng ý kiến trên là đúng thì sẽ có những hệ lụy vô cùng nguy hiểm, vì chúng ta sẽ không có một công thức chung hay một chuẩn mực nào đó trong việc hiểu và giảng giải Phật điển. Vì đã có rất nhiều trường hợp hiểu và giảng giải sai lời Phật dạy, khi không hiểu được bản chất văn học của Tam tạng thánh điển. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi muốn bàn đến việc phân chia thể loại trong văn học Phật giáo.

2. Nếu xem toàn bộ Tam tạng thánh điển Phật giáo là những sáng tác văn học thì nền văn học này mang tính giáo huấn (1) (văn học giáo huấn). Có lẽ vì điểm này mà chư vị tổ sư tiền bối với lòng tôn kính những lời dạy của Đức Phật cũng như những vị đi trước nên đã không phân loại các văn bản kinh điển dưới góc độ một tác phẩm văn học. Chúng ta cần lưu ý, rằng việc nắm rõ bản chất thể loại văn học là bước đầu tiên và quan trọng trong việc hiểu và giảng giải ý nghĩa một tác phẩm văn học. Phân loại văn học là nấc thang thứ nhất để tiến lên nhận thức hình thức thể loại tác phẩm.

Thuật ngữ tương đương của những loại văn học là thể loại văn học. Thể loại là dạng thức, là hình thức tồn tại cụ thể của văn bản văn học. Khái niệm loại, người phương Tây gọi là genre, có gốc La-tinh (genus), nghĩa gốc là biểu thị khái niệm loài trong hệ thống phân loại sinh vật, nghĩa là giống loài. Người Trung Quốc gọi là dạng thức văn học. Thơ ca, tiểu thuyết (tản văn), ký, kịch, chính luận là bốn loại, chủng loại dạng thức tác phẩm. Dưới loại là thể, người

phương Tây cũng dùng từ genre để chỉ thể; ở dạng này người Trung Quốc gọi là thể tài, chỉ hình thức cụ thể; thông thường được xem là thể hay kiểu, dạng của thể loại văn học.

Vậy, thể loại (hoặc loại) là đơn vị lớn hơn, rộng hơn thể (kiểu, dạng, văn học Trung Quốc thì còn dùng thêm thuật ngữ thể tài); thể nằm trong loại. Mỗi loại bao gồm một số thể; và, bất kỳ một tác phẩm văn học nào cũng thuộc một loại nhất định và quan trọng hơn hết là luôn tồn tại trong một hình thức thể nào đó (2). Việc phân chia thể loại có nhiều truyền thống khác nhau; nhưng truyền thống phương Tây hiện vẫn được nhiều nhà lý luận chấp nhận. Gọi là phương Tây tức chỉ những nền văn hóa chịu ảnh hưởng từ nền văn hóa Hy-La. Xuất phát từ hiện thực cuộc sống, ở phương Tây, Aristoteles trong Nghệ thuật thi ca đã phân chia văn học làm ba loại: ... Loại thứ nhất là tự sự, thứ hai là trữ tình, thứ ba là kịch (3). Cách chia ba này căn cứ vào sự lựa chọn đề tài, phương thức cấu tứ, phương thức thể nghiệm tình cảm và thủ pháp biểu hiện, tạo dựng hình tượng của tác phẩm văn học để phân thành loại văn học kịch, loại tự sự, loại trữ tình. Và, cách chia ba này được lưu hành rộng rãi ở các nước Âu Mỹ.

Theo đó, loại tự sự là sự tái hiện đời sống thông qua việc miêu tả sự kiện; trong mỗi sự kiện ấy luôn có sự thâm nhập một cách sâu sắc tư tưởng, tình cảm của tác giả vào các hành động bên ngoài của nhân vật, làm cho không còn phân biệt được nhau nữa; và, lúc này tác giả không còn xuất hiện nữa. Lúc này tác giả dường như chỉ có một việc là kể lại các sự kiện vận động và tự nó kết thúc. Loại này bao gồm các thể: Thơ tự sự, tiểu thuyết, ngụ ngôn... Loại trữ tình gồm các tác phẩm thông qua sự bộc lộ tình cảm của tác giả mà phác họa hiện thực. Trong trường hợp này, tác giả trực tiếp tham gia vào việc bộc bạch những cảm xúc, tình cảm, thái độ của mình trước hiện thực đời sống. Với loại này, nếu là thơ thì dừng lại ở nhân tố nội tại ở cảm giác và các ý nghĩ trong giai đoạn tìm tòi và sau đó thẩm thấu ngược vào bên trong, đem mọi vật từ hiện thực bên ngoài chuyển vào bản thân và cuối cùng chuyển tất cả các sắc thái tình cảm, cảm xúc, tâm tư vào thơ; loại này

thường không có cốt truyện, dung lượng thường là ngắn. Nếu văn xuôi thì cũng có những loại như thơ trữ tình; được gọi là văn xuôi trữ tình... Loại kịch, gồm các tác phẩm đem nhân vật đặt lên sân khấu để chúng tự biểu hiện qua hành động của chúng. Loại này cũng gần giống loại tự sự khi những sự kiện vốn là sự thống nhất các yếu tố chủ quan và khách quan đang phát triển; các sự kiện này không hẳn là bên ngoài, không phải tự nhiên xuất hiện mà là có sự chuẩn bị. Các yếu tố này, khi chúng ta nhìn thấy, đó là cả một quá trình xuất hiện, phát triển của một ý chí, tính cách mang tính cá nhân. Các tính cách này luôn được bộc lộ ra bên ngoài thông qua các biểu cảm tinh thần khi các xung đột thực tế luôn diễn ra. Chính điểm này, loại này luôn có cốt truyện hoàn chỉnh, luôn có yếu tố trữ tình, đặc biệt luôn có yếu tố xung đột. Loại này bao gồm hài kịch, chính kịch, bi kịch...

Truyền thống văn học Trung Quốc việc phân loại văn học giai đoạn sớm nhất chỉ có hai loại là thơ và văn xuôi (tản văn). Tào Phi có thể được xem là nhà lý luận văn học đầu tiên của Trung Quốc. Trong thiên *Điển luận-Luận văn*, ông cho rằng: “Văn có gốc giống nhau mà ngọn khác nhau. Văn, tấu, nghị thì lời phải nhã, văn thư, luận cần có lý, văn minh lỗi trọng sự thật, văn thơ phú thì phải đẹp” (4). Tuy nói là bốn loại, nhưng kỳ thật cũng thuộc hai loại thơ và văn xuôi. Sau Tào Phi, văn học Trung Quốc đã có sự phát triển và ý thức về sự phân loại theo đó cũng được tăng lên. Kể từ thời Tống, Nguyên về sau, đầu cho tiểu thuyết và kịch có nhiều phát triển nhưng các văn nhân phong kiến vẫn không xem trọng và thường gạt ra ngoài hàng văn chương nên cũng không được dự vào hàng phân loại. Đến cuối đời Thanh, do việc dịch thuật nhiều kịch và tiểu thuyết văn học nước ngoài nên kịch và tiểu thuyết Trung Quốc lúc này mới được xem trọng. Lúc bấy giờ, các sách vở, báo chí Trung Quốc phổ biến thừa nhận văn học có bốn loại: Thơ ca, văn xuôi, tiểu thuyết và kịch. Và, như vậy thì sự phân loại này là sự kết hợp, ảnh hưởng từ truyền thống văn học phương Tây (5).

Vậy, việc phân loại văn học là gì theo phương Tây hoặc theo Trung Quốc cũng xoay quanh ba hoặc bốn loại và trong mỗi loại có một số thể (dạng thức) văn học khác nhau? Nhưng các thể loại văn học của các nền văn học trên thế giới cũng đều không ra khỏi các điều vừa nêu trên.

Đối với văn học Phật giáo thì sao? Lâu nay chúng ta hay nghe thuật ngữ: 12 hoặc

9 thể tài văn học Phật giáo hoặc 12 hoặc 9 phần giáo pháp. Do vậy mà, 12 hoặc 9 phần [thể tài] này được cho là thể loại văn học Phật giáo. Việc đánh đồng khái niệm thể loại và thể văn học làm một đã tạo nên những lý giải sai lầm. Thuật ngữ thể tài là thuật ngữ của người Trung Quốc khi chỉ một dạng thể của một thể loại văn học. Do đó sẽ là rất sai lầm khi cho rằng thể tài là thể loại. Văn học Phật giáo gồm những gì? Một cách tổng quát, văn học Phật giáo gồm hai bộ phận. Thứ nhất, đó là các văn bản được tập thành ba tạng Kinh, Luật, Luận và được lưu giữ bằng các ngôn ngữ Sanskrit, Pali, Hán, Tây Tạng... Bộ phận

thứ hai là các sáng tác của các vị luận sư, tổ sư; những vị Tăng, Ni, nam nữ cư sĩ Phật giáo chưa được đưa vào Tam tạng kinh điển. Trong giới hạn bài viết này, chỉ đề cập đến văn bản văn học Phật điển ở bộ phận thứ nhất. Lâu nay, các văn bản văn học Phật giáo thường được cho rằng có mười hai thể loại hay mười hai thể tài [sic]. Sanskrit gọi là dvādaśāṅgabuddhavaśana,

Hán dịch: thập nhị bộ Kinh (十二部經) hoặc Thập nhị phần thánh giáo (十二分聖教) (6). Mười hai bộ kinh hoặc mười hai phần thánh giáo gồm (7):

1. Sūtra: Phiên âm: Tu-đa-la, dịch: Trường hàng 長行, Khế kinh 契經: Những lời Đức Phật dạy cho hàng đệ tử tu tập để đi đến giác ngộ, giải thoát.

2. Geyyā: Phiên âm: Kỳ-dạ, dịch: Trùng tụng 重頌, còn dịch: Ứng tụng: Ghi lại lời Đức Phật dạy theo thể tản văn.

3. Veyyākaraṇa: phiên âm: Hòa-già la-na, dịch: Ký biệt 記別 hoặc Thọ ký 受記: Ghi lại việc ấn chứng của Đức Phật cho các vị đệ tử. Chẳng hạn, Đức Phật ấn chứng cho các đệ tử Thanh văn và Bồ-tát sẽ làm Phật trong tương lai.

4. Gāthā: phiên âm: Già-đà, dịch: Phúng tụng hay Cô khởi 孤起: Sự (truyền tụng) ghi lại lời Đức Phật dạy theo thể thơ, kệ.

5. Udāna: phiên âm: Ưu-đà-na, dịch: Tự thuật, Tự thuyết hoặc Vô văn tự thuyết. Sự ghi chép lại những điều do Đức Phật tự nói ra trong những nhân duyên (trường hợp) đặc biệt.

6. Nidāna: phiên âm: Ni-đà-na, dịch: Nhân duyên 因緣: Nói về sự gặp gỡ, giáo hóa giữa Đức Phật Thích-ca với chư Phật quá khứ cũng như các vị đệ tử khác.

7. Avadāna: Phiên âm: A-ba-đà-na, dịch: Thí dụ 譬喻. Những pháp của Phật nói





rất màu nhiệm, người căn cơ thấp kém khó có thể lĩnh hội, nên Đức Phật dùng thí dụ để giảng nói pháp nghĩa.

8. Itivṛttaka: phiên âm: Y-đế-mục-đà-già, dịch: Bốn sự 本事. Sự ghi chép lại những điều được nghe từ Đức Phật nói, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp.

9. Jātaka: phiên âm: Xà-đà-già, dịch: Bốn sanh 本生. Sự ghi chép lại chuyện tiền thân của Đức Phật theo lời Đức Phật kể.

10. Vaipulya: Phiên âm: Tỳ-phật-lược; dịch: Phương quảng 方廣. Sự ghi chép lại những cuộc thảo luận của các vị Thánh đệ tử được Đức Phật xác nhận là phù hợp với Phật ý, chánh pháp.

11. Abbhutadharma: phiên âm: A-phù-đà-đạt-ma, dịch: Vị tăng hữu 未曾有. Ghi chép lại những sự việc hy hữu (hiếm có) trong đời, như chuyện các Đức Phật quá khứ... do Đức Phật kể lại.

12. Upadeśa: phiên âm: Ưu-ba-đề-xá, dịch: Luận nghị. Sự ghi chép lại những điều luận giải về Chánh pháp của Đức Phật và các bậc A-la-hán.

Sự phân chia kinh điển thành mười hai thể loại như trên không có tính cố định và duy nhất. Có cách phân loại khác là chỉ có 9 thể tài kinh điển và được đề cập rải rác trong các kinh điển Phật giáo (8). Chín thể tài ấy gồm: 1/ Tu-đa-la (Sūtra) 2/ Kỳ-dạ (Geyyā), 3/ Hòa-già-la (Veyyākaraṇa), 4/ Già-đà (Gāthā), 5/ Ưu-đà-na (Udāna), 6/ Ni-đà-na (Nidāna), 7/ Tỳ-phật-lược (Vaipulya), 8/ Vị tăng hữu (Abbhutadharma), 9/ Luận nghị (Upadeśa).

Chín thể tài này so với 12 thể tài kể trên thì bị thiếu 3 thể tài: Jātaka, Itivṛttaka, Avadāna. Ở một số nơi khác cũng liệt kê 9 loại thể tài nhưng cũng có sự không đồng nhất một vài loại thể tài với 9 thể tài vừa kể ở trên. Nhưng dù thiếu hay như thế nào đi chăng nữa thì cái gọi là thể tài vừa nói trên không thể mô tả được thể loại của tất cả các văn bản Phật điển; nếu không muốn nói cách phân loại này chỉ giới hạn ở bộ phận Kinh tạng (Sūtra - piṭaka), còn Luật tạng (vinaya - piṭaka) và Luận tạng (abhidharma - piṭaka) tuyệt nhiên không được nhắc đến. Đó là chưa nói

đến việc phân loại Kinh tạng thành 12 hoặc 9 thể tài kinh điển trên còn nhiều vấn đề bất cập. Vì việc phân chia thành 12 hoặc 9 thể tài kinh điển có phải xuất phát từ truyền thống Phật giáo Ấn Độ hay đó là sự phân chia theo truyền thống văn học Phật giáo do người Trung Quốc chủ trương. Một câu hỏi được đặt ra đó là căn cứ vào đâu để phân loại các thể tài (tạm gọi là thể tài, bởi thuật ngữ này không đúng). Các Sūtra, Geyyā, và Gāthā có thật sự đúng nghĩa khi cho rằng Sūtra: là văn trường hàng; Geyyā: là tản văn còn Gāthā là thơ kệ; căn cứ này xuất phát từ đâu?

Cần lưu ý rằng tất cả các kinh điển Phật giáo lần đầu tiên được kết tập theo truyền thống Phật giáo Ấn Độ đều được biên tập theo dạng văn vần; ở một vài trường hợp còn gọi là thơ cổ Ấn Độ. Văn vần này được gọi là 'sloka, trong Phật giáo thường gọi là thi kệ. Một 'Sloka gồm 2 dòng, 4 pāda (bốn cú); mỗi pāda gồm 8 âm tiết. Như vậy, mỗi bản 'Sloka gồm 16 âm tiết và một 'Sloka hoàn chỉnh có 32 âm tiết. Hai bộ sử thi lớn của Ấn Độ *Mahābhārata* và *Rāmāyana* đều được viết thể văn vần 'Sloka. Nền văn học đầu tiên của Phật giáo Đại thừa là nền văn học Bát-nhã (prajñāpāramitā) cũng được kết tập theo thể văn vần 'Sloka; và, chúng ta có Bát thiên tụng Bát-nhã (*Aṣṭasāhasrikā Prajñāpāramitā*), Nhị vạn ngũ thiên tụng Bát-nhã (*Pancavimsatsāhasrikā Prajñāpāramitā*) cũng được kết tập theo dạng văn vần 'Sloka. Nhưng khi dịch sang Hán ngữ tất cả đều được chuyển thành tản văn hay văn trường hàng; đó là một sự thay đổi rất lớn so với nguyên bản xuất phát từ Ấn Độ. Các Gāthā (thơ kệ) lần đầu tiên không phải xuất hiện trong Phật giáo, nó nằm trong những câu xướng mang tính tôn giáo được các tín đồ của đạo thờ lửa (Zoroastrian - Bái hỏa giáo) sử dụng và sự xuất hiện sớm nhất của nó có thể nhận biết là trong *Rig Veda*. Vậy thì, với cái gọi là thể tài kinh điển Phật giáo được nêu ở trên nên được hiểu như thế nào cho hoàn toàn đúng với tinh thần đây là một văn bản văn học? Chúng tôi cho rằng, đây là sự tự phân loại theo lối suy nghĩ của người Trung Quốc chứ không thực sự đúng với tinh thần Phật giáo Ấn Độ. Ở đây không bàn sâu về vấn đề nguồn gốc việc phân chia thể loại văn bản văn học Phật điển; những điều được nêu ra ở đây mục đích là để chúng ta thấy được rằng: cần phải có những suy nghĩ vượt qua những lối mòn định kiến có nguồn gốc từ Trung Quốc về văn học Phật giáo. Nếu không như vậy thì chúng ta sẽ mãi chạy theo lối mòn dùng những suy nghĩ, tư tưởng của người Trung Quốc để đọc và hiểu về kinh điển Phật giáo. Đó là một sự thiếu sót không hề nhỏ.

Như đã nêu ở trên, một văn bản văn học khi trở thành một tác phẩm văn học thì cần phải có các yếu tố không thể bỏ qua, đó là đề

tài tác phẩm, chủ đề tác phẩm. Đề tài và chủ đề trong một tác phẩm văn học là gì?

Đề tài của tác phẩm là một phương diện nội dung của tác phẩm, là đối tượng đã được nhận thức, là kết quả lựa chọn, tư duy của tác giả (9) và được gắn liền với dụng ý, thể giới quan, lập trường tư tưởng, quan điểm thẩm mỹ của tác giả (10). Có thể nói, đề tài là khái niệm trung gian giữa thể giới hiện thực được thẩm mỹ hóa trong tác phẩm và hiện thực cuộc sống. Để xác định đề tài, người ta căn cứ trên hai phương diện: bên ngoài và bên trong. Ở phương diện bên ngoài đó là sự liên hệ thuần túy đến phạm vi hiện thực mà tác phẩm phản ánh. Ở đây, sự xác định đề tài thường dựa trên cơ sở các phạm trù lịch sử-xã hội. Và, như vậy thì khi nói đến đề tài tác phẩm, không chỉ nói đến một đề tài mà là một hệ thống đề tài liên quan nhau, bổ sung cho nhau để tạo thành đề tài của tác phẩm. Chủ đề là vấn đề cơ bản, vấn đề trung tâm được tác giả nêu lên, đặt ra qua nội dung cụ thể tác phẩm văn học. Nếu đề tài giúp ta xác định: tác phẩm viết về cái gì? thì chủ đề là đáp án câu hỏi: vấn đề cơ bản của tác phẩm là gì? Nói cách khác, chủ đề là tư tưởng hạt nhân cơ bản của nội dung của tác phẩm (11), là những vấn đề được nhà văn tập trung soi rọi, tô đậm và cho là quan trọng nhất.

Từ hai yếu tố này sẽ dẫn đến việc ta lựa chọn phương thức nào để thể hiện đề tài và chủ đề đó. Cái gọi là phương thức này, lý luận văn học gọi là thể của thể loại [loại] văn học như đã được đề cập ở trên. Cho nên, 12 hoặc 9 thể tài kinh điển Phật giáo, theo chúng tôi nên được gọi là đề tài trong văn học Phật giáo. Khi ấy trong mỗi đề tài sẽ có nhiều chủ đề khác nhau. Còn, dạng thức thể hiện các đề tài, chủ đề ấy trong văn học Phật giáo chỉ bao gồm các thể văn vần (Sloka), Sứ thi (Anh hùng ca), truyện cổ tích. Và cuối cùng văn học Phật giáo sẽ chỉ có 3 loại đó là Kinh, Luật và Luận. Điều này đã được Thiền sư Nhất Hạnh đề cập đến trong Những con đường đưa về núi Thấu. Tác giả cho rằng: Trong kho tàng văn học Phật giáo có ba thể tài (ba thể loại): Kinh là thể tài thứ nhất của văn học Phật giáo; Luật là thể tài thứ hai (nền văn học vinaya tức luật, cũng rất giàu có) và phần thứ ba là Luận (Abhidharma) (12).

3. Vậy, phân loại thể loại văn học có giá trị gì trong việc tiếp nhận văn học? Trong lý luận văn học, việc phân loại thể loại văn học có vai trò rất quan trọng không những đối với người sáng tác mà cả người tiếp nhận. Đối với người sáng tác, mỗi thể loại khi đã hình thành nghĩa là đã khơi một dòng cảm xúc cho những người đến sau. Người đến sau ở đây không ai khác chính là những văn sĩ, những người sáng tác nghệ thuật. Những người này, khi cảm xúc tràn đầy, suy nghĩ đầu tiên là viết cái gì, viết như thế nào... thì ngay lúc ấy vẫn

đề lựa chọn thể loại được đặt ra. Ví dụ, khi đã chọn được là thể loại thơ rồi thì lại chọn tiếp theo thể thơ nào? cổ phong hay đường luật, lục bát hay thơ văn xuôi?... cứ thế tiếp diễn đến khi hoàn thành tác phẩm thơ của mình. Thể loại không phải là yếu tố nằm ngoài nhà văn mà nằm trong ý thức nghệ thuật, trong cơ cấu cảm xúc của tác giả, đặc điểm này gọi là "tư duy thể loại." Chính đặc điểm tư duy thể loại này đã giúp cho tác giả nhanh chóng tìm ra được sự ăn nhịp giữa chất liệu đời sống và ngôn ngữ thể loại. Do vậy, người sáng tác ở những lần đầu buộc phải thuộc rất nhiều thơ, thuộc nhiều thể loại văn học của các tác giả lớn đi trước.

Đối với người thưởng thức, phê bình; để có thể cảm nhận được tất cả những giá trị thẩm mỹ cũng như tiếp cận được chính xác nội dung tác phẩm thì người thưởng thức, phê bình cần phải tuân theo quy tắc thể loại, không thể thưởng thức hoặc phê bình một cách lệch pha. Ví dụ, để thưởng thức một bài thơ thì chúng ta phải biết đặc điểm của thể loại thể, chú ý đến vẻ đẹp âm thanh, nhịp điệu [tính nhạc trong thơ], tình cảm, ý tứ sâu xa. Đọc một thiên tiểu thuyết thì chúng ta cần phải biết đến nhân vật, cốt truyện, tâm lý, các chi tiết ngoại hình, mối quan hệ nhân vật với hoàn cảnh, kết cấu của trần thuật... Cho nên không thể dùng con mắt thơ để đọc tiểu thuyết hoặc ngược lại, nếu làm như vậy thì sẽ không lĩnh hội được vẻ đẹp, ý nghĩa của tác phẩm, đôi khi còn dẫn đến những sự cố ngây ngô buồn cười.

Trong Phật giáo, hiện tượng đọc nhầm thể loại diễn ra tương đối nhiều; chúng ta hay dùng các quy tắc, kiến giải của luận để đọc kinh, dẫn đến hiểu sai ý nghĩa kinh. Ví dụ, chúng ta vẫn thường hay nói và được nghe: Tứ diệu đế hoặc Bát chánh đạo. Luôn cho rằng, Tứ diệu đế là bốn chân lý vi diệu, Bát chánh đạo là tám con đường chân chính; cách hiểu này là cách hiểu của luận. Trong kinh Phật không có thuật ngữ nào là Tứ diệu đế và Bát chánh đạo; các thuật ngữ này chính xác là Tứ Thánh đế (catvāry āryasatyāni) và Bát Thánh đạo (Ārya ṣṭāṅga mārgaḥ). Theo đó, Tứ Thánh đế là bốn sự thật mà chỉ bậc Thánh mới có thể như thật liễu tri hoặc tuệ tri; hoặc, đây là bốn sự thật mà bất cứ ai muốn đạt đến, chứng ngộ, thể nhập thánh vị cũng cần phải như thật liễu tri hoặc tuệ tri. Bát Thánh đạo (Ārya ṣṭāṅga mārgaḥ) là tám con đường, tám phương hướng dẫn dắt chúng sanh trở thành một vị thánh. Kinh *Tương Ưng Bộ*, thiên *Đại phẩm*, *Tương ưng đạo*, Đức Phật đã dạy rất rõ về Bát Thánh đạo này.

Do vậy cần phải đặt ngôn từ văn học trong quy luật thể loại thì mới hiểu đúng nghĩa của nó. Nếu người đọc càng hiểu rõ đặc điểm thể loại bao nhiêu thì mức độ lý giải, cảm thụ càng sâu sắc bấy nhiêu. Ví dụ, người thích đọc tiểu thuyết võ hiệp mà không quan

tâm đến các thể loại khác thì khả năng lý giải sẽ rất hạn chế. Lại nữa, quan niệm về thể loại của người đọc có một sự ảnh hưởng lớn tới năng lực thưởng thức, phê bình. Ví dụ, một người thích đọc thơ lục bát, thơ Đường luật thì sẽ bị dị ứng với thể loại thơ siêu thực, tượng trưng...

4. Chính những điều này đã cho chúng ta thấy ý nghĩa và vai trò của việc phân loại thể loại văn học; tuy nó không phải là tất cả đối với một tác phẩm văn học, nhưng nó lại là bước đầu tiên và cơ bản nhất trong việc sáng tác cũng như đọc, hiểu nội dung, ý nghĩa của một tác phẩm văn học. Trong trường hợp này, một văn bản kinh Phật khi đã đặt vào vị trí một tác phẩm văn học cũng cần phải tuân theo các quy tắc ấy. Phải dùng và sử dụng đúng các quy tắc thể loại mà nó đang được thể hiện để đọc và hiểu nó; không nên dùng con mắt luận để đọc kinh hoặc ngược lại.

Chú thích:

1. Đỗ Đức Hiểu (chủ biên) (2004), Từ điển Văn học (bộ mới), Nxb Thế Giới, tr.1951.

2. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, (2006) Từ điển Thuật ngữ Văn học, Nxb Giáo Dục, tr.300.

3. Aristote, Nghệ thuật thơ ca, Lưu Hiệp, Văn tâm Điêu long, Nxb Văn Học, 1999, tr.23.

4. Đỗ Đức Hiểu (chủ biên) (2004), Từ điển Văn học (bộ mới), Nxb Thế Giới, tr.1598.

5. Trần Đình Sử (chủ biên) (2008), Lý luận Văn học, tập 2, Nxb Đại Học Sư Phạm, tr.239.

6. T25n1509: 大智度論釋 (Đại Trí Độ luận thích), q. 33, p-0306c16-19: 薩摩訶薩欲聞十方諸佛所說十二部經: 修多 羅、祇夜、受記經、伽陀、優陀那、因緣經、阿波陀那、如是語經、本生經、廣經、未曾有經、論議經.

7. Thích Quảng Độ (dịch) (2000), Phật Quang đại từ điển, tập 5, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản, tr.5506; Nguyên Hiên (2015), Từ điển Phật học Tuệ Quang, tập 2, Nxb Phương Đông, tr.2150.

8. T26n1521_p0069b26-b28... 善說九部經法。所謂修多 羅岐夜授記伽陀憂陀那尼陀那如是諸經斐肥羅未曾有經.

9. Trần Đình Sử (chủ biên) (2008), Lý luận Văn học., tập 2, Nxb Đại Học Sư Phạm, tr.220.

10. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2006), Từ điển Thuật ngữ Văn học, Nxb Giáo Dục, tr.112.

11. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2006), Từ điển Thuật ngữ Văn học, Nxb Giáo Dục, tr.61.

12. Thích Nhất Hạnh (2013), Những con đường đưa về núi Thấu, Nxb Phương Đông, tr.6.

(Văn Hóa Phật Giáo số 260 ngày 01-11-2016)



XUÂN NÀY...

*Xuân này, xuân nữa xuân nào nữa
Đất khách không ngăn nỗi nhớ nhà
Ta đứng trông vời mây cổ quận
Nghe buồn quận thất đến xương da*

*Xuân này, xuân nữa xuân nào nữa
Ký ức trong ta chẳng nhạt nhòa
Vũ trụ xoay vần theo năm tháng
Nhưng lòng thương nhớ chẳng phai pha.*

*Ta mơ về đứng bên thềm cũ
Để ngắm mai vàng nở trước sân
Lắng nghe pháo tết vang trong xóm
Rộn rã vui cùng tiếng trống lân.*

*Sẽ có một ngày ta trở lại
Đứng bên thềm tuổi nhỏ nơi đây
Dấu cội mai già không còn nữa
Nhưng lòng ta, ta chẳng đổi thay.*

CHÀO XUÂN

*Tàn đông mai nở bên hiên
Xuân sang gọi nhớ về miền ấu thơ,
Thời gian đi chẳng đợi chờ,
Dấu chân tuổi nhỏ bây giờ tìm đâu?
Trải qua bao những bể dâu!
Tang thương lỡ cuộc niềm đau nỗi đời
Chiều tàn lặng ngắm mây trôi,
Ngồi trông cổ quận nhớ thời xuân xưa.*

thơ

NGUYỄN TIẾN QUỲNH GIAO

HƯỚNG TÂM THỨC CHÚNG TA CHO THIỀN TẬP

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA — *Tuệ Uyển* chuyển ngữ

Một vị tu sĩ tên là Shrona đang cố gắng để thiền quán, nhưng tâm ý ông thì hoặc là quá căng thẳng hoặc là quá giải đãi. Ông hỏi Đức Phật để được dạy bảo. Đức Phật hỏi, "Khi con là ở nhà, con đã có đánh đàn một cách tuyệt diệu chứ?"

"Bạch Thế Tôn, thực sự như thế."

"Âm thanh có hay khi con căng dây quá thẳng hay khi con để dây đàn quá chùng không?"

"Không như thế. Con phải căng dây đàn vừa phải."

"Cũng giống như ở đây. Để thiền quán con phải có làm cho ôn hòa sự căng thẳng và sự giải đãi trong tâm thức của con." (THÀNH NGŨ CỦA PALTRUL RINPOCHE)

Chúng ta đang tìm hiểu để phát triển một tâm thức thiền quán mà tự nó là trong sáng một cách nhiệt tình, nơi mà ý thức là quang minh và tỉnh giác. Chúng ta cũng tìm kiếm một sự ổn định cho việc có thể tập trung sự nhất tâm trên đối tượng. Đây là hai phẩm chất của tâm thức mà chúng ta cần: sáng sủa nhiệt thành và ổn định không dao động.

Những gì ngăn cản sự phát sinh hai điều này? **Phóng dật** – tâm ý quá lỏng lẻo, quá xao lãng – ngăn cản việc phát triển sự trong sáng, và **trạo cử** – tâm ý quá căng thẳng, quá kích thích – ngăn cản việc liên tục tập trung trên đối tượng.

PHÓNG DẬT (lỏng lẻo, uể oải, lơ phờ)

Phóng dật có những hình thức thô, vi tế, và rất vi tế. Trong phóng dật thô, đối tượng hoàn toàn không rõ ràng, và tâm thức cảm thấy chìm đắm, hay trì nặng xuống. Trong phóng dật vi tế, chúng ta duy trì trên đối tượng, nhưng tâm thức thiếu sự trong sáng. Trong phóng dật rất vi tế, tính mãnh liệt chỉ hơi thiếu, tâm ý thể hiện hơi lỏng lẻo.

Phóng dật xảy ra khi tâm thức bị rút lui bên trong tiến trình phát triển thiền quán. Điều này không phải hôn trầm, mà là sự nặng nề và không làm việc của tâm thức và thân thể đối với mê mờ và là điều có thể xảy ra ngay cả khi chú trọng đến một đối tượng ngoại tại. Trong sự hôn trầm của thân thể, đây là sự nặng nề, và tâm thức chúng ta là nặng nề, bị

wướng trong tầm tối. Nghe có vẻ như thuận tiện cho việc nghỉ ngơi, đúng không? Đùa thôi nhé.

TRẠO CỬ (kích thích, náo động, sôi nổi)

Trạo cử là một thể trạng rung động của tâm thức, hầu hết thường qua sự hấp dẫn đến một đối tượng ngoại tại của tham dục. Nó cũng có thể bắt cứ sự tán tâm nào của ý thức, cho dù đối tượng mới là đạo đức, chẳng hạn như từ thiện; không đạo đức như tham dục; hay trung tính như may vá. Có những hình thức thô và vi tế của trạo cử. Trong thô trạo cử, chúng ta quên đối tượng thiền quán của chúng ta và lạc vào trong những tư tưởng khác. Mặc dù trong trạo cử thô, đối tượng không mất, một góc của tâm thức chúng ta liên hệ trong tư tưởng di chuyển nhanh, như nước chảy dưới mặt đóng băng của con sông.

Giữa những buổi thiền quán, điều quan trọng là phải điều tiết những giác quan của chúng ta, ăn một khối lượng trung bình thức ăn, và duy trì sự quán sát thân thể và tâm thức. Trái lại, những điều này có thể hoạt động như những nguyên nhân của phóng dật và trạo cử. Ngủ quá nhiều thông thường đưa đến phóng dật, trái lại những dự đoán không thực tế về những khoái lạc của đời sống có khuynh hướng đưa đến trạo cử.

CHIỀU DÀI CỦA NHỮNG BUỔI THIỀN TẬP

Nếu chúng ta đang gặp phải việc trở ngại để tập trung với phóng dật và trạo cử và không thể vượt qua, thay vì ngoan cố khẳng khẳng trong những buổi thiền tập dài lâu, hãy cố gắng những buổi tập ngắn ngủi nhưng thường xuyên. Khi việc thực hiện của chúng ta cải thiện và những vấn nạn này giảm thiểu, hãy thực hiện những buổi thiền tập lâu hơn.

Nó sẽ hỗ trợ để thiền tập ở những nơi cao ráo nếu phóng dật là vấn đề, và thực hiện vào buổi sáng. Ngay sau khi chúng ta thức dậy, các giác quan của chúng ta chưa hoạt động, nhưng năng lực của tư tưởng đã hiện diện. Và bởi vì cơ quan cảm giác chưa hoạt động, chúng ta sẽ có những sự xao lãng ít hơn. Trong kinh nghiệm của riêng tôi, bình minh là khi tâm thức của tôi trong sáng nhất và bén nhạy nhất.



CHÍNH NIỆM VÀ NỘI QUÁN

Chính niệm là một kỹ thuật để giữ cho tâm thức chúng ta liên tục trên đối tượng cho sự thiền quán của chúng ta. Nó là thuốc giải cho sự quên lãng. Vì những người bắt đầu có khả năng này chỉ trong một mức độ nhỏ nhoi,

chúng ta cần rèn luyện và làm tăng trưởng nó bằng việc lập đi lập lại trong việc đặt tâm thức trở lại trên đối tượng.

Thông thường, hãy kiểm soát để thấy tâm thức chúng ta có ở trên đối tượng hay không. Bằng việc làm điều này qua nhiều lần, chúng ta sẽ đi đến chú ý một cách lập tức khi tâm thức chúng ta đã trở nên bị xao lãng với điều gì khác. Cuối cùng chúng ta sẽ chú ý khi tâm thức chúng ta sắp lạc khỏi đối tượng hay đề mục, và chúng ta sẽ có thể giữ nó ở đấy. Khả năng này là chính niệm.

Kỷ năng cho việc nhận ra phóng dật hay trạo cử đang ngăn chặn tâm thức khỏi việc củng cố trong sáng và ổn định được gọi là "nội quán". Sự nội quán thường xuyên này về việc đối tượng trong sáng hay ổn định không được hoàn thành không phải với toàn bộ năng lực của tâm thức nhưng giống như từ phần phụ, vì thế không làm chướng ngại đến sự tập trung của tâm thức trên đối tượng.

Thật sự, để đạt được năng lực chính niệm mạnh mẽ, chúng ta cần giám sát chúng ta có đang ở trong sự tập trung trên đối tượng hay không, nhưng chức năng đặc biệt của nội quán tại thời điểm này là để thấy tâm thức có ở dưới sự ảnh hưởng của phóng dật và trạo cử hay không, chứ không chỉ xem nó có trụ trên đối tượng hay không. Như hành giả du già Ấn Độ Thanh Biện đã nói:

Con voi của tâm thức rong ruổi một hoang dã

Được quy định giới hạn một cách an toàn bởi sợi dây chính niệm

Đến cột trụ của một đối tượng của thiền quán

Dần dần được thuần hóa bởi cái neo của tuệ trí.

Với kinh nghiệm của chính mình, chúng ta cần nhận ra khi nào mô thức thiền quán của chúng ta trở nên quá hứng thú hay quá giải đãi và quyết định sự thực tập tốt nhất để điều chỉnh nó, như được giải thích trong hai phần tới. Khi khả năng nội quán phát triển, chúng ta sẽ cần đạt đến một cảm nhận nội tại đúng đắn về mức độ căng thẳng, giống như lên dây đàn tây ban cầm cho đến khi sự quân bình đúng mức được thấy, không quá lỏng cũng

không quá trầm. Cuối cùng, như một kết quả của sự tích tập kinh nghiệm, chúng ta sẽ có thể nhận ra phóng dật hay trạo cử ngay trước khi chúng phát sinh và thực hiện những kỷ năng để ngăn ngừa chúng trở dậy, xiết chặt hay nới lỏng mô thức tâm ý của việc quán sát đối tượng.

Thiền Quán Phản Chiếu

- 1) *Đặt tâm thức chúng ta trên đối tượng thiền quán*
- 2) *Sử dụng nội quán, từ lúc này đến lúc khác kiểm soát để thấy tâm thức chúng ta có trụ trên đối tượng hay không.*
- 3) *Khi chúng ta thấy rằng sự tập trung của chúng ta bị lạc lối, hãy gọi lại đối tượng và đặt tâm thức chúng ta trở lại trên ấy thường xuyên nhất khi cần đến.*

Trong cách này chúng ta sẽ phát triển những khả năng của chính niệm và nội quán.

ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH

Khi qua nội quán chúng ta nhận ra rằng tâm thức chúng ta đã đến dưới sự ảnh hưởng của phóng dật hay trạo cử hay chúng ta có một cảm giác rằng những điều này sắp sinh khởi, chúng ta cần áp dụng những phương pháp sửa chữa ngay lập tức. Chỉ chú ý với những vấn đề này thì không đủ nếu không làm mất tác dụng của chúng. Hãy nhớ rằng thất bại trong việc đưa vào thi hành những phương pháp điều chỉnh tự nó là một vấn đề, hãy chắc chắn thực hiện chúng đầy đủ. Đừng làm sai sót giả vờ rằng cả hai vấn đề này là không quan trọng hay chúng ta không có thể ngăn chúng lại.

Phương Pháp Điều Chỉnh đối với Phóng Dật

Trong phóng dật, điều làm nên bởi sự rút lui nội tại quá mức, tâm thức trở nên quá lỏng lẻo, thiếu cường độ, sự căng thẳng yếu kém. Sự nặng nề của tâm thức và thân thể có thể đưa đến việc trở nên lỏng lẻo, là điều có thể đưa đến việc đánh mất đối tượng quán chiếu, giống như chúng ta rơi vào trong tối tăm; điều



này ngay cả có thể làm biến thành giấc ngủ. Khi phóng dật bắt đầu xảy ra, cần thiết phải nâng cao tâm thức bằng việc làm nó căng thẳng hơn.

Nếu cần một kỷ năng xa hơn đến cường độ của tâm thức, làm sáng sủa hơn hay nâng cao đối tượng thiền quán hay chú ý cận kề hơn những chi tiết của nó; chú ý vòng cung những chân mày trên hình tượng Đức Phật nếu đây là đối tượng của chúng ta. Nếu điều này không thành công, thế thì trong khi duy trì thiền quán, lia đối tượng chú ý tạm thời và nghĩ về một đề mục làm cho chúng ta vui vẻ, chẳng hạn như những phẩm chất diệu kỳ của từ ái và bi mẫn, hay cơ hội tuyệt vời mà một đời sống của con người đã ban cho sự thực hành tâm linh. Nếu điều này cũng không có hiệu quả và chúng ta vẫn bị phóng dật thô làm khó hay hôn trầm (ngủ gục), chúng ta có thể ngay cả rời buổi thiền quán và đi tới một nơi cao hơn, hay một vị trí với một phong cảnh rộng rãi. Những kỷ năng như vậy sẽ làm cho tâm thức xì hơi của chúng ta nâng cao và sắc bén.

Phương Pháp Điều Chỉnh đối với Trạo Cử

Trong thời gian khi tâm thức chúng ta bị kích thích và chúng ta đã cố gắng để làm thư giãn sự căng thẳng của tâm thức, nhưng điều này không có hiệu quả, chúng ta cần một kỷ năng xa hơn để rút lui sự trạo cử của tâm thức. Tại điểm này, làm đối tượng thấp hơn hình dung nó nặng nề hơn có thể hỗ trợ. Nếu điều này không thành công, thế thì trong khi tiếp tục thiền tập, hãy rời đối tượng chú ý một cách tạm thời và nghĩ về một chủ đề làm cho chúng ta điềm đạm hơn, chẳng hạn như vô minh si ám gây ra khổ đau của vòng sinh tử luân hồi như thế nào bằng việc đặt chúng ta dưới ảnh hưởng của những cảm xúc tàn phá. Hay chúng ta có thể phản chiếu trên điều nhất định sẽ đến của cái chết. Cũng hữu ích để nghĩ về những bất lợi của đối tượng mà vì nó chúng ta đã lạc lối, và những tổn hại của chính sự xao lãng. Những phản chiếu như thế sẽ làm cho tính chất căng thẳng quá đáng của tâm thức lợi lỏng một ít, làm cho chúng ta có thể duy trì tâm thức trên đối tượng quán chiếu. Khi điều ấy xảy ra, lập tức trở lại đối tượng ban đầu. Đôi khi, tôi thấy rằng nếu thời gian thiền tập của tôi giới hạn do bởi công việc phải làm, ý nghĩa khẩn trương này sẽ thúc đẩy sự nỗ lực lớn hơn trong một cách làm mạnh mẽ chính niệm.

NGỪNG NHỮNG PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH

Khi chúng ta đã áp dụng phương pháp điều chỉnh một cách thành công, điều quan trọng là chấm dứt việc áp dụng nỗ lực và trở lại sự chú ý hoàn toàn đến đối tượng thiền quán. Việc sử dụng quá mức những phương pháp đối trị đến phóng dật và trạo cử khi những khuyết điểm này đã được loại trừ tự nó sẽ làm đổ vỡ sự ổn định mà chúng ta đang tìm kiếm để đạt đến. Tại điểm này, điều thiết yếu để dừng lại việc áp dụng những phương pháp sửa chữa và chỉ trụ trên đối tượng, kiểm soát từ lúc này đến lúc khác để thấy hoặc là phóng dật hay trạo cử có sắp trở dậy hay không.

Sau này, khi chúng ta đã trở nên thiện xảo cao độ trong thiền quán và không còn bất cứ hiểm họa về việc trở nên quá lỏng lẻo hay quá căng thẳng, ngay cả duy trì việc quan tâm về khả năng cần thiết để áp dụng những phương pháp điều chỉnh sẽ quấy rầy với việc phát triển nhất tâm bất loạn. Nhưng đừng dừng lại biểu hiện cảnh giác đến những vấn nạn này quá sớm. Tôi sẽ diễn tả trong phần tới khi điều này là thích hợp.

NHỮNG TRÌNH ĐỘ CỦA TIỀN TRÌNH ĐỐI VỚI TỊCH TÍNH BẤT ĐỘNG

Giáo huấn Đạo Phật diễn tả chiến trình độ của tiến trình đối với tịch tĩnh bất động thật sự; chúng là một bản đồ thiền quán, nói với chúng ta nơi nào chúng ta đang đứng và những gì chúng ta

cần làm để tiến bộ.

TRÌNH ĐỘ 1: ĐẶT TÂM THỨC TRÊN ĐỐI TƯỢNG

Sau khi nghe hay đọc những lời hướng dẫn về việc chúng ta thiết lập tâm thức thế nào trên một đối tượng hay đề mục thiền quán, khởi đầu chúng ta đưa tâm thức vào bên trong và cố gắng để đặt nó ở đấy, có thể rằng chúng ta sẽ không thể giữ tâm thức chúng ta trên đối tượng và sẽ khó tránh đến một dòng thác của tư tưởng, hết ý nghĩ này đến ý nghĩ khác. Nếu như thế, chúng ta đang ở trên trình độ thứ nhất. Chúng ta có thể ngay cả có rất nhiều tư tưởng mà dường giống như sự cố gắng thiền quán làm chúng gia tăng, nhưng chúng ta chỉ chú ý đến phạm vi chưa tìm ra được nguồn gốc trước kia của tâm tưởng lang thang của chúng ta. Chúng ta cố gắng chính niệm là nguyên nhân làm cho chúng ta chú tâm đến những gì đang xảy ra.



TRÌNH ĐỘ 2: ĐẶT MỘT CHU KỲ THÍCH HỢP

Khi chúng ta áp dụng chính niệm một cách nhiệt thành và hỏi chính mình lần này lần nữa, “Có phải tôi đang trụ trên đối tượng?” Chúng ta trở nên có thể đặt tâm thức chính mình trên đối tượng trong một thời gian ngắn, mặc dù vẫn có sự xao lãng hơn nhưng có sự chú tâm trên đối tượng. Đây là trình độ thứ hai, trong mỗi tư tưởng lang thang đôi khi nó ngừng lại và thỉnh thoảng nó đột nhiên khởi lên. Những rắc rối chính trong hai trình độ đầu tiên đến từ sự giải đãi (lười biếng) và thất niệm (quên lãng) đối tượng, nhưng phóng dật và trạo cử cũng ngăn cản một sự tương tục vững vàng của sự chú tâm thiền quán. Trong hai trình độ đầu tiên chúng ta đang hoạt động ở việc đưa tâm thức chúng ta trên đối tượng, sau này chúng ta sẽ làm việc trên giữ tâm thức chúng ta ở đây.

TRÌNH ĐỘ 3: RÚT LUI VÀ THIẾT LẬP LẠI

Khi chúng ta dần dần đi đến việc nhận ra sự xao lãng nhanh hơn và nhanh hơn qua việc chính niệm hơn, chúng ta trở nên có thể đặt sự chú tâm của chúng ta trở lại trên đối tượng khi nó lang thang, giống như đặt một miếng vá trên áo quần. Chính niệm bây giờ đã trưởng thành đến điểm mà chúng ta lập tức nhận ra sự xao lãng.

TRÌNH ĐỘ 4: CẬN TRU

Khi qua sự trưởng thành toàn diện của chính niệm, chúng ta có thể lập tức chống lại giải đãi và thất niệm, chúng ta đi qua trình độ thứ tư, mà trong ấy chúng ta không đánh mất đối tượng trong thất niệm. Trạo cử thô đã qua. Nhưng tâm phá hoại lì lợm, tức là những thành phần vi tế vẫn còn dai dẳng, xen vào quấy rầy từ lúc này sang lúc khác mặc dù không làm chúng ta đánh mất đối tượng. Trên ba trình độ đầu tiên, giải đãi và thất niệm là rắc rối chính, nhưng bây giờ phóng dật và trạo cử đã trở thành sự quan tâm chính.

TRÌNH ĐỘ 5: KỶ LUẬT TÂM THỨC

Sự nội quán bây giờ trở nên mạnh mẽ hơn và qua kinh nghiệm của chính mình, chúng ta nhận ra những thuận lợi của thiền quán một cách ổn định; phóng dật thô không còn sinh khởi nữa. Sự rút lui tâm thức từ những đối tượng bắt nguồn ở ngoài bây giờ tiến hành quá xa, vì thế điều trở nên cần thiết để áp dụng những sự chữa trị đến phóng dật vi tế và do thế nâng cao tâm thức.

TRÌNH ĐỘ 6: BÌNH LẶNG TÂM THỨC

Bằng việc áp dụng những phương thức chữa trị đến phóng dật vi tế, chúng ta đạt đến trình độ thứ sáu. Nội quán đã phát triển toàn vẹn, và qua kinh nghiệm chính mình, chúng ta biết những lỗi lầm của sự tán tâm rải rác đến những tư tưởng và những cảm xúc tiêu cực;

phóng dật vi tế đứng ở tư thế không còn nguy hại lớn nữa. Tuy thế, chính những phương thức đối trị cho việc vượt thắng phóng dật vi tế bằng việc nâng cao tâm thức có thể đưa đến một tâm thức quá hăng hái, và bây giờ có một hiểm họa của việc phát sinh trạo cử vi tế.

TRÌNH ĐỘ 7: BÌNH LẶNG TÂM THỨC MỘT CÁCH TRIỆT ĐỂ

Bằng việc áp dụng những phương thức đối trị đến trạo cử vi tế, chúng ta đi đến trình độ thứ bảy. Ngay khi tham dục, tán tâm, phóng dật, hôn trầm, và những thứ như thế được sản sinh trong ngay cả hình thức vi tế, chúng ta từ bỏ chúng qua cố gắng. Bây giờ, chúng ta không cần quan tâm về việc ở dưới sự ảnh hưởng của phóng dật và trạo cử vi tế. Nỗ lực bây giờ có thể dừng phóng dật và trạo cử vì thế chúng không thể làm tổn hại sự tập trung của chúng ta, ngay cả nếu chúng ta làm những sự quấy rầy nhẹ nhàng.

TRÌNH ĐỘ 8: THỰC HIỆN NHẤT TÂM

Bây giờ năng lực của sự cố gắng đã trưởng thành hoàn toàn do thế, với một sự gắng sức nhỏ vào lúc khởi đầu của buổi tập, toàn buổi thiền quán sẽ được duy trì với sự trống vắng phóng dật và trạo cử, và chúng ta có thể duy trì sự thiền tập ổn định mà không có sự quấy rầy. Sự phân tích hoặc là phóng dật hay trạo cử có sắp sinh khởi hay không là không cần nữa trong buổi tu tập. Bây giờ một sự cố gắng như vậy có thể được bỏ qua một bên, nhưng điều này không có nghĩa là đánh mất kiểu mẫu soi nổi rõ ràng của việc cảm nhận đối tượng.

TRÌNH ĐỘ 9: TÂM THỨC ĐƯỢC TRỤ TRONG SỰ CÂN BẰNG

Bây giờ chúng ta đã đạt được năng lực quen thuộc từ việc rèn luyện này, sự cố gắng của phương tiện chính niệm và nội quán không cần nữa, và tâm thức trụ chính nó trên đối tượng trong sự phù hợp của chính nó; trình độ thứ chín là tự phát. Khi tại lúc bắt đầu của một buổi tu tập chúng ta thiết lập tâm thức trên đối



tương, thiền tập một cách ổn định được kéo dài mà không bị quấy rầy qua năng lực của chính nó, không cần dựa trên ngay cả một sự cố gắng nhẹ nhàng lúc đầu đòi hỏi trên trình độ trước kia. Chúng ta bây giờ biết không cần áp dụng những phương pháp đối trị đến bất cứ loại phóng dật hay trạo cử nào.

NHỮNG ĐẶC TRƯNG CỦA TỊCH TĨNH BẤT ĐỘNG

Trình độ thứ chín, mặc dù là biểu hiện tự phát, vẫn đến trước trình độ tịch tĩnh bất động (nhất tâm bất loạn). Qua sự trau dồi xa hơn của chú tâm nhất điểm tự do khỏi những nhược điểm của phóng dật và trạo cử, sự uyển chuyển của tâm thức và thân thể được phát sinh.

Đầu tiên, não bộ chúng ta cảm thấy nặng nề, mặc dù không trong một cung cách thoải mái. Cũng thế, một cảm giác ting ting được cảm nhận trên đỉnh đầu, giống như cảm giác của một bàn tay ấm đặt trên đỉnh đầu sau khi nó được cạo. Đây là một dấu hiệu của *tính nhu nhuyễn tinh thần* mà nó xóa đi những sự bất thường của tâm tư ngăn cản sự tập trung hoàn toàn dễ dàng sắp được phát sinh. Đây là sự nhẹ nhàng khinh an của tinh thần được phát sinh chỉ từ thiền quán khi tâm thức trụ một cách vui vẻ trên đối tượng của nó.

Sự nhu nhuyễn tinh thần này làm cho một năng lượng thuận lợi lưu chuyển khắp thân thể, sản sinh *tính nhu nhuyễn vật lý* xóa đi tất cả những sự lúng túng và bất thường của thân thể có thể đưa đến sự mệt mỏi và thiếu nhiệt tình đối với thiền quán. Thân thể chúng ta cảm thấy nhẹ nhàng như bông. Sự nhu nhuyễn vật lý này lập tức sinh ra *một niềm diệu lạc như nhuyễn vật lý*, một cảm giác thoải mái lan tỏa khắp thân thể. Bây giờ chúng ta có thể sử dụng thân thể chúng ta trong những hành vi đạo đức phù hợp với nguyên ước của chúng ta.

Niềm an lạc vật lý này đưa đến một sự an lạc tinh thần, gọi là *'diệu lạc như nhuyễn tinh thần'*, làm tâm thức tràn đầy hân hoan mà vào lúc đầu hơi quá sôi nổi một tí nhưng dần dần trở nên vững vàng đều đặn hơn. Ở tại giao điểm này chúng ta đạt được *sự nhu nhuyễn bất biến*. Điều này đánh dấu sự đạt được tịch tĩnh bất biến thật sự (nhất tâm bất loạn). Trước điều này, chúng ta chỉ có một trạng thái tương tự của tịch tĩnh bất động.

Với tịch tĩnh bất động trọn vẹn phẩm chất, tâm thức chúng ta được năng lực tập trung tròn đầy đủ để tịnh hóa những cảm xúc tàn phá khi nó kết hợp với tuệ giác nội quán. Khi chúng ta thâm nhập vào trong sự quân bình thiền tập, sự nhu nhuyễn của tâm lý và vật lý được phát sinh một cách nhanh chóng, và nó giống như tâm thức chúng ta được tự hòa lẫn với khoảng không. Khi chúng ta xuất thiền, thân thể chúng ta giống như mới đối với chúng ta, và những khía cạnh nhu nhuyễn của tinh thần và thân thể được duy trì. Bên ngoài thiền

quán, tâm thức chúng ta vững vàng như một ngọn núi và rất trong sáng dường như chúng ta có thể đếm những hạt bụi trên bức tường, và chúng ta có ít hơn những cảm xúc chường ngại ẩn tàng, biểu hiện tự do đối với tham dục vì những khoái lạc của hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, và xúc chạm, cũng như tự do với ý định tổn hại, hôn trầm, uể oải, trạo cử, hối hận, và nghi ngờ (*). Cũng thế, giấc ngủ dễ dàng biến thành thiền tập, mà trong ấy chúng ta có nhiều kinh nghiệm diệu kỳ.

Thiền Tập Phản Chiếu

1. Để đối trị phóng dật, đây là một cung cách quá lỏng lẻo của nhận thức trên đối tượng thiền quán:

- Đầu tiên cố gắng nhiệt thành hơn một tí cung cách mà chúng ta tập trung với đối tượng.
- Nếu điều ấy không thành công, hãy làm sáng sủa hay nâng cao đối tượng hay chú tâm gần hơn đến những chi tiết của đối tượng.
- Nếu việc này cũng không có kết quả, rời đối tượng quán chiếu và tạm thời nghĩ về những chủ đề vui vẻ, chẳng hạn như những phẩm chất tốt đẹp của từ ái và bi mẫn hay cơ hội diệu kỳ mà đời sống con người cung ứng cho việc thực tập tâm linh.
- Nếu điều này cũng không hiệu quả, hãy rời buổi thiền tập và đi đến một nơi cao ráo hay một nơi có khung cảnh rộng rãi.

2. Để đối trị với trạo cử, là điều quá căng thẳng trong việc tập trung trên đối tượng:

- Đầu tiên cố gắng nói lỏng một tí cung cách mà chúng ta quán chiếu đối tượng.
- Nếu điều này không thành công, hạ thấp đối tượng trong tâm thức chúng ta và tưởng tượng nó như nặng nề hơn.
- Nếu điều này không có kết quả, rời đối tượng quán chiếu và tạm thời nghĩ về một chủ đề làm chúng ta mềm mòng hơn, chẳng hạn như si mê đã đem đến khổ đau như thế nào trong vòng sinh tử luân hồi, cái chết sắp xảy ra, hay những bất lợi của đối tượng làm tâm chúng ta lang thang và những bất lợi của chính sự xao lãng.

Bằng việc học hỏi những kỹ năng này chúng ta sẽ phát triển dần dần khả năng để áp dụng chúng khi chúng ta lưu tâm đến những vấn đề với khả năng tập trung của chúng ta trong khi thiền tập.

(Trích từ quyển *How to See Yourself as You Really Are* của Đức Đạt Lai Lạt Ma - Tuệ Uyển chuyển ngữ)

(*) Tương tự với năm món chướng ngại: tham

GÀ TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA VIỆT NAM

Anh Hùng

Trong các vật nuôi, gà là loài gia cầm đông đảo, có ý nghĩa tinh thần phong phú và giá trị biểu tượng cao. Nó thể hiện vai trò gần gũi mà quan trọng, tạo nên những ảnh hưởng mạnh mẽ, đa dạng và tích cực trong đời sống văn hóa Việt Nam.

Do được thuần dưỡng từ rất sớm, sử dụng phổ biến, liên tục, lâu dài, mang *giá trị vật chất* đa dạng và mật thiết, nên gà cũng tạo *giá trị tinh thần* phong phú, ảnh hưởng sâu rộng đến tâm linh và đời sống văn hóa của người Việt Nam. Ngay trên mặt trống đồng Đông Sơn, một hiện vật tiêu biểu của nền văn hóa Đông Sơn cách đây 21-27 thế kỷ, đã thấy nhiều hình gà và chim hạc. Còn trong truyền thuyết Sơn Tinh-Thủy Tinh, *gà chín cựa* là một trong ba lễ vật thách cưới đặc biệt (voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao) để vua Hùng thứ 18 có thể gả con gái Mỵ Nương (Ngọc Hoa) của mình cho chàng trai nào mang đến trước tiên. Sang thời An Dương Vương, truyền thuyết xây thành Cổ Loa kể rằng vua Thục Phán cố công xây thành hình tròn ốc, nhưng cứ đắp được đến đâu thì đất đá lại sụt lở đến đấy; thần Kim Quy hiện về báo cho biết ở núi Thất Diệu có con *gà trắng* đã sống đến ngàn năm tuổi rồi hóa yêu tinh, trừ âm việc xây thành; vua liền cho rình giết được nó và sau đó việc xây thành suôn sẻ.

Gà là một trong 6 vật nuôi thông dụng nhất (*lục súc*: gà, chó, lợn, dê, ngựa, trâu) và là thứ lễ vật quan trọng để cầu cúng, tế dâng thần thánh tại các đình đền miếu trọng dịp lễ - đặc biệt, trong lễ tiến cúng thờ Mẫu, Thánh, Ngũ Phủ Công Đồng không thể thiếu nguyên con gà trống đã làm sạch, luộc chín, mỏ ngậm một bông hoa. Theo quan niệm tín ngưỡng truyền thống, gà (kê) được coi là vật đại diện cho một ngày đầu tiên, quan trọng và thiêng liêng nhất của một năm - ngày mừng Một tháng Giêng - được gọi là *kê nhật* (ngày mừng Một tháng Giêng ứng với Gà, mừng Hai - chó,

mùng Ba - lợn, mùng Bốn - dê, mùng Năm - trâu, mùng Sáu - ngựa, mùng Bảy - người, mùng Tám - lúa). Trong sự kết hợp thiên can với địa chi để tính thời gian và chu kỳ phát triển, gà nhập hệ lịch *can chi* 12 con vật, là biểu tượng chi **Dậu** - một chi quan trọng, mang những ý nghĩa triết lý và nhân văn sâu sắc. Giờ Dậu kéo dài từ 17 đến 19 giờ, là giờ gà lên chuồng, giờ mở đầu buổi tối, con người ăn tối và nghỉ ngơi. Tháng Dậu là tháng Tám âm lịch, giữa mùa thu, thời tiết đẹp và dễ chịu nhất, nhiều loài cây cối bắt đầu cho thu hoạch quả, hạt. Người ta còn cho rằng người sinh năm Gà (tuổi Dậu) thường chăm chỉ, hoạt bát, tài giỏi, thành đạt và gặp nhiều may mắn, hạnh phúc trong đời. Gà trống cũng được coi là biểu tượng cho 5 đức tính, phẩm chất tốt đẹp: *văn* (có mào và màu lông như mũ và trang phục của người học giỏi, đỗ đạt cao), *võ* (có mỏ nhọn, chân cứng, cựa sắc như đao kiếm), *dũng* (gặp địch thủ hoặc bị tấn công là sẵn sàng giao chiến), *nhân* (gặp mỗi là gọi đồng loại đến cùng ăn) và *tín* (bất kể thời tiết, thời gian bốn mùa, đều gáy sáng báo canh, báo giờ chính xác).

Ngôn ngữ luôn là nền tảng của đời sống tinh thần và văn hóa con người. Trong ngôn ngữ Việt Nam, hình ảnh gà xuất hiện rất đa dạng, linh động, hấp dẫn, diễn tả chi tiết hoặc đầy ngụ ý. Chúng ta gặp "gà" (kê, đậu) ở nhiều tình huống, nhiều lĩnh vực ngôn từ: tự nhiên và xã hội, lý thuyết sách vở và giao tiếp thực tiễn. "Gà nòi" thể hiện sự thuần chủng, lão luyện; "gà tổ", "gà công nghiệp" lại chỉ người to xác mà khờ khạo, ngờ nghệch, vụng về; "gà rù", "gà toi" ví với người yếu nản, xơ xác, ủ rũ; "tóc đuôi gà" là kiểu tóc buộc túm cho cong vồng lên; "như gà bới" chê chữ viết, bản vẽ hoặc quy hoạch, kết cấu tàn nát, lộn xộn, rối tung; "gà mái gáy" chỉ hiện tượng bất thường, báo điềm gở; "gà trống nuôi con" là đàn ông góa vợ phải tự mình vất vả nuôi dạy con cái... Gà hiện diện trong nhiều địa danh đồi núi, sông hồ, bến đảo, ga chợ... trên khắp mọi miền đất nước: hòn Gà



Chọi là biểu tượng của vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), suối *Mỏ Gà* ở Võ Nhại (Thái Nguyên), suối nóng *Kênh Gà* ở Gia Viễn (Ninh Bình), mũi đất và ngọn hải đăng *Kẻ Gà* ở Hàm Thuận Nam (Bình Thuận)... Gà vốn được dùng phổ biến làm thực phẩm và dược liệu nên tên nó cũng được đặt cho nhiều loài thực vật - nhất là những cây trồng để ăn và chế thuốc: *cây mào gà*, *cây seo gà*, *cỏ gà*, *cỏ trời gà*, *dây máu gà*, *rau ruột gà*...

Gà còn được lấy làm đối tượng cho hàng trăm câu ngạn ngữ, phương ngữ, tục ngữ, thành ngữ sinh động, dân dã mà thâm thúy. "Bút sa gà chết" lưu ý chuyện đã viết đã ký quyết định rồi thì không sửa đổi được nữa, phải chịu mọi rủi ro và trách nhiệm liên quan. "Con gà tức nhau tiếng gáy" chỉ tâm lý ganh đua, không chịu thua kém người khác. "Gà giò ngựa cựa" nhìn nhận người trẻ tuổi mà hung hăng, ham đối chọi, hay khiêu khích. "Gà què bị chó đuổi" than cảnh kẻ yếu đuối, thương tật lại bị tai nạn, nguy hiểm dồn dập. "Mẹ gà con vịt" đánh giá về quan hệ mẹ con hình thức (thường xảy ra với quan hệ dì ghẻ-con chồng). "Một tiền gà ba tiền thóc" là sự cân nhắc khi vì một món lợi nhỏ mà phải bỏ ra chi phí lớn. "Trông gà hóa cuốc" là việc nhìn nhầm, trông cái này tưởng cái kia hoặc nhận thức sai bản chất của sự vật, hiện tượng. "Vợ nhà gà chợ" là những thứ tha hồ xem xét, muốn làm gì cũng có thể được...

Gà cũng là hình ảnh tiêu biểu, đi vào văn thơ, ca nhạc, tạo nên những tác phẩm nổi tiếng thuộc nhiều thể loại và ở mọi thời đại. Trong truyện cổ tích *Sọ Dừa*, tiếng gà gáy hiện hữu đã mang lại sự đoàn tụ cho chàng Sọ Dừa với nàng Út. Ca dao truyền thống thì mượn mà cùng tiếng gà khi tả chốn kinh kỳ: "Gió đưa cành trúc la đà/ Tiếng chuông Trấn Vũ, *canh gà* Thọ Xương/ Mịt mù khói tỏa ngàn sương/ Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ". Con gà trống được khắc họa vừa uy nghi lại vừa vui vẻ, đời thường, dân dã: "Trên đầu đội sắc vua ban/ Dưới thì yếm thắm dây vàng xum xuê/ Thần linh đã gọi thì về/ Ngồi trên mâm ngọc gươm kê sau lưng" hoặc: "Chân đạp miền thanh địa/ Đầu đội mũ bình thiên/ Minh mặc áo mã tiên/ Ban ngày đôi ba vợ/ Tối một mình nằm riêng". Còn trong bài chính luận sắc bén *Hịch tướng sĩ* chống giặc Nguyên Mông (cuối thế kỷ 13), Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn đã cảnh báo tinh thần chiến đấu của binh lính: "Chớ có lấy việc *chọi gà* làm vui... Nếu giặc bất ngờ tràn tới thì *cựa gà* đâu thể đâm thủng áo giáp chúng?!". Với tác phẩm *Chính phụ ngâm* (giữa thế kỷ 18) của Đặng Trần Côn (Đoàn Thị Điểm dịch ra tiếng Nôm), người chinh phụ đêm ngày ngóng trông chồng khắc khoải trong tiếng gà: "*Gà eo óc gáy* sương năm trống/ Hòe phát phơ rú bóng bốn bên/ Khắc giờ đằng đằng như niên/ Mỗi sầu đằng đặc tựa miền biển xa". Trong tác phẩm *Truyện Kiều* (cuối thế kỷ 18) nổi tiếng của Nguyễn Du, hình ảnh gà cũng nhiều lần xuất hiện, nhưng gợi nhất vẫn là

tiếng gà: "Những là đo đẵn ngược xuôi/ *Tiếng gà nghe gáy* đã sôi mái tường/.../ *Tiếng gà xao xác* gáy mau/ Tiếng người đầu đã mái sau dậy dằng/.../ Mịt mù dậm cát đồi cây/ *Tiếng gà điểm nguyệt* dấu giày cầu sương". Trong thời kỳ Thơ mới những năm 1932-1945, cái "tôi" hiện hữu, bao la nhưng bơ vơ, lạc loài giữa một xã hội vô định cũng được tô điểm bởi tiếng gà trong nhiều thi phẩm của các thi sĩ nổi tiếng: "Tới ngã ba sông nước bốn bề/ Nửa chiều *gà lạ gáy bên đê*" (trong bài *Em về nhà* của Huy Cận), "Mỗi lần nắng mới hắt bên song/ *Xao xác gà trưa* gáy *ảo nùng*" (*Nắng mới* - Lưu Trọng Lư), "*Xao xác tiếng gà*. Trắng ngà lạnh buốt/ Mắt run mờ, kỷ nữ thấy sông trôi/ Du khách đi. Du khách đã đi rồi" (*Lời kỷ nữ* - Xuân Diệu). Nhưng tiếng gà không phải lúc nào cũng buồn, cũng khắc khoải như vậy. Từ đầu thế kỷ 20, nó xuất hiện trong *Bài ca chúc Tết thanh niên* của chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu như một tiếng chuông báo niềm vui và sức sống mới, cơ hội mới: "Dậy! Dậy! Dậy!/ Bên án *một tiếng gà vừa gáy*/ Chim trên cây ngỏ ý chào mừng/ Xuân ơi xuân, xuân có biết cho chăng/.../Đời đã mới, người càng nên đổi mới/ Mở mắt thấy rõ ràng tấn vận hội/ Xúm vai vào gánh vác cừu gang sơn", theo vào bài thơ giữa thế kỷ 20 là *Tiếng gà trưa* của nữ sĩ Xuân Quỳnh: "Trên đường hành quân xa/ Dừng chân bên xóm nhỏ/ *Tiếng gà ai nhảy ổ/ Cục...cục tác cục ta*/ Nghe xao động nắng trưa/ Nghe bàn chân đỡ mỏi/ Nghe gọi về tuổi thơ". Và đến cuối thế kỷ 20, nó bao trùm bài thơ *Bức tranh gà* của Trần Xuân Toàn với niềm tin vui lớn lao, lạc quan và hy vọng: "... *Con gà* đứng canh/ Bác thợ ngắm tranh/ *Thấy lòng vỗ cánh/ Thấy đời lại xanh*/.../ *Con gà Việt Nam/ Gà từ trong tranh/ Gà ra cuộc đời/ Gáy lên! Gà ơi!*". Còn trẻ em Việt Nam khi chơi trò *Dung dăng dung dè* thường thuộc lòng bài đồng dao vui nhộn: "Dung dăng dung dè/ Dắt trẻ đi chơi/ Đến cửa nhà trời/ Lạy cậu lạy mợ/ Cho cháu về quê/ Cho dê đi học/ Cho cóc ở nhà/ *Cho gà bới bếp*/ Ngồi xếp đây". Nhiều em cũng yêu thích và không thể quên bài hát *Đàn gà trong sân*: "Gà mà không biết gáy là con *gà con*/ Gà mà gáy sáng là con *gà cha*/ Đi lang thang trong sân giống con *gà giống con gà*/.../ Gà mà cục tác là *mẹ gà con*/ Gà mà cục tác là *vợ gà cha*/ Đi lang thang trong sân có con *gà có con gà*...".

Hình ảnh gà trở nên sinh động, gần gũi hơn qua những trò chơi và lễ hội truyền thống. Phổ biến mà đặc sắc nhất vẫn là *chọi gà*. Trò chơi này hay được tổ chức trong những ngày vui, ngày hội hoặc các cuộc chơi thể thao văn hóa dân dã với cách khác nhau tùy thuộc số lượng và thành phần đối tượng tham dự. Thường mở đầu mỗi trận đấu, 2 chủ gà ôm con gà chọi của mình đứng ở mép sân (sới gà), đối diện nhau. Lúc trọng tài phát lệnh, họ đồng loạt thả gà; hai con gà sẽ lao vào đấu chọi và mỗi hiệp đấu được tính bằng thời gian cháy hết nửa nén nhang hoặc 15-30 phút. Con gà bị thua



nếu gục tại chỗ, hoặc bỏ chạy, hoặc bị địch thủ đánh dồn khỏi vòng vây giới hạn trên sỏi. Chọi gà vốn đã có từ lâu đời. Ngay từ thời Tiền Lê (980-1009), nó được đưa vào cung đình, làm trò giải trí cho vua quan. Đến cuối thế kỷ 18, Nguyễn Lữ - một trong ba thủ lĩnh quân Tây Sơn - đã sáng lập ra môn *hùng kê quyền* (quyền gà chọi) là bài quyền mô phỏng các kỹ thuật của gà chọi (động tác nhanh nhạy, dũng mãnh trước đối thủ với việc sử dụng ngón tay trở để đâm mô phỏng hình mỏ gà, các ngón còn lại co vào như chiếc cựa gà, nhắm vào các mục tiêu hiểm như huyết đạo, hầu, ngực... đối thủ). Hùng kê quyền ngày nay đã trở thành một trong 10 bài danh võ được Liên đoàn Võ thuật cổ truyền Việt Nam lựa chọn chính thức qua các kỳ hội nghị chuyên môn toàn quốc.

Ở một lĩnh vực khác, tĩnh lặng nhưng phong phú, bền vững là hình tượng gà trong kiến trúc, tạo hình, trang trí. Gà được thể hiện khá đa dạng trên tranh, bia, miếu, đình, đền, chùa, rạp, nhà, công sở... với đủ loại chất liệu: đất, đá, vữa, bạc, đồng, gỗ, mực... và bằng nhiều kỹ thuật: tạc, đắp, nặn, xam, chạm, khắc, đúc, nung, vẽ... Hình tượng gà xuất hiện phổ biến trên nhiều vật dụng thời xưa của người dân và trong các đình đền, chùa miếu. Không chỉ trên trống đồng Đông Sơn, trên mặt trống đồng Hoàng Hạ và Ngọc Lũ cũng thấy hoa văn hình gà đúc nổi. Người ta còn tìm thấy hình đầu gà bằng đất nung tại xóm Rền (Phú Thọ) và tượng nguyên con gà bằng đất nung ở Đồng Đậu (Vĩnh Phúc) có niên đại cách đây khoảng 33 thế kỷ. Các tượng gà bằng đồng thau với niên đại cách đây 20-30 thế kỷ cũng được tìm thấy ở Vinh Quang và gò chùa Thông (Hà Nội), gò Chiềng Vây (Hòa Bình). Đồ gốm có hình tượng gà là một sản phẩm thấy ở nhiều làng gốm cổ truyền: Bát Tràng (Hà Nội), Phù Lãng (Bắc Ninh), Thụy Lôi (Hà Nam), Gia Thủy (Ninh Bình), Thanh Hà (Quảng Nam), Bàu Trúc

(Ninh Thuận)... Với đồ gỗ mỹ nghệ, hình tượng gà cũng phổ biến không kém. Nhưng bức tượng gà lớn nhất Việt Nam và bậc nhất thế giới lại không phải bằng đồng, gốm, gỗ..., mà bằng bê tông cốt thép: *bức tượng gà trống 9 cựa đang gáy* này được thiết kế và thi công năm 1978-1979, cao 3,2 m, nặng khoảng 8 tấn, đặt trên mô đất cao 1,5 m tại làng Darahoa, xã Hiệp An, huyện Đức Trọng (Lâm Đồng) như một biểu tượng tinh thần và nguồn cung cấp nước cho người dân tộc Cơ Ho nơi đây. Tranh vẽ gà cũng xuất hiện khá sớm, phổ biến nhất tại làng tranh Đông Hồ (Bắc Ninh) với các bức tranh gà tiêu biểu: *Đại cát* (gà trống oai vệ, hùng dũng), *Vinh hoa* (em bé khỏe mạnh đang ôm một con gà), *Gà gáy sáng*, *Mẹ con đàn gà*... Hình ảnh một số loài gà quý của Việt Nam còn được đưa vào làm biểu tượng trong các lễ hội văn hóa, thể thao quốc tế liên quan - chẳng hạn **gà Hồ** đã trở thành linh vật tại Đại hội Thể thao châu Á trong nhà năm 2009 (AIGs III) tổ chức tại Việt Nam: biểu tượng vui được thiết kế với hình ảnh chú gà Hồ đang vươn mình đón ánh nắng; chú mặc bộ đồ thể thao khỏe khoắn, cánh trái giang rộng chào đón bạn bè quốc tế, cánh phải hình chữ V thể hiện niềm tin chiến thắng, giữa áo là biểu tượng mặt trời đỏ Hội đồng Olympic châu Á năm sát cổ áo tạo nên hình tượng chiếc huy chương danh giá nhất của Đại hội này.

Không chỉ với dân tộc Kinh (Việt), gà cũng đi sâu vào đời sống văn hóa của nhiều dân tộc trong cộng đồng Việt Nam. Người Tày và người Nùng quan niệm trong đêm giao thừa, với các vật nuôi, nếu gà kêu hoặc gáy trước tiên thì gia đình sẽ may mắn, hạnh phúc năm mới; lễ vật đi Tết quan trọng nhất là gà trống thiên, còn đi ăn hỏi quan trọng nhất là một đôi gà. Người Mông thì coi gà trống là cầu nối giữa thế giới con người và thế giới thần linh. Người Cơ Tu lại coi con gà là biểu hiện cho sự sống, gắn liền với ánh sáng, với mặt trời. Người Khơ Mú, cổ dân chủ rể trong ngày cưới phải chia đầu gối ra cho ông mối rò tiết gà tươi vào (nếu giọt tiết chảy xuôi theo ống chân xuống thì hai vợ chồng sẽ sống hạnh phúc, hòa thuận; còn nếu chảy lệch hẳn sang một bên hoặc chia làm hai ngã thì cuộc sống hôn nhân sẽ đối mặt với nhiều thử thách). Người Pu Páo thì có tục lệ phải đón cướp giọng gà ngày Tết: đêm giao thừa, gia đình phải canh chừng lũ gà trống; khi chúng vỗ cánh, chuẩn bị gáy thì họ lập tức đốt một vài quả pháo, ném vào chuồng khiến lũ gà giật mình, nhảy lên thì nhau gáy và mọi người liền cùng nhau hát vang nhà để át tiếng gà với quan niệm tiếng gà gáy vừa hay vừa thiêng, đánh thức thần Mặt Trời dậy, ai át được tiếng gà thì năm mới sẽ hát hay, gặp nhiều may mắn và thành công.

ANH HÙNG
(bút danh)



EM VỀ NHỚ GIÙM ANH

*Lối về sao rất lạ
trong mắt em đường xa
tiếng dế kêu ngày hạ
lay động mấy dặm hoa*

*giữa quê nhà xao xuyến
nhấn giùm anh một lời
thương ời trăm con kiến
ngàn con chim nhớ ời*

*bước đi nên rất khế
nhớ nghe hồn phố xưa
mây bay vô ngần mé
theo lời kinh sùng sờ*

*em về qua bến vắng
nhớ hỏi con đò xưa
có trôi cùng mây trắng
chờ nắng mấy ban trưa*

*bước qua dòng nước nhỏ
soi giùm anh bên sông
ảnh xưa chìm còn đó
hay trôi mây vô thường*

*mây trắng vương trên tóc
lạnh buốt thuở xuân thì
người lái đò năm trước
đã như mộng trôi đi*

*hương bay xa trăm lối
nhờ em thấp giùm anh
gửi qua bên kia núi
hương tuệ, hương tứ ân*

*con nghe cửa không cửa
thầy dạy bài học đầu
niết bản không phương xứ
bước chân đặt vào đầu*

*lời thầy dạy con nhớ
không lối nào để đi
không pháp nào để giữ
tức khắc qua bờ kia*

*chim bay là tâm ảnh
chim kêu cũng là tâm
vô thường nghe rất lạnh*

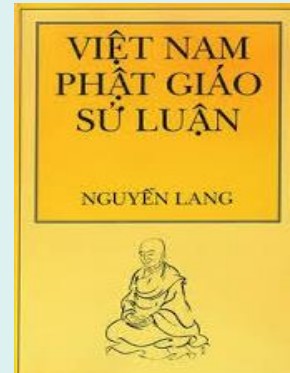
thơ

NGUYỄN GIÁC

NHỮNG KHUÔN MẶT PHẬT TỬ KHÁC TRONG ĐỜI TRẦN

(Chương XV, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP I)

Nguyễn Lang

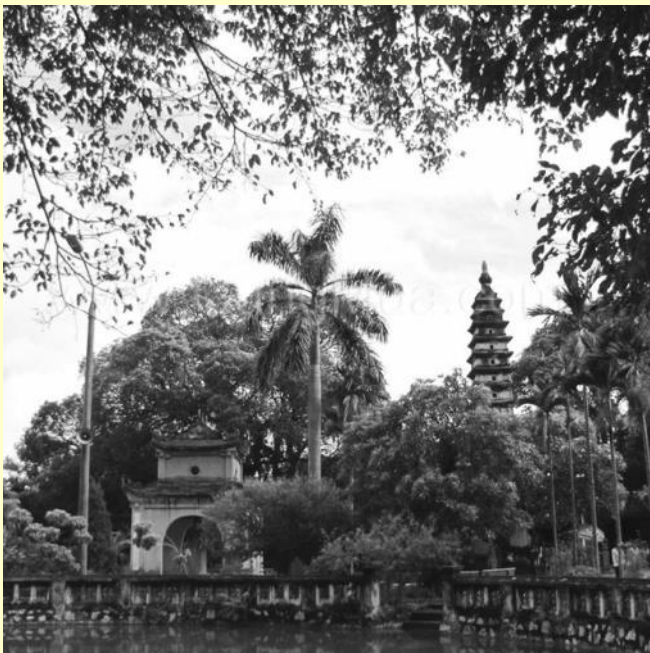


Như ta đã thấy, những ghi chép về Phật Giáo đời Trần chỉ chú trọng về các nhà vua Phật tử và ba vị tổ Trúc Lâm. Những ghi chép này tuy vậy vẫn còn rất nhiều thiếu sót và một số đã bị thất lạc. Chắc chắn đời Trần còn có những cao tăng và Phật tử xuất sắc mà tên tuổi không còn được ghi lại.

Sau đây ta hãy ghi nhận tên tuổi của một số người đã được nhắc qua trong những tài liệu Phật Giáo đời Trần, mong rằng sau này có dịp tìm ra được những tài liệu khác nói thêm về họ.

TRÍ VIỄN THIỀN SƯ

Đây là một người bạn của Tuệ Trung. Trong *Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục*, Tuệ Trung có làm một bài thơ trêu đùa Trí Viễn thiền sư về việc rất chăm nghiên cứu kinh chú thích kinh điển. Có thể Trí Viễn thiền sư để nhiều thì giờ để dịch các kinh chữ Hán ra Nôm, bởi vì đầu đề của bài thơ mà Tuệ Trung viết để trêu Trí Viễn là "Trêu Thiền Sư Trí Viễn Đọc Kinh Viết Nghĩa" (Hí Trí Viễn Thiền Sư Khán Kinh Tả Nghĩa). Bài thơ ấy như sau:



*Mục thơm: mỗi tốt; bút: cần câu
Thuyền vượt phong ba biển học sâu
Thầy Viên buông câu xin cần trọng
Năm lửa gặp động Ninh Long sầu!*
(Mặc vi hương nhĩ, bút vi can
Học hải phong ba lý điều thuyền
Trần trọng Viên Công tần hạ điều
Hội Ninh Long thượng thị lư niên).

THUẦN NHẤT PHÁP SƯ

Đây là một vị cao tăng sống đồng thời với Tuệ Trung. Tuệ Trung có hai bài thơ sau đây để tặng ông, chép trong *Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục*:

*Pháp thân tịch diệt, sắc thân còn
Đêm tĩnh canh khuya nhập mộng hồn
Dù chưa rong chơi miền tổ vực
Lại càng lui tới chốn thiền môn
Chưa lên nẻo thánh vô sinh giới
Thì bạn nhân thiên hữu lậu môn
Nếu gặp người hay bàn diệu chỉ
Bên trời đầu dậy lữ hồ tôn?*

(Pháp thân tịch diệt sắc thân tồn
Dạ tịnh tam canh nhập mộng hồn
Túng vị ưu du thiền tổ vực
Giã tăng xuất nhập pháp vương môn
Lấn đặng hiền thánh vô sinh lộ
Cam kết nhân thiên hữu lậu căn
Nhược ngộ tác gia đàm diệu chỉ
Thiên tân hà xứ khởi hồ tôn?)

TĂNG ĐIỀN ĐẠI SƯ

Đây cũng là một vị cao tăng sống đồng thời với Tuệ Trung. Tuệ Trung đã đặt với ông ta một câu hỏi về Thiền học trong hình thức bài thơ sau đây, nhan đề Văn Tăng Điền đại sư:

*Dầu ở cung môn hoặc núi rừng
Rốt cùng vẫn chẳng thấy an tâm
Non xa sáng tỏ muôn hình dáng
Ai nghe vượt hủ chốn rừng thâm?*

(Bất yếu châu môn bất yếu lâm
Đáo đầu hà xứ bất an tâm
Nhân nhân tận kiến thiên sơn hiểu
Thủ thính cô viên đề xứ thâm?)

BẢO PHÁC QUỐC SƯ

Đây là một vị đệ tử của Trúc Lâm được vua



Anh Tông tặng phong danh hiệu quốc sư sau khi Trúc Lâm qua đời. Trong thời gian Trúc Lâm còn sống, ông thường tùy tùng để tham học và tiếp tay Trúc Lâm trong việc xây dựng giáo hội mới. Sau ông về tu tại núi Vũ Ninh. Năm 1322 ông được Pháp Loa vời về mở lớp dạy Tứ Phần Luật cho tăng sĩ ở chùa Báo Ân và các chùa khác thuộc giáo hội Trúc Lâm. Ông có làm bài kệ sau đây để tán thán Tuệ Trung, được chép vào sách *Thượng Sĩ Ngữ Lục*.

*Tay náu tại Linh Sơn
Miệng nhai tủy Đát Ma
Ăn no, mớm con cháu
Chồn cáo hóa sư tử
Tự do nói hay im
Muốn biết muối bao mặn
Trở thành chuột già kia
(Linh Sơn thân để nhĩ
Tước đặc ngốc Hồ tủy
Bảo hậu bỏ nhi ton
Hồ li biến sư tử
Phùng trường ngữ mặc nhàn
Nguyệt tiểu thu giang thủy
Yếu thức diêm vị toàn
Hoàn tha lão thử nhĩ).*

TÔNG CẢNH QUỐC SƯ

Đây là một vị đệ tử của Tuệ Trung, và cũng được vua Anh Tông tặng phong danh hiệu quốc sư sau khi Trúc Lâm qua đời. Ông cư trú ở Tiên Du, và cũng đã thể theo lời mời của Pháp Loa để về giảng Tứ Phần Luật cho tăng sĩ năm 1322. Ông cũng có để lại một bài kệ tán tụng đạo đức của Tuệ Trung, được giữ lại trong *Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục*.

*Thiền đạo thầy ta: con Quỷ (77) một cẳng
Buông thả giữa với tâm vẫn như như
Trên đầu sào cao để một ngọn chùy
Lửa ba chân kia bỗng dựng cười ngượng
Năm xưa tặng ta con trâu đất rỗng
Ngày nay trả người ngựa gỗ hí vang
Trâu sắt đầu nhỏ hai sừng mọc ngược
Đêm về húc ngã núi lớn Tu Di
Ninh Long hang ấy nhảy vào ngang dọc
Đoạt được sạn hô quý nhất cảnh kia
Đội thần biến lên, đất trời tỏ rạng
Na Tra giận dữ, mất hết quyền uy*

A ha ha!

Rất diệu kỳ!

Mùa xuân tuyết bay, có chẳng mấy thuở

Bước nước cuối cùng ai hiểu được đây?

Ăn tô rô tô rô, tất rì!

(Ngô sư thiền đạo độc túc Quỷ
Huyền nhai tán thủ tâm như như
Sát can đầu thượng tiền chùy tử
Mạch nhiên đảo kị tam cước lư
Tích niên tặng ngã nê ngư hồng
Kim nhật hoàn tha mộc mã tề
Thiền thủ thiết ngư quai giác thâm
Đa lai xúc phá đại Tu Di
Đăng nhân khiêu nhập Ninh Long quật
Đoạt đắc sạn hô đệ nhất chi
Hải thần kinh xuất chiếu thiên địa
Phần nộ Na Tra thất khước uy
Ha ha ha!
Giã đại kỳ!
Dương xuân bạch tuyết hòa giả hi
Mạc hậu nhất trước như hà hội?
Ăn tô rô tô rô, tất rì!)

PHÁP CỔ THIỀN SƯ

Pháp Cổ thiền sư là đệ tử của Trúc Lâm. Ông cũng có lưu lại một bài kệ tán dương Tuệ Trung, có trích trong chương 11 nói về Tuệ Trung. Ta không biết ông cư trú tại đâu.

HUỆ NGHIỆM THIỀN SƯ

Cũng là đệ tử của Trúc Lâm và cũng đã để lại một kệ tán dương Tuệ Trung, được giữ nhờ sách *Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục*:

*Tuyệt trên hỏa lò hồng
Sen nở giữa mùa đông
Không bút nào viết ra
Không lời nào nói xiết
Lửa nháng khi đá chọi
Chớp lòe khi điện qua
Chẳng cách gì đuổi kịp
Chẳng hướng nào tìm được
Về bậc Thượng Sĩ ấy
Khôn dò được cơ huyền
Hòa cùng ánh sáng ấy
Lần cùng bụi bặm kia
Tì Gia nắm lấy tay
Hoàng Dương kết lông mày*



*Vòng vàng bị thâu mất
Cỏ gai bị nuốt sạch
Trâu nước cùng vượn hồ
Rừng thiền rọi phép kia
Niềng đầu loại mãnh hổ
Con Quỷ nơi Pháp Uyển
Miệng trống một lần truyền
Cành vàng xuân về đến
Cổ chùy ơi
Cổ chùy ơi!*

(Hồng lô chí tuyết
Lạp nguyệt chi liên
Phi bút khả bút
Phi ngôn khả ngôn
Kích thạch chi hỏa
Thiểm điện chi quang
truy khả truy
Phi phương khả phương
Bỉ chi Thượng Sĩ
Mạc trắc kỳ cơ
Tì Gia bả thủ
Hoành Dương kết mi
Kim khuyên lập cúc
Thôn chi thâu chi
Thủy cổ hồ tôn
Thiên chi thiên lâm
Niết chi ninh hồ
Pháp uyển thần Quỷ
Nhất truyền cổ khẩu
Xuân nhập kim chi
Cổ chùy, Cổ chùy!)

BẢO SÁT THIỀN SƯ

Bảo Sát thiền sư là đệ tử đầu tiên của Trúc Lâm. Tháng bảy năm 1308, trước khi Trúc Lâm cho tất cả đệ tử hạ sơn hành đạo và ở lại núi Yên Tử, thì chỉ có Bảo Sát ở lại bên mình. Tháng chín, Trúc Lâm cùng Bảo Sát đi du hành khắp miền núi Yên Tử. Có lẽ Bảo Sát là đệ tử yêu mến nhất của Trúc Lâm. Ngày Trúc Lâm sắp viên tịch ông đã cho mời Bảo Sát về. Khi Bảo Sát tới, Trúc Lâm cười và hỏi Bảo Sát có còn điều gì muốn hỏi về đạo pháp nữa không? Cuộc đàm đạo cuối cùng giữa Trúc Lâm và Bảo Sát được chép trong *Tam Tổ Thực Lục*. Tại sao Trúc Lâm không ủy Bảo Sát làm tổ thứ hai Trúc Lâm thay vì Pháp Loa, trong khi Bảo Sát là đệ tử đầu và được ông yêu mến nhất? Có lẽ Bảo Sát không thuộc hạng người có khả năng và tổ chức lãnh đạo giáo hội như Pháp Loa (Về cuộc đàm luận cuối cùng giữa Trúc Lâm và Bảo Sát, xin xem Chương XII nói về Trúc Lâm). Bảo Sát là người có công lớn trong việc coi sóc ấn hành *Đại Tạng Kinh* triều Trần. Năm 1311, chính ông đã được Pháp Loa ủy nhiệm quản đốc việc tục san *Đại Tạng Kinh*. Đứng về thứ bậc pháp tử, ông là Pháp huynh của Pháp Loa, bởi ông là đệ tử đầu của Trúc Lâm. Nhưng đứng về phương diện lãnh đạo giáo hội, trách nhiệm của Pháp Loa lại lớn hơn ông.

VIÊN THIỀN SƯ

Ta không biết chữ đầu của pháp danh Viên thiền sư là chữ gì, vì khi Minh Tông nhắc tới tên vị cao tăng này, vua chỉ gọi là Viên công. Theo Minh Tông trong bài thơ Đông Sơn Tự thì Viên thiền sư là một vị lão tăng đạo cao đức trọng thể gian ít có. Viên thiền sư ở tại chùa Đông Sơn. Bài thơ sau đây Minh Tông trong lúc viếng thăm Đông Sơn Tự lúc vị cao tăng đã tịch, được giữ lại trong *Toàn Việt Thi Lục*:

*Mây dáng non xanh, núi dáng mây
Núi mây thân cận lão tăng hoài
Tử độ Viên công lìa cõi thế
Khắp nơi Phật tử chẳng còn ai.
(Vân tự thanh sơn, sơn tự vân
Vân sơn trường dữ lão tăng thân
Tự tông Viên công khứ thể hậu
Thiên hạ thích tử không vô nhân).*

Đông Sơn không biết có phải là núi Đông Cứu gần Yên Tử Sơn hay không. Vua Nghệ tông cũng đã từng đi thăm am Liễu Xá trên núi Đông Sơn và khi về có làm một bài thơ đầu đề là "Vọng Về Am Liễu Xá Trên Đông Sơn" (Vọng Đông Sơn Liễu Xá Am). Có thể Viên thiền sư ngày xưa ở tại am Liễu Xá này. Theo vua Anh Tông, chùa Đông Sơn rất đẹp, không thua gì Ngũ Đài Sơn. Vua có làm bài thơ Đông Sơn Tự như sau, có chép trong *Toàn Việt Thi Lục*:

*Tiếng thu theo gió qua cành lá
Đêm lạnh trăng trong lọt tịnh bình*

*Mơ tới Ngũ Đài chi nữa nhĩ?
Đông Sơn cảnh đẹp xứ nào tranh?*

(Phong dao giải hồ thu thiền quá
Nguyệt tả Quân Trì dạ nhuận hàn
Hữu hướng Ngũ Đài lao mộng寐
Khán lai thiên hạ kỳ Đông Sơn?)

TRÍ THÔNG THIỀN SƯ

Trí Thông thiền sư là thiền sư trú trì chùa Siêu Loại từ thời Nhân Tông chưa xuất gia. Ngày Nhân Tông xuất gia, thiền sư đốt cánh tay mình, cháy từ bàn tay đến khuỷu tay, sắc mặt vẫn an nhiên không thay đổi. Nghe nói, Nhân Tông có đến chùa Siêu Loại để nhìn tận mắt. Trí Thông sai dọn chỗ ngồi mời vua xuất gia ngồi và nói: "Đó là thần tăng đốt đèn {cúng dường} mà thôi. Đốt đèn xong, rồi về thiền viện ngủ kỹ, thức dậy vết thương lại khỏi." Sau khi Trúc Lâm tịch, xá lợi an trí tại bảo tháp núi Yên Tử, Trí Thông liền lên Yên Tử để gần gũi bảo tháp. Thiền sư tự thiêu dưới thời vua Minh Tông (1314-1329) không biết là năm nào. Chuyện thiền sư Trí Không có được chép trong sách *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*. Ta có thể nói rằng thiền sư Trí Không đã hiến chùa Siêu Loại để Trúc Lâm làm một trong những trụ sở lớn



của giáo hội Trúc Lâm. Sau này Trúc Lâm trao lại chức trú trì Siêu Loại cho Pháp Loa.

VÔ SƠN ÔNG

Vô Sơn Ông tức hiệu của Tư đồ Văn Huệ Vương Trần Quang Triều. Không biết đây là bút hiệu hay pháp hiệu của ông bởi vì ông cũng đã xuất gia. Ông là con của Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tuấn, tước Văn Huệ Vương là do vua Anh Tông ban. Ông lấy công chúa Thượng Trân, và sau khi công chúa mất thì ông xuất gia học đạo. Hồi chưa xuất gia ông từng xây một thảo am tên Bích Động tại núi Quỳnh Lâm; văn nghệ sĩ thường hay lui tới ngâm vịnh. Ông lấy bút hiệu Cúc Đường. Ông là một thi sĩ có tài, nổi tiếng một thời. Vua Anh Tông đã từng chỉ định ông làm nhập nội tư đồ phụ chính. Ông xuất gia dưới sự hướng dẫn của thiền sư Pháp Loa.

Sách *Tam Tổ Thực Lục* cho biết ông xuất gia năm Nhâm Tuất (1322). Trong năm 1322 trước khi xuất gia, ông đã cúng dường hỗ trợ việc đúc 1.000 tượng Phật do Pháp Loa chủ trương. Ông lại đã mời Pháp Loa tới chùa An Long giảng kinh Lăng Nghiêm, sau đó lại nhờ Pháp Loa duyệt lại sách *Tứ Phần Luật* rồi thêm những lời chú thích, rồi sau đó cúng tiền in ra 5.000 bản để cúng dường tăng sĩ học tập. Sách *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* cho biết ông mất năm 1325, thọ 39 tuổi. Như vậy ông xuất gia hồi 36 tuổi.

Sách *Tam Tổ Thực Lục* nói sau khi xuất gia, ông “thờ Pháp Loa thiền sư theo lễ đệ tử.” Năm 1323, ông cùng Uy Huệ Vương thỉnh Pháp Loa tới chùa Siêu Loại để trao Bồ-tát giới cho hai người và làm pháp quán đỉnh. Sau đó ông lại cùng Bảo Từ hoàng thái hậu thỉnh Pháp Loa đến Quỳnh Lâm viện để giảng kinh Pháp Hoa. Ông được nhiều bạn văn sĩ và thi sĩ luyện mộ, trong đó có Nguyễn Xưởng, Nguyễn Ước, những người đã từng xướng họa với ông và đã làm những bài thơ khóc ông khi nghe tin ông mất.

Trần Quang Triều có để lại *Cúc Đường Di Tập* mà Phan Huy Chú cho là “thanh thoát khá khen.” Đây là một vài bài của ông, có thể viết

sau khi ông xuất gia, được giữ lại trong *Toàn Việt Thi Lục*:

Chùa Gia Lâm:

*Tro lòng tàn mộng nhỏ
Chân đạo tới thiền đường
Cuối xuân sắc hoa nhạt
Rừng vắng tiếng ve sông
Mưa tạnh trời bích ngọc
Hồ lặng lộ khuôn trăng
Khách về, tăng chẳng nói
Hoa thông rụng ngát vườn.*
(Tâm khôi oa giác mộng
Lý bộ đạo thiền đường
Xuân vãn hoa dung bạc
Lâm u thiền vận trường
Vũ thâm thiên nhất bích
Trì tĩnh nguyệt phân lương
Khách khứ, tăng vô ngữ
Tùng hoa mãn địa hương).

Ngôi chùa hoang ở Mai Thôn:

*Chùa hoang đây có đại
Gió thổi bãi chiến trường
Mưa chiều chìm bia mộ
Tượng cổ ánh tà dương
Thạch thất tàng y hậu
Đài hoa tỏa dạ hương
Đứng trụ vào đầu cả
Để cùng đời hưng vong.*
(Hoang thảo tiền triều tự
Thu phong cựu chiến trường
Tàn bi trầm mộ vũ
Cổ Phật quải tà dương
Thạch thất tàng vân nạp
Hoa đài cúng dạ hương
Ứng thân vô xứ sở
Dữ thế cộng hưng vong).

MINH ĐỨC CHÂN NHÂN

Minh Đức chân nhân trú trì chùa Tiên Lữ, cũng gọi là chùa Quảng Nghiêm hay là chùa So ở huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Đông. Ông tên Nguyễn Bình An, người sáng lập ra chùa này vào thế kỷ thứ mười ba. Tại chùa này có khán thờ Minh Đức đại sư, vốn người làng Bối Khê, đã từng được vua Nhân Tông vời đến tiếp kiến tại triều đình. Chính danh hiệu Minh Đức chân nhân đã được vua Nhân Tông ban tặng cho ông. Nguyễn Bá Lăng trong *Kiến Trúc Phật Giáo Việt Nam* có nói về chùa Tiên Lữ như sau: “Chùa nổi tiếng vì phong cảnh đẹp, bên trong có những tấm tranh Thập Bát La Hán và Thập Điện Diêm Vương khắc trên gỗ và phủ sơn mài nhiều màu. Chùa còn có tên nữa là chùa Trăm Gian vì đây là một quy mô kiến trúc rộng lớn gồm nhiều lớp nhà ngang dãy dọc. Chùa đã được hai quan triều Lê (hiện còn tượng thờ trong chùa) đại trùng tu khoảng thế kỷ thứ mười bảy và mười tám. Nhưng xét về quy mô cơ cấu ta có thể thấy ở đây phần nào đường nét kiến trúc Phật Giáo đời Trần.

ĐỨC SƠN THIỀN SƯ

Đức Sơn thiền sư trú trì am Thanh Phong.



Nhân gian chỉ kiến thiên sơn tú
Thùy thỉnh viên đề thâm xứ thâm).

TRẦN MINH TÔNG

Trần Minh Tông là con thứ tư của vua Anh Tông, ngồi trên ngôi vua 15 năm. Vua học Phật, ăn chay, đọc *Kinh Dịch* khuyến khích Nho học. Nho thần xuất hiện rất nhiều trong thời gian vua tại vị. Vua thường lui tới ủng hộ công việc Phật sự của Pháp Loa thiền sư. Sau đây là một bài thơ theo lối cổ thể gọi là Giới Am Ngâm trong đó vua quán tưởng thân thể con người làm một chiếc am nhỏ đủ để con người cư trú trong an lạc. Chữ "giới am" có nghĩa là "am hạt cải." Bài ngâm được chép trong sách *Toàn Việt Thi Lục*:

*Nửa gian Giới Am vừa đủ gối
Không gian đủ sống qua tháng ngày
Chim chóc chẳng lại, vẫn còn xuân
Bốn vách trống trơn không một vật
Vật đã là không vách cũng không
Làm sao hạt cải tìm đến được?
Có ai muốn phá Giới Am này
Lạc đường khiên cả ma trời khóc
Đói lòng ăn một bát cơm thôi
Nước lạnh đầy bình đỡ cơn khát
Giường mây gối gỗ giấc nghỉ trưa
Đó chính là giờ rất khoái hoạt
Kinh cũng không đọc Phật không thờ
Mắt nhắm chẳng biết gì tốt xấu
Khách vào có hỏi gốc tích ta
Đáp: hiểu theo xưa sai lạc mất (78)
Thôi dừng nhọc công tìm kiếm ngoài
Xưa nay cùng chung một mũi thở
Giới Am nào phải vật gì lạ
Mũi dọc mày ngang, ta đó thôi!
(Giới Am bán gian khả dung tất
Ngọt ngọt đẳng đẳng tự độ nhatur
Bách điều bất lai xuân trú nhàn
Du nhiên tứ bích chân vô vật
Vật nhược vô trần, bích bất lập
Mê lư giới tử tông hà nhập?
Thùy nhân khuy phá giới am trung
Thất lộ tiện sử thiên ma khắp!
Cơ lai cơ nghiệt phạm nhất bát
Thanh thủy mãn bình khả tiêu khát
Đẳng sàng chấm thượng trác ngọc nhãn
Chính thị ngọc trung chân khoái hoạt
Kính giả bất khát, Phật bất lễ
Ễ nhân hà vi toàn tiết quý
Khách lai vấn cập bản lai nhân
"Nhận trước y tiền hoàn bất thị"
Hưu hưu ngoại mạch nhược chinh công
Phật phất tị, không cổ kim đồng
Giới Am tất cánh vô kỳ vật
Chỉ thị mi hoành tỷ trực ông!)*

BÍCH PHONG TRƯỞNG LÃO

Vị này sống đồng với Pháp Loa. Sách *Tam Tổ Thực Lục* chép năm 1330, khi Pháp Loa sức yếu không thể tiếp tục khóa giảng về Kinh Hoa Nghiêm tại An Lạc Tăng Viện được, Bích Phong

Vua Trần Thái Tông từng lên ở lại am Thanh Phong với ông. Vua có làm một bài thơ "Gửi Đức Sơn Ở Am Thanh Phong" (*Ký Thanh Phong Am Tăng Đức Sơn* - xem Chương X về Trần Thái Tông).

VƯƠNG NHƯ PHÁP

Đây là một vị cư sĩ, đệ tử của Tuệ Trung. Ông cũng được gọi là Thiên Nhiên cư sĩ. Ông có làm một bài kệ tán thán Tuệ Trung, còn giữ trong *Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục*:

*Kỳ diệu thật! Kỳ diệu thật!
Trâu đất rồng trắng không ghen nặc!
Viết nên sáu bảy trí tuệ môn
Không cần bút núi và biển mực!
(Giã kỳ đặc! Giã kỳ đặc!
Nê ngư hồng nguyệt vô quan đặc
Tả khai lục thất trú tuệ môn
Mạc đạo bút sơn kiêu hải mặc).*

TRẦN THÁNH TÔNG

Hoàng hậu của Thánh Tông là em gái Tuệ Trung thượng sĩ. Thánh Tông rất tôn kính Tuệ Trung gọi Tuệ Trung là sư huynh và giao con mình là Nhân Tông cho Tuệ Trung dạy dỗ. Bài kệ mà Thánh Tông làm để đáp lại bài kệ Trình Kiến Giải của Tuệ Trung cho thấy sức học Phật khá uyên thâm của vua (xem Chương XI về Tuệ Trung thượng sĩ). Tuệ trung có làm một bài thơ ca tụng đạo học của Thánh Tông như sau:

*Thánh học cao minh tột cổ kim
Quán thông Long tạng thấu vào tim
Phật tâm thấy quả lòng tay mở
Ý tổ nhìn kim đáy biển chìm
Trí vượt cửa Thiền và Thiếu Thất
Tình siêu biển Giáo đến Uy- Âm
Nhân gian chỉ thấy ngàn non đẹp
Ai nghe vượn hú chốn rừng thâm?
(Thánh học cao minh đạt cổ kim
Thiết nhiên long tạng quán hoa tâm
Thích phong ký đặc khai quyền bảo
Tổ ý tương vô thấu thủy châm
Trí bạt thiên quan thông Thiếu Thất
Tình siêu Giáo hải khóa Uy Âm*

trưởng lão đã được ông ủy thác giảng tọa để tiếp tục giảng khóa. Như vậy Bích Phong trưởng lão phải là một vị cao tăng sức học rất vững vàng về Phật Giáo và hệ thống Hoa Nghiêm.

SA MÔN THU TỬ

Không biết Sa Môn Thu Tử là đệ tử của ai và thuộc về pháp hệ nào. Sách *Tam Tổ Thực Lục* cho biết ông trú trì chùa Hiền Linh Diên Quang. Ông có mời Pháp Loa tới đây để giảng phẩm Thập Địa, Kinh Hoa Nghiêm. Pháp Loa đã hai lần ủy ông làm chủ lễ cầu mưa cho triều đình tổ chức năm 1319 và năm 1326. Cả hai lần đều hiệu nghiệm.

LÂM SƠN QUỐC SƯ

Lâm Sơn Quốc Sư sống vào thời vua Duệ Tông (1372 -1377). Trong các bản danh sách các vị tổ sư chùa Vân Yên không có tên ông, vì vậy ta biết vị quốc sư này không cư trú ở Yên Tử. Thi sĩ Phạm Nhân Khanh, hiệu Cổ Nhân, có làm một bài thơ tiễn quốc sư về núi, nhan đề là Tổng Lâm Sơn Quốc Sư Hoàn Sơn, nhờ đó mà ta biết được sự có mặt của vị cao tăng này trong hạ bán thế kỷ thứ mười bốn. Bài thơ như sau:

*Xuống núi vài hôm, lại trở lên
Sơn cư quen nếp sống thần tiên
Trà đun thơm ngát hương Tùng Viên
Bát rửa trong veo nước Hạc Tuyền
Buông mở Thiên Phong cao mấy độ
Phát biểu Thi danh sáng một miền
Về hướng đỉnh cao mây phủ kín
Tưới thăm mưa pháp lợi nhân thiên*
(Xuất sơn kỷ nhật cánh hoàn sơn
Vị ái sơn cư ý tự nhiên
Tùng Viên chử trà hương mạc mạc
Hạc Tuyền tẩy bát thủy sần sần
Phong khai thiên giá cao thiên cổ
Phát lộ thi danh chính nhất bàn
Quy hướng lĩnh vân thâm xứ ngoại
Âm thi pháp vũ sái nhân gian).

Bài thơ cho biết Lâm Sơn quốc sư là một ẩn sĩ, có thiên phong cao, và lại có tài thi văn, không biết ông cư trú ở đâu. Chỉ biết tác giả bài thơ trên, Phạm Nhân Khanh, đã từng làm quan và dự vào việc tu chính quốc sử, lại từng làm an phủ ở lộ Lương Sơn. Có lẽ chính lúc ông cư trú ở Lương Sơn, nghe đạo phong và thi tài của quốc sư nên đã thỉnh cầu quốc sư hạ sơn mấy ngày để thù tiếp. Có lẽ Lâm Sơn là tên một ngôi chùa ở làng Lâm Sơn, huyện Quế Dương tỉnh Bắc Ninh ngày nay, được xây dựng từ năm 1086; và có lẽ vị quốc sư này đã từng làm tọa chủ ở đây nên đã mang danh là Lâm Sơn quốc sư. Danh hiệu quốc sư có lẽ đã được vua Nghệ Tông ban tặng.

THẠCH ĐÀU VÀ MẬT TẠNG

Thạch Đầu là một vị thiền sư đệ tử của thiền sư Tiêu Dao (*) và đồng sư với Tuệ Trung. Mật Tạng là đệ tử của Trúc Lâm, đồng thể hệ với Pháp Loa. Huệ Nguyên, trong bài "Lược Dẫn Thiền Phái Đồ" in ở đầu sách *Tuệ Trung Thượng*



Sĩ Ngữ Lục có ghi là hai vị này đều tự thiêu sau khi đắc pháp. Như vậy, ta biết trong đời Trần có ít ra là ba vị tăng sĩ tự thiêu: Thạch Đầu, Mật Tạng và Trí Thông. Trí Thông vốn là trú trì chùa Siêu Loại, người đã cúng chùa cho Trúc Lâm để hoằng dương giáo pháp.

TUYÊN CHÂN CÔNG CHÚA VÀ LỆ BẢO CÔNG CHÚA

Hai vị này xuất gia năm 1329 dưới sự chứng minh của Pháp Loa. Tuyên Chân công chúa là con của quốc phụ thượng tể Quốc Chấn, và Lệ Bảo công chúa là con của Chiêu Huân Vương. Ta không biết pháp danh của hai người này, và cũng không biết họ trú trì ở chùa nào. Năm 1330, chính Lệ Bảo công chúa đã cùng với một thiền sư tên là Kiên Đức tổ chức mời Pháp Loa giảng kinh Hoa Nghiêm tại An Lạc Tàng Viện

NHỮNG VỊ ĐỆ TỬ

Huệ Nguyên, trong bài "Lược Dẫn Thiền Phái Đồ", có kể tên một số đệ tử của Ứng Thuận, Tiêu Dao, còn có Chân Giám, Đạo Sĩ, Quốc Nhất và Quế Sâm. Sách *Thuyền Uyển Tập Anh* cho biết các vị Nhất Tông, Giới Minh và Giới Viên cũng là đệ tử của Ứng Thuận.

Theo Huệ Nguyên, thì ngoài Tuệ Trung, Tiêu Dao còn có các đệ tử sau đây: Thôn Tăng, Thạch Lâu, Lại Toàn, Thần Tán, Thạch Đầu, Vị Hải, Đạo Tiềm, Thủ Nhân, Ngu Ông và Vô Sở. Nhưng Huệ Nguyên không nhắc tới thiền sư Huệ Tuệ, người kế thế của Tiêu Dao làm tổ Yên Tử thứ năm chùa Vân Yên.

Theo Huệ Nguyên, ngoài Trúc Lâm, Tuệ Trung còn có những đệ tử sau đây: An Nhiên, Thiên Nhiên, Thạch Kính, Thoại Bà. Cuối sách *Tuệ Trung Thượng Sĩ* ta còn thấy có quốc sư Tông Cảnh và cư sĩ Thiên Nhiên (Vương Như Pháp) là đệ tử của Tuệ Trung.

Theo Huệ Nguyên, ngoài Pháp Loa, Trúc Lâm còn có những đệ tử sau đây: Pháp Trạng, Hương Trạng, Hương Sơn, Mật Tạng và Pháp Cổ. Sách *Tam Tổ Thực Lục* cho biết những vị sau đây là đệ tử của Trúc Lâm: Bảo Sát, Bảo Phác, Pháp Không và Huệ Nghiêm.

Huệ Nguyên cũng cho biết tên hai vị đệ tử

của Pháp Loa là Cảnh Huy và Quế Đường. Tam Tổ Thực Lục có chép tên một số đệ tử xuất sắc khác của Pháp Loa: Tuệ Nhiên, Tuệ Chúc, Hải Ấn, Hoàng Tế, Huyền Giác, Cảnh Ngụy, Cảnh Trưng và Tuệ Quán.

TRUYỀN THỐNG YÊN TỬ

Sau đây là 23 vị tổ truyền thừa chùa Yên Tử từ Hiện Quang tổ sư đến Vô Phiền đại sư, thấy trong sách Đại Nam Thiền Uyển Truyền Đăng Tập Lục quyển hai của Phúc Điền hòa thượng đính bản:

- 1) Hiện Quang Tổ Sư
- 2) Viên Chứng Quốc Sư
- 3) Đại Đăng Quốc Sư
- 4) Tiểu Dao Tổ Sư
- 5) Huệ Tuệ Tổ Sư
- 6) Nhân Tông Tổ Sư
- 7) Pháp Loa Tổ Sư
- 8) Huyền Quang Tổ Sư An Tâm Quốc Sư
- 9) An Tâm Quốc Sư
- 10) Phù Vân (hiệu Tĩnh Lự) Quốc Sư
- 11) Vô Trước Quốc Sư
- 12) Quốc Nhất Quốc Sư
- 13) Viên Minh Tổ Sư
- 14) Đạo Huệ Tổ Sư
- 15) Viên Ngộ Tổ Sư
- 16) Tổng Trì Tổ Sư
- 17) Khuê Thám Quốc Sư
- 18) Sơn Đăng Quốc Sư
- 19) Hương Sơn Đại Sư
- 20) Trí Dung Đại Sư
- 21) Tuệ Quang Tổ Sư
- 22) Chân Trú Tổ Sư
- 23) Vô Phiền Đại Sư.

(77) Quỳ: tên một loại thú ở núi, chỉ đi một chân

(78) Lập lại câu "Nhân trước y tiền hoàn bất thị" (chấp theo lối cũ là sai lạc) mà Trúc Lâm thường dùng để đáp nhiều câu hỏi của thiền giả đặt ra.

(*) Ở các chương trên, tác giả phiên âm là Tiêu Diêu, cũng chỉ là một người (N.H.C.)



HƯƠNG LÒNG

*Tình chung thủy ngàn dâu phơi áo trắng
Cội Bồ-đề hương ngát tỏa lòng trang
Có cành lan tặng em thơm ngào ngạt
Vìn trên cành lộc biếc đón đầu năm.*

*Tay khẽ chạm – giạt mình trông vạt nắng –
Gót chân xưa quỵên ấm cội lòng nhau
Tình hư không câu Thệ Tôn chứng giám
Nguyện đêm xuân bấy sẽ cũ reo mừng*

*Buổi sáng - buổi chiều - từng ngày dâu dãi
Trông tin nhau – lo lắng mảnh đời nhau
Bờ cát mịn - biển xanh màu ngọc bích
Đêm nhớ thương - nắng dịu dịu thùy dương*

*Thành phố ấy mây xanh vươn trong nắng
Chim liú lo tâm sự suốt ngày đêm
Buổi đầu xuân ướp chung trà khai vị
Dâng lên môi - ngọc ướp sát kề môi.*

thơ MINH NGUYỆT

"NGÃ" TRONG QUAN ĐIỂM CỦA TRIẾT GIA F. NIETZSCHE: THE INDIVIDUAL HIMSELF IS A FALLACY

Tâm Nguyên

Vẫn trong lòng kính trọng đối với Triết gia của Ý chí Hùng mạnh Friedrich W. Nietzsche, triết gia lớn nhất thế kỷ 19, và có ảnh hưởng rất lớn trong Âu châu, nhiều ấn tượng ở Mỹ châu thế kỷ 20, và tiếp tục ở thế kỷ 21.

Dù không có tài liệu sách vở quá phong phú như chúng ta ngày nay, để có thể nghiên cứu, học hỏi về đạo Phật sâu rộng; và chỉ hiểu biết hạn hẹp về đạo Phật (nếu so với các trưởng tử, hay "con nuôi" Như Lai, cư sĩ, học giả uyên bác ngày nay) do đọc biết qua [và có quá ít tài liệu, sách vở vào thời đó] về "Bi quan" phương Đông, Giáo lý Bà la môn, hay rất ít về đạo Phật từ sách của A. Schopenhauer, cùng một ít nguồn khác, F. Nietzsche, cũng nhận ra cái gọi là "Ngã," cái Ta như thế này:

"Main thought! The individual himself is a fallacy. Everything which happens in us is in itself *something else* which we do not know. 'The individual' is merely a sum of conscious feelings and judgments and misconceptions, a *belief*, a piece of the true life system or many pieces thought together and spun together, a 'unity', that doesn't hold together. We are buds on a single tree—what do we know about what can become of us from the interests of the tree! But we have a consciousness as though we would and should be *everything*, a phantasy of 'I' and *all* 'not I.' Stop feeling oneself as this phantastic ego! Learn gradually to *discard the supposed individual*! Discover the fallacies of the ego! Recognize *egoism as fallacy*! The opposite is not to be understood as altruism! This would be love of *other supposed* individuals! No! Get beyond 'myself' and 'yourself'! Experience cosmically!" — Nietzsche, *Kritische Studienausgabe*



Đọc đoạn văn trên, ta có thể thấy có những tương đồng với suy tư của David Hume về "Ngã."

Đại ý đoạn văn trên:

Tất cả những gì ta biết về ta [nghĩa là trong thân tâm ta] trong 'tự thân/bản ngã' của chúng là một cái gì khác, mà chúng ta không biết là gì. Cái gọi là "cá nhân" chỉ là tập hợp của những cảm giác (về thân-tâm) và phán đoán, hay là những mẫu tâm thức ta tưởng nghĩ, thêu dệt nên—mà (trên thực tế) không thể đứng vững...

Hãy ngừng cảm nhận mình như một tự ngã đầy mộng tưởng! Hãy trưởng thành (trong ý thức), học hỏi và vứt đi cái thường mộng mơ huyền ảo về sự "có một cái ngã như thế"...

REF:

<http://highexistence.com/18-rare-friedrich-nietzsche-quotes-to-make-you-question-everything/>

MƯỜI NĂM (2006-2016), MƯỜI SỰ KIỆN CÓ Ý NGHĨA LỚN ĐỐI VỚI PHẬT GIÁO

Trí Tánh Đỗ Hữu Tài tổng hợp

Bước vào thiên niên kỷ mới, trong mười năm của giai đoạn đầu tiên (2006-2016), Phật giáo đã khai dụng được nhiều cơ hội nhưng cũng phải đối diện với lắm thách thức giữa một thế giới đầy biến động.

- Xin nhận diện một số *cơ hội*: Xu thế mà người dân trong hai lục địa Âu và Mỹ đón nhận Phật giáo vừa như một triết lý sống nhân bản, vừa như một khoa học trị liệu hiệu quả đã bước qua khỏi giai đoạn nghiên cứu kinh viện để lan tỏa ra trong nhiều lãnh vực ứng dụng thiết thực khác của đời sống. – Hiện tượng những tổ chức Phật giáo quốc gia đơn lẻ đang nhích nhàng gia nhập vào các mạng lưới Phật giáo quốc tế đã trở nên chặt chẽ hơn. – Những công trình nghiên cứu và khảo sát kinh điển Phật pháp càng lúc càng nhiều và càng có phẩm chất nhờ ứng dụng công nghệ thông tin khi xử lý các văn bản. – Nghệ thuật và văn học Phật giáo được giới trí thức trên thế giới khám phá và xác nhận như một dòng chủ lưu đóng góp vào những giá trị nhân văn của nhân loại – ...

- Tuy nhiên, cũng xin điểm mặt một số *thách thức*: Tại ba quốc gia ở Nam và Đông Nam Á, vẫn có những lực lượng xã hội nhân danh Phật giáo để can thiệp bằng bạo động vào chính sự, tạo ra những tranh chấp tôn giáo cục bộ. – Trong lãnh vực diễn giải kinh điển, mâu thuẫn xuyên quốc gia giữa các Tông môn, Truyền thống, và Bộ phái vẫn âm ỉ cháy, chưa thấy có dấu hiệu chấm dứt. – Trong một vài nước độc tài, Phật giáo vẫn bị chính quyền kiểm soát, đẩy quan hệ Giáo hội-Chính quyền vào trong một cơ chế xin-cho, làm cho phẩm hạnh của một bộ phận Tăng sĩ bị suy thoái. – Ít khi thấy Phật giáo lấy thái độ và mệnh lệnh đưa ra những giải pháp về các khổ nạn ở kích thước toàn cầu như vi phạm nhân quyền, chiến tranh diệt chủng, hủy diệt môi sinh, buôn bán phụ nữ. – ...

Trong bối cảnh sinh động và phức tạp như nhìn vào một ống kính vạn hoa nhiều màu sắc tương phản đó, nói chung, ta vẫn thấy Phật giáo càng lúc càng trở thành một tác nhân lịch

sử chủ đạo, đang từ từ vươn lên để tạo ra các xu thế tích cực lớn hầu đóng góp cho hòa bình và cho văn minh nhân loại.

Giữa hằng hà sa số biến cố xảy ra trên cõi nhân gian, có mười sự kiện lớn và có ý nghĩa trong khoảng mười năm đầu của thế kỷ thứ 21 đã đóng góp vào tốc độ lan tỏa của Phật giáo trên thế giới. Và mười sự kiện này cũng khẳng định rằng Đạo Phật là một tôn giáo của sự thật, chủ yếu để cho con người *sống với* chứ không chỉ để *tin vào* mà thôi.

– () –

1. Tháng 10/2006: Phục hồi Đại học Nalanda là cơ duyên giúp xiển dương Trí tuệ Phật giáo ở đẳng cấp toàn cầu

- Từ thế kỷ thứ năm đến thế kỷ thứ mười hai, Đại học Nālānda là định chế nghiên cứu học tập cao cấp của Phật giáo, với một thư viện rộng lớn chứa nhiều kinh sách rất giá trị. Đã có lúc trường thu nhận cả vạn tăng sinh, chủ yếu đến từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Tây Tạng, Indonesia và các nước Trung Á khác. Học giả Phật giáo nổi tiếng đến nghiên cứu hoặc thuyết giảng ở đó gồm các đại sư Ấn Độ như Shantarakshita (Tịch Hộ, 750-802) và Padmasambhava (Liên Hoa Sinh, sống hạ bán thế kỷ thứ 8), hoặc hai nhà sư Trung Hoa uyên thâm là Huyền Trang (600-664) và Nghĩa Tịnh (635-713). Đại học Nālānda phát triển suốt chiều dài lịch sử 700 năm cho đến khi bị suy tàn từ khoảng năm 1200 CE vì bị hai đoàn quân xâm lược A Phú Hãn và Thổ Nhĩ Kỳ đốt phá. Hiện nay, di tích những tu viện đổ nát được xác định ở 60 dặm phía đông nam thành phố Patna của Ấn Độ.

- Năm 2006, Hội nghị thượng đỉnh Đông Á bao gồm một số quốc gia ở Đông Nam Á cũng như các nước Australia, New Zealand, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nga và Mỹ, đã quyết định tiến hành các nỗ lực phục hồi Đại học Nālānda. Tám năm sau (2014), Đại học Nalanda mới (Nalanda University) đã được hình thành tại Rajgir bởi

một nhóm các học giả quốc tế, trong đó có hai giáo sư Đại học Harvard là Amartya Sen (Nobel về Kinh tế năm 1998) và Sugata Bose (Sử gia Ấn Độ), với mục đích tạo ra một định chế giáo dục đẳng cấp thế giới với các nhà nghiên cứu chuyên sâu, để hoàn chỉnh việc dạy và học ở trình độ hàn lâm cao.

- Theo trang web chính thức của Đại học Nālanda (www.nalandauni.edu.in) thì hiện nay có chín nhóm giảng viên từ các nước khác nhau đến giảng dạy ba phân khoa: (i) Nghiên cứu Lịch sử, (ii) Môi trường và Sinh thái, và (iii) Phật học, Triết học và Tôn giáo tỉ giáo. Ba phân khoa này sẽ hợp tác tích cực với các Hiệp hội châu Âu về Nghiên cứu thực địa châu Á (ECAFA, Pháp), Khoa Lịch sử Trường Đại học Chulalongkorn ở Bangkok, và Đại học Bắc Kinh ở Trung Quốc. Giai đoạn phát triển tiếp theo sẽ là việc thành lập các trường Kinh tế và Quản lý, các ngôn ngữ Đông phương và Công nghệ thông tin.

- Phục dựng lại Đại học Nālanda là một kỳ công khảo cổ và kiến trúc vĩ đại. Nhưng quan trọng hơn thế, vì Đạo Phật vốn là đạo của Trí Tuệ, lấy "Văn" đứng đầu trong quá trình tu tập Văn-Tư-Tu, nên sự hồi sinh của Đại học Nālanda là một cơ duyên to lớn để tạo ra môi trường xiển dương trí tuệ cho Phật giáo ở kích thước toàn cầu.

[Cập nhật và viết theo Đạo Phật Ngày Nay
<http://www.daophatngaynay.com/vn/tin-tuc/quoc-te/15601-an-do-dai-hoc-n-l-nda-tai-hien-lan-nua.html>]

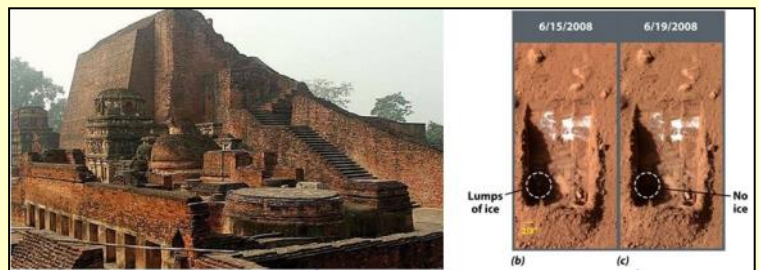
2. Tháng 5/2008: Tìm ra băng tuyết trên sao Hỏa giúp giải trình ý niệm *Thấp sinh* trong cõi *Lục đạo*

- Sau 7 tháng du hành trong không gian, phi thuyền Phoenix do JPL/NASA điều khiển đã đáp xuống sao Hỏa (Mars). Hai ngày sau, ngày 31-5-2008, khi đào xới một khoảng đất nhỏ, máy ảnh của phi thuyền thấy một vũng sáng trắng lấp lánh. Giám đốc nghiên cứu Peter Smith cho rằng trong khi hạ cánh, phi thuyền Phoenix đã thổi bay một mảng bụi cát và làm lộ ra một lớp băng tuyết. Ngày 19-6-2008, các nhà khoa học so sánh 2 tấm ảnh chụp vũng sáng trắng đó ở hai thời điểm (cách nhau 4 ngày), rồi đối chiếu với nhiệt độ cũng như áp suất khí quyển và nhiều thông số khoa học khác giữa hai khoảng thời gian đó, họ tuyên bố các "vũng sáng" này chính là nước đóng băng thành cục, nay đã tan chảy. Như vậy, kết hợp với sự có mặt của khí Methane tìm được sau này (2014) trên sao Hỏa, thì theo Sinh-Hóa học, có nước là ắt có 4 yếu tố (solvent, temperature buffer, metabolite và living environment) để tạo hệ sinh thái cho vi sinh vật (living microbial organism) xuất hiện và tồn tại.

- Từ trước đến nay, khoa học và thần học Tây phương cho rằng sinh vật vốn chỉ xuất

hiện trên quả địa cầu mà thôi. Thậm chí *Kinh Cựu Ước*, sách Sáng Thế của Thiên Chúa giáo, còn khẳng định rằng mọi sinh vật (gồm 2 "con người" đầu tiên, Adam và Eva, và muôn loài) được Chúa Trời tạo dựng trong vườn "Điền Đàng" ở trên quả địa cầu này cách đây chỉ mới khoảng 6 nghìn năm (theo phả hệ của gia đình ngài Giêsu, do Tông đồ Luke liệt kê, vốn là hậu duệ đời thứ 77 của ông thủy tổ loài người Adam). Kinh sách Phật giáo thì cho rằng "hình hài" của sinh vật do nhân duyên và nghiệp lực tác động tích hợp mà thành, và được tạo ra trong 4 loại môi trường: Thái sinh, Thấp sinh, Noãn sinh và Hóa sinh trong đó *Thấp sinh* là hệ sinh thái ẩm thấp có nước. Ngoài ra, cũng theo Phật giáo, tùy nghiệp lực và nhân duyên mà chúng sanh có thể đầu thai về một trong 6 cõi *Lục đạo*, trong đó có cả các "cõi trời" ngoài trái đất trong Tam thiên đại thiên thế giới.

- Như vậy, sự kiện phi thuyền Phoenix khám phá ra dấu tích của nước trên sao Hỏa, tạo tiền đề sinh-hóa học cho sự hiện diện của sinh vật, thì phù hợp với lời dạy về "*Thấp sinh*" và cõi trời trong "*Lục đạo*" mà kinh sách Phật giáo đã nói tới. Từ đó mới thấy rằng cách đây gần 26 thế kỷ, giữa lúc nhân loại còn mông muội và sợ hãi phủ phục trước thiên nhiên, hoặc giữa lúc kiến thức con người còn bị khống chế bởi những lý thuyết về thần linh sáng tạo đầy huyền hoặc, thì Đức Phật đã bằng trí tuệ của mình, biết được có những sinh vật hiện diện trong vũ trụ bao la rồi. Ngài đã chỉ nói thật, đúng như lời Ngài di giáo trước lúc nhập Niết bàn: "*Chẳng có một lời giáo huấn nào bí mật, không có một lời nào mang ẩn ý. Tất cả những lời giảng của ta đều được đưa ra một cách ngay thật và minh bạch.*"



Hình trái - Di tích còn sót lại từ thế kỷ thứ 5 của Đại học Phật giáo Nālanda tại Ấn Độ.

Hình phải - Sau 4 ngày tiếp xúc với nhiệt năng, cục băng trên sao Hỏa bị tan chảy.

3. Tháng 1/2009: Tổng thống da màu Barack Obama và tính Bình đẳng trong Phật giáo

- Kể từ năm 1862, khi Tổng thống Abraham Lincoln đọc bản *Tuyên ngôn Giải phóng Nô Lệ* đến năm 1964, khi Mục sư da đen Martin Luther King trở thành khối nguyên giải Nobel Hòa bình nhờ cuộc đấu tranh cho dân quyền của người Mỹ gốc Phi châu (African-American), 100 năm đã trôi qua mà thân phận người Mỹ

da đen vẫn là thân phận của một thiểu số bị ngược đãi và đứng bên lề xã hội Mỹ. Cho đến nay (2016), họ vẫn còn bị phân biệt đối xử trong hầu hết mọi lãnh vực sinh hoạt, thậm chí ở nhiều tiểu bang, còn bị áp bức bằng bạo lực và áp chế bằng các biện pháp hành chính.

- Thế mà vào tháng 1-2009, một người Mỹ da màu gốc Phi châu đã tuyên thệ để trở thành vị Tổng thống dân cử thứ 44 của siêu cường Hợp Chúng quốc Hoa Kỳ. Người đó là ông Barack Hussein Obama II. Ông sinh trưởng ở Honolulu, sống với ông bà ngoại từ nhỏ. Mẹ là người Mỹ gốc Anh còn cha là người Kenya. Ông tốt nghiệp Đại học Columbia và Trường Luật của Đại học Harvard, hoạt động xã hội từ thời còn là một thanh niên. Ông sinh hoạt cộng đồng tại Chicago, rồi làm luật sư về Dân quyền và dạy Luật Hiến pháp tại Trường Luật thuộc Đại học Chicago từ 1992 đến 2004. Năm 2008, ông Obama đánh bại ứng viên Cộng hòa John McCain trong cuộc tổng tuyển cử, và tuyên thệ nhậm chức Tổng thống Hoa Kỳ ngày 20 tháng 1, 2009. Chín tháng sau, ông được trao giải Nobel Hòa Bình. Và năm 2012, ông tái đắc cử Tổng thống nhiệm kỳ thứ nhì. Đây là một trường hợp biểu trưng tính bình đẳng về quyền công dân trong một chế độ chính trị dân chủ Tây phương.

- Chầy vuyên suốt giáo lý nhà Phật, chúng ta được học về tính bình đẳng của chúng sanh. Kinh *Trung A Hàm*, Kinh *Phạm Chí A Nhiếp Hòa*, (bản dịch của HT Thích Minh Châu) ghi rằng “... *Tất cả mọi người trong trăm chủng tộc khác nhau ấy đều có thể mang bột tắm đến nước và tắm rửa, trừ khử các cấu bẩn cho thật sạch. . . tất cả những người trong trăm chủng tộc khác nhau kia đều có thể dùng bất cứ loại gỗ nào làm mỗi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên*”. Hãy “Trừ khử cấu bẩn cho thật sạch”, hãy “dùng bất cứ loại gỗ nào làm mỗi lửa” thì sẽ thấy được chân như, thì sẽ làm hiển lộ được tánh Phật. Do đó, chúng sinh trong sáu cõi ai cũng đã có Phật tánh trong mình rồi tại vì “*Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh, nhất thiết chúng sanh giai cam tác Phật*.” Bản thể chân như nằm sẵn nơi mỗi chúng loại, vì chúng sanh có thể khác nhau về tất cả những Phật tánh thì không khác nhau. Vì vậy, Đức Phật tuyên bố: “*Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành*.”

- Thật không có một tôn giáo nào, từ Đa Thần giáo Đông phương đến Độc Thần giáo Tây phương, mà vị Giáo chủ lại tôn trọng và tuyên dương sự bình đẳng đối với chính đệ tử của mình như thế! Sự kiện một công dân Mỹ gốc da màu, thân phụ là người nước ngoài, cha mẹ lại ly dị từ hồi còn nhỏ, được dân bầu làm Tổng thống Mỹ là một hiện tượng còn hiếm hoi của thế tục, nhưng nó lại nhất quán với nguyên lý bình đẳng trong Phật giáo: Nếu tất cả mọi công dân đều bình đẳng trước cơ hội làm nguyên thủ quốc gia, thì tất cả chúng sinh cũng bình đẳng

trước nỗ lực tiến đến giác ngộ để chứng đắc quả vị cao nhất là thành Phật. Lấy con người, chứ không phải thần linh hay giáo chủ, làm trung tâm của chủ thể giải phóng, nên Phật giáo được gọi là một *tôn giáo nhân bản* chính vì thế. Thoát khỏi thân phận làm sản phẩm thụ tạo “hèn mọn” của một Thượng Đế để đứng lên, tự làm chủ vận mệnh của mình, đạt bình đẳng với thần linh, nên Phật giáo được xem như một *tôn giáo nhân chủ* cũng chính vì thế.

4. Tháng 3/2011: Đức Đạt-lai Lạt-ma được xếp hạng đứng thứ nhì trong Danh sách 100 Nhân vật Tâm linh kiệt xuất nhất trên thế giới

- Ngày 01 tháng 3 năm 2011, nhà xuất bản *Watkins Books* tại thủ đô London (Anh quốc) đã phát hành ấn phẩm *Mùa Xuân Watkins Review*, số 26, trong đó, Ban Biên tập đã thiết lập danh sách của 100 nhân vật hiện còn sống, và đang có ảnh hưởng tâm linh lớn nhất trên thế giới. Cứ mỗi ba năm, *Watkins Books* lại cập nhật danh sách một lần để gửi đến 30.000 độc giả chọn lọc của họ. Việc tuyển chọn những học giả và các giảng sư tâm linh, mà những đóng góp của họ trong lãnh vực tâm linh đã tác động sâu rộng trên thế giới, là một quá trình phức tạp và khó khăn.

- Năm 2011 này, nhân vật đứng đầu bảng là ông Eckhart Tolle, người Canada, tác giả của 3 cuốn sách nổi tiếng: *Stillness Speaks*, *The Power Of Now* và *A New Earth*. Ông triển khai hiện tượng biến đổi của ý thức như một tình thức tâm linh mà ông cho là bước tiếp theo trong quá trình tiến hóa của con người. Nhân vật thứ nhì là Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14, lãnh đạo tinh thần của nhân dân Tây Tạng. Nhân vật thứ ba là tiến sĩ Wayne W. Dyer, một chuyên gia Mỹ về phương pháp tư duy tích cực (positive thinking). Nhân vật thứ tư là Thiền sư Giảng sư Thích Nhất Hạnh, người dùng thơ văn để kêu gọi Hòa bình trong chiến tranh Việt Nam. Và nhân vật thứ năm là diễn giả và tác giả Mỹ gốc Ấn Độ Deepak Chopra. Ông nguyên là một bác sĩ Sinh học Nội tiết (endocrinologist), lấy quan hệ giữa thân và tâm làm phương pháp điều trị. Các tác phẩm rất thành công của ông là *Ageless Body*, *Timeless Mind* và *The Seven Spiritual Laws of Success*.

- Để thấy tính nghiêm túc và độ khắt khe trong Danh sách chọn lọc này, ta thấy Tổng thống Nam Phi, khôi nguyên Nobel Hòa bình Nelson Mandela đứng tận vị trí thứ 19. Tổng Giám mục Anh giáo, một khôi nguyên giải Nobel Hòa Bình khác là Desmond Tutu đứng thứ 28. Giáo hoàng Benedict XIV, vị chủ chăn hơn một tỉ giáo dân của Giáo hội Công giáo La Mã, đứng thứ 34. Lạt-ma Tây Tạng Sogyal Rinpoche, sáng lập viên Hệ

thống Mật viện Quốc tế Rigpa, với hơn 100 trung tâm trên 23 quốc gia, và là tác giả cuốn sách nổi tiếng *The Tibetan Book of Living and Dying*, đứng thứ 82. (Xem thêm về Danh sách Watkins 2011 ở đây <http://giacngo.vn/phatgiaonuocngoai/2011/04/17/57E609/>)

- Khi vinh danh Đức Đạt-lai Lạt-ma, Watkins Books không những chỉ tuyên xưng nhân cách trí tuệ và tử bi của cá nhân Ngài mà còn khẳng định tác động tích cực, hiệu quả và độ lan tỏa của yếu tố tâm linh của Phật giáo trên toàn thế giới.



Hình **trên** - Ngày 20-1-2009, ông Barack Obama, một người Mỹ gốc da màu, tuyên thệ làm Tổng thống thứ 44 của Hợp Chúng quốc Hoa Kỳ.

Hình **dưới** - Năm 2011, Đức Đạt-lai Lạt-ma đời thứ 14, lãnh tụ tinh thần của Phật giáo thế giới, được Watkins Books tại London vinh danh là nhân vật thứ nhì trên thế giới có ảnh hưởng tâm linh trên toàn nhân loại

5. Tháng 9/2011: Thiền sư Thích Nhất Hạnh được đức tượng vinh danh tại Hoa Kỳ

- Ngày thứ Ba 6-9-2011, tại công viên Fox Square Park thuộc thành phố Oakland, tiểu bang California, đã diễn ra buổi lễ khánh thành một quần thể những bức tượng đồng của 25 nhân vật nổi tiếng toàn cầu. Thiền sư Thích Nhất Hạnh, một Tăng sĩ Việt Nam, cùng 24 vị khác đã được vinh danh vì những cống hiến của họ cho nhân loại và cho nền hòa bình trên

thế giới. Cụm tượng đài "*Remember Them: Champions For Humanity*" [Hãy nhớ đến Họ: Những nhà Vô địch vì Nhân loại] do điêu khắc gia Mario Chiodo thực hiện là để xưng tụng những người đấu tranh cho dân quyền và tuyên dương tính nhân văn trên thế giới.

- Công trình điêu khắc này gồm tượng bán thân hoặc toàn thân quần quện với nhau của 25 nhân vật đã từng tranh đấu cho quyền dân sự và những lý tưởng nhân bản. Họ gồm có Mục sư *Martin Luther King, Jr.* và bà *Coretta Scott King*, Luật sư lãnh đạo cuộc đấu tranh bất bạo động cho nền độc lập Ấn Độ *Mahatma Gandhi*, Tổng thống Mỹ thứ 32 *Franklin Delano Roosevelt*, Thiền sư Việt Nam *Thích Nhất Hạnh*, Tộc trưởng da đỏ *Joseph*, Mẹ *Teresa*, Nhà báo Nhân quyền *Frederick Douglass*, Thủ lĩnh Nghiệp đoàn gốc Mexico *Cesar Chavez*, Nữ thi sĩ da đen *Maya Angelou*, Nhà nữ đấu tranh Dân quyền *Rosa Park*, Khôi nguyên Nobel Văn chương gốc Do Thái *Elie Wiesel*, Ân nhân người Đức *Oskar Schindler* từng cứu hàng nghìn tù nhân Do Thái trong thảm kịch Holocaust, ...

- Khi dựng tượng một nhà đấu tranh bất bạo động cho hòa bình như Thiền sư Thích Nhất Hạnh bên cạnh các nhân vật lẫy lừng khác từ khắp nơi trên thế giới trong gần 100 năm qua, hẳn những người trong Ban Tuyển chọn không thể không nghiêm túc xét đến điểm xuất phát tâm linh của nhà đấu tranh này. Mà điểm xuất phát đó là gì nếu không phải là Đạo Phật với một truyền thống và một lịch sử yêu chuộng hòa bình, một giới răn căn bản là không lấy đi sinh mạng hay làm đau khổ bất kỳ một chúng sinh nào kể cả cỏ đá vô tình (xem thêm *deep ecology* và Phật giáo <https://www.theosophical.org/publications/42-publications/quest-magazine/1670-the-marriage-of-buddhism-and-deep-ecology>), và một *motto* "lấy tình thương hóa giải hận thù." Qua hành trạng của Thiền sư Thích Nhất Hạnh, Đạo Phật đã được tuyên xưng là một *Champion for Humanity* như chính tên gọi của tượng đài.

6. Tháng 10/2012: Giải Nobel Hóa học làm rõ thuyết Thập Nhị Nhân Duyên

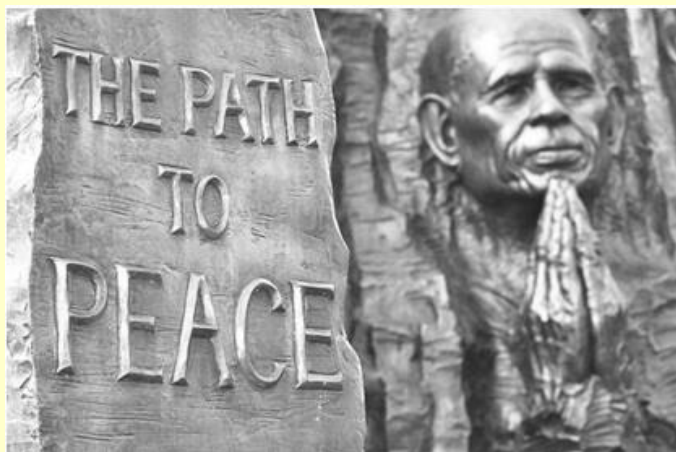
- Giải Nobel Hoá học năm 2012 thuộc về hai nhà khoa học Mỹ Robert Lefkowitz và Brian Kobilka cho các nghiên cứu về "*Các thụ thể bắt cặp protein G*" (G-protein-coupled receptors: GPCR). Công trình của hai nhà khoa học này đặt nền tảng trên ngành Hoá học, giải thích GPCR hoạt động trong cơ thể con người như thế nào, nhờ đó giải mã các chuỗi phản ứng hoá học tạo cảm giác, xúc cảm của con người. Công trình có liên quan mật thiết đến lĩnh vực Y Dược, đặc biệt thúc đẩy sự nghiên cứu phát triển các dược phẩm.

- "*Thập nhị nhân duyên*" là chuỗi 12 giai đoạn cụ thể hoá thuyết *Duyên khởi* nhằm lý giải sự hình thành và phát triển của nghiệp, của đời sống, nhất là của khổ. Đạo Phật ra đời

nhằm để diệt khổ, vì thế, “Thập nhị nhân duyên” trước hết vạch ra tiến trình của sự dứt khổ, nhưng đồng thời lại nêu rõ sự hình thành của con người và thế giới. Thập nhị nhân duyên là mười hai giai đoạn làm nên một đời của con người, giai đoạn trước làm tiền đề cho giai đoạn sau, *giai đoạn này sinh thì giai đoạn kia sinh, giai đoạn này diệt thì giai đoạn kia diệt*, các giai đoạn nối tiếp nhau tạo vòng sinh tử. Đó là Vô minh sinh Hành, Hành sinh Thức, Thức sinh Danh sắc, Danh sắc sinh Lục nhập, Lục nhập sinh Xúc, Xúc sinh Thọ, Thọ sinh Ái, Ái sinh Thủ, Thủ sinh Hữu, Hữu sinh Sinh, Sinh sinh Lão Tử.

- Riêng giai đoạn “*Lục nhập sinh Xúc*”, tức khi con người tiếp xúc với môi trường bên ngoài và có những cảm xúc như thương yêu, sợ hãi thì đã được giải mã làm rõ qua các công trình nghiên cứu khoa học mà đỉnh cao là công trình của hai nhà khoa học vừa đoạt giải Nobel Hoá học 2012. Việc tìm ra các thụ thể và vai trò của chúng trong việc truyền tin (cái này sinh/diệt thì cái kia sinh/diệt) không chỉ mang lại lợi ích to lớn trong việc chăm sóc sức khoẻ con người, mà còn giúp con người hiểu rõ hơn về nguồn gốc và cơ chế phát sinh cảm giác, sau đó là cảm xúc của bản thân mình. Cho rằng giải Nobel 2012 góp phần làm rõ thuyết “Thập nhị nhân duyên”, ở chỗ giải thích được “*Lục nhập sinh Xúc*” là vì thế.

[Trích từ phần từ: Nguyễn Hữu Đức, *Giải Nobel Hóa Học Làm Rõ Thuyết Thập Nhị Nhân Duyên* <http://thuvienhoasen.org/a22068/giai-nobel-hoa-hoc-2012-gop-phan-lam-ro-thuyet-thap-nhi-nhan-duyen>]



Tượng Thiền sư Thích Nhất Hạnh tại cụm tượng đài Remember Them: Champions for Humanity tại thị trấn Oakland, California.

STUDIES OF G-PROTEIN-COUPLED RECEPTORS

the Nobel Prize in Chemistry 2012



Dec.07,2012

Giải Nobel Hóa Học 2012, “Nghiên cứu về Các thụ thể bắt cặp protein G” (Studies of G-Protein - Coupled Receptors)

7. Tháng 9/2013: Thành viên sáng lập của Liên minh Phật giáo Toàn cầu (IBC) họp lần thứ nhất.

- Hội nghị “Các thành viên sáng lập lần thứ nhất” của Liên minh Phật giáo thế giới (International Buddhist Confederation, IBC) đã được khai mạc trọng thể tại thủ đô New Delhi, Ấn Độ vào sáng ngày 9-9-2013. Tham dự Hội nghị này có khoảng 600 đại biểu thuộc 100 phái đoàn của 39 quốc gia, bao gồm nhiều vị Tăng thống, chủ tịch các tổ chức Giáo hội Phật giáo lớn trên thế giới. Về phía quan khách có bà *Sheila Dixit*, thống đốc thủ đô Delhi, công chúa *Ashi Kesang Wangmo Wangchuck* và cựu thủ tướng *Jigmi Y. Thinley* của Bhutan, ông thứ trưởng Bộ Tôn giáo Miến Điện *U Soe Win*, ông vụ trưởng Phật giáo thuộc Bộ Tôn giáo Lào *Somboun Aliya* và nhiều quan khách khác v.v... Thông điệp chúc mừng của Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc *Ban Ki-Moon*, thông điệp của Giáo hoàng *Francis*, thông điệp của bà *Daw Aung San Suu Kyi*, thông điệp của nguyên Thủ tướng Bhutan, thông điệp đức *Dalai Lama* và thông điệp của Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam *Thích Phổ Tuệ* v.v... đã lần lượt được tuyên đọc, hoặc được trình chiếu qua máy phóng ảnh tại Hội nghị.

- Với tư cách pháp nhân là tổ chức Phật giáo liên kết và điều hành Phật sự lớn nhất thế giới, Liên minh có năm nhiệm vụ: (i) Là tiếng nói hợp nhất (united voice) của mọi tổ chức Phật giáo về những mối quan tâm toàn cầu; (ii) Bảo tồn các truyền thống và gia tài văn hóa Phật giáo thế giới và phối hợp tri thức, kinh nghiệm và nguồn lực của Phật tử khắp nơi; (iii) Tạo sự thông cảm giữa các tổ chức, tông phái và truyền thống Phật giáo để giải quyết mọi hình thức bạo động; (iv) Xiển dương quyền bình đẳng xã hội và bình đẳng giới tính. Khuyến khích tinh thần từ bi và tương hệ trong thế giới Phật giáo; và (v) Hoạt động như một mạng lưới để vận động các chính phủ và các định chế quốc tế về những vấn đề mà Phật giáo quan tâm.

• Đây là lần thứ nhì Liên Minh nhóm họp ở cấp toàn cầu sau hai năm hoạt động. Đó là một bước tiến vĩ đại nếu ta biết rằng Liên minh đã phải vượt qua những trở ngại to lớn như thế nào trong giai đoạn mới khai sinh. Theo báo cáo tại Hội nghị, Liên minh đã đạt được những thành quả to lớn trong các dự án được thông qua trong Hội nghị lần trước nhằm thể hiện 5 nhiệm vụ mà Liên Minh đề ra.

[Để biết thêm chi tiết về Hội nghị này, xin đọc ở đây <http://thuvienhoasen.org/a18223/an-do-khai-mac-hoi-nghi-cac-thanh-vien-sang-lap-lien-minh-phat-giao-toan-cau-lan-1>]

8. Tháng 5/2014: Thủ tướng Narendra Modi, một tín đồ Ấn giáo, giúp Phật giáo Ấn Độ hồi sinh

• Thái tử Tất Đạt Đa là người Ấn Độ, thành Phật tại Ấn Độ và Tăng đoàn Phật giáo đầu tiên đã được thiết lập cũng tại Ấn Độ. Phật giáo như một tôn giáo có tổ chức đã lên đến đỉnh điểm vào thế kỷ thứ 3 dưới thời Đại đế Ashoka và bắt đầu suy tàn từ thế kỷ thứ 12 khi Đại học Nālandā bị tiêu hủy. Sau hơn 18 thế kỷ bầm rã và triển khai thành nhiều bộ phái phái tông môn, Phật giáo tại Ấn Độ đã bị suy tàn vì nhiều lý do khách quan và chủ quan, trong đó phải kể đến tình trạng suy đồi giới hạnh của cấp lãnh đạo Phật giáo là nguyên do chính. Hiện nay, theo thống kê dân số của Pew Research Center năm 2013 thì số Phật tử tại Ấn Độ là 9,25 triệu người, chỉ chiếm 0,8% tổng dân số toàn quốc, và chỉ bằng 1/3 lượng tín đồ theo đạo Chúa (Công giáo La Mã và Tin Lành) tại Ấn Độ.

• Trong buổi hoàng hôn đỏ của Phật giáo tại Ấn Độ bỗng xuất hiện một vị “cứu tinh” lạ lùng: Ông Narendra Modi, một tín đồ Ấn giáo. Ông sinh năm 1950 tại làng Vadnagar thuộc huyện Mehsana, miền Tây Bắc Ấn Độ. Ông là người con thứ ba trong số 6 người con của một người chủ quán trà. Theo học ngành chính trị học tại đại học Gujarat, ông tốt nghiệp với bằng thạc sĩ. Ông là thủ lĩnh của đảng Bharatiya Janata (đảng Nhân Dân), từng giữ chức Thống đốc tiểu bang Gujarat từ năm 2001 đến năm 2014. Ông Narendra Modi là một người theo dân tộc chủ nghĩa Ấn giáo và là một thành viên của Tổ chức Tình nguyện Dân tộc (RSS). Ông được ca ngợi là một nhà lãnh đạo có viễn kiến và quyết đoán, các chính sách kinh tế của ông tạo ra môi trường tối ưu cho tăng trưởng kinh tế bền vững ở mức cao.

• Tuy là một tín đồ Ấn giáo nhưng ông đặc biệt ngưỡng mộ Đức Phật và Giáo pháp của Ngài, nhất là khi vận dụng nội dung Phật pháp để đối trị những cuộc khủng hoảng xã hội và nhân văn. Ông đã từng tuyên bố trước các diễn đàn tôn giáo rằng “Đức Phật là vương miện của nước Ấn Độ. Ngài là một nhà cải cách vĩ đại đã cho nhân loại một nhân sinh quan mới” (*Buddha is India's crown jewel. He is a great reformer who gave humanity a new world view*). Lãnh đạo một xã hội phức tạp đa giai cấp và nhiều

truyền thống tâm linh đan bện chằng chéo của hơn một tỷ công dân, ông không ngại ngừng xác định rằng “Đức Phật là người đầu tiên cho thế giới này một hệ thống đạo đức hoàn chỉnh” (*Buddha was the first human being to give to this world a complete system of morality*), và “Đức Phật là một nhà thuyết giảng vĩ đại về sự bình đẳng” (*Buddha was a great preacher of equality*).

• Là một nhà cải cách, trong nhiều lần đối thoại với các Tăng sĩ cũng như Cư sĩ lãnh đạo Phật giáo, ông đã thúc đẩy và thách thức Phật giáo Ấn Độ hãy mạnh dạn tiến hành một cuộc chấn hưng triệt để hầu trở lại với vai trò chủ đạo về đạo đức và tâm linh cho dân tộc Ấn. Tầm nhìn vĩ mô và dài hạn của ông được trình bày vào năm 2010 tại Cuộc hội thảo *Di sản Phật giáo Quốc tế* ở Thủ đô văn hóa Gujarat, bang Vadodara, với sự hiện diện của Đức Đạt-lai Lạt-ma và những vị chức sắc lãnh đạo của các tôn giáo khác, trong đó ông diễn giảng về một liên minh văn hóa giữa Ấn Độ (mà phần lớn theo Ấn giáo) và một Châu Á (mà đa số theo Đạo Phật) để đối trọng trong hòa bình và phát triển với Liên minh Châu Âu (một Liên minh các nước có nền tảng Thiên Chúa Giáo) và Tổ chức Hồi giáo (Hiệp hội gồm các quốc gia theo Đạo Hồi).

• Ngày 16-5-2014, đảng Nhân Dân (Bharatiya Janata, BJP) của ông đã oanh liệt thắng đảng Quốc Đại (Congress Party) trong cuộc bầu phiếu toàn quốc, chiếm 350 (trên 543) ghế trong Quốc hội. Mười ngày sau, ngày 26-5-2014, ông Narendra Modi tuyên thệ trở thành Thủ Tướng (thứ 15) của nước Cộng hòa Liên bang Ấn Độ.

• Công cuộc hồi sinh của Phật giáo Ấn Độ sẽ được hưởng nhiều thuận lợi từ thắng lợi này bởi vì nhà lãnh đạo mới Narendra Modi hết lòng tán dương Đức Phật và rất quan tâm đến sự đóng góp to lớn của Phật giáo đối với việc nâng cao tiêu chuẩn tinh thần và đạo đức cho nhân loại trên toàn thế giới.



Ngày 9-9-2013, tại thủ đô New Delhi, 600 đại biểu thuộc 100 phái đoàn của 39 quốc gia tham dự Đại hội khoáng đại của Liên minh Phật giáo thế giới (International Buddhist Confederation, IBC).



Đương kim Thủ tướng Ấn giáo Narendra Modi là nhân vật quyết tâm hỗ trợ cho Phật giáo Ấn Độ thực hiện một cuộc chấn hưng sâu rộng.

9. Tháng 10/2015: Thông điệp ủng hộ "Tuyên ngôn 2009 của Phật giáo về tình trạng Thay đổi khí hậu" trước thềm Hội nghị COP21 tại Paris

• Ngày 29-10-2015, mười lăm nhân vật lãnh đạo Phật giáo đã ký tên vào một Thông điệp ủng hộ *Tuyên Ngôn của Phật giáo về Thay đổi Khí hậu (Copenhagen, 2009)*, kêu gọi lãnh đạo thế giới hãy chấm dứt hoàn toàn việc khai thác và sử dụng nhiên liệu hóa thạch. Thông điệp này là nỗ lực mới nhất của tổ chức *Global Buddhist Climate Change Collective (GBCCC)* vốn được thành lập từ tháng 9 năm 2015 để thể hiện đóng góp của Phật giáo cho COP21, một Hội nghị về Khí hậu của Liên Hiệp Quốc được tổ chức tại Paris vào ngày 30-11-2015.

• Bản Thông điệp ủng hộ "*Tuyên Ngôn Phật giáo 2009*" mở đầu như sau:

• "Chúng tôi, các nhà lãnh đạo Phật giáo ký tên dưới đây, cùng tập hợp lại trước thềm Hội nghị lần thứ 21 (COP21) của các bên tham gia Công ước khung của Liên Hiệp Quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) tại Paris, nhằm góp thêm tiếng nói của mình vào lời kêu gọi các nhà lãnh đạo thế giới hãy hợp tác với nhau trong tình thương và tuệ giác để có thể đạt được một thỏa thuận hiệu quả và đầy tham vọng về biến đổi khí hậu.... Chúng ta đang ở vào một thời điểm quyết định, thời điểm mà sự sống còn của loài người chúng ta cũng như của các loài khác trên trái đất này đang bị đe dọa nghiêm trọng do những hành động của chính chúng ta."

• Sau khi đưa ra các "mục tiêu chấm dứt sử dụng nhiên liệu hóa thạch, giảm những phương thức tiêu thụ không bền vững, và những đòi hỏi về mặt đạo đức khi giải quyết những nguyên nhân cũng như tác động của biến đổi khí hậu, đặc biệt là đối với những người nghèo nhất thế giới", Thông điệp kêu gọi: "Để đạt được những mục tiêu nêu trên, chúng tôi kêu gọi các nhà lãnh đạo thế giới cùng nỗ lực bằng ý chí chính trị của mình để thu hẹp khoảng cách về mục tiêu khí thải mà

các quốc gia đã cam kết và đảm bảo sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu được duy trì ở mức dưới 1.5 độ C so với thời kỳ tiền công nghiệp... Vì những lý do nêu trên, chúng tôi kêu gọi tất cả các bên tham gia đàm phán tại Paris:

1. Luôn lưu tâm đến các khía cạnh đạo đức liên quan đến biến đổi khí hậu, như đã nêu trong điều thứ 3 của Công ước khung về biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc (UNFCCC).

2. Đồng ý chấm dứt sử dụng nhiên liệu hóa thạch và chuyển sang hướng sử dụng 100% năng lượng sạch và có khả năng tái tạo.

3. Quyết tâm thu hẹp khoảng cách về mục tiêu khí thải mà các quốc gia đã cam kết và đảm bảo sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu được duy trì ở mức dưới 1.5 độ C so với thời kỳ tiền công nghiệp.

4. Đi đến một cam kết chung về tăng cường nguồn lực tài chính trên mức 100 tỷ đô-la mà các nước phát triển đã cam kết đóng góp tại Copenhagen năm 2009, thông qua Quỹ Khí hậu Xanh (GCF), nhằm giúp các nước đang phát triển ứng phó với những tác động của biến đổi khí hậu và thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang phát thải carbon thấp trên toàn cầu.

Thời điểm hành động là bây giờ."

Đồng ký tên:

- 1) Đức Đạt-lai Lạt-ma Tenzing Gyatso - Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14
- 2) Thiền sư Thích Nhất Hạnh - Vị thầy sáng lập Làng Mai (Pháp)
- 3) Đức Gyalwang Karmapa thứ 17 - Người đứng đầu của dòng phái Karma Kagyu
- 4) Hòa thượng Dharmasen Mahathero - Đức Tăng thống, Giáo hội Phật giáo Bangladesh
- 5) Ngài Hakuga Murayama - Chủ tịch Hiệp hội Phật giáo trẻ Nhật Bản (JYBA)
- 6) Ngài Jaseung Sunim - Trưởng Tông phái Tào Khê (Jogye Order) của Phật giáo Hàn Quốc
- 7) Hòa thượng Bhante B. Sri Saranankara Nayaka Maha Thera - Giáo hội Phật giáo Malaysia
- 8) Hòa thượng Khamba Lama Gabju Demberel - Chủ tịch Giáo hội Phật giáo Mông Cổ
- 9) Hòa thượng Bhaddanta Kumārābhivamsa - Đức Tăng thống, Chủ tịch Ủy ban Tăng đoàn Quốc gia Maha Nāyaka, Myanmar
- 10) Hòa thượng Agga Maha Panditha Dawuldena Gnanissara Maha Nayaka Thera - Đức Tăng Thống của Amarapura Maha Nikaya, Sri Lanka
- 11) Hòa thượng Thích Phổ Tuệ - Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam
- 12) Ngài Lama Lobzang, Tổng thư ký Liên đoàn Phật giáo Thế giới (IBC)
- 13) Ngài Olivier Reigen Wang-gen, Chủ tịch, Tổng hội Phật giáo Pháp (UBF)
- 14) Ngài Bhikku Bodhi - Chủ tịch Hội Phật giáo Hoa Kỳ (BAUS)
- 15) Công chúa Ashi Kesang Wangmo Wangchuk - Vương quốc Bhutan

Xem thông tin về Tuyên ngôn 2009 tại đây:
<http://thuvienhoasen.org/a4743/tuyen-ngon-cua-phat-giao-ve-tinh-trang-thay-doi-khi-hau>
 và về Thông điệp 2015 ở đây:
<http://langmai.org/cong-tam-quan/thong-bach/thong-diep-phat-giao-ve-bien-doi-khi-hau>

10. Tháng 10/2016: Giải Nobel Y-Sinh học về quá trình Tái sinh của tế bào và ý niệm Vô thường của Phật giáo.

- Ngày 3-10-2016, giải Nobel Y-Sinh học được trao cho một nhà khoa học Nhật Bản là Giáo sư Yoshinori Oshumi. Ông hiện là giáo sư của Học Viện Công nghệ Tokyo (Tokyo Institute of Technology). Ông là người Nhật thứ 4 được trao giải Nobel Y-Sinh học, và người Nhật thứ 25 được trao giải Nobel. Giải thưởng năm nay ghi nhận khám phá liên quan đến cơ chế sinh tử của tế bào, được đặt tên tiếng Anh là *macroautophagy*, nhưng thường thì gọi tắt là *autophagy*. Thuật ngữ *autophagy* xuất phát từ tiếng Hi Lạp, có nghĩa là "tự ăn", nhưng có lẽ dịch sang tiếng Việt là "tự thực". Thật ra, nghĩa đúng và đầy đủ là *quá trình tế bào tái sinh*.

- Mỗi ngày, để duy trì sức khoẻ bình thường, cơ thể chúng ta phải đào thải một lượng protein bị hư hỏng, và thay thế chúng bằng protein mới. Tính chung, mỗi ngày cơ thể chúng ta cần phải thay thế khoảng 200 đến 300 g protein. Nhưng trong khi chúng ta chỉ thu nạp khoảng 60-80 g, và hơn phần nửa là bị thải ra, vậy thì lấy đâu để thay thế? Đó là "bí mật" của cơ thể. Giáo sư Yoshinori Oshumi tìm ra được cơ chế thay thế đó. Hoá ra, các tế bào và protein trong chúng ta có khả năng tự tái sinh (self-recycling). Nói cách khác, trong điều kiện thiếu thốn, các protein tự chúng tái sinh để đáp ứng đủ khối lượng protein mà cơ thể cần thiết. Cơ chế tái sinh này được đặt tên là *autophagy*. Ý nghĩa "tự thực" được hiểu từ cơ chế đó.

- Khái niệm sinh - diệt của tế bào rất gần với ý niệm "vô thường" trong Phật giáo. Kinh *Tứ Thập Nhị Chương* có thuật một câu chuyện, mà theo đó Đức Thế Tôn hỏi các tỷ kheo rằng con người sống bao lâu. Người thì trả lời là 100 năm, người cho rằng 70 năm, người lại nói vài tháng. Chỉ có một tỷ kheo nói rằng mạng người sống chỉ có một hơi thở! Đức Thế Tôn khen vị tỷ kheo đã hiểu đúng về định luật vô thường của sự sống. Định luật vô thường ở đây có thể hiểu là chu trình thành-trụ-hoại-không. Chu trình này diễn ra liên tục không ngơi nghỉ trong cơ thể chúng ta.

- Thật vậy, trong thực tế sinh học, tất cả chúng ta sống và chết trong một giây, và qui trình sinh-diệt này diễn ra một cách liên tục cho đến ngày chúng ta già từ trần thế. Do đó, nói rằng chúng ta chết và sống trong từng giây không phải là một ví von, một mỉa mai tôn giáo, mà là một thực tế sinh học. Phát hiện của Giáo sư Yoshinori Oshumi tuy không mới nhưng giải

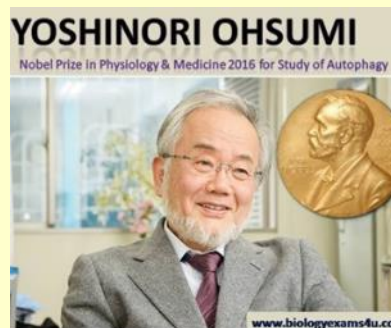
thích được cái cơ chế của định luật vô thường qua phương pháp khoa học hiện đại.

- Phát hiện về cơ chế *tự thực* của Giáo sư Yoshinori Oshumi không chỉ có ý nghĩa khoa học mà còn phảng phất triết lý nhà Phật. Quá trình tái sinh của tế bào là một khía cạnh của ý niệm *vô thường*. Thật ra, rất nhiều những gì mà giới khoa học ngày nay gọi là "khám phá" hay "phát hiện" thực chất chỉ là minh hoạ và giải thích những ý niệm đã được Đức Phật phát biểu cách đây hơn 2500 năm. Nhưng cái đẹp của khoa học hiện đại là những phương pháp tinh vi và chính xác có thể giúp chúng ta xác minh và hiểu biết tốt hơn những ý tưởng cổ điển mà các bậc hiền triết ngày xưa nghĩ đến.

[Trích từng phần từ: Nguyễn Văn Tuấn,
Giải Nobel Y-Sinh học phảng phất ý niệm Vô thường]



Ngày 29-10-2015, thông qua chiến dịch vận động của Global Buddhist Climate Change Collective, 15 nhà lãnh đạo Phật giáo đã ra một Thông điệp ủng hộ "Tuyên Ngôn 2009 của Phật giáo về Thay đổi Khí hậu".



Ngày 3-10-2016, giải Nobel Y-Sinh học được trao cho Giáo sư người Nhật Yoshinori Oshumi do những khám phá liên quan đến cơ chế sinh tử của tế bào Autophagy).

-- () --

Mười năm đã trôi qua. Mười sự kiện có ý nghĩa lớn nêu trên như mười hạt ngọc lưu ly được xâu thêm vào một chuỗi ngọc trí tuệ, lóng lánh nội hàm của ba tạng kinh điển Phật giáo. Mỗi sát na biến hiện là mỗi sát na hiển lộ thêm tính Chân Thực vi diệu của lời Phật dạy, vượt ra ngoài và lên trên tri kiến tục để xuyên suốt vào từ Cực Tiểu vi tế của mầm sống đến Cực Đại mệnh mông của vũ trụ bao la.

Lời Đức Phật dặn dò năm xưa, trước lúc Ngài già biệt đệ tử, như còn vang vọng đâu đây trong chiều dài không-thời-gian vô tận, trong chiều sâu thăm thẳm của tâm thức hàng tỷ chúng sinh. Hãy mở lòng mở trí đọc lại một lần nữa để cùng nhau kiên trì và tinh tấn đi trên con đường thanh thản an lạc mà Đức Phật đã đi:

"Này các đồ đệ, các con hãy tự làm đuốc để soi sáng cho các con, hãy trồng cây vào chính sức mạnh của các con; không nên lệ thuộc vào bất cứ ai. Những lời giảng huấn của ta sẽ làm ngọn đuốc dẫn đường cho các con, làm nơi nương tựa cho các con; không cần phải lệ thuộc thêm vào những lời giảng huấn nào khác nữa."...

"Thân xác con người phải tiêu tan, nhưng Trí tuệ của Giác ngộ sẽ trường tồn vô tận trong thực thể của Đạo Pháp, trên con đường tu tập Đạo Pháp. Nếu có ai chỉ thấy thân xác ta thì kẻ ấy không thấy ta một cách thật sự. Chỉ có người nào chấp nhận những lời giáo huấn của ta mới thật sự nhìn thấy ta."...

"Sau khi ta tịch diệt, Đạo Pháp thay ta làm vị thầy cho các con. Biết nói theo Đạo Pháp, ấy chính là cách các con tỏ lòng trung thành với ta. Trong bốn mươi lăm năm sau cùng trong cuộc đời của ta, ta không hề dấu diếm điều gì trong những lời giáo huấn. Chẳng có một lời giáo huấn nào bí mật, không có một lời nào mang ẩn ý. Tất cả những lời giảng của ta đều được đưa ra một cách ngay thật và minh bạch."

Này các con yêu quý của ta, đây là giây phút chấm dứt. Trong một khoảnh khắc nữa ta sẽ nhập vào Niết bàn. Những lời này là những lời dặn dò cuối cùng của ta cho các con."

Trí Tánh Đỗ Hữu Tài
California, 12/2016

Tham chiếu từ:

daophatngaynay.com/vn,
en.wikipedia.org, giacngo.vn, gia-
odiemonline.com, ibcworld.org,
intpolicydigest.org, langmai.org,
lotuspro.net, nalandauni.uni.in,
rsc.org, space.com, theosophi-
cal.org và thuvienhoasen.org.



TỰ HỎI

*Có bao giờ ta tự hỏi ta chưa?
Những bức bối, giận hờn, chua cay, ich kỉ...
Dù tất cả chỉ là điều phi lý
Bởi cuộc đời vốn chẳng dính gì ta*

*Mây trên trời là của vũ trụ bao la
Chẳng của gió, của mưa, của ngày hay của nắng...
Không gian này vốn phẳng lặng
Ta lấy bên ngoài làm rồi cát nỏ vào tâm*

*Phật pháp dạy rằng vạn vật đều không
Nó không tướng, không tánh, không không, không có
Giáo lý mấy nghìn năm của đức Thế Tôn còn đó
Nhưng ngài dạy rằng: Ta chẳng nói gì đâu!*

*Trăng là trăng chứ chẳng của đêm thâu
Vì trái đất xoay tròn nên có ngày đêm, sáng tối
Điều tuyệt đối duy nhất đó là các pháp điều tương đối
Chấp làm gì chuyện được, mất, hơn, thua?*

Có bao giờ ta tự hỏi ta chưa?

thơ

HÀN LONG AN

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

PAKISTAN: Phục chế pho tượng Phật mang tính biểu tượng ở Pakistan

Một tượng Phật thế kỷ thứ 7 mang tính biểu tượng tại tỉnh Khyber-Pakhtunkhwa, vốn bị Taliban hủy hoại phần mặt, vai và thân cách đây 9 năm, cuối cùng đã được phục chế trở lại hình dạng ban đầu bởi một nhóm khảo cổ học người Ý.

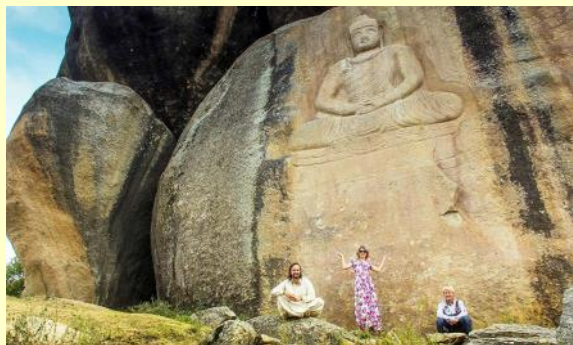
Nhóm Sứ mạng Khảo cổ học Ý tại Pakistan đã có thể phục hồi phần tượng bị hư hỏng sau 4 năm làm việc vất vả, với sự giúp đỡ của người dân địa phương tại Jahanabad ở huyện Swat.

Nhóm người Ý bắt đầu công việc phục chế tượng Phật này vào năm 2012, sử dụng công nghệ và phương pháp phục chế 3D mới nhất cùng các chuyên gia 3D.

Tượng Phật thiền định cao 21 feet và rộng 12 feet này được xem là tượng Phật khắc đá lớn nhất tại Nam Á, là một biểu tượng của nghệ thuật Gandhara.

Bây giờ người ta hy vọng pho tượng Phật được phục chế sẽ một lần nữa có thể thu hút mọi người từ khắp thế giới cũng như từ những vùng khác của Pakistan.

(Big News Network – November 15, 2016)



Tượng Phật khắc đá đã được phục chế tại tỉnh Khyber-Pakhtunkhwa—Photo: Google

BANGLADESH: Chùa Vàng của thành phố Bandarban mở cửa trở lại cho du khách

Chùa Vàng Phật giáo của Bandarban bị đóng cửa đối với du khách vào ngày 20-2-2016 sau khi chính quyền nhận được những lời khiếu nại rằng hành vi sai trái của du khách đã tác động đến sự linh thiêng của ngôi chùa.

Nay Chùa Vàng đã mở cửa trở lại cho du khách, nhưng việc bố trí an ninh tại chùa này đã được tăng cường.

Hoàn thành vào năm 1995 theo kiến trúc Arakanese, Chùa Vàng có pho tượng Phật lớn thứ hai tại Bangladesh.

Chùa có tên gọi là Buddha Dhatu Jadi (Chùa Xá lợi Phật) vì có lưu giữ xá lợi của Đức Phật. Xá lợi tôn trí tại đây là một món quà do Ủy ban Tăng đoàn Nhà nước Maha Nayaka của Miến Điện tặng cho Hòa thượng U Panna Jota Mahathero, người sáng lập và là sư trưởng của chùa này.

(NewsNow – November 15, 2016)



*Chùa Vàng của thành phố Bandarban, Bangladesh
Photo: bdnews24.com*

NEPAL: Đức Pháp Vương Gyalwang Drukpa cảnh báo về sự đe dọa của biến đổi khí hậu đối với các nguồn nước ở Hi Mã Lạp Sơn

Nhân Hội nghị Biến đổi Khí hậu 2016 của Liên Hiệp

Quốc diễn ra từ ngày 7 đến 18-11-2016 tại thành phố Marrakesh, Ma Rốc, Đức Pháp Vương Gyalwang Drukpa đã lên tiếng lo ngại về ảnh hưởng ngày càng tăng đối với quyền của các nguồn nước – đặc biệt là tại các cộng đồng Hi Mã Lạp Sơn – bắt nguồn từ sự thay đổi khí hậu. Ngài nhận xét rằng những dạng thời tiết thất thường và các thay đổi theo mùa đang ngày càng ảnh hưởng đối với chuyển động của nước tại dãy Hi Mã Lạp Sơn, và nội rộng hơn, đối với tỷ lệ đáng kể của dân số thế giới.

Là vị lãnh đạo tinh thần của dòng truyền thừa Drukpa thuộc Kim Cương Thừa, Đức Pháp Vương Gyalwang Drukpa đã khởi xướng một loạt các chương trình và sáng kiến tham gia xã hội, nhằm giải quyết các vấn đề về xã hội và môi trường đương thời thông qua việc áp dụng lòng từ bi của giáo lý và triết học Phật giáo.

(Buddhistdoor – November 15, 2016)



Đức Pháp Vương Gyalwang Drukpa (bên trái) được Liên minh Bảo vệ Nước vinh danh là "Người Bảo vệ của Dãy Hi Mã Lạp Sơn" vào tháng 9 năm 2013—Photo: wikipedia.org

INDONESIA: Phật tử cầu nguyện cho hòa bình tại Medan

Đông đảo Phật tử tại Medan, Bắc Sumatra đã tổ chức

một lễ cầu nguyện cho hòa bình và lòng khoan dung tại Indonesia, giữa lúc những căng thẳng tôn giáo đang tăng lên trên khắp đất nước.

Khoảng 15,000 tín đồ của tất cả các Phật phái đã tham gia lễ cầu nguyện chung này, được tổ chức tại Căn cứ Không quân ở Medan vào ngày 19-11-2016.

Hàng chục tu sĩ Phật giáo, các vị dân biểu và quan chức địa ở địa phương cũng tham dự sự kiện 2-ngày này.

Bộ trưởng Tôn giáo Lukman Hakin Saifuddin đã khai mạc lễ cầu nguyện chung nói trên vào ngày 18-11, được đánh dấu bằng việc thả hàng trăm chim bồ câu, là biểu tượng của hòa bình và hòa hợp.

Tỉnh trưởng Bắc Sumatra, ông Erry Nuradi, cũng đánh giá cao lễ cầu nguyện chung của tín đồ Phật giáo có chủ đề "Vì đất nước tôi, Indonesia" này.

(The Jakarta Post - November 19, 2016)



*Chư tăng của các Phật phái khác nhau cầu nguyện cho hòa bình và hòa hợp tại Medan, Bắc Sumatra (Indonesia)
Photo: Apriadi Gunawan*

MÔNG CỔ: Đức Đạt lai Lạt ma thuyết pháp tại Tu viện Gandantegchinlen

Bishkek, Mông cổ - Đức Đạt lai Lạt ma đã giảng pháp cho hàng ngàn Phật tử tại Mông Cổ, bất chấp những yêu cầu từ Trung Quốc rằng chuyến thăm của vị lãnh đạo tinh thần Tây Tạng này phải bị hủy bỏ, vào thời điểm mà Mông Cổ đang tìm một gói

viện trợ quan trọng từ cường quốc láng giềng của mình.

Đức Đạt lai Lạt ma thuyết pháp tại Tu viện Gandantegchinlen vào ngày 19-11-2016. Ngài nói về chủ nghĩa duy vật khi bắt đầu chuyến thăm 4-ngày của mình, và rằng những gì ngài nói tại Mông Cổ là thuần túy tôn giáo về bản chất và không bao gồm các cuộc hội kiến với các quan chức.

Vào ngày 20-11, Đức Đạt lai Lạt ma đã tụng niệm những bài kinh đặc biệt.

Các nhân vật tôn giáo Mông Cổ nói rằng chuyến thăm này có thể là lần cuối đối với vị lãnh đạo tinh thần 81 tuổi này. Và một số đệ tử của Đức Đạt lai Lạt ma đã đi hàng trăm dặm để được thấy ngài, bất chấp nhiệt độ tháng 11 năm nay là lạnh nhất trong một thập kỷ.

(NewsNow - November 21, 2016)



Đức Đạt lai Lạt ma tại Mông Cổ—Photo: NewsNow

NEPAL: Bảo tháp Boudhanath mở cửa trở lại sau khi tái thiết

Sau trận động đất tàn phá hàng trăm di tích lịch sử cách đây 18 tháng trên khắp Nepal, đất nước này đã tổ chức kỷ niệm sự phục hồi của Bảo tháp Boudhanath, di tích Phật giáo nổi tiếng tại thủ đô Kathmandu.

Bảo tháp được tu sửa không phải bằng quỹ của chính phủ, mà bằng các khoản cúng dường từ các nhóm Phật giáo và sự giúp đỡ từ tình nguyện viên địa phương.

Bảo tháp Boudhanath thế kỷ 14 đã bị rung chuyển bởi một trận động đất mạnh vào tháng 4-2015.

Những người cúng dường trong và ngoài nước đã đóng góp hơn 2 triệu đô la. Ngoài ra còn có khoản cúng dường 31 kg vàng để phủ lên phần đỉnh tháp, bao gồm 13 bậc cấp tượng trưng cho con đường giác ngộ của Phật giáo.

(AP - November 22, 2016)



Bảo tháp Boudhanath của Nepal trong ngày mở cửa lại sau khi tu sửa—Photos: AP & AFP



CANADA: Chư ni tu tập ngày càng đông trên Đảo Prince Edward

Đảo Prince Edward (P.E.I) đang trở thành nhà của nhiều nữ tu sĩ Phật giáo, là những người nói rằng đây là một nơi thoải mái đối với họ để tu tập.

Cách đây 4 năm, 13 ni cô từ Đài Loan đã đến Đảo này. Ngày nay, tại phía đông P.E.I đã có 134 ni cô cư trú tại ni viện trên đường Uigg.

Trong vài năm tới, họ hy vọng sẽ có thêm khoảng 100 ni cô nữa và sẽ chuyển đến một tòa nhà mới có thiết kế theo kiểu một ngôi chùa Phật giáo truyền thống.

Có tuổi trung bình là 25, đa số ni cô tại đây đến từ Đài Loan, nhưng cũng có một số quê ở Singapore, New Zealand, Hoa Kỳ và Canada.

(NewsNow - November 22, 2016)



Một ni cô cầu nguyện tại ni viện trên đường Uigg, đông P.E.I (Canada)—Photo: CBC

NHẬT BẢN: Tuyến đường hành hương Phật giáo Shikoku tìm vị thế Di sản Thế giới

Chính quyền vùng Shikoku đang tiến hành việc hình thành một tuyến đường hành hương địa phương, bao gồm 88 đền chùa được chỉ định là một Di sản Văn hóa Thế giới UNESCO.

Vào tháng 8-2016, 4 tỉnh và 58 thành phố vùng Shikoku có đền chùa hành hương đã đệ trình một kiến nghị gửi Cục Văn hóa để tìm vị thế ứng viên cho Di sản Văn hóa Thế giới. Tài liệu nói trên mô tả hành trình thiêng liêng này như một "hình thức hành hương điển hình của nước ta".

Chính quyền các địa phương của lộ trình 88 đền chùa dài 1,400 km đã kết nối các thánh địa này như nền tảng của Di sản Văn hóa Thế giới đã được định hình.

Chính quyền tại đây sẽ đối mặt với vấn đề làm cách nào để thiết lập một kế hoạch bảo tồn những đền chùa và tuyến đường nói trên như những tài sản văn hóa.

(The Yomiuri Shimnibun – November 25, 2016)



*Khách hành hương của tuyến đường hành hương Phật giáo Shokoku, Nhật Bản
Photo: Google*

ANH QUỐC: Trung tâm Tu học Phật giáo Vajarasana tại hạt Suffolk

Trung tâm Tu học Phật giáo Vajarasana tọa lạc tại địa điểm của một trang trại cũ ở hạt Suffolk. Cơ sở này được điều hành bởi Trung tâm Phật giáo Luân Đôn (LBC), nơi đã trao giải thưởng dự án này cho Công ty Kiến trúc Walter&Cohen sau một cuộc thi và năm 2013.

Công ty Kiến trúc Walter&Cohen, có trụ sở tại Luân Đôn, được giao nhiệm vụ tân trang lại một trang trại thời 1900s, cùng với việc mở rộng sức chứa của khu tu tập từ 34 lên 60 người, cải thiện khả năng tiếp cận và giới thiệu các cơ sở mới – trong số đó có một điện thờ.

Công ty đã triển khai đề xuất của mình dựa trên các nguyên lý Phật giáo, với một Bảo tháp do các thành viên của LBC thiết kế, cùng với một khu nhà 2 tầng có điện thờ một tượng Đại Phật.

(NewsNow – November 2016)



Bảo tháp và Phật điện tại Trung tâm Tu học Phật giáo Vajarasana ở hạt Suffolk, Anh Quốc—Photo: Dezeen



HÀN QUỐC: Chương trình "Cuộc sống tại chùa" giới thiệu văn hóa Phật giáo và cuộc sống tu viện

Ngày 10-11-2016, Thượng tọa Hwanseong của chùa Bongeon đã chào đón các du khách đến từ Hoa Kỳ và Hàn Quốc. Họ không phải là Phật tử, cũng không phải là khách viếng thường xuyên các đền chùa. Giống như hàng nghìn người khác trước đó, họ đến chùa Bongeon để tham gia chương trình "Cuộc sống tại chùa" vốn giới thiệu nền văn hóa Phật giáo và đời sống tu viện.

"Cuộc sống tại chùa" đặc biệt dành cho người ngoại quốc với một chương trình bằng tiếng Anh, được tổ chức vào mỗi ngày thứ Năm từ 2 p.m. đến 4:30 p.m.

Chùa Bongeon được thành lập năm 794 vào thời Vương quốc Silla (57 B.C – 935 A.D). Về sau chùa này trở thành nền tảng của cuộc hồi sinh của Phật giáo Hàn Quốc và đã đào tạo nên những nhà sư nổi tiếng.

(tipitaka.net – November 27, 2016)



Thượng tọa Hwanseong và nhóm khách viếng chùa Bongeon



Khách viếng uống trà theo nghi thức trà đạo



Khách làm hoa sen giấy trong chương trình "Cuộc sống tại chùa"—Photos: Yonhap

ẤN ĐỘ: Tìm thấy các phù điêu Phật giáo thế kỷ thứ nhất tại lòng sông Gundlakamma

Vijayawada, Ấn Độ - Hai phù điêu Phật giáo mô tả sự thờ phụng Dharma Chakra đã được tìm thấy tại lòng sông Gundlakamma vào ngày 24-11-2016 tại làng Vennampalli ở khu Tripurantakam, huyện Prakasam.

Các phù điêu này được làm bằng đá vôi Palnadu đại diện cho giai đoạn trưởng thành của nghệ thuật Amaravati, và có niên đại từ thế kỷ thứ nhất – khi khu vực này được cai trị bởi các Satavahana, Tiến sĩ Muniratnam Reddy của Viện Khảo cổ Ấn Độ và Tiến sĩ E Sivanagi Reddy, Chuyên gia Phật giáo và là Giám đốc điều hành Trung tâm Văn hóa Vijayawada & Amaravati cho biết.

Họ nói rằng các phù điêu này thuộc về bảo tháp Phật giáo nằm trên đồi Singarakonda ở làng Chandavaram và được dùng để bao bọc phần gạch xây bảo tháp. Họ kêu gọi Cục Khảo cổ & Bảo tàng chuyển các phù điêu đến Bảo tàng Chandavaram để tạm thời lưu giữ cho an toàn và trưng bày cho phù hợp.

(tipitaka.net – December 2, 2016)



Các phù điêu Phật giáo thế kỷ thứ nhất được tìm thấy tại lòng sông Gundlakamma (Ấn Độ)—Photo: The Hans India

AFGHANISTAN: Cuộc tranh luận về việc liệu có cần xây lại các tượng Đại Phật Bamiyan

Các chuyên gia sẽ hội kiến để thảo luận về việc có nên phục hồi 2 pho tượng Đại Phật bị Taliban phá hủy tại Afghanistan vào năm 2001 hay không.

Các tượng cổ khổng lồ này đã được tạc vào các vách đá của Thung lũng Bamiyan và tồn tại trong nhiều thế kỷ.

Bây giờ, các chuyên gia và các nhà phục chế đang xem xét liệu các di tích đồ sộ nổi trên có thể được phục chế, hoặc có nên bảo tồn những gì còn sót lại của di tích đồ sộ này và để nó nguyên trạng như hiện nay.

Các chuyên gia chủ yếu là người Afghan, Đức, Nhật và Pháp đang làm việc tại Thung lũng Bamiyan sẽ hội kiến tại thành phố Munich (Đức) trong 2 ngày trong khi họ thảo luận về những lựa chọn có được là gì.

Họ nói vấn đề về cộng đồng địa phương cũng quan trọng như vấn đề về việc bảo tồn một Di sản Thế giới UNESCO.

(tipitaka.net – December 5, 2016)



Tượng Đại Phật Bamiyan (Afghanistan) từng tồn tại trong 1,800 năm (ảnh trên)



*Hốc núi trống sau khi tượng Đại Phật bị Taliban phá hủy vào năm 2001 (ảnh dưới)
Photos: ANI*

ẤN ĐỘ: Lễ Tụng niệm 10-ngày Tam Tạng Kinh Quốc tế lần thứ 12

Bồ Đề Đạo Tràng, Bihar – Ngày 5-12-2016 hàng ngàn tu sĩ và tín đồ Phật giáo đã đến chùa Đại Giác để tham dự nghi thức tụng niệm Kinh Tam Tạng Quốc tế.

Sự kiện 10-ngày lần thứ 12 này bắt đầu vào ngày 2-12 và sẽ kết thúc vào ngày 12-12.

Trong trang phục truyền thống, đồng đạo tu sĩ và tín đồ đến từ gần 15 quốc gia đã viếng chùa Đại Giác và hát những bài đạo ca cho hòa bình thế giới.

Trong buổi lễ, chư tăng tụng lời Phật dạy dưới cây Bồ Đề linh thiêng.

Kinh Phật mô tả Bồ Đề Đạo Tràng là "rốn của Trái Đất", nơi hàng năm những người hành hương và du khách từ Tích Lan, Trung Quốc, Nhật Bản và toàn vùng Đông Nam Á đến viếng nơi linh thiêng nhất của các đền chùa Phật giáo này.

(ANI – December 5, 2016)



*Các tu sĩ Phật giáo tụng niệm tại Bồ Đề Đạo Tràng (Ấn Độ)
Photo: ANI*

**NEPAL: Trường Đại học
Phật giáo Lâm Tì Ni giới
thiệu các khóa học mới**

Kathmandu, Nepal –

Trường Đại học Phật giáo Lâm Tì Ni đã bắt đầu các khóa học văn bằng cử nhân về Khảo cổ học và các khóa Thạc sĩ về Bảo tàng học.

Sinh viên tốt nghiệp bất cứ môn học nào có thể đủ điều kiện để theo học khóa học một năm về Khảo cổ học. Khóa này dành cho 'bằng tốt nghiệp sau đại học' đạt đủ 500 điểm.

Bhadra Ratna Bajracharya, Trưởng khoa của trường, cho biết các sinh viên tốt nghiệp ở bất cứ môn học nào đều có thể tham gia khóa Thạc sĩ về Bảo tàng học. Khóa học cho sinh viên đủ 2,000 điểm sẽ được dạy trong 2 năm.

Vị Trưởng khoa cho biết các môn học mới này đã được giới thiệu với mục đích đào tạo các nguồn nhân lực có khả năng trong cả nước.

(The Himalayan Times – December 6, 2016)

CHỪNG ẤY ĐỦ

*thơ chưa viết là bài thơ hay nhất
môi chưa hôn là môi mãi ngọt ngào
lời chưa nói là lời ru tâm mật
tình chưa trao - tình lấp lánh muôn sao!*

*người hãy giữ chút lòng trong thỉnh lặng
để em mơ ngày ngũ sắc cầu vồng
để em mơ đêm nguyệt bạch vô cùng
để em mộng cuộc đời lưng nhà nhạc*

*người hãy tỏ mắt nhìn, chùng ấy đủ
tơ lòng em dư dật thăm muôn màu
êm ái phủ suốt đường trần lỗ chỗ
em vui chân, đi những bước mộng du*

*người hãy đón hồn em trong giấc ngủ
chôn chiêm bao, nơi hò hẹn đôi mình
chôn chiêm bao ngày mãi mãi bình minh
đời với mộng, khác gì chẳng, phù ảo?*

thơ

NGUYỄN THỊ MINH THỦY



*Trường Đại học Phật giáo Lâm
Tì Ni (Nepal)
Photo: The Himalayan Times*

**HÀN QUỐC: Bức tranh Phật
giáo "Obuldo" bị đánh cắp
được trả lại cho Hàn Quốc**

Bức tranh "Obuldo" của chùa Songkwang bị đánh cắp sẽ trở về với Hàn Quốc vào ngày 8-12-2016.

"Gần đây chúng tôi đã nhận bức Obuldo vốn được giữ tại Bảo tàng Portland ở Hoa Kỳ. Tranh sẽ trở về Hàn Quốc qua Phi trường Quốc tế Icheon vào sáng mai," Cục Di sản Văn hóa và Tông phái Phật giáo Tào Khê của Hàn Quốc cho biết.

Tranh Obuldo sẽ được lưu giữ tại Bảo tàng Phật giáo Trung ương, sau đó chuyển về

bản tự Songkwang. Tranh rộng 117 cm và cao 157 cm, được vẽ vào năm 1725.

Vào đầu thập niên 1970 Robert Matielli, người Mỹ, đã mua tranh này từ một người môi giới đồ cổ tại Seoul và tặng nó cho Bảo tàng Nghệ thuật Portland ở Maine vào năm 2014.

Viện Nghiên cứu Di sản Văn hóa Quốc gia Hàn Quốc đã phát hiện sự hiện hữu của bức Obuldo bị đánh cắp. Sau đó, Cục Di sản Văn hóa và Tông phái Tào Khê Hàn Quốc đã thuyết phục chủ nhân của bảo tàng về việc trả lại bức tranh, và cuối cùng họ đã đồng ý.

(donga.com – December 7, 2016)



*Tranh "Obuldo" của Phật giáo
Hàn Quốc—Photo: donga.com*

Những cảnh đào trong kỷ ức...

PHÙNG QUÂN

So sánh với bạn bè cùng lứa, tôi đã có may mắn được sống trọn vẹn thời thơ ấu tại Dalat. Vùng đất cao nguyên ấy, một thời đã được tôn xưng là chốn Hoàng triều Cương thổ, của cuối triều đại nhà Nguyễn, nơi mà người dân dã, từ các bà quây gánh hàng rong, đến buôn thúng bán bưng ngoài chợ, lúc nào cũng tươi tắn trong chiếc áo dài, cho dù chiếc áo dài kia có cũ nát, bạc gấu sờn vai, không che dấu hết được vẻ nghèo khó với những mụn và thời gian. Đất Hoàng triều thuở đó còn hoang sơ lắm, thỉnh thoảng vẫn thường có từng đoàn người Thượng, từ miền rừng núi về qua phố chợ, họ hãy còn đóng khổ, đeo gùi và mang rựa trên vai, nối đuôi nhau đi thành một hàng dài, tựa hồ như đã quen với lối đi độc đạo đường rừng. Dalat xứ của sương mù thơ mộng, với đồi thông vù vút. Có người còn thi vị hóa và gọi thị xã cao nguyên này là xứ Anh Đào, vì hàng năm cứ vào đầu Xuân trong không khí lạnh mát, thành phố này lại bừng lên một màu tím hồng của những cội mai anh đào khoe sắc thắm.

Đạo ấy tôi còn bé lắm, kỷ ức còn sót lại của một cậu bé học trò tiểu học, chỉ là những quang cảnh đùa nghịch với chúng bạn nơi sân trường, hoặc những buổi sáng đứng nghiêm chỉnh chào quốc kỳ trong sương sớm. Ấy vậy mà mỗi khi có ai nhắc đến Dalat, tôi lại hồi tưởng ngay đến một

thành phố nhiều núi đồi, với bao nhiêu con dốc cao ngất và không thể thiếu những hàng mai anh đào trên con dốc dẫn xuống bờ hồ, dọc ngang dưới phố. Tôi vẫn không thể nào quên được ngôi trường tiểu học, mái ngói năm gian, hàng ngày vang lên từng hồi trống trường hai buổi. Chạy dọc theo đây là con đường Hai Bà Trưng, nơi ven lộ có



trồng khá nhiều những hàng cây mai anh đào. Mỗi năm cứ vào mùa hoa nở, lại bừng lên một màu tím hồng, rực cả một bên đường. Sau mỗi kỳ hoa nở lại đến mùa mai anh đào kết trái, những trái mai nhỏ chỉ bằng nửa đốt ngón tay, chỉ chít trên cành. Thuở ấy những cô học trò bé nhỏ trường tôi, thường hay nhặt những trái mai chín rụng bên lề đường, tô lên mười đầu móng tay làm dáng. Những trái mai anh đào Dalat khi chín, sắc tím đỏ thắm, mong nước cắn vào sẽ thấy một vị hơi đắng, thường khi rụng nhiều, bước chân qua đó dẫm

lên, còn làm loang tím cả vĩa hè.

Mùa thu năm ấy, khi tôi chuyển trường về Saigon là thời gian đầu tiên của thời trung học. Sân trường nơi đây nóng bức, thiếu hẳn những bóng cây và đạo đó trong sân trường không mấy ngày là thiếu vắng mùi lựu đạn cay bay vào lớp học. Đó là mùa của những thay đổi chính biến, mùa của lớp lớp sinh viên, học sinh thi nhau xuống đường bãi khóa...

Sống trong vận hội mới, và có lẽ nếp sống nơi đô hội cũng dần dần làm tôi bắt đầu quên đi màu hoa xứ Anh Đào từ đạo đó. Cho đến mãi ít năm sau, vào một hôm mừng một Tết, tôi đến chúc Tết một gia đình người bạn, thì chào ôi đó lần đầu tiên tôi được mục kích ngay giữa phòng khách bày biện thật trang trọng một cảnh bích đào thật tươi thắm, đặt trong một chiếc bình sứ cổ, an vị giữa phòng. Bạn tôi cho biết: "Đây là bích đào Nhật Tân, do người quen trong Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến mới từ ngoài Hà Nội mang vào tặng." Đạo ấy tôi chưa biết thưởng thức thế nào là vẻ đẹp của cảnh đào. Tôi nào đâu đã biết phân biệt thế nào là đào kép, đào tía, đào phai ăn quả, đào ghép! Nào đâu đã biết cái đẹp của bích đào là phải từ thân gốc xù xì, chồi ra những cành nhánh gãy guộc, hay những cành đào thế, có dáng hiên ngang như thế người quân tử hoặc những cảnh đào già, da mốc như rêu

cau. Nghe nói cảnh đào gọi là đẹp, trước hết phải còn tùy ở cái dáng, cái thể của nó. Phần gốc xù xì cho ta cảm giác về sự vững bền của nền tảng, cái cốt cách sừng kính của người quân tử, chẳng thể mà người xưa đã nói: *mai cốt cách, tuyết tinh thần*. Những cành, nhánh không nên xum xê quá nhiều, để tạo ra cảm xúc thanh thoát, khoáng đạt. Lúc ấy tôi chỉ thấy cảnh bích đào kia sao mà rực rỡ thế, một món quà quá hiếm lạ, đến từ nửa bên kia phần đất nước, đang tung bừng khoe sắc trong những hôm Tết nóng bức của miền Nam.

Phải đợi cho mãi đến khi sang Nhật du học, mùa xuân đầu tiên năm đó, tôi mới thật sự được chiêm ngưỡng và biết thế nào là hoa Anh Đào xứ Phù Tang. Hoa Anh Đào Nhật Bản đẹp thật! Chúng tôi là những kẻ du sinh, lần đầu tiên lạc giữa rừng hoa. Anh Đào nở rộ khắp mọi nơi, từ những chốn đền đài cung điện, cho đến những công viên rộng bao la, những cánh rừng Anh Đào bạt ngàn toàn sắc một màu trắng chỉ hơi phơn phớt một chút sắc hồng, trông xa như những đám mây trắng nổi ứng hồng, bông bông nhẹ trôi theo từng làn gió xuân lướt trên những thảm cỏ xanh. "*Sakura, sakura...*" Cô giáo Nhật Ngữ đã dạy và tập cho chúng tôi cùng hát bài dân ca này. Thử hỏi những ai đã từng một thời là sinh viên du học Nhật Bản mà không nhớ mãi bài hát ấy. Âm điệu bài hát êm ả như sự hài hòa giữa con người và thiên nhiên, một xứ sở thật thái bình, đem vào đây tiếng đàn Samisen trầm bổng như quyện vào những động tác uyển chuyển của vũ điệu đón mừng Anh Đào nở mỗi độ đầu tháng Tư. Phải đi thưởng lãm hoa Anh Đào nở trong những dịp lễ hội Hanami như thế, mới thấy được dân tộc Nhật Bản yêu thích và sùng kính biểu tượng Sakura của xứ sở họ như thế nào. Và đây cũng dịp thiên hạ được ngắm nhìn những thiếu nữ Nhật Bản xúng xính trong

những bộ Kimono cổ truyền lộng lẫy. Màu sắc rực rỡ từ những chiếc áo Kimono sắc sỡ, nổi bật bên cạnh từng cánh rừng Anh Đào bát ngát, phơn phớt hồng như một giải lụa bồng bồng, nhẹ trôi trên bầu trời xanh biếc. Bức tranh thiên nhiên sinh động ấy với những nét chấm phá thật hài hòa tuyệt mỹ, thỉnh thoảng đây đó vài cơn gió nhẹ đưa về, làm hàng vạn cánh hoa Anh Đào lả lẩn nhẹ nhàng bay trong gió, như những hạt tuyết mong manh tựa tơ trời, đậu hờ trên vai áo giai nhân...

"*Tam thập niên tiền, nhị thập tam.*" Thuở ấy chúng tôi và những buổi bình minh của tuổi trẻ đã cùng nhau hăng say, ngạo nghễ lên đường. Bao nhiêu điều hay, nét đẹp nơi xứ người, đã tràn đến làm chúng tôi choáng ngợp và lưu lại trong tâm hồn tôi, kẻ du sinh, bao ấn tượng. Nhưng trong ký ức tôi, không phải mùa Anh Đào nào nơi xứ Phù Tang lúc nào cũng đơn thuần tươi sáng như mùa Xuân tràn đầy hạnh phúc, không phải lúc nào cũng êm ả bên cạnh những thảm cỏ non còn in nhẹ dấu hài. Có một dạo tôi cũng đã trải qua những ngày nghỉ đông cơ cực, buổi giá nơi những công viên cần được trùng tu, khi ấy từng thảm cỏ đã thôi xanh, chung quanh chỉ còn lại toàn một màu vàng rạ héo úa. Tôi đã làm bạn với bao gốc cội Anh Đào. Hai bàn tay thư sinh của chàng du sinh xứ Việt lần hồi cũng biết chăm sóc những cây anh đào, cũng biết khéo léo quấn từng lớp rơm bao phủ quanh thân cây, từng cành đào, dùng sợi dây thừng cuốn chặt lại, rồi âm thầm nhả nhủ: "*Cuốn rơm cho khéo nhé, Giữ ấm buổi đông thì, Xuân về hoa hé nhụy...*"

Qua một mùa đông ấy, hai bàn tay chàng du sinh đã thấy hằn lên những vết sâu nứt nẻ như thân cây đào sương gió. Một buổi chiều cuối đông lang thang một mình trên phố, tình cờ gặp lại người yêu cũ, mời nhau tách



cà phê trong *kitsaten* quán nhỏ. Ôn chuyện đời sương gió, chàng ngọt ngào thả nhẹ từng viên đường vào tách cà phê của nàng như thói quen chưa bỏ. Chợt nhìn xuống bàn tay chàng, nàng sững sờ: "*Không lẽ!*" Bỏ ngổ chớp vội làn mi, nàng khẽ ngoảnh mặt cúi đầu. Nghẹn lời hồi lâu không nói: "*Cố hương ơi...*", chợt thấy lòng quặn đau một nỗi ngậm ngùi.

Dạo ấy đã xa lắm rồi, mỗi năm trên xứ Phù Tang hoa Anh Đào vẫn nở. Không biết có bao giờ, ai đó lạc bước du xuân đến chốn công viên ngày nọ, nhìn lên những cành hoa Anh Đào đang rung rinh trong gió, vào mỗi dịp lễ hội Hanami, hay đang thưởng lãm những cánh anh đào, đưa mắt giữa không gian trong xanh gió mát, hoặc ngồi nghỉ chân bên những luống cỏ hoa thơm biếc. Thử hỏi có ai thấy ẩn hiện đâu đó chút vết tích của chàng du sinh xứ Việt, mùa đông năm nào đã cắm cúi, nâng niu giữ ấm từng gốc cội, cảnh đào? Hẳn chàng du sinh ấy cho dù có lưu lạc tận phương nào, chắc suốt đời sẽ không bao giờ quên được những tháng năm đầu đời hạnh phúc, sẽ nhớ mãi những ngày đông giá buốt, lam lũ làm bạn với những cội Anh Đào già. Chàng giờ đây đang lần hồi gọi lại trong ký ức từng cánh hoa anh đào, từng bó rơm thơm màu vàng rạ, từng lời hát cũ trong bài: "Sakura, sakura..."

PHÙNG QUÂN

Thi sĩ – và tâm cảnh thăng hoa

HẠNH CHI

Vũ Hoàng Chương là một thi sĩ lớn, từ thập niên 30. Tất nhiên, lớn không phải chỉ do số lượng thi phẩm xuất bản mà còn lớn ở phẩm chất văn chương, nét sáng tạo xuất thần, phong phú đã khai sinh được linh hồn cho từng dòng chữ, từng câu thơ.

Bút mực thể gian đã tốn nhiều giấy mực với thi sĩ họ Vũ này. Ở đây, người viết chỉ xin khiêm tốn pha một bình trà, mời bạn đọc cùng mạn đàm đôi nét về thơ Vũ Hoàng Chương, ở những ngã rẽ tình cờ, trên một khía cạnh khác. Khía cạnh của "Tâm cảnh thăng hoa."

Quý vị cũng biết đó, thời đi học, không cuốn Lưu Bút Ngày Xanh nào truyền tay nhau mà không có dăm câu thơ VHC. Những bài thơ tình lãng mạn, nếu chép nguyên bài, có thể không thích hợp lắm với tuổi học trò, nhưng "nhặt" ra những câu thơ mộng thì nhiều vô số kể, dám học trò trung học tha hồ chọn lựa mà lưu bút cho nhau, tùy theo tình cảm của chủ nhân cuốn lưu bút và người được mời viết.

Ấy thế mà, thú thật, suốt tuổi học trò, tôi chưa từng trích câu thơ nào của VHC vào những cuốn tập màu xanh, màu tím ấy. Không biết tại sao! Có lẽ vì tôi cù lần quá, đọc những bài thơ tình nổi tiếng đó, tôi chưa hiểu, hay chưa cảm được, nên tâm trạng cứ " *Rằng hay thì thật là hay. Vừa toan chép xuống, lại, loay hoay thế nào!*" , dựa theo lời thi hào Nguyễn Du khi tả tiếng đàn của Thúy Kiều " *Rằng hay*

thì thật là hay. Nghe ra ngâm đắng nuốt cay thế nào!"

Nhưng đến nay, đã qua ngưỡng cửa "thất thập cổ lai hy," ngẫm đời mình, ngẫm đời người, chợt thoảng nghe tiếng nấc của thi sĩ trong niềm cô đơn cùng cực. Cùng cực để thăng hoa.

"Ta còn để lại gì không?

Kìa non núi lở, kìa sông cát bồi

Lang thang từ độ luân hồi

U minh nẻo trước, xa xôi dặm về!" (*)

Đi suốt những khổ đau, nhận trăm cay nghìn đắng, rượu và nước mắt hòa nhau như mưa trời, rồi người làm thơ đó mới may mắn nhận ra "Ta còn để lại gì không?"

Câu hỏi, nhưng thực đã là câu trả lời.

Nếu chưa đi suốt dặm trường khổ đau, có chắc gì chấp nhận, ta có mặt nơi thế gian này chỉ là "lang thang luân hồi" không? Hay vẫn còn mãi mê náu bắt những ảo tưởng " *Như mộng, huyễn, bào, ảnh. Như lộ diệc như điện*" mà kinh Kim Cang không ngừng từ bi nhắc nhở!

Vũ Hoàng Chương là con quan một tri huyện nên đã được đời ưu đãi từ tấm bé. Cái thuở mà nhiều gia đình không đủ sức cho con đi học trường làng thì VHC đã đậu bằng tú tài Pháp, thập niên 30.

Chàng thanh niên hội đủ tiêu chuẩn "con nhà giàu, đẹp trai, học giỏi" như thế, lại bị một cô gái con nhà nghèo khước từ tình yêu thì có uất nhục không? Khối tình tuyệt vọng này là động lực khai ngòi núi lửa, tuôn trào miên man dòng phún bắt tận tận trong lịch sử thi ca thất tình thời đó. Những câu thơ xuất thần tới mức, chỉ đọc lên, mà nghe rõ ràng như tiếng khóc, tiếng nấc:

" *Tổ của Hoàng ơi! Hồi nhớ thương*

Em xa lạ quá! Đâu còn phải,

Tổ của Hoàng xưa, Tổ của tôi!" (*)

Rồi khi nàng Tổ không còn, tiếng khóc của Hoàng còn bị ai bội phần:

" *Mây khói đêm nay sâu dựng mộ*

Bia đề tháng sáu, ghi mười hai

Tình ta ta tiếc, cuồng ta khóc

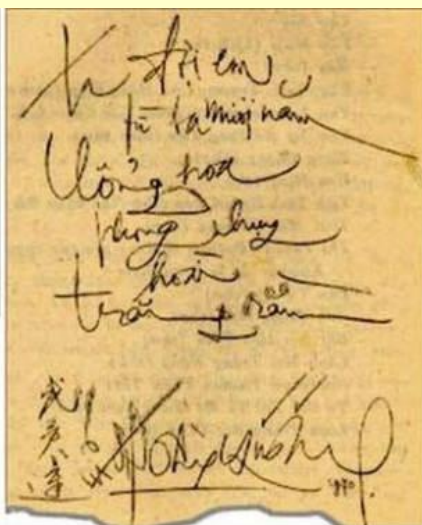
Tổ của Hoàng, nay Tổ của ai?!" (*)

Những trang thơ thuở thanh xuân của VHC dường như chỉ chan chứa lệ và rượu. Mượn rượu để quên sầu:



VŨ HOÀNG CHƯƠNG.
Ảnh của CAO LĨNH, Sài Gòn
1970.

Bên tay phải là chữ viết
của Thi sĩ Vũ Hoàng Chương.



"Trong men cháy, giác quan vừa bén lửa,
 Say không còn biết chi đời
 Nhưng em ơi, đất trời nghiêng ngửa,
 Mà trước mắt, thành sâu chưa sụp đổ,
 Đất trời nghiêng ngửa,
 Thành sâu không sụp đổ em ơi!"(*)

Say tới không còn biết chi đời nhưng vẫn cay đắng nhận ra, từ chút hy vọng mong manh "thành sâu CHƯA sụp đổ", thành tuyệt vọng ảo não, thờ ắt mà nhận rằng "thành sâu KHÔNG sụp đổ, em ơi!"

Bi thương thật là cùng cực rồi.

May thay! Đầu phải chỉ có tình yêu vị kỷ là đáng ngợi ca. Tận thâm sâu tuyệt vọng của tình yêu giới hạn, đã bung ra cánh cửa của cái đẹp vô hạn để thi sỹ họ Vũ dùng trí tuệ và tài năng thi ca, vẽ lên những tuyệt tác mệnh mỏng hơn:

"Hào khí người còn sang sảng
 Đầu đây lòa chói giấc mơ
 Nước sông Dịch còn trôi hay đã cạn
 Gương anh hùng vắng vặc sáng thiên thu"(*)

Hình ảnh trắng sỡ mài kiếm dưới trăng, quyết đơn độc lên đường diệt bạo chúa, cứu muôn dân, đã lồng lộng bi tráng trong "Bài ca sông Dịch" một thời chứa chan dũng khí của tiếng gọi hồn thiêng sông núi "Reo lên! Hỡi ngọn lửa hồng! Cháy lên đi! Hỡi muôn lòng nguội tanh!"

Khi cửa ngục khổ đau đã bung ra, là lúc bao cánh cửa khác hiển bày, chỉ tại cửa tâm ta đóng chặt nên chưa tỏ mà thôi! Thế giới ngoài kia mệnh mỏng, nào phải chỉ là thế giới của thất tình lục dục

"Bao nhiêu hạt cát bến sông này
 Đã bấy nhiêu ngàn thế kỷ nay
 Từ vượt ngàn năm, đường ánh sáng
 Tự ngoài vô tận đến nơi đây
 Đêm đêm ta dõi mắt tầng cao
 Tìm một không gian mới lạ nào
 Lấp lánh Quê Trời, thơ hẹn bến
 Giam mình Quả Đất mãi hay sao?"(*)

Từ đây, người đọc thơ thấy được thấp thoáng những hạt Bồ Đề bằng qươ gieo xuống ruộng tâm u uẩn, từng chỉ tưới tắm bằng men và lệ.

Bằng qươ thôi, nhưng là bằng qươ của tánh bản thiện tiềm ẩn mà Đức Thế Tôn chỉ dạy trong kinh Pháp Hoa, khi trẻ nhỏ vọc cát chơi, lại chỉ phác họa tháp Phật:

"Nhấn đến đồng-tử giỡn
 Nhóm cát thành tháp Phật
 Những hạng người như thế
 Đều đã thành Phật-đạo"

Vì hạt được gieo bằng Trí Tuệ Bát Nhã nên đông qua, xuân lại, ruộng đó đã bừng xanh rừng tùng bách bi tráng của Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi, qua tuyệt tác phẩm "Lửa Từ Bi" khi thi sỹ viết về hình ảnh Bồ Tát Quảng Đức vị pháp thiêu thân:

"Tám chín phương nhục thể trần tâm hiện thành thơ,



Quỳ cả xuống,
 Hai vầng sáng rưng rưng,
 Đông Tây nhòa lệ ngọc
 Chắp tay đón một mặt trời mới mọc
 Ánh Đạo Vàng phôi phối đang bừng lên,
 dâng lên

Ơi đích thực hôm nay trời có mặt
 Giờ là hoàng đạo nguy nga
 Muôn vạn khối sân si vừa mở mắt
 Nhìn nhau: tình huynh đệ bao la
 Nam Mô Đức Phật Di Đà
 Sông Hằng kia bồi đậu mà cát bay ..."(*)

Ồi! Tiếng thơ xưa vẫn nức nở, nhưng dòng lệ nay đã là những hạt kim cương vì lệ không rơi cho tình riêng nữa. Cảnh tượng cực kỳ bi tráng toát ra từ vị Bồ Tát an nhiên ngồi xuống, tự hóa thân thành lửa đỏ, cứu muôn người - đối với nhà thơ - đã có mãnh lực ngàn lần hơn tiếng hét của thiền sư giúp học trò hoắt nhiên đại ngộ.

Và người thi sỹ từng chìm đắm trong biển tình sâu đau, bỗng như vừa chắp cánh.

Cảnh đối tâm, và tâm cảnh thăng hoa.

Bấy giờ, hồn thơ kia mới thực viên mãn, như con tằm nhả được những sợi tơ vàng óng quý:

"Ngọc hay đá, tượng chẳng cần ai tạc
 Lựa hay tre, nào khiến bút ai ghi
 Chỗ người ngồi: một thiên thu tuyệt tác
 Trong vô hình sáng chói nét từ bi"(*)

Hạt Bồ Đề đã gieo. Cây đã trở. Thơ đã thơm Đạo Vị. Tâm đã lắng xôn xao, nên những ngày tháng cuối đời, người thi sỹ tài hoa đó đã có thể thanh thản truyện trò với đá, bạn với mây, đối ẩm với trăng.

Lần nọ, tôi ghé thăm một bạn văn xưa, được bạn đãi ly trà quý thơm lừng. Rồi giữa không gian chật hẹp của một nhà xe được sửa lại thành không gian bát ngát của chữ nghĩa, bạn lục báo cũ, cho tôi dăm tờ.

Về Am, tôi nhẩn nha đọc, và thấy trong dăm tờ đó, một bài thơ của Vũ Hoàng Chương được nhận định, có lẽ là bài "Khai bút đầu năm" cuối cùng của thi sỹ, đăng trên tạp chí Nhà Văn, Xuân Ất Mão, tháng hai năm 1975.

Vũ Hoàng Chương mất ngày 6 tháng 9 năm 1976, sau khi CSVN thả ông ra khỏi tù ít lâu!

Thi sỹ viết bài khai bút này bằng Hán tự, cũng được chính tác giả chuyển sang lục bát với những sáng tạo tuyệt vời, xuất thần ở cách ngắt câu, khiến vẫn giữ được sự mượt mà của Lục Bát mà lại thoàng dư vị đắng cay, thường chỉ ẩn hiện trong âm điệu Song Thất ghen ngào.

Chỉ với bài thơ này, đọc chậm, từng câu, chúng ta có thể thấy nỗi cô đơn, nhưng an nhiên tự tại của thi sỹ, khi không còn gì để nói với người thì đất đá, cỏ cây, trăng sao mây nước là bằng hữu vẫn chờ ta đó:

Nguyên bản Hán tự:

Khai Xuân thạch vấn

"Tuồng vân mãn tọa nguyệt bôi minh
Hy chúc xuân khai dạ bán quỳnh
Đông liễu Tây đào sông tận mỹ
Tận tang Yên thảo nhất hà thanh
Tân giao cổ quốc hoài kim phần
Tự hữu cuồng ngôn xuất thạch bình
Đội ngọa, dĩ sa trường túy ngọa
Cổ lai thủy dã chiếm cao danh?"(*)

Chuyển sang lục bát:

Đá mở lời Xuân

Bạn đây mây, chén đây trăng
Xuân vào đêm, giữa lòng băng nở quỳnh
Liễu tơ đào, gấm như tranh
Dâu Tân biếc, cỏ Yên xanh, một trời
Quê xưa phần rụng vàng rơi
Có nghe vách đá vang lời hỏi duyên:
Say nằm trước ngõ là tiên
Hoặc say nằm cát ngoài hiên mới hào?

(*)

Nghệ sỹ với giác quan nhạy bén hơn người, thường là tiên tri trước những biến động nhân gian, nên từ bài khai bút cuối, chỉ hai vầng nguyệt tỏ trước cơn hồng thủy tháng tư 75, thi sỹ đã chỉ còn nói chuyện với đá!

Nay, dù ở đâu trong mênh mông u tịch, nếu có sát na nào nhìn về quê xưa, có lẽ thi sỹ không khỏi ngậm ngùi nhớ tới câu thơ từng viết:

"Quê xưa phần rụng vàng rơi!..."

Vâng, thi sỹ ơi, quê xưa không chỉ đang "phần rụng vàng rơi" mà còn, "từng trong tắc đất, tả tới oan hồn!"

Hạnh Chi

(Tĩnh Thất- ngày cuối đông)

(*) Thơ Vũ Hoàng Chương trích từ những bài chọn lọc

MƯA THÁNG CHẠP

*Mưa tháng Chapman, mưa hoài không ngớt hột,
Lạnh quẽ người, lạnh buốt tận xương da
Ngày cuối năm, ngày buồn hùi hắt nhớ
Tết quê người, tết chẳng giống quê ta.*

*Đêm giao thừa đêm chờ xuân chẳng đến,
Ngồi một mình, ngồi uống cạn bơ vơ
Ta mới thấy ta một đời lận đận,
Vẫn theo ta, vẫn trĩu nặng đợi chờ.*

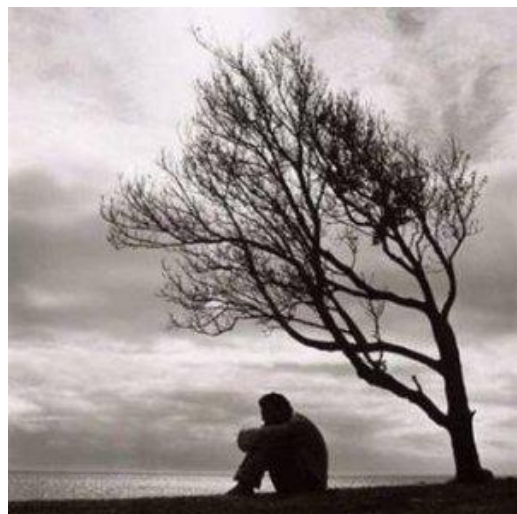
*Em phương đó em có còn góp nhặt!
Những ngày xuân, những hẹn ước chia xa
Buồn đưa tiễn, buồn trông ngày tháng rộng
Theo đời trôi, theo với những phiêu pha*

*Đêm thao thức đêm về từ buổi trước,
Trời cuối năm, trời vẫn phủ mây sầu
Ta vẫn biết, ta một đời dong ruổi
Còn chút tình, còn giữ mãi cho nhau*

*Thôi em nhé, thôi một lần lỡ hẹn,
Là trăm năm, là trọn kiếp xuôi giòng,
Nợ sông núi, nợ tang bồng vẫn giữ,
Hẹn tao phùng, hẹn trả với non sông.*

thơ

NGUYỄN THANH HUY



ĐẠO PHẬT VÀ TUỔI TRẺ

(Bài thuyết trình cho Trại Vạn Hạnh)

Tâm Thường Định – Bạch X. Khoé

Dẫn nhập:

*Nam Mô Phật Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni
Kính thưa quý trưởng,*

Chúng em, một học viên bậc Lục, người luôn thao thức về giáo dục tuổi trẻ, khi thấy đề tài Đạo Phật và Tuổi trẻ mà Ban Tổ Chức đề ra, mừng quá và góp ý là được chia sẻ trong khả năng của mình. Chúng em hân hạnh được anh Phó TB NCHL Thiện Hải Đoàn Mẫn mời như là một nhà giáo dục, một học giả Phật giáo cùng thuyết trình với Giáo Sư Trần Kiểm Đoàn. Nhưng GS Đoàn bảo với chúng em rằng, "Chúng ta thuyết trình hai mặt của một vấn đề, Chú nói về thể hệ trước và bên nhà, cháu nói về thể hệ sau, bên này. Cháu cứ trình bày quan điểm của cháu, nói thẳng nói thật và chúng ta cùng hội thảo với nhau." Với sự thương yêu và quan tâm đó, chúng em xin được góp sức trong khả năng của mình – một hành giả đạo Phật.

Phật Giáo và Tuổi Trẻ, xin được nhấn mạnh chỉ nói về Phật giáo và Tuổi trẻ Việt Nam mà thôi (Xin được mở ngoặc, theo thiên ý tuổi trẻ—tuổi dưới 40—và Việt Nam ở đây là tuổi trẻ Việt-Mỹ, có hình hài người Việt, nhưng tư tưởng và cách tiếp thu là nền giáo dục Tây phương hay là người Mỹ gốc Âu Châu. Hay nói chính xác hơn là người Hoa Kỳ gốc Việt Nam). Xin được trình bày 2 quan điểm khách quan chính. 1) Thực trạng đang xảy ra, 2) Giải pháp thực thi. Còn nói về nguyên nhân thì ai trong chúng ta cũng điều biết rồi. Quý vị có thể tham khảo thêm bài "Tại Sao Giới Trẻ Ít Đến Với Đạo Phật?" (*)

Trong khi chia sẻ nếu có những vùng về hay 'va chạm,' xin quý trưởng và quý vị hoan hỷ và niềm tình tha thứ cho.

I. THỰC TRẠNG ĐANG XẢY RA

Ngày nay, nhân loại nói chung, tuổi trẻ và người Tây Phương nói riêng đang tìm đến với Đạo Phật ngày càng nhiều. Theo thống kê năm 2010 Đạo Phật là tôn giáo lớn, đứng hàng thứ 4 trên thế giới với ước tính 488 triệu, 495 triệu, hoặc 535 triệu người, chiếm khoảng 7% đến 8% dân số thế giới. Ngay cả Trung Hoa, mặc dù chỉ có 18.2% dân số theo đạo Phật, nhưng có đến 244.130.000 triệu người—chiếm 50.1% toàn dân số theo Đạo Phật trên thế giới. Giới

trẻ các nơi như Âu Châu, Úc Châu, và một số nước Á Châu như Thailand, Trung Quốc ngày càng tìm đến Phật Giáo. Riêng ở Việt Nam ta, thử nhìn vào thực trạng số lượng Huỳnh trưởng và đoàn sinh trong tổ chức GĐPT. Thống kê cho hay vào năm 2015, trong nước tính luôn cả mọi tổ chức trong GĐPT, 'truyền thống', 'phân ban' và 'thống nhất', chỉ có trên (120.000 Htr. và đoàn sinh), trong số này có 2/3 là thuộc về 'Phân ban', số còn lại là 'truyền thống' hay 'thống nhất'. Còn tại Hoa Kỳ thì sao, chúng ta chỉ còn khoảng 5.000 Htr. và đoàn sinh.



Nguồn: (<http://www.hoadamnews.com/2016/02/gia-dinh-phat-tu-tai-viet-nam-qua-nhung.html>).

Riêng tất cả các châu lục khác như Canada, Âu Châu và U Châu, chúng ta có khoảng 2.000 Htr. và đoàn sinh. Vậy tổng số tất cả trong và ngoài nước có khoảng 130.000 Huynh trưởng và đoàn sinh, trong khi Dân số người Việt trong và ngoài nước khoảng (97 triệu) 97.000.000 người. Vì thế số lượng Huynh trưởng và đoàn sinh trong tổ chức GDPT quá ít ỏi, vậy xin hãy đoàn kết, tương thân tương ái, giúp đỡ, đùm bọc, tin tưởng và yêu thương nhau. Vì thế, chúng ta cần hỗ trợ và hợp tác để cùng nhau tiến bước và nếu chúng ta không thể làm gì cho tốt hơn, thì ít nhất là đừng làm gì hết.

Một ví dụ khác, ở Miền Liễu Quán tại Bắc California, trên giấy tờ thì có tất cả 559 Huynh trưởng và Đoàn sinh, nhưng trên thực tế số lượng đi sinh hoạt thường xuyên chỉ khoảng 65%. Mà đa số là ngành Oanh Vũ (7 đến 12 tuổi), số lượng ngành Thanh (18 tuổi trở lên) chỉ có 17/559 và ngành Thiếu (13-17) thì có 222/559. Ngoài ra, đa số đoàn sinh của tổ chức GDPT là nữ giới. Số lượng đoàn sinh nữ chiếm hơn 60% trong khi đa phần thì là Huynh trưởng nam.

Vì thế những sinh hoạt của chúng ta phải đặt mạnh vào việc huấn luyện, huấn tập và giáo dục các em hãy còn non trẻ (Oanh Vũ) và nữ giới. Ngoài ra, chúng ta phải thấy rằng: Đến tuổi 17 là các em đã phải đi làm, lo việc ở trường và chuẩn bị vào Đại học và như vậy chúng ta đang 'mất' các em. Vì thế những sinh hoạt, chúng ta cần biện pháp giáo dục kịp thời, có tính khoa học đúng kế lý kế cho các em, nhất là các em đoàn sinh nữ vì các em sẽ là phụ huynh sau này. Các em đến và đi trong tổ chức áo lam trong một thời gian rất ngắn, nên chúng ta cần phải đặt câu hỏi quan trọng là, "Chúng ta cần/nên/phải dạy các em những gì?" và "làm sao mình biết". Nói như thế là để biết rằng số lượng tuổi trẻ Việt Nam (trong đó có cả Huynh trưởng và đoàn sinh) tại Hoa Kỳ đi sinh hoạt hay đến với Phật giáo nói chung và tổ chức GDPT Việt Nam nói riêng ngày càng ít dần. Tổ chức chúng ta vẫn còn trình trạng 'giữ lửa', duy trì và đỉnh trệ chưa phát triển đúng với phong cách và lối giáo dục Tây Phương cũng như tinh thần kế lý khê cơ của Đạo Phật.

II. GIẢI PHÁP

1. Cần truyền đạt một Ý thức dân tộc Việt Nam

Từ ngàn xưa, dân tộc Việt Nam có những tập tục thích ứng với môi trường sống thiên nhiên, rất hữu hiệu trong thời đại cổ xưa như nhuộm răng, ăn trầu cau. Dân tộc Việt Nam lấy Đạo Hiếu làm đầu, khác với người Trung Quốc từ thời xưa, mà quan niệm đạo hiếu của người Việt rất gần với đạo Phật. Văn hóa Việt Nam có trình độ rất cao và lâu đời so với các nước lân bang như văn minh Đông Sơn, văn minh Hòa Bình, v.v... Phật Giáo Việt Nam có triết lý và phương thức hành xử rất cao, bình đẳng và siêu việt, như triết lý sống "Cư trần lạc đạo,"

của Tổ Sư Trần Nhân Tông, một triết lý có thể áp dụng hữu hiệu cho cả giới xuất gia và tại gia Phật tử để vừa giữ được đạo vừa giữ được đất nước, văn văn và văn văn...

Tuy nhiên, hiện nay, ý thức dân tộc của Việt Nam vẫn còn chạy theo, vay mượn nhiều nơi từ Đông sang Tây, nhưng không truyền bá những đặc thù riêng của dân tộc. Tư tưởng Việt Nam vẫn còn chưa được thống nhất hay định nghĩa một cách rõ ràng và chính xác vì thế chúng ta chưa có một ý thức hay tư tưởng mang tính cách thuần túy dân tộc. Thôi thì, chúng ta hãy thảo luận những gì nhỏ nhất và chúng ta có thể làm được, đó là sự chuyển hoá từ những hệ ý thức rất nhỏ và văn hoá người Việt Nam. Ví dụ: Những tư tưởng, văn hoá, ý thức của người Việt Nam như 'đi trễ / giờ giầy thun', 'sinh hoạt ồn ào', 'xà xác bữa bãi / không giữ gìn vệ sinh chung' v.v... cần được chuyển hoá.

Chúng ta phải dạy các em những tập tục tốt của người Việt Nam và người Tây phương; những thuần phong mỹ tục của đa văn hoá sẽ giúp các em về lâu về dài. Tuổi trẻ Việt Nam tại Hải ngoại có cơ hội hấp thụ 2 nền văn hoá đặc thù, và hãy truyền đạt cho các em một ý thức hệ văn minh--có cả hai nền văn hoá rất riêng biệt, Đông Tây và Mới Cũ. Tại sao chúng ta không phát huy những văn hoá tuyệt đẹp của Đạo Phật, như Tinh thần Bồ Tát Đạo, Đạo hiếu làm con hay những cái nhỏ nhặt hơn, như 'no mất ngon, giận mất khôn'; 'đi thưa về trình' v.v... Nhưng trên thực tế nhất là chúng ta hãy thay đổi những điều rất nhỏ trong phạm vi của tổ chức mình trước, rồi những thành đạt lớn bắt nguồn từ những thành đạt còn con. Vậy chúng ta xin hãy...





*Sinh hoạt phải đúng giờ
Không lề mề, không xả rác.
Cách ứng xử tươi-mát
Tôn trọng bảo bọc nhau.*

Xa hơn nữa, chúng ta phải dạy các em bỏ những gì có tính cách riêng tư, nhỏ nhoi để lo cho cái chung. Quyền lợi tập thể, tổ chức hay cộng đồng phải lớn hơn quyền lợi các nhân, gia đình và phe nhóm. Những gì đang xảy ra quanh ta, quanh các em rất nhỏ so với Đạo pháp và Dân tộc, sao chúng ta không nghĩ đến những việc lớn hơn, như những bậc tiền bối, trong đó có những vị tử sỹ yêu nước, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, v.v.... là những người "thấy rõ nhất những nhược điểm của xã hội và con người Việt Nam. Ông chủ trương phải thay đổi từ gốc rễ bằng cách nâng cao trình độ trí tuệ và đạo đức của người Việt, phát triển kinh tế - văn hóa, học những tư tưởng tiến bộ của Phương Tây, từ bỏ phong tục tập quán lạc hậu... Ông cho rằng Việt Nam phải phát triển kinh tế và giáo dục để tự lực tự cường, hội nhập vào thế giới văn minh rồi mưu cầu độc lập chứ không cầu viện ngoại bang dùng bạo lực giành độc lập. Chỉ như vậy mới bảo đảm Việt Nam sẽ có một nền độc lập chân chính, lâu bền về chính trị lẫn kinh tế trong quan hệ với ngoại bang cũng như nhân dân sẽ được hưởng độc lập và tự do cá nhân trong quan hệ với nhà nước."

2. Chuyển hóa / Thay đổi cái nhìn (perception) của mình / Transformation - A shift of Mind

Chúng ta phải có lối nhìn mạch lạc rằng Phật giáo là một lẽ sống, một lối sống lành mạnh an hoà. Sinh hoạt GDPT cũng là một cách sống. Ví dụ như đại gia đình của Huỳnh trưởng Nguyễn Túc, gia đình anh đi sinh hoạt chung từ Bà Ngoại đến các cháu rất thuần thực. Anh an nhiên vui vẻ hát bài "Ngày Chủ Nhật, ngày của riêng mình"; ôi một thứ xa xỉ, một niềm mà ít có gia đình nào có được. Nếp sống lành mạnh, dung hoà và đầy tâm linh như thế là nhựa sống cho mình, cho người và cho đời. Những sinh hoạt của tổ chức là Đồng-lợi, Lợi người lợi mình (Mutual Respect/Benefit). Tất cả các việc làm đều đặt trên nền tảng từ bi, trí tuệ, dũng mãnh và kiên trì để lợi người lợi mình. Nếu chúng ta ý thức được sự thành công của kẻ khác chính là của mình. Sự đau

khổ hay thất bại của kẻ khác là của ta. Thì mình đã tạo được sự cảm thông, đùm bọc và tương thân tương ái lẫn nhau. Đi xa hơn, chúng ta nên ý thức rằng: Lợi ích và quyền lợi của mình là lợi ích và quyền lợi của ta, của tổ chức ta, của giáo hội ta, của đất nước ta. Hay nói một cách khác, nếu tất cả cán bộ các cấp hay nhân sự của các tổ chức đặc quyền lợi chung trên quyền lợi cá nhân thì nội đó đều được phát triển tốt một cách nhanh chóng.

Trong kinh Pháp Cú có dạy: "Tâm dẫn đầu các pháp, Tâm làm chủ, tạo tác...", ngày nay các nhà nghiên cứu về giáo dục như Peter Senge nhấn mạnh: "Sự phát triển trong việc giáo dục bắt nguồn từ sự chuyển hóa tâm thức" (Senge 2000). Ngài Dalai Lama trong cuốn sách Nghệ Thuật của Hạnh phúc (The Art of Happiness) có chia sẻ "chỉ đổi cách nhìn của mình không thôi cũng đủ làm cuộc sống nhẹ nhàng và an vui hơn".

Tuổi trẻ như một tờ giấy trắng, nên phải tạo cơ hội và huấn tập tuổi trẻ những cách nhìn đúng đắn nhằm chuyển hóa cách nhìn, cách suy nghĩ và hành động của giới trẻ. Albert Einstein có nói: "Only a life lived for others is a life worthwhile". Cuộc sống vì người khác là cuộc sống xứng đáng nhất. "Mình phải chuyển đổi các em từ lối suy nghĩ vị kỷ đến vị tha, từ cái hẹp hòi, chỉ biết cho chính mình trong cái "tôi, cái của tôi", v.v... thành cái của "chung, cái của chúng ta và của tất cả". Dạy các em phải nhận thức rằng, tư lợi lợi tha. Tư giác và giác tha để cuối cùng được giác hạnh viên mãn." (trích trong tập Tâm Bút của Trần Trung Đạo, trang 11).

Thêm vào đó, trong thuyết Đầy tớ Lãnh đạo (Servant Leadership), phục vụ nhân sinh là nền tảng của lãnh đạo (Greenleaf, 1977). Trong Phật giáo đức Phật dạy: "Phụng sự chúng sanh là cúng dường Chư Phật" tạm dịch "service to all sentient beings is honoring to the Buddhas". Chư Tổ lại dạy: "Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực" nghĩa là "Một ngày không làm, một ngày không ăn". Vì thế, ai trong chúng ta cũng phải tự chuyển hóa chính mình trước qua tư tưởng, suy nghĩ, lời nói và hành động của chính mình. Có thể là những việc làm thiết thực trong việc phục vụ nhân sinh và xã hội như giúp đỡ những người bệnh tật, giúp giảm các nạn nghèo đói, làm giảm đi bất công xã hội, giảm bớt ô nhiễm môi sinh, chăm lo người già, hướng dẫn thiếu nhi học tập đạo đức v.v... đó là sắc thái của sự lãnh đạo và giáo dục thực tiễn có hiệu quả.

3. Cần phát triển nhân sự (Talent management), nội lực và khả năng

Hiện nay tổ chức của chúng ta đang thiếu nhân sự, và những nơi có tạm đủ nhân sự thì khả năng song ngữ và kỹ năng cũng chưa đạt. Thêm vào đó, hàng lãnh đạo nồng cốt thì già cỗi, mà lớp trẻ, nôi chung, đa phần vẫn còn thiếu nội lực tu học và khả năng sinh hoạt linh động trong môi trường mới. Vì thế, sự phát



triển nhân sự là sự cần thiết và trên hết. Xin nhớ cho rằng, phát triển nhân sự không phải là quản lý huynh trưởng hay đoàn và là phát huy tiềm năng của huynh trưởng và đoàn sinh đó.

4. Cần phải Hoà hợp và không làm khổ cho nhau

a. Chúng ta thực sự chưa có hoà hợp vì nhiều lý do chung khách quan. Nhìn chung là có nhiều thể lực bên ngoài, nhiều nội ma và ngoại chướng. Có lẽ vì chúng ta thiếu nội lực và khả năng để đối phó những thể lực đó. Thêm vào đó, những sinh hoạt trong tổ chức chúng ta có tính nội bộ, chưa mở rộng đến quần chúng. Việc đầu tiên để hoá giải việc này, mà nhận chân và chấp nhận chúng ta đang có vấn đề và đang cố gắng tìm mọi cách để khắc phục và thay đổi những việc liên quan đó.

Một trong những việc hoà hợp mà chúng tôi chứng kiến trong Đại hội X vừa qua của BHD Hoa Kỳ là tinh thần Tương sám, Vô chấp - Vô ngã mà Huynh trưởng Tâm Duy Phan Duy Chiêm, đã khẩn lời sám hối trước Ba Ngôi Tam Bảo, trước Chư vị Tiền Bối Hữu Công, Chư Tôn Thiển Đức và tất cả quý Huynh trưởng Đại biểu có mặt và vắng mặt là: "Tôi xin nói điều này với tất cả các anh chị em có mặt ở đây và với tất cả những anh chị em vắng mặt, trong thời gian anh làm trưởng ban vừa qua, nếu có điều gì sai sót, mà làm phật lòng anh chị em, anh xin thành tâm sám hối..."

Trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, có mấy ai

"Khi sáu căn tiếp xúc sáu trần.

Đem ý thức tinh chuyên phòng hộ".

Hay áp dụng như lời kinh đơn giản này:

"Sáng cho người thêm niềm vui, chiều giúp đời bớt khổ".

Tất cả chúng ta đang có mặt ở đây là những người bởi ngược dòng, đang cứu mang và hành trì Bồ Tát Hạnh, chẳng lẽ những cái ngã nhỏ nhò, những cái ta đã ghét, hay những chấp kiến bất lợi mà chúng ta không dẹp được?

b. Sự thật mà nói, chúng ta đã làm khổ nhau quá nhiều. Chúng ta đã thiếu chánh niệm với nhau. Chúng ta làm không những làm thế mỗi khi ngồi lại với nhau mà còn qua các văn kiện hành chánh, truyền thông báo chí đến các mạng xã hội (social media). Còn nữa, chúng ta lại lạm dụng truyền thông báo chí để chuyển

tải những thứ không lành mạnh cho nhiều người. Những việc này cần phải được chuyển hoá cho lợi ích của mình và của người, chúng ta có quyền lựa chọn và có thể cho mình là một nhà ký giả, một nhà truyền thông, một người huynh trưởng 24/7/365, không chỉ riêng mỗi cuối tuần sinh hoạt. Nhưng hơn thế nữa, chúng ta, hàng huynh trưởng là những nhà giáo dục.

c. Có lẽ những biện pháp kịp thời là, chúng ta cần có chương trình huấn luyện, các khoá tu dưỡng và tu học định kỳ cho các hàng Htr. Riêng các Hội đồng cấp cũng vậy, cho những buổi thực tập riêng. Thêm vào đó, tuổi trẻ cần những sinh hoạt có ấn tượng ví dụ như trại kết thân, trại họp bạn toàn quốc v.v... mà chúng ta rất lâu mới tổ chức trại họp bạn toàn quốc. Cho nên, ít nhất là phải có 1 trại họp bạn trong mỗi nhiệm kỳ 4 năm.

Ngoài ra, cần phải cộng tác với các tổ chức, hội đoàn có tầm nhìn xa và có giá trị cốt lõi thánh thiện để thay đổi cuộc sống của quần sinh. Các cuộc thay đổi lớn đều cần một sự đoàn kết. Sự thay đổi trong đạo Phật cũng vậy, cần sự tương thân tương trợ lẫn nhau. Sức mạnh của tổ chức không nằm ở vài huynh trưởng lãnh đạo và nắm nơi phát huy tiềm năng của tuổi trẻ. Vậy, từ việc nối kết, phát triển nhân sự và tiềm năng là cần thiết để tạo ra các thay đổi cần thiết cho bây giờ và mai sau.

Cuối cùng để sự hoà hợp được viên dung, mỗi chúng ta đều ý thức là chúng ta cần có nhau; thấy được tình lam hữu đó mà cùng nhau gắn bó, xóa đi những chấp ngã, dị biệt, những vùng vế và sơ suất của nhau để chung cùng một lý tưởng cao đẹp.

5. Tam Giáo (Thân, Khẩu, Ý Giáo) - Lời nói cần phải đi cùng với hành động

Mỗi người Huynh trưởng của chúng ta là một người làm giáo dục. Hơn nữa, chúng ta phải là những người con Phật hành trì những lời dạy bảo của Đấng từ phụ Thích Ca Mâu Ni.

Xin hãy làm một Hành giả bạn nhé - Be a Buddhist Practitioner. Trong cuộc đời của Đức Phật, bài pháp quý giá và hữu dụng nhất là thân giáo mà chính Ngài đã sống và truyền đạt. Tam giáo của Ngài, 3 nghiệp thanh tịnh của Ngài trong đời sống hằng ngày của Đức Phật là kim chỉ nam trong cuộc sống của chúng ta. Còn kinh luật luận chỉ là phương tiện. Nói rộng ra kinh điển là những gì Đức Phật muốn dạy cho chúng sinh, mà mục đích tối hậu là gì chúng ta đều đã biết. Vậy xin hãy dừng là học giả mà là hành giả xứng đáng của Người. Như Thầy Thích Đạo Quảng, một vị Tăng tài và trẻ tại hải ngoại có dạy: Mỗi người chúng ta có ba cuộc sống: cuộc sống cá nhân (private life), cuộc sống công cộng (public life), và cuộc sống tâm linh (spiritual life). Khi chúng ta có cuộc sống tâm linh, chúng ta có tất cả cả ba cuộc sống vừa kể. Vậy, chúng ta hãy cùng thực hành sự giáo dưỡng của Đấng từ phụ Thích Ca Mâu Ni bằng

thân giáo, khẩu giáo và ý giáo của Ngài.

Nói tóm lại như bác sỹ Tâm Minh Lê Đình Thám, một trong những sáng lập viên tổ chức Gia Đình Phật Tử, đã nhấn mạnh, “Không có một thành tựu vĩnh cửu nào mà không nghĩ đến tuổi trẻ”. Tuổi trẻ Phật giáo Việt Nam tại Hải ngoại nói chung, và Hoa Kỳ nói riêng đang thật sự mất hướng, vậy chúng ta, đang có cơ hội tiếp cận khi các em đang sinh hoạt với GDPT, cần xác định một hướng đi có Phật tính đầy nhân văn, nhân bản, từ bi và trí tuệ mang truyền thống tâm linh của dân tộc.

Để kết bài thuyết trình này, em xin mạn phép đặc vại câu hỏi để trại sinh Vạn Hạnh I đồng suy gẫm và tự tìm câu trả lời cho chính mình và cho tổ chức GDPT.

1. Gia tài nào quý anh chị hữu trách truyền trao cho thế hệ kế thừa?

2. Chúng ta đang truyền đạt đến huynh trưởng và đoàn sinh những gì? Làm sao chúng ta biết?

3. Chúng ta muốn/sẽ/nhìn thấy gì ở tổ chức GDPT Việt Nam, ở Phật Giáo VN tại Hoa Kỳ trong 10 năm, 20 năm và 50 năm nữa?

Ghi chú:

(*) Đây là bài Pháp luận có Chủ đề: *Tại Sao Giới Trẻ Ít Đến Với Đạo Phật?* do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada tổ chức trong KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN V tại San Diego, CA từ ngày 6 đến ngày 10, tháng 8 năm 2015. Nguồn <http://phebach.blogspot.com/2015/09/phap-luan-chu-de-tai-sao-gioi-tre-it-en.html>

Tài Liệu Tham Khảo:

- Bach, P. X. (2014). *Mindful Leadership—A Phenomenological Study of Vietnamese Buddhist Monks in America with Respect to their Spiritual Leadership Roles and Contributions to Society* (Doctoral dissertation, Drexel University).
- Harvey, Peter (2013). *An Introduction to Buddhism: Teachings, History and Practices* (2nd ed.). Cambridge, UK: Cambridge University Press. p. 5. ISBN 9780521676748. Retrieved 2 September 2013.
- Johnson, Todd M.; Grim, Brian J. (2013). *The World's Religions in Figures: An Introduction to International Religious Demography* (PDF). Hoboken, NJ: Wiley-Blackwell. pp. 34–37. Retrieved 2 September 2013.
- Pew Research Center, *Global Religious Landscape: Buddhists*.
- Tâm Minh - Vương Thuý Nga và Nguyễn Túc Nguyễn Sung (2016). *Số Lượng Đoàn Sinh tại Hải Ngoại và Hoa Kỳ*. Personal communication.
- Wikipedia.com, *Buddhism by country*. Retrieved 28 July 2015.

MÙA XUÂN ĐẾN

*Ngào ngạt hương thơm bay theo gió
Mai vàng hé nụ đón xuân sang
Đồng tiền, thực được khoe sắc thắm
Cúc vàng e ấp mỉm cười tươi.*

*Ô hay chúa xuân đã đến rồi
Trăm hoa đua nở đón xuân sang
Chim kêu gọi đàn bay về tổ
Người về đoàn tụ mái nhà xưa.*

*Ngoài vườn cây trái nặng trĩu cành
Mận lê dừa ngọt trái xum xuê*

*Nào xoài đu đủ thơm thoang thoang
Vú sữa mãng cầu chẳng kém ai*

*Vườn cà cho hoa sắc màu tím
Luống đậu xanh tươi trái mượt mà
Giàn mướp đón chào ong thắm hỏi
Bí rợ bí đao trái thật nhiều.*

Mùa xuân đang đến nuôi sức sống

Trẻ nhỏ tung búng áo mới khoe

Lì xì bì đỏ thêm đầy túi

Chạy nhảy nô đùa thỏa chí vui

Cụ già mừng thọ đông con cháu

Gia đạo an vui hưởng tuổi trời

Phúc lộc an khang vĩnh viễn mãi

Đỗ đạt công thành sáng liệt tông

Giao thừa pháo nổ vang ngoài ngõ

Nhà trong mâm cỗ dâng tiên tổ

Khói nhang ngào ngạt thơm mùi Tết

Bánh tét bánh dày nhớ tích xưa.

Trống chông Bát Nhã ngân xa mãi

Vang tận tam thiên coi đại thiên

Đón mừng Di Lặc sẽ hạ sanh

Cứu độ nhân gian thoát ách nàn

Đình Dâu con gà đang đi đến

Bính Thân con khỉ đã đi qua

Hy vọng năm này hơn năm ngoái

Thế giới an vui hưởng thái bình.

Xin cầu nhân loại bớt đao binh

Nhà nhà vui chung câu hội ngộ

Thiên tai bão lụt xin đừng đến

Động đất sóng thần mãi đi xa.

Mỗi năm gió đông lạnh lùng qua

Chuẩn bị xuân sang đón Tết về

Câu chúc mừng tuổi nhau vui về

Một năm tài lộc đến hiển vinh.

THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH

KHOÁNG CHẤT TRONG CƠ THỂ

Bác Sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC



Trước hết, cần lưu ý sự khác biệt giữa khoáng chất (minerals) và sinh tố (vitamin), ít nhất là ở hai điểm:

- Vitamin là những chất hữu cơ có phân tử carbon do cây cỏ và động vật tạo ra còn khoáng chất là các chất vô cơ không có carbon.

- Cơ thể có thể tạo ra một vài loại sinh tố nhưng không sản xuất được một khoáng chất nào.

Khoáng chất rất cần thiết cho sự hấp thụ các loại vitamin. Dù rất quan trọng nhưng vitamin sẽ trở thành vô dụng nếu không có sự hỗ trợ của khoáng chất.

Khoáng chất không phải chỉ có trong thực phẩm mà còn thấy trong đất như là sắt, kẽm... Cây cỏ kết hợp khoáng từ đất vào các tế bào của chúng. Do đó, trái cây, các loại rau, hạt là nguồn cung cấp khoáng chất rất phong phú..

Vì là chất vô cơ, cho nên khoáng chất có sức chịu đựng với nhiệt độ cao và vẫn hiện diện trong thực phẩm hoặc tế bào bị đốt cháy.

Khoáng chất cần thiết cho sự tồn tại và phát triển bình thường của cơ thể và cần phải được cung cấp đầy đủ từ thức ăn mà ta tiêu thụ mỗi ngày.

Tất cả các loại tế bào và dung dịch chất lỏng trong cơ thể đều chứa một số nhiều ít khoáng chất khác nhau. Khoáng chất là thành phần cấu tạo của xương, răng, tế bào mềm, cơ bắp, máu, tế bào thần kinh. Nói chung, khoáng có vai trò quan trọng duy trì tốt tình trạng tinh thần cũng như thể chất của cơ thể.

Phân loại

Về phương diện dinh dưỡng, khoáng chất được chia ra làm hai nhóm, căn cứ theo nhu cầu của cơ thể:

- Vi khoáng (macromineral) hay khoáng chất đa lượng, là những chất mà cơ thể cần đến với lượng khá lớn, mỗi ngày có thể trên 250 mg. Đó là calci, phospho, sulfur, magnesium và ba chất điện phân natri, chlor và kali.

- Vi khoáng (microminerals) hay khoáng chất vi lượng tuy rất cần thiết nhưng nhu cầu không nhiều, mỗi ngày chỉ cần dưới 20 mg. Như là sắt, đồng, bạc, kẽm, crôm, magan, selen, cobalt, fluor, silic, molybden, boron...

Khoáng chất được ruột non hấp thụ từ thực phẩm, rồi dự trữ và lưu truyền trong máu, trong các loại tế bào. Phần không dùng đến sẽ được nước tiểu loại ra ngoài.

Khi số lượng khoáng chất mang vào cơ thể quá cao và được giữ lại quá lâu thì chúng có thể gây ra một số tác hại.

Vai trò của khoáng chất

Nói chung, vai trò của khoáng chất như sau:

- Cần cho sự tăng trưởng và sự vững chắc của xương;

- Điều hòa hệ thống tim mạch, tiêu hóa và các phản ứng hóa học;

- Để làm chất xúc tác chế biến điều tố (enzyme);

- Là thành phần của chất đạm, chất béo trong các mô, tế bào;

- Có tác dụng phối hợp với các sinh tố, kích thích tố trong các chức năng của cơ thể;

- Giữ thăng bằng các thể dịch lỏng trong cơ thể.

Công dụng của khoáng chất đã được người đời xưa biết tới và dùng để trị bệnh, mặc dù họ không giải thích được tại sao.

Trước Công nguyên, các thầy thuốc Trung Hoa đã khuyên bệnh nhân bướu cổ ăn rong biển (seaweed) có chứa iod. Các vị lương y Hy Lạp cho bệnh nhân thiếu máu uống nước nhúng sắt nung.

Kết quả nghiên cứu của khoa học hiện nay đã tìm ra và chứng minh được vai trò của khoáng chất. Ngoài công dụng dinh dưỡng, mỗi khoáng còn có một vai trò khác nữa trong cơ thể.

Gần đây nhiều thí nghiệm cho thấy có mối liên hệ giữa khoáng chất và các bệnh kinh niên như bệnh cao huyết áp, bệnh giòn xương, bệnh tim mạch, thậm chí cả bệnh ung thư. Do đó nhiều người đã vội vã đi mua khoáng chất dưới dạng thực phẩm phụ (food supplement) để uống. Họ tin tưởng rằng khoáng chất có thể chữa hết các chứng bệnh đó. Trong thực tế, cơ thể không cần khoáng chất dưới dạng thực phẩm phụ và cũng không cần khoáng chất với liều lượng quá lớn (megadose). Sự tác động qua lại trong cơ thể của khoáng chất, sinh tố, các chất dinh dưỡng và nhiều chất khác, rất là phức tạp. Cho nên một lượng lớn của bất cứ một thành phần nào cũng đều gây ra sự mất cân bằng và cản trở hấp thụ bình thường các chất dinh dưỡng.

Hậu quả thiếu khoáng chất

Khi thiếu khoáng chất, một số bệnh có thể

xảy ra, như là:

- Gia tăng khả năng mắc các bệnh cảm cúm, nhiễm trùng
- Cao huyết áp
- Trầm cảm, lo âu
- Không tăng trưởng hoặc xương yếu
- Đau nhức bắp thịt, khớp xương
- Rối loạn tiêu hóa như ợ chua, táo bón, buồn nôn.

Nhu cầu hàng ngày

Tại Hoa Kỳ, viện Hàn Lâm Khoa Học Quốc Gia khuyến cáo chỉ nên giữ mức tiêu thụ bảy khoáng chất hằng ngày như sau đối với những người tuổi cao:

- Calci (Ca) 800 mg
- Phospho (P) 800 mg
- Magnesium (Mg) 350 mg
- Sắt (Fe) 10 mg
- Kẽm (zinc) 15 mg
- Iod (I) 150 mcg
- Selen (Se) 70 mcg.

Với các khoáng chất khác, viện này chỉ đưa ra những ước lượng về mức an toàn cho cơ thể với số lượng được hấp thụ.

Cách tốt nhất để có một lượng vừa phải các khoáng cần thiết là cân đối bữa ăn với nhiều loại thực phẩm có đầy đủ chất dinh dưỡng.

Vài khoáng chất cần bản

Trong cơ thể có trên 60 loại khoáng chất nhưng chỉ có 20 loại được xem là cần thiết. Khoáng chất chỉ chiếm 4 % trọng lượng cơ thể.

Sau đây là một số khoáng chất quan trọng:

1. Calci

Calci đặc biệt có nhiều trong sữa và các phó sản như phô mát, sữa chua. Cho tới tuổi 20, xương có thể hấp thụ và dự trữ cần thiết cho sự tăng trưởng cơ thể và duy trì các chức năng khác. Sau đó thì cơ thể dùng nhiều calci hơn để xương cứng chắc. Do đó, nếu ta không tiêu thụ đầy đủ calci, xương sẽ bị rỗng loãng, dễ gãy cũng như rụng răng.

2. Phospho

Phospho cần thiết để duy trì tốt sự tiêu hóa, tuần hoàn, nuôi dưỡng tế bào thần kinh, mắt, cơ bắp, não bộ.

Phospho có nhiều trong các thực phẩm như sữa, thịt cá, cá, cám, ngô bắp... Thiếu phospho sẽ gây ra một số rối loạn như xương giòn dễ gãy, răng lung lay, đau nhức cơ bắp...

3. Sắt

Sắt cần thiết để giúp máu chuyên chở và phân phối dưỡng khí tới khắp các bộ phận của cơ thể.

Thiếu sắt đưa tới kém tăng trưởng, tóc và móng tay móng chân giòn, thiếu hồng cầu, thiếu máu. Sắt có nhiều trong thịt, cá, trứng ...

4. Magnesium

Magnesium là một trong những khoáng

chất mà cơ thể cần. May mắn là khoáng này hiện diện trong nhiều loại thực phẩm như trái cây, sữa, phô mát. Thiếu Mg có thể làm cho cơ bắp đau nhức, rối loạn tim và huyết áp.

5. Iodine

Iodine có trong muối được tăng cường i-ốt (iodized salt), hải sản, rau spinach, rong biển.

Mặc dù cơ thể chỉ cần số lượng rất ít, nhưng khi thiếu iod sẽ đưa tới rối loạn tăng trưởng cả thể chất lẫn tinh thần cũng như tuyến giáp (thyroid).

6. Kẽm

Kẽm có vai trò quan trọng trong việc tạo ra tính miễn dịch mạnh cho cơ thể để chống lại với cảm lạnh, cúm. Thiếu kẽm cũng gây ra bệnh ngoài da, vết thương chậm lành. Nguồn cung cấp chính của kẽm là hải sản như sò hến, thịt, gan, trứng, sữa, mầm lúa mạch.

7. Selenium

Selenium là một chất chống oxi- hóa giúp cơ thể ngăn chặn được ung thư, trì hoãn sự lão hóa và các bệnh thoái hóa. Selen rất cần thiết cho hệ thống miễn nhiễm và sự hoạt động của cơ tim, giúp cân bằng kích thích tố và tạo ra chất prostaglandin, làm da và tóc khỏe mạnh.

Selenium có nhiều trong cá, sò hến, thịt, ngũ cốc, trứng, tỏi và gan, cà. Rau và trái cây có rất ít selenium.

Kết Luận

Khoáng chất là những phần tử cần thiết cho các chức năng của cơ thể, từ hệ thần kinh cơ bắp tới điều hòa tiêu hóa hấp thụ chất dinh dưỡng, duy trì cân bằng chất lỏng trong và ngoài tế bào. Mặc dù cơ thể chỉ cần một số lượng khiêm tốn, nhưng thiếu chúng là cơ thể trở nên suy yếu, kém hoạt động.

Vậy thì ta nên tiêu thụ đầy đủ các chất này, có sẵn trong thực phẩm mà tạo hóa đã dành cho con người.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com



Ăn Tết kiểu Mỹ

THIỆN Ý



Mỗi năm khi mùa xuân đến mọi người rộn rã đón xuân. Không khí xuân dường như phảng phất đâu đây khiến lòng mình cũng lân lân, thơ thới. Nhà nhà bận bịu lo dọn dẹp, trang hoàng. Người người xúng xính áo quần đi lễ Phật đầu năm cầu chúc nhau mọi điều như ý, vạn sự bình an suốt năm. Nhưng sau ba ngày tết thì xếp cất tất cả mọi thứ và rồi trở lại sống như năm cũ, tẻ nhạt, chẳng có thay đổi gì ráo trọi. Bình mới mà rượu thì cũ. Thật là đáng tiếc! Vậy thà đừng có ăn tết gì hết vì có gì mới mẻ đâu mà chào với đón. Áo mới xúng xính đầu năm nay năm trong kẹt tủ; Quần là, áo lụa nay 'xếp lại để dành hường.' Mọi hứng khởi, cầu nguyện, chúc tụng của năm mới đều bị lãng quên. Như vậy có phải là cách đúng đắn để chúng ta chào đón mùa xuân mới hay không?

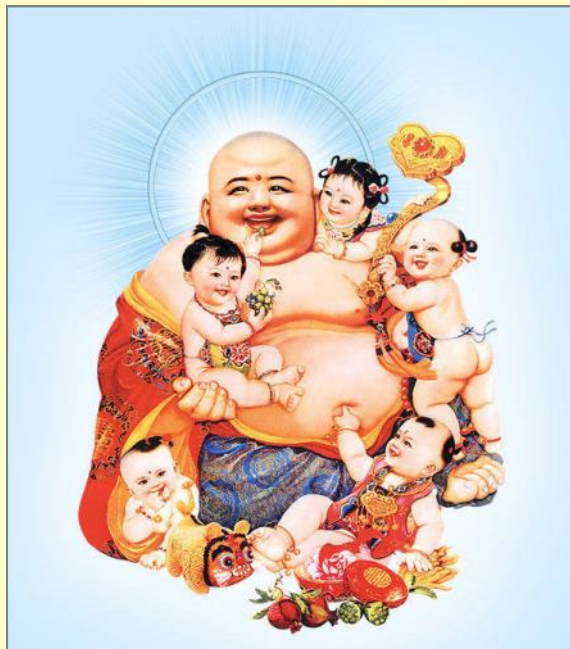
Thử nhìn sang phong tục của người Mỹ xem họ ăn tết thế nào! Thông thường, họ cũng ăn diện bảnh bao để đón chào năm mới. Họ cũng ăn uống thịnh soạn, linh đình. Nhưng có một điều hay mà chúng ta nên học hỏi từ họ. Đó là mỗi năm khi đón chào năm mới đến, họ thường có một cam kết, hay lời hứa, định hướng cho năm mới tiếng Mỹ gọi là: resolution. Ví dụ như họ cam kết sẽ bỏ hút thuốc, bỏ uống rượu, bỏ bài bạc, sụt cân, v.v... Đa phần là chữa bỏ những thói hư, tật xấu. Tất nhiên, có người làm được có người không. Nhưng điểm đáng nói ở đây là năm mới mọi người có một cam kết mới với một cách sống mới tích cực hơn.

Đôi khi chỉ cần một quyết định nhỏ trong đời sống có thể thay đổi cả cuộc đời mình. Thông thường, khi bắt đầu một cái gì mới chúng ta rất phấn khởi và luôn có một kế hoạch to lớn. Kể đến,

là làm sao mau thành tựu được mục đích đã chọn. Xin đơn cử một trường hợp điển hình: Ăn chay. Mới bắt đầu ai cũng nghĩ mình sẽ ăn chay ít nhất là một tháng 4 ngày; có nghĩa là: mỗi tuần một ngày. Một vài tháng đầu chúng ta ăn đúng theo quy định của mỗi tuần. Nhưng sau nhiều lần ăn chay 'đụng.' Mình cảm thấy ăn chay coi vậy mà khó chớ không phải dễ! Tất nhiên chúng tôi không nói đến người thực hiện được sự cam kết của mình. Ở đây, chúng tôi muốn trình bày việc chế tác ra một thói quen mới. Theo kinh nghiệm, mình đừng nên có những kế hoạch quá lớn lao, ngoài sức mình có thể thực hiện được. Mình nên bắt đầu bằng một thay đổi nhỏ. Ví dụ, khởi đầu phát nguyện ăn chay, mình thử một tháng 1 ngày, thay vì là 4 hay 10 ngày. Thậm chí, có thể bắt đầu bằng nửa ngày khi mới bắt đầu.

Ông bà mình có câu: 'Vạn sự khởi đầu nan,' khi nào bắt đầu làm một chuyện gì mà mình chưa từng làm, đều khó cả! Thế nên, muốn bắt đầu và duy trì một thói quen mới mình chỉ nhắm vào một việc mà mình muốn làm, đừng để tâm vào nhiều việc cùng một lúc. Kết quả sẽ chẳng ra gì vì năng lượng bị phân tán khắp nơi. Như việc mình hứa sẽ ăn chay mỗi tháng 1 hay, 2, hay 4 ngày gì đó trong năm thì mình sẽ tạo mọi điều kiện để cho thói quen ăn chay được bắt rễ trong đời sống của mình, bằng cách duy trì liên tục việc làm trên trong suốt 3 hoặc 6 tháng. Khi nó đã trở thành thói quen thì mọi chuyện sẽ dễ dàng hơn nhiều!

Điểm chủ chốt ở đây là phải làm sao cho việc bắt đầu thói quen tốt thật là dễ dàng, thuận lợi. Đừng bắt mình phải làm quá nhiều vì nó sẽ đưa đến sự chán ghét việc đổi mới này. Lại nữa, khi bị thất



bại, đừng nản lòng và tự trách vì chúng chỉ khiến mình tìm đủ mọi lý do để bỏ cuộc. Làm tùy theo khả năng của mình và, nếu có, sáng tạo những cách làm mới, những món ăn mới (trong trường hợp ăn chay), để mình luôn thường thức thói quen mới. Đời sống vốn đã khó khăn, đừng làm chúng khó khăn hơn nữa!

Điểm quan trọng kể đến là phải giữ cho liên tục, không gián đoạn. Theo những nghiên cứu gần đây của các nhà xã hội học: Nếu chúng ta duy trì, không gián đoạn một việc làm mới, một thói quen mới trong 3 đến 6 tháng, chúng sẽ dễ dàng hơn rất nhiều sau đó vì thói quen này đã bắt đầu mọc rễ. Bạn thử nghĩ lại xem lúc mình bắt đầu uống cà phê, uống rượu bia, hay ăn ớt như thế nào!?

Ngoài ra, đừng bắt đầu bằng điểm cuối. Nghĩa là, mình phải khởi đầu từ vị trí thấp đầu tiên, rồi dần dần tăng đều lên vị thế cao hơn. Đừng đặt nặng vấn đề mình phải luôn luôn hoàn hảo vì mình đang ở mức độ sơ cơ nên đương nhiên mình sẽ có sai phạm. Bằng không, gánh nặng này sẽ khiến mình bị căng thẳng và tự trách mình quá yếu kém. Hãy chú tâm đến sự tiến bộ của mình, dù rất nhỏ, mà bỏ qua những điều mình lỡ sai phạm. Đừng quên mình là người mới vào cuộc nên đừng nhìn quá xa và mong mỗi thành công mau chóng và to lớn quá sớm!

Riêng những người xem tâm linh là phần quan trọng thì năm mới mình phải xét lại tự thân và có một cam kết mới, một thói quen mới để chuyển hóa con người mình thêm an lạc và hạnh phúc hơn; cũng như đóng góp vào việc làm mới cho những người xung quanh và xã hội. Nói về việc thay đổi về mặt vật chất hay tâm linh đều có những khó khăn riêng của nó. Tuy nhiên, mặt tâm linh đòi hỏi nhiều nỗ lực để thay đổi vì mình phải biết cách dừng lại và quán chiếu, trong nhà thiền gọi là: Chỉ và Quán. Chỉ khi nào mình có 'Chỉ' tức là dừng lại thì mình mới có thể 'Quán' tức là xem xét được. Như vậy, người nào khi bình tâm (dừng lại) thì thấy (quán) mình còn nhiều giận hờn, si mê, và những tâm hành xấu khác. Tuy nhiên, mình cũng nhìn thấy những từ bi, hỷ xả, và những tâm hành tốt mà mình đang có.

Trong pháp môn niệm Phật cũng vậy, Như trong kinh Phổ Môn có câu: Người nào nhiều giận hờn, khi niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm sẽ bớt lòng hờn giận (*Nhược đa sân nhuế, thường niệm cung kính Quán-Thế-Âm Bồ-tát, tiện đắc ly sân...*). Như vậy giống như thiền, khi niệm Phật chúng ta cũng đang dừng lại và có thể thấy rõ những tâm hành xấu, tốt hoạt động ra sao! Nhưng nhờ niệm danh hiệu Đức bồ tát nên những niệm sân hận bị lãng quên, và loại trừ. Do vậy mà được 'ly sân.'

Năm mới, chúng ta đón chào một mùa xuân mới được nhiều phước lộc, và học thay đổi cách sống mới để làm đời mình thêm tươi vui, hạnh phúc. Nhưng nếu năm mới mà mình lại bắt đầu âu lo vì là 'năm tuổi' thì dù mình có

ăn tết kiểu nào cũng mang đến sự sợ hãi, phiền muộn. Vì quá lo âu, sợ hãi nên năm mới chưa đến mà mình đã lo mua sắm lễ vật linh đình để 'hồi lộ' thánh thần, cầu xin cho mình tai qua, nạn khỏi. Theo suy luận hợp tình hợp lý, tất cả những khái niệm về 'năm tuổi' đều do 'con người' phát kiến ra mà nói; không có một vị thần linh nào xác chứng điều này là đúng! Vì do tập quán, hủ tục lâu đời nên ai cũng tin theo. Đúng ra, mình phải ăn mừng 'năm tuổi' thì hợp lý hơn vì mình đã sống được một vòng 12 con giáp mà vẫn còn 'sống nhăn răng!' Như vậy, tại sao phải lo sợ, buồn lo? Đó chính là lỗi sống theo kiểu người Mỹ vì họ cho rằng mình đã sống được đến ngày hôm nay là một điều may mắn cho nên cứ mỗi năm đến ngày sinh nhật là mình phải ăn mừng lớn!



Xuân về ai cũng chào đón một mùa mới, bắt đầu một đời sống mới. Vậy nếu chúng ta hiểu được nguyên tắc đón chào xuân mới thì sao không học cách sống mới theo kiểu người Mỹ: Thay đổi, từ già con người cũ xấu xí để khoát lên mình một chiếc áo mới, hoan hỷ đón chào những ngày xuân mới tươi sáng, khỏe mạnh, và an bình. Xin kính chúc tất cả một mùa xuân mới an lành và thịnh mãn.

Thiện Ý
(thuvienhoasen.org)

QUÊ TÔI BÓN MÙA

Ngồi buồn nhớ lại tuổi thơ
Với bao kỷ niệm xa xưa trong lòng:
Tháng Giêng là tháng hành hương,
Người đi như nước từng bồng xiết bao!

Tháng Tư chiều đổ mưa rào
Để con bắt ốc, hái rau mẹ nhờ
Bên anh cuốc đất, đắp bờ
Bên em soi éch đặt lờ dưới khe.

Tháng Sáu nghe quốc gọi hè
Trẻ con nghỉ học lên đê thả diều
Thu về tháng Tám quạnh hiu,
Chợ mai tan sớm, đồ chiều vắng đưa.

Khoan thai trên máy ngọn dừa
Tiếng con cu đất ru trưa ruộng đồng
Tháng Mười nhận báo tin đông
Nhấp nhô thuyền lượn trên dòng nước sâu.

Mẹ ngồi tựa cửa và khâu
Áo cha năm tháng bạc màu nắng mưa
Mười Hai là tháng ước mơ
Đến mùa gặt lúa cũng vừa cuối năm.

Tết về thiên hạ lãnh xăng
Trang hoàng sắm sửa khang trang cửa nhà
Đó là truyền thống dân ta
Nghìn năm tôi vẫn thiết tha giữ gìn.



TRÁCH KẺ VÔ LƯƠNG

Ai về xin nhắn bạn quê ta
Có kẻ chiều nay quá nhớ nhà
Từ buổi chia tay lòng vẫn nặng
Thương dân, nhớ nước ngập hồn ta.

Quê người sao thấy quá yên vui
Nhìn lại quê ta, những ngậm ngùi
Cả chết, hàng vạn người điêu đùng
Đời đã nghèo thêm khổ tai ương.

Ngán kẻ gây ra chuyện bắt lương
Lòng tham không đáy, bạc đầy rương
Miễn sao vợ vét “đô” đầy túi
Đoạt mạng xe, lầu, đầu biết thương!

Trách kẻ vô lương quá nhẫn tâm
Là người hay là quỷ ma vương?
Cả chết, người chết, thân trôi dạt
Bọn chúng làm giàu trên máu xương!!

Phải chăng khổ hải là đây
Đưa tay gạt lệ bể sâu nhân gian.

thơ **DIỆU VIÊN**

(Thương về Quê Mẹ - 2016)

TỰ TÌNH GIÊNG – HAI

Tuệ Như

Sau những ngày Lễ Hội Tết Cổ Truyền của Dân tộc, bao ước mơ của một số người như đã xanh theo ngàn nụ biếc và sắc màu hoa cỏ, hương xuân còn níu lại đâu đó giữa bao sóng bụi thời gian, nhưng dòng thời gian cứ lầm lũi trôi đi đến muôn bến đời lao xao cát bụi, nắng và gió sương;

*"Tháng Giêng có làn mây trắng,
Sương đọng giọt giọt miên man,
Ráng chiều đợi mùa bằng lăng,
Bâng khuâng ngày cũ chưa tàn."*

Có những bước đi vẫn miên man về phía trước, mà bao hoài niệm hôm nào còn vời vợi dấu thời gian, như thi sĩ Hồ Dzếnh có lần nói lên niềm tâm cảm của mình:

*"Chân đi đếm tiếng chuông chùa,
Tôi ngồi năm tháng ngày xưa trở về."*

Mưa bụi tháng Giêng lất phất như khói như sương lên mùa viễn xứ, mây trắng chốn quê nhà còn đọng trong sắc nắng bên trời xa, đâu những cánh diều lên gió ước mơ xanh, đâu những luống cải trở ngồng vàng bay bay gửi hương trong gió chiều quê mẹ, v.v...! Những bao đợi chờ, những bao hò hẹn, những đắm chiêu đầy hướng vọng xa xôi, những nỗi vui buồn say khướt chìm quên trong chén rượu tàn đông... Để rồi nếu có cố quên đi cho cơn mỏi mòn lịm dần bên bờ mộng thực;

*"Quên đi toàn tính đời thường,
Giêng-Hai bằng lòng khói sương tự tình."*

Vẫn biết rằng mọi việc cứ như thế mà đến, cứ như thế mà đi, và cái còn ở lại chính là nỗi niềm nhân thế, không ngoài một thân phận cọn người, vẫn đến đi loay hoay chừng ấy bao nỗi cơ hồ nơi cuộc sống, hay rồi trên bước

ngược xuôi, con người còn thấy có chút gì đó trong sự sống, sự tồn tại nơi chính mình ngay đây và bây giờ;

*"Thuyền chở trăng xưa về bến cũ,
Hay mãi rong chơi trăm ngã sông?
Đêm nay có cánh hồng chợt nở,
Là xuống tìm người, vay chút hương."*

Nhưng không đâu, trong đời vẫn còn có một điều ở trong ta, trong mọi người, chỉ khi nào tự ta đánh mất đó thôi! Điều ấy chính là niềm Tin chân thật (chánh tín), hướng thượng và kiên trú, niềm tin và năng lực Chánh pháp, luôn giúp ta đến để vượt qua, đến để trở về, và đến để thấy ngay bây giờ;

*"Em có hay, Chiếc lá thức trên cành,
Cây chuyển mạch dòng đời thay sắc áo,
Hoa đương nụ dưới ngàn sương huyền ảo,
Cánh chim về chở trĩu ước mơ xanh."*

Hạt sương, hạt bụi bên trời, tiếng chim thức trên cành, chiếc lá non xanh thắm dần lên muôn sắc màu dâu bể, và muôn trùng màu hoa hương cỏ. Phải chăng đây là cả một viễn trình cho ta cái thấy biết, và cảm nhận đâu là thực mộng, rồi cứ ở đây, nơi thế gian này, mà nhận lấy sự bình an hạnh phúc, hay đoạ lạc khổ đau, thông thả bình dị, hay bị cột trói hành phạt, v.v...

Những ngày lễ hội nay đã lần lượt đi qua, mùa **Giêng-Hai** cũng đương chuyển mạch thời gian, như giục giã, như thông báo sắp đến và sắp qua những trạm ga đời, để rồi tiếp nữa ta phải làm gì, nghĩ gì...

Cầu An và chúc tụng đầu năm, cầu nguyện Tụng Kinh Dược Sư, lễ hội Rằm tháng Giêng.v.v... mang đậm nét văn hóa tâm linh, phần đông người Việt, người Hoa cũng biết, cũng đến Chùa, Miếu, Đình, Đền để cầu nguyện cho những ước mơ, những cảm thọ hạnh phúc an vui, và quên đi những nỗi buồn lo, bỏ lại phía sau của bạo tháng ngày trong năm cũ.

Nhưng vẫn còn tiếp nữa, mùa Lễ Hội QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT đến với khắp chúng sanh nói chung, và cho những ai có lòng kính tin nơi hạnh nguyện của Ngài nói riêng. Vì nguyện lực Từ-Bi hiện hoá vào đời cùng với tinh thần vô úy độ tha "**Từ nhân thị chúng sanh**" (mắt thương nhìn đời), qua lời ca ngợi tán dương, như:

*"Quán Âm Bồ Tát diệu nan thù,
Thanh tịnh trang nghiêm luy kiếp tu,
Thiên sứ hữu cầu, thiên sứ ứng,
Thường hành Bồ tát độ nhen châu."*



(Với công hạnh và diệu dụng thù thắng không thể nghĩ bàn, do nhiều đời kiếp chuyên trì công phu tu tập, như vị thiên sứ có cầu có ứng hiện tiếp độ giải trừ khổ ách, đó là hạnh nguyện của Bồ tát nơi cõi ta bà uế trước này).

Đồng thời, cũng là mùa Tưởng Niệm Đức Tổ Sư MINH ĐĂNG QUANG vắng bóng, vị Tổ Sư khai sáng Hệ Phái Phật Giáo Khất Sĩ tại Việt Nam từ những năm đầu thập niên 1940 cho đến đầu thập niên 1950. Tổ sư đã vắng bóng vào ngày mùng 01 tháng 2 năm Giáp Ngọ (1954) cho đến nay. Sự tiếp thọ Ân Đức và Ân Pháp nơi Tổ sư cũng chính là tinh hoa chất liệu dinh dưỡng lớn mạnh Pháp thân đối với Giáo pháp của Chư Phật, Chư Bồ Tát, và Chư Tổ hơn bao giờ hết đối với hàng đệ tử xuất gia và tại gia, cho dù ngàn xưa hay cho cả ngàn sau.

Như vậy, mùa **Giêng-Hai** (qua đó có những lễ hội tập quán, phong tục được duy trì) là mùa của bao hướng vọng ước mơ, tình tự, của bao hẹn hò, chờ đợi, kiếm tìm niềm vui hoan lạc, dù chỉ là khoảnh khắc thời gian sau những ngày tháng vật vã với áo cơm, với bao lo toan, trang trải giữa đời thường. Nay đã trở thành một trong những nếp nghĩ lành mạnh, có sự tươi tắn ý thức giáo dục đạo đức lành mạnh trong cuộc sống đang tồn tại và phát triển Văn hoá của Dân tộc Việt, đã có tự ngàn xưa cho đến tận bây giờ.

Song song với những điều ấy, Đạo Phật đã có mặt, đã hoà nhập trong cộng đồng Tộc Việt, đã nhanh chóng thổi vào nguồn sinh khí Bi-Trí-Dũng, đã góp phần tạo nên một sinh lộ an lạc giữa cõi tử sinh, nơi chốn quê hương ngàn đời, đã phải chịu không ít điều khổ lụy đau thương từ nhiều nguyên nhân, từ nhiều mọi phía...

Do đó, con đường siêu hoá của Đạo Phật giúp con người nhận biết sự giác ngộ, thấy rõ bản chất của mọi sự vật hiện tượng các pháp, nhân duyên sanh hoá tiêu tàn, v.v... mà hướng tâm linh đến miền chơn lạc. Nhưng cũng được sự gia hộ

ĐƯỜNG BA MƯƠI NĂM

Yêu em từ thuở lên ba
Mẹ bỗng ra ngô hái hoa em cầm (Ca dao)

*Giao thừa đầu cũng là giao thừa
Đầu cũng là hoa đầu cũng Phật
Sao anh cứ mãi trôi về chùa
Về cõi thần tiên có em đi hái lộc*

*Em trẻ như những người rất trẻ
Và dịu dàng thơm hoa ngọc lan
Đóa hoa anh đã yêu từ ba mươi năm
Thuở em chưa tới tuổi tay cầm*

*Em quá trẻ và anh trách anh
Đam mê chỉ một trò ảo vọng
Nhưng lúc làm thơ yêu em anh biết mình đang sống
Nên nhủ lòng ta có cả trăm năm.*

thơ TỪ THẾ MỘNG



bởi nguyện lực của Chư Phật, Chư Bồ Tát, Chư Thánh Tổ, v.v... Để có được niềm kính tin chánh pháp, có được sự học hiểu và tu tập theo giáo lý giác ngộ của Chư Phật, có được thực hành nhiều phước thiện, và từ đó được sanh trưởng nhiều công đức lành nơi cuộc sống này.

Tự Tình Giêng-Hai
không chỉ dành cho những lễ hội truyền thống, những phong tục tập quán, qua

những ước mơ cầu mong cho lành vực đời thường, mà còn cho cả về mặt đạo đức tâm linh, cốt đem lại sự bình an cho người hiện tiền biết được giá trị siêu hóa đạo đức, chuyển hoá thân tâm, từ bỏ ác nghiệp, thành tựu thiện nghiệp, sống an lạc hạnh phúc đời này và đời sau.

Atlanta, ngày cuối năm...

TUỆ NHƯ

VÌ SAO TÔI THEO PHẬT?

Tâm Cảnh — Nguyễn Ngọc Cảnh, Ph.D.

Từ nhỏ cho đến khi tôi gặp được duyên lành có cơ hội tìm hiểu Phật Pháp, ít khi tôi suy nghĩ đến cuộc sống tâm linh về phương diện tôn giáo bởi vì tôi thấy tôn giáo vừa mê tín vừa mù quáng và cực đoan. Lần lúc tôi cố suy tư về đời sống tinh thần đứng trên bình diện triết học, và tôi rất thích dùng lý trí để suy luận và tìm hiểu. Chính vì vậy mà tôi cứ nghĩ tôn giáo nặng phần mê tín dị đoan, và tôi không ưa mê tín tí nào cả. Thú thật thì tôi vừa sợ và vừa ghét mê tín chính vì lý do là mình không hiểu được và không cắt nghĩa được những hiện tượng huyền bí.

Rồi tôi đọc được lịch sử Đức Thích Ca và biết là Ngài luôn luôn nhắc nhở Phật tử là đừng bao giờ vội tin những lời dạy của Ngài vì kính trọng sùng bái Ngài mà hãy dùng lý trí tìm hiểu căn cứ xem kỹ giáo lý do Ngài truyền dạy đúng hay sai trước khi chấp nhận và đem ứng dụng cho đời mình. Đừng tin một cách mù quáng. *Tuyệt quá!* Trên thế gian này, ngoài Phật giáo, tôi chưa được biết có tôn giáo nào khác khuyến khích hay cho phép tín đồ nghi vấn lý giải các giáo điều của họ trước khi tin.

Không còn tin mù quáng nữa. Không còn quyền năng linh thiên huyền bí nữa. Con người đã được giải phóng khỏi vòng kiểm tỏa của sợ hãi mê tín. Đức Thích Ca đã khai mở thời đại lý trí cho nhân loại cả hơn 2500 năm trước ở Đông phương.

Tôi rất vui mừng khi biết đến luật nhân quả hay luân hồi giải thích trách nhiệm của con người. Đây quả thật mới là công lý vạn năng của vũ trụ—ai làm nấy chịu; gieo quả nào hái quả nấy. Và nhờ vào lý trí và trách nhiệm, con người đứng trên mọi sinh vật có quyền hưởng được tự do. Thú thật tôi phải công nhận sự thật khả kiêu nhường là tự do của con người không bao la cho mấy; chúng ta chỉ có *tự do lựa chọn* mà thôi còn những tự do khác đều có rất nhiều giới hạn; và ngay tự do lựa chọn cũng bị giới hạn của thời gian. Sự tự do lựa chọn của chúng ta chỉ hiện hữu giữa ngưỡng cửa thời gian chật hẹp nhất của tác nhân và phản ứng; nhưng cái sự chọn lựa chớp nhoáng trong tích tắc đó tạo nên tất cả mọi khác biệt giữa con người và những gì còn lại trong vũ trụ. Bởi lẽ đó quyền tự do của con người là một đặc ân quá lớn so với thân phận bé nhỏ của ta đối với sự vĩ đại mệnh mông của vạn vật.

Tôi thấy tôi được giải phóng ra khỏi sự kiểm soát ngột ngạt của sợ hãi nằm trong những gì mình không biết. Tôi tìm thấy địa vị duy nhất của thân phận làm người của mình trên thế gian này trên căn bản của *lý trí, trách nhiệm và tự do*. Tôi tìm ra được địa bàn đạo đức hướng dẫn cho tôi biết, như nhà hiền triết Socrates đã nói ngày xưa, *"làm sao sống cho phải"* trong những khi mình không biết lối nào đi cho đúng đạo làm người.

Tôi xin hết lòng thành kính cảm tạ ơn Đức Thế Tôn vì trí tuệ của Ngài, và tôi xin hết lòng thành kính nghe theo lời dạy bảo của Đức Thế Tôn về:

- Ba sự thật vô thường, khổ và vô ngã để thoát khỏi thù hận, tham vọng và vô minh;
- Bốn tâm tử bi hỷ xả để được hạnh phúc cho mình và cho mọi người;
- Năm giới để sống đời đạo đức cho tâm mình được bình an.





PHÙ DU

CHẢY

tôi về nấu nước pha trà
bồng bênh chảy một vôi hoa hữu tình
chảy vào thơ mộng đấng trình
ý thơ đặc
quánh giữa nền sen thơm.

LÂM CẨM TUỔI GIÀ

cỏ cây cũng có truân chuyên
ruộng đồng cũng có ưu phiền tải qua
thị thành cũng có phôi pha
huống chi tôi đợi tuổi già bên em
hôn bao lần cũng suýt quên
môi em có vị nhà thiên ra sao.

RỚT

tôi đi bắt cá hai tay
con thì sến mắt
con bay vào lòng
lòng tôi phút bỗng trống không
nỗi tình rớt giữa phiêu bồng em ra.

THẨM

tôi ra đứng giữa phố đông
rầm rì muôn sắc long rong đỏ vào
hồn phơi như thước lụa đào
sắc hình lấm tấm đỏ nhào ra thơ.

NGÂM

tôi ngồi uống rượu trên cây
lá xuân biếc lá xuân lay động mùa
rượu lay động ý trong thơ
đời lay động một bến mơ mịn màng.

QUY PHỤC

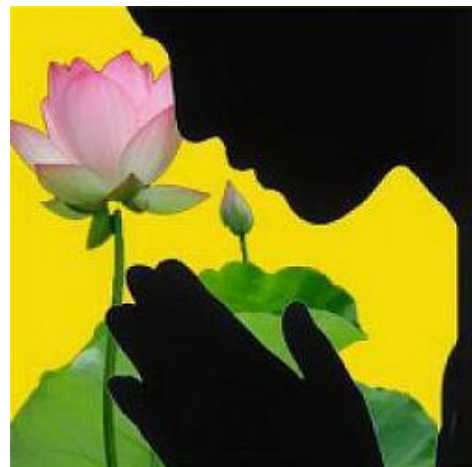
tôi lên đầu núi tìm hoa
hoa ơi hoa mấy lần xa lá cành?
không thời quy phục mong manh
đường chim vạn dặm hoa đành trao tay
hoa về thơm ở gốc này
lá cành gốc rễ loay hoay khóc ròng
hoa ơi hoa mấy lần mong.

PHIÊU

tôi nằm ngửa giữa hư không
trời cao ngất
đất mở lòng giao hoan
đỏ vàng xanh tím nhịp nhàng
lời ca rộng giữa trần gian chật người.

DI NGÔN

tôi ca hát tận một đời
tình rong du mục ôm lời biển dâu
mùa xưa sông chảy qua cầu
mà nay cạn nước bạc màu lục rêu
bên thềm cát nóng hoang liêu
dấu chân lưu trú ít nhiều di ngôn.



SỰ THƯƠNG-GHÉT CỦA CON NGƯỜI

Đào Văn Bình

Không hiểu con người biết thương-ghét từ bao giờ. Chắc hẳn khi còn nằm trong bụng mẹ thì không có thương -ghét. Rồi khi còn chập chững biết đi, chắc cũng chưa biết thương-ghét. Thế rồi khi vào trường Mầm Non (Preschool) lúc ba tuổi chắc cũng chưa biết thương-ghét. Có lẽ con người bắt đầu biết thương-ghét hay bộc lộ thương-ghét khi vào trường Mẫu Giáo (Kindergarten) lúc năm tuổi chẳng? Một số thương-ghét do giáo dục mà có. Một số do nhồi sọ, tuyên truyền, đầu độc mà có. Một số do biên cương, biên giới khác biệt mà có. Một số thương-ghét có thể do tự nhiên mà có, mà Phật Giáo gọi là **nghiệp lực** của chúng sinh từ vô thủy tới nay. Sự thương-ghét có thể được truyền từ đời này sang đời khác, thế hệ này sang thế hệ khác. Chúng ta không những thù ghét người sống mà thù ghét luôn cả những người đã chết và cả những người ở nơi xa lắc xa lơ mà chúng ta chưa hề biết mặt. Sự thương-ghét của con người, nếu có hình thù, cả hư không vô tận này chắc chứa cũng không hết. Chẳng hạn, ghét một người nhưng thù ghét luôn cả gia đình, họ hàng hay cả nước người ta.

*Yêu nhau yêu cả đường đi,
Ghét nhau ghét cả tông chi họ hàng.*

(Tục Ngữ)

Sau đây là một số thương ghét, có thể do "bản chất" hay "bản tính" của con người và rất "tự nhiên". Tự nhiên theo nghĩa nó bộc lộ liên mà không cần lý trí can thiệp.:

1) Ghét bỏ cái gì xấu xí. Thương quý cái gì đẹp đẽ. Đàn ông, đàn bà đẹp đẽ là nguồn mê đắm lớn nhất của kiếp người. Con cái trong nhà, đứa xấu xí nhiều khi bị hắt hủi. Cây trái

thật ngon, nhưng trông bề ngoài xấu xí nhiều khi cũng không được ưa chuộng.

2) Ghét bỏ cái gì héo tàn. Trân trọng với cái gì tươi tốt. Hoa tươi trưng lên bàn thờ nhưng khi héo rồi thì quăng vào thùng rác không thương tiếc.

3) Ghét sợ cái gì nhọn sắc. Thích cái gì tròn trịa. Cho nên trong Phật Giáo hay dùng chữ "viên" để chỉ sự hoàn hảo như: viên dung, viên mãn, viên giác.

4) Ghét màu sắc chói lọi. Thích màu sắc dịu dàng. Màu sắc chói lọi làm chói mắt người ta. Con bò thấy màu đỏ (*màu máu*) là lao vào húc.

5) Ghét thói điểm trang lòe loẹt. Thích lối điểm trang nhã nhặn. Trong hội họa, trường phái sử dụng màu sắc của hoa rừng, thú rừng gọi là Trường Phái Dã Thú.

6) Ghét cái gì bề bộn. Thương cái gì ngăn nắp. Một thành phố dù văn minh như thế nào đi nữa mà đường phố nluộm thuộm, ngổn ngang, vế bậy lên tường thì cũng bị chê cười.

7) Ghét sợ cái gì bầy hầy. Thích cái gì lành lặn. Vào siêu thị, nhìn một đồng thịt bầy hầy, người ta sợ. Nhưng cũng thịt đó, nếu được cắt và trình bày khéo léo thì người ta lại thích.

8) Không ưa cái gì méo mó, lệch lạc. Thích cái gì vuông vức cho nên người ta nói "*Mẹ tròn con vuông*" là để chỉ chuyện bình an, tốt lành. Một món đồ dù rất tốt nhưng nếu bị méo mó đi một chút, người ta cũng sẽ từ chối. Chiếc xe mới toanh, bị đụng móp một chút cũng mất giá trị.

9) Ghét sợ cái gì tối tăm. Ưa thích cái gì sáng sủa. Địa ngục thì tối tăm. Cung trời thì rực rỡ. Khi tham dự đám tang, người ta mặc quần áo màu đen. Nhưng hiện nay các chiến binh Hồi Giáo lại dùng màu đen làm biểu tượng cho ngọn cờ của mình. Màu đen đang là màu ưa chuộng của thế kỷ, nhất là ở Trung Đông và Hoa Kỳ.

10) Ghét cái gì tàn bạo. Kính trọng cái gì an lành.

11) Ghét cái gì ngông cuồng. Thích cái gì vừa vừa phai phai.

12) Ghét chiến tranh. Ưa chuộng hòa bình. Nhưng có rất nhiều người hay quốc gia thích chiến tranh, rất thích chém giết mà người ta gọi đó là "*diều hâu*", hiểu chiến, trong Phật Giáo gọi là quỷ thần A Tu La.

13) Ghét lời nói dữ dằn. Thích lời nói ôn hòa.



- 14) Ghét thói tự cao. Ưa lời khiêm tốn.
 15) Ghét và khinh miệt lối sống ích kỷ. Quý trọng sự vị tha.
 16) Ghét lời nói mĩa mai. Thích lời nói ý tứ.
 17) Ghét lời nói bịa đặt. Thương mến người "Có sao nói vậy".
 18) Ghét thù lời nói cay độc. Thích, ưa lời nói hiền hòa.
 19) Ghét, khinh lời nói đâm thọc. Kính trọng lời nói ngay thẳng.
 20) Ghét khinh lời nói chia rẽ. Kính trọng lời nói đoàn kết. Nhưng trên thế giới này cũng có rất nhiều người thích lời nói chia rẽ, phổ biến lời nói chia rẽ, kích động hận thù.
 21) Ghét điều gian dối. Ưa điều chân thật.
 22) Ghét thói lưu manh, lường đảo. Quý, thích sự thật thà.
 23) Ghét thói côn đồ. Ưa kẻ hiền lành.
 24) Ghét tham quan ô. Kính trọng, quý mến, có khi lập miếu thờ các vị quan liêm chính.
 25) Ghét thù bạo chúa. Kính trọng vua hiền đức, có khi lập đền thờ.
 26) Ghét bọn xu nịnh. Mến kẻ trung thần.
 27) Ghét kẻ phản quốc. Yêu người ái quốc.
 28) Ghét kẻ hại người. Quý kẻ cứu người.
 29) Ghét kẻ phá hoại. Yêu người xây dựng.
 30) Ghét kẻ gian dân. Thương người đoan chính.
 31) Ghét kẻ phản bội. Thương người trung tín.
 32) Ghét kẻ phá giới. Kính người trì giới.
 33) Khinh kẻ xuất gia mà còn bon chen thế tục. Kính người đạo hạnh.
 34) Ghét kẻ nhố nhăng. Thương người mẫu mực. Nhưng hiện nay một số quốc gia Á Châu cũng đang bắt chước thói nhố nhăng của Âu-Mỹ. Nhố nhăng tại Âu-Mỹ lại là biểu tượng của "tự do tư tưởng" và hình như càng nhố nhăng càng được người ta chú ý và thành công nhất là ca sĩ và người mẫu. Sau vụ Chairlie Hebdo, Ô. Tony Blair nói rằng "Tự do ngôn luận không có giới hạn" tức báo chí muốn chửi ai, thóa mạ ai cũng được.
 35) Ghét kẻ trọc phú. Quý kẻ thương người.
 36) Ghét kẻ ăn chơi. Thương người cần kiệm.
 37) Khinh kẻ ăn bám. Quý người tự lập.
 38) Khinh kẻ lười biếng. Quý người chăm chỉ.
 39) Ghét kẻ khinh người. Thương người khiêm tốn.



- 40) Ghét thói mánh mung. Yêu mến thật thà.
 41) Ghét thói gian tà. Ưa người ngay thẳng.
 42) Khinh ghét lối làm việc vô lương tâm. Kính trọng kẻ làm việc có lương tâm.
 43) Ghét lối làm việc vô trách nhiệm. Thương người làm việc cẩn trọng.
 44) Ghét thói kiêu căng, tự cho mình là "lãnh đạo", "number one", "số một" hay "ông nội" người ta. Quý kẻ biết điều.
 45) Và còn cả ngàn vạn thứ thương-ghét khác nữa, không sao kể hết.

Cái mà mình **thích** thì thương. **Thương thì quý trọng**, có khi hy sinh cả thân mệnh để bảo vệ. Thử dụng tới con chó mà mình thương thử xem. Có khi giết người ta luôn không biết chừng.

Còn ghét... nhẹ lắm thì, chửi rủa, nói xấu, xa lánh, kỳ thị (không chơi, không giao tiếp), xua đuổi. Mạnh hơn là đốt phá nhà của người ta, giết hại cả gia đình người ta. Những vụ thanh lọc chủng tộc, giết cả trăm ngàn người là chuyện thường.

Đối phó và giải quyết chuyện đúng-sai, thương-ghét là chuyện hàng ngày của thế tục. Nhưng có rất nhiều nơi, trong quá khứ lịch sử cũng như hiện nay, tôn giáo đã can dự vào để giải quyết, khiến giáo luật trở thành luật pháp quốc gia.

Đối với các tôn giáo thờ Thần Linh, đúng-sai, thương-ghét phải phân biệt rõ ràng và trong kinh điển, họ không ngần ngại tuyên bố loại trừ, tiêu diệt hoặc giết hại những gì "đáng ghét", chẳng hạn ra lệnh giết chết những kẻ ngoại đạo/dị giáo, tức những người theo một tôn giáo khác với tôn giáo của họ. Sự thương-ghét này đã gây thảm họa cho nhân loại trong một thời gian rất dài.

Thế nhưng đối với Phật Giáo thì có khác. Phật Giáo không bao giờ dung chứa sự kỳ thị, loại trừ, ghét bỏ. Phật Giáo là đạo của bao dung, như biển cả có thể dung chứa cả ngàn con sông đổ vào, như một mẹ có thể nuôi được trăm con. Điều đó không có nghĩa là Phật Giáo "ba phải" hoặc không ý thức được thể nào là đúng-sai, phải-trái. Trong Kinh Viên Giác Đức Phật nói rằng, "Một hạt mưa trong thế giới ta-bà này Như Lai đều biết." Thế nhưng do lòng thương xót chúng sinh, Đức Phật dạy đức Từ-Bi-Hỉ-Xả. Hơn thế nữa, bản thể của vũ trụ này vốn từ Nhất Nguyên/Nhất Thể rồi tách ra thành Nhị Nguyên/Âm Dương/Lưỡng Cực. Cái **Tối** cái **Sáng**, cái **Sinh** cái **Diệt**, cái **Đúng** cái **Sai**, cái **Phải** cái **Trái**, cái **Thương** cái **Ghét cùng tồn tại và lẫn đui lẫn nhau**. Ngàn đời trước đã có

đúng-sai và ngàn đời sau đúng-sai vẫn tồn tại. Khi Đức Phật chưa ra đời, con chim đã ăn con sâu. Khi Đức Phật ra đời con chim vẫn ăn con sâu. Khi Đức Phật thành đạo và chuyển pháp luân, con chim vẫn ăn con sâu. Và khi Đức Phật nhập diệt, con chim vẫn ăn con sâu. Điều đó có nghĩa là **“thế giới này vẫn y như thế”** vẫn vận hành bởi **“vô minh và tham dục”**. Hình tướng thế giới này có đổi thay, nhưng tham-dục và bạo lực vẫn còn nguyên đó. Những cái tốt không bị hủy diệt đã đành mà những cái xấu, cái đáng ghét, cái bất ứng cũng không bao giờ bị hủy diệt. Do đó, không thể có chuyện toàn thể thế giới này chỉ có **Thương** và cũng không thể chỉ toàn có **Ghét**.

Tình cảm Thương hay Ghét, Đúng hay Sai đều do **“nhân duyên giả hợp mà thành”**. Khi mình thích và thương thì tội ác tày trời cũng thấy tốt. Còn khi mình đã ghét thì chuyện tốt, đúng cũng thấy sai. Chẳng hạn, cũng là cái xấu, nếu đứng ngoài thì chúng ta thấy đó là xấu. Nhưng nếu là **“đồng bọn”** thì chúng ta lại thương và yêu thích cái xấu đó. Một bọn trộm cướp ngồi trong quán nhậu, hả hê cụng ly, khoe khoang thành tích vừa ăn cắp được một chiếc xe hơi chẳng hạn ...mà không hề biết đó là hành vi xấu xa. Thấy một người đàn bà bị ném đá tới chết, dù phạm bất cứ tội gì, chúng ta đều rùng mình, thương xót. Thế nhưng ở tại các quốc gia như Saudi Arabia, Pakistan, Ả Rập Hãn, Ấn Độ...ở một vài nơi, đám đông reo hò, và cả bố mẹ cũng rất **“hân hoan”** khi người ta ném đá tới chết người con gái của mình chẳng may lỡ đại hoặc không nghe lời bố mẹ trong vấn đề hôn nhân.

Do đó, nếu tất cả trái đất này toàn là những người ác hay toàn là quý tử thì: trộm cướp, hiếp dâm, giết người, gian trá, dâm cha chém chú, lừa thầy phản bạn, thác loạn... đều được coi là **“đạo đức”** hay **“phẩm hạnh”** đúng như lời Phật dạy ngài Bồ Tát Thanh Tịnh Tuệ dưới đây.

Chính vì giác ngộ được như thế cho nên Chư Phật, chư vị Bồ Tát ba đời hiện tại, quá khứ, vị lai, đều đều vượt lên trên chân lý, đúng-sai, tức không bị chân lý hay đúng-sai, thương-ghét ràng buộc. Đó là giải thoát, là an nhiên tự tại. Và khi đã chứng đắc được điều này thì gọi là cái Tâm Viên Giác hay cái Tâm Bình Đẳng, Không Động.

Chúng ta hãy nghe Đức Phật dạy Ngài Phổ Nhãn Bồ Tát, **“Thiên nam tử! Đã thành tựu được tính giác thì Bồ Tát không bị pháp buộc, không cầu pháp cõi, không nhằm chán sinh tử, không yêu mến nết-bàn, không kính người tri giới, không ghét người phá giới, không trọng người học lâu, không khinh người mới học, Là vì sao? Tất cả là tính giác. Ví như con mắt sáng thấy rõ cảnh trước mắt. Cái sáng ấy tròn khắp, không có yêu, không có ghét. Vì sao thế? Cái thể của sáng không có hai, không có ghét, không có yêu.”** (Kinh Viên Giác, Cự Huyền Cơ dịch năm 1951)



Và Đức Phật dạy Ngài Thanh Tịnh Tuệ Bồ Tát, **“Thiên nam tử! Tất cả chúng ngại tức là giác hoàn toàn. Niệm chính hay niệm không chính đều là giải thoát. Lập được pháp hay pháp pháp đều là Nát-bàn. Trí tuệ hay ngu si cũng là Bát Nhã. Bồ Tát hay ngoại đạo thành tựu các pháp đều là Bồ-đề. Vô minh, chân như không khác cảnh giới. Giới, định, tuệ và dâm, nộ, si đều là phẩm hạnh. Chúng sinh, quốc độ đều đồng một pháp tính. Địa ngục, cung trời đều là tịnh độ. Có tính, không tính đều thành Phật đạo. Tất cả phiền não hoàn toàn giải thoát. Bồ tuệ pháp giới soi rõ các tướng cũng như hư không. Đây gọi là tính giác tùy thuận của Như Lai.”** (Kinh Viên Giác, Cự Huyền Cơ dịch năm 1951)

Hiện nay thế giới không còn đối đầu về chủ nghĩa, tức là sự khác biệt về xây dựng quốc gia, xã hội theo một mô thức chính trị nào đó – nhưng lại xuất hiện một sự đối đầu khốc liệt giữa đúng -sai và thương-ghét xuất phát từ tín điều – tức xây dựng quốc gia, xã hội theo mô thức tôn giáo. Cuộc xung đột này có nguy cơ nổ ra “thánh chiến” và có thể “thánh chiến” đã nổ ra rồi. Cuộc đối đầu này đang lan rộng trên quy mô “quốc gia đối đầu với quốc gia” hoặc “nhiều quốc gia đối đầu với nhiều quốc gia”.

Bên cạnh đó, hiện nay tại Hoa Kỳ, tội phạm do thù ghét (*hate crime*) gia tăng, mặc dù luật pháp rất nghiêm minh trong việc xử trị tội phạm này. Thống kê của Viện Khảo Sát PEW cho biết số người chết từ sau vụ Khủng Bố 9/11 vì nhóm Da Trắng Là Ưu Việt (*White Supremacy*) và các nhóm cực đoan lớn hơn là do nhóm Hồi Giáo quá khích. Tội phạm **“hate crime”** xuất phát từ lòng thương-ghét: Ghét cái màu da không giống với màu da của mình. Ghét cái tôn giáo không giống với tôn giáo của mình. Ghét cái lối để râu tóc không giống với râu tóc của mình. Ghét lối ăn mặc, trang phục không giống với lối trang phục của mình. Ghét lối sống hay văn hóa không giống với văn hóa của mình. Sau cùng...cho rằng Da Trắng là thông minh, ưu việt hơn tất cả các sắc dân khác. Chỉ Da Trắng mới đáng sống, còn Da Màu thì không đáng sống hoặc chỉ làm nô lệ.

Ngày nay thương-ghét do khác biệt tôn giáo hoặc cùng tôn giáo nhưng khác hệ phái, đang là cội nguồn của biết bao tội ác, gây bất an trong xã hội và cho cả thế giới nói chung.

Trong cuộc sống hàng ngày, là Phật tử khiêm tốn, nương theo giáo lý của Đức Phật, để tạo an vui cho chính mình, cho cộng đồng và xa hơn cho đất nước, chúng ta:

- Không làm những gì bị loài người ghét bỏ. Chẳng hạn như chúng ta không gian dối.

- Cố gắng làm những gì mà mọi người thương mến. Chẳng hạn như chúng ta học đức tính thật thà.

- Nhưng chúng ta không bao giờ kỳ thị, ghét bỏ, loại trừ, thậm chí giết hại những người đang làm những chuyện bị người đời khinh ghét. Nhưng những người làm chuyện bị loài người khinh ghét sẽ gặp quả báo hay nhân quả. Thí dụ: Giết người, buôn bán, chuyển vận ma túy bị tử hình. Lừa gạt, gian dối bị tù tội. Vu không bị bồi thường. Tắc trách bị mất chức. Hung hăng thì có nhiều kẻ thù. Tham vọng thì chuốc nhiều đau khổ. Hiếu chiến thì đất nước lâm nguy, tan nát... Những quả báo này không phải lỗi của chúng ta hay do chúng ta làm ra.

Xin nhớ cho, một khi đã có lòng thương-ghét, đã khởi móng tâm thù ghét ai, tôi bảo đảm rằng khi có điều kiện chúng ta sẽ tạo ác nghiệp. Chẳng hạn khi đất nước yên bình thì không thấy gì. Nhưng nếu một cuộc đảo chính hay loạn ly xảy ra, người ta có thể vác dao kiếm, gậy gộc, súng ống đi giết hại, để trả mối thâm thù trước đó – có khi ba, bốn chục năm. Cứ nhìn vào những cuộc đảo chính, lật đổ chế độ trên toàn thế giới thì sẽ thấy.

Cũng là một chuyện “đáng ghét” – chẳng hạn như một cô ca sĩ ăn mặc quá lộ liễu, bắn mắt trên sân khấu. Nếu chỉ phê bình rồi bỏ qua hoặc tha thứ thì không có gì. Nhưng nếu tất cả cùng xúm lại chửi rủa, lên án và đòi hành động thì sẽ thành chuyện lớn. Nếu như tại các quốc gia Hồi Giáo, cô ca sĩ này có thể bị ném đá tới chết. Do đó “*Tâm bình, thế giới bình*” là như vậy.

Không phân biệt, không kỳ thị, không thương-ghét, không loại trừ ai... là cốt tủy và sinh mệnh của Đạo Phật. Giáo lý của Đức Phật đang được trân quý trên toàn thế giới cũng vì những đức tính đó. Đánh mất những đức tính này thì Phật Giáo cũng giống như những tôn giáo khác. Do đó, dù ai có “*nói ngả nói nghiêng*” rằng Phật Giáo yếm thế, tiêu cực nhưng “*ta đây vẫn vững như kiềng ba chân*”. Chính cái đức tính bị gán cho là “*tiêu cực*” hay “*yếm thế*” đó đang là “ngọn đuốc trí tuệ” cho nhân loại ngày hôm nay. Còn cái gọi là “*tích cực*” tự hào là mình biết “*thương-ghét*” đã gây thảm họa cho nhân loại hơn 2000 năm nay và còn dài dài mãi về sau này.

Đào Văn Bình

(www.daovanbinh.cattien.us)

BÁT TRĂNG ĐẦY

*Trên đỉnh trời gió hú
Vào khoảng trống mênh mông
Ven rừng, cây khiêu vũ
Biển hát khúc muôn trùng.*

*Con mưa nào đêm trước
Còn ảm ướt xương da
Sỏi đá nằm thiêm thiếp
Mặt đất tràn phong ba.*

*Những cánh chim tiền kiếp
Còn lưu lạc phương nào
Những con đường ly biệt
Lá rụng vàng chiêm bao.*

*Hãy nghe từng cơn gió
Cứ thổi suốt đêm ngày
Ai ngồi trên đồi cỏ
Hứng một bát trăng đầy.*

thơ LÝ THỪA NGHIỆP



Hương khói xa xăm

THU NGUYỆT

Mỗi thứ mùi hương gợi nhớ cho ta về một vùng kỷ niệm.

Có lần đi họp phụ huynh, chen chúc đi qua một đám học trò đang chơi đùa ầm ĩ, nghe mùi mồ hôi, mùi khét nắng của lũ trẻ bao vây, bỗng nhớ cồn cào về ngôi trường tiểu học của mình. Mùi của lớp học, của những năm tháng học trò sau những giờ ra chơi nghịch đùa hết cỡ; trở vào lớp rồi, nghe tiếng thước của thầy cô đập chan chát lên bàn kêu gọi trật tự rồi, mà không khí giờ chơi vẫn chưa tan. Mùi của mấy chục đứa chen chúc nhau trong lớp học ngày nắng, quen sao mà quên quá đời!

Có những mùi hương đã quá lâu rồi ta không còn dịp để nghe thấy nữa.

Đó là mùi của rơm rạ lúa mùa, mùi của bông lúa những mỗi sáng mùa gió bắc, khi mà ta dậy sớm vun đống lá sau vườn đốt lên trong cái lạnh se se. Ta rút một bông trong đống lúa chất đầy sẵn chờ quây đập, hơ vào ngọn lửa lá. Bông lúa vàng nở trắng trên tay, mùi thơm đó tuyệt vời tưởng chừng như không có mùi thơm nào trong phạm trù ẩm thực có thể tuyệt vời, thanh khiết và thơ mộng tinh tế hơn! Đó là mùi của bùn đất dọc bờ sông; cái thứ đất đủ độ dẻo vừa tay để ta nặn những cái tu hú, con trâu, con cá... Đó là mùi nước cơm chắt ra từ bếp củi, tô nước cơm trắng lảng lảng những tàn tro lơ lửng. Đó là mùi của bông gạo, bông cà na mà chỉ những trưa đứng gió, ngồi vắt vẻo trên cành sát cạnh những chùm bông ta mới có thể nhận ra.

Và, có một mùi hương mà mỗi năm chỉ một lần ta lại

được nghe thấy nó. Một mùi hương thiêng liêng, đặc biệt, gợi nhớ nôn nao. Đó là mùi khói nhang đêm giao thừa.

Giờ phút đó, tất cả mọi nhà, làng trên xóm dưới đều thắp lên mấy nén nhang. Mùi khói nhang quyện với mùi bông mai, bông cúc, bông vạn thọ... và những thứ bánh mứt bày cúng. Những mùi hương ấy cứ như hợp đàn nhau, quây quần níu lấy nhau, hòa quyện, lan tỏa bằng khuôn trong không khí đêm khuya thanh khiết.

Ngày ba chưa khuất, đêm giao thừa nào ta cũng về ngồi lắng nghe mùi nhang khói bên ba. Và đã viết lên những vần thơ mộc mạc:

Chiều Tết Ba mươi, chải đầu mang quốc

Mỗi năm ba tôi làm việc ấy một lần

Vải sợi pha sương, da dầy hơn đất

Cần gì lược chải đầu, cần gì quốc cho chân.

Bước mạnh nói to, mỗi năm có một lần

Ba nhẹ gót lẫm rầm khăn vải

Tôi khếp nép nhìn người đứng lạ

Bỗng thấy mình sợ hãi trước tổ tiên.

Òi cái điều thiêng liêng Tôi cứ ngỡ không còn trong tôi nữa

Cuộc sống quay nổi chìm lành vỡ

Tưởng đời ta như ngọn gió không nguồn.

Chiều Ba mươi này bất chợt khói hương

Mùi nhắc nhở cội nguồn... Tôi khóc!

Giọt nước mắt tan mát

vào nền đất

Ba tôi cúng xong rồi...

bỏ quốc

vuốt tay trơn.

(Cội nguồn – tập thơ **Điều**

Thật)

Giờ ba đã khuất, ta đã có một mái nhà riêng để đêm giao thừa cũng tự tay thắp hương và nao nao ngồi lắng nghe mùi nhang khói.

Mùi hương thiêng liêng kính cẩn của đêm giao thừa – vùng kỷ niệm mùi hương duy nhất còn sót lại mà ta có thể giữ gìn, thực hiện nghiêm trang tha thiết mỗi năm một lần trong cuộc đời long chong tất bật. Bánh mứt dầu chẳng hương xưa, nhưng mùi các loài hoa vẫn không thay đổi mấy. Dầu có học đòi theo thời thượng với những loài hoa mới ngộ nghĩnh kiêu sa, thì vị trí trang trọng nhất trong nhà vẫn là nhành mai năm cánh, vẫn cúc và vạn thọ chân thành vàng rực rỡ thân thương, vẫn trái dưa tươi nước trong thanh khiết, dâng cúng đất trời trong hoài niệm xa xăm...

Ta hít thở ngập lòng mùi hương bằng khuôn của đêm giao thừa cũ mới. Lắng nghe tiếng cò cây hoa lá đất trời, tiếng của nhịp đời lảng lẽ chuyển xung quanh. Đâu đó trên bầu trời thành phố, trên tivi... những chùm pháo hoa tỏa sáng.

Xóm làng yên lặng, phố phường nhẹ bớt những âm thanh. Và mùi hương... mùi hương mỗi năm chỉ có một lần trong thời khắc thiêng liêng tỏa lan nghiêm trang dịu nhẹ...

Phút giao thừa, đâu không ít những người vẫn còn ngược xuôi tất bật ngoài đường, không ít những người nô nức đi rong, không có mặt trong ngôi nhà thân thương để ngồi lắng nghe mùi khói hương trong thời khắc thiêng liêng ấy, nhưng đất trời vốn luôn hào phóng; xa xăm hương khói mãi luôn có mặt, thấm đậm lặng thầm trong những góc lòng biết nhớ...



Truyện ngắn trăm chữ

STEVEN N.



MẤT CẢ ĐÃY

Anh về thăm quê, bạn bè vui vẻ ăn nhậu giàn trời luôn. Quê anh giờ nhảm thối lạ ăn chơi, bài bạc và mê thịt chó. Mọi người mời mọc, ép anh ăn:

- Thịt chó ngon, bổ dưỡng lắm; không ăn coi như mất nửa cuộc đời!

Anh nhất định giữ trai-giới không ăn thịt hưởng gì là chó nhưng để giữ hòa khí anh nửa đùa nửa thật:

- Không ăn thịt chó mất nửa đời nhưng nếu ăn thì mất cả cuộc đời!

Tiếng reo hò mừng mới, rượu ngon vang khắp quán. Anh thấy mình trở nên lạc lõng giữa quê mình.

SAO AN ĐƯỢC

Vợ chồng cự cãi, hục hặc hoài. Chị vợ đi coi bói, thầy bói nói:

- Cây đòn dông nhà đối diện đâm nhà bà nên gia đạo bất an.

Chị về treo kiếng chiếu yêu để tà khí chiếu nhà kia. Chị còn rước thầy pháp cúng, yểm... và làm nhiều chuyện bất thiện theo lời chỉ bảo của thầy pháp. Ấy vậy mà gia đạo vẫn như cũ. Có người thân tín bảo chị rằng:

- Tâm đã bất an, làm chuyện chẳng lành, tin lời vô đạo... thì làm sao gia đạo an được?

BẤT AN

Nam Tào bước ra khỏi điện thì gặp không biết bao nhiêu là hồn cá mập vây quanh. Ngài ngạc nhiên hỏi:

- Ta mới tra sổ thấy các người tuổi thọ những hai mấy năm cơ mà!

Bọn chúng sục sùi:

- Người ta tin rằng vây chúng con là bổ dưỡng, cường dương nên bắt chúng con cắt lấy vi nấu súp. Chúng con chết thảm lắm!

Chúng dứt lời thì ùn ùn ngoài cửa kéo đến nào là cọp mất thận, tê giác cụt sừng, voi cắt ngà... bọn chúng khóc lóc rên rỉ cả điện đường:

- Người ta truy sát chúng con, nguy cơ tuyệt chủng chẳng còn bao lâu nữa!

Nam Tào an ủi chúng xong nói với tả hữu:

- Muôn loài bất an thì con người làm sao có thể an được?

CỘNG NGHIỆP

Tiếng máy cưa, xe cẩu... ầm ầm phá tan sự im ắng và tạo nên căng thẳng, ngột ngạt trùm lấy cả khu rừng. Lão đại thụ bèn cất tiếng:

- Ta đã trải qua mấy mươi đời vua nhưng chưa thấy đời nào tệ như đời này. Rừng núi cào sạt, đất đai xé xẻo... hôm nay đại dương cũng bức tử luôn. Ta chết đã đành, chỉ thương bọn các người và hậu sanh sống dở chết dở. Bọn người ác độc rồi cũng sẽ trả giá nhưng vì cộng nghiệp nên chúng ta cũng phải chịu chung!

Rừng cây buồn rầu, muông thú rất hoang mang, nhiều tiếng nói cất lên:

- Không lẽ chúng ta ngồi chờ chết sao?

CÁI BỤNG KHÔNG ỨNG

Già làng hít một hơi rượu cần rồi trầm trầm nói:

- Đất này, rừng này, con thú này... Giàng "*" cho bọn ta, tổ tiên ta ở đây bao đời

rồi. Giờ bọn người dưới kia lên lấy hết đất, chặt hết cây, bắt hết con thú rồi! Cái bụng bọn ta không ứng. Ngày mai lũ làng theo ta lên quận.

Tiếng cồng chiêng vang rền, lũ làng đồng thanh hô to:

- Lấy hết đất, chặt hết cây, bắt hết con thú rồi! Giàng sẽ trừng phạt đấy!

Chủ quận cùng bộ sậu bàn bạc rồi đồng thanh quát:

- Bọn phản động âm mưu gây rối!

Nói xong cho lính xông vào đánh đập dã man. Núi rừng hôm ấy sấm động ầm ầm, mây vần vũ đen kịt cả bầu trời.

(*) Trời.

TỰ LÀM TỰ CHỊU

Lão làm quan to, cây thế ép người phải cống nộp tiền bạc nên giàu có vô số. Lão lại sừ tầm của ngon vật lạ ăn uống tẩm bổ hầu sống lâu, cường dương để mà mặc sức ăn chơi. Dầu giàu có, béo tốt vậy nhưng quý vô thường vẫn đến bất ngờ bắt lão đi. Lão tức tối kêu kiện ở Âm Ty. Phán quan yên lặng để cho lão nói xong mới nhẹ nhàng hỏi:

- Ở đời có ai ngu tự động đem tiền cống nộp người khác không? Có con vật nào tự nguyện đến hiến thân cho ông ăn để béo khỏe không?

Phán quan dứt lời thì không biết từ đâu vô số oan hồn người, vật kéo đến vây quanh lão ta đòi báo thù. Phán quan bảo:

- Tự làm tự chịu, ông và bọn họ giải quyết với nhau. Ta có khuyên cũng không ăn thua gì!

Chuyện năn nẫm về Sài Gòn:

Biển trời lai láng

NGUYỄN VĂN SÂM

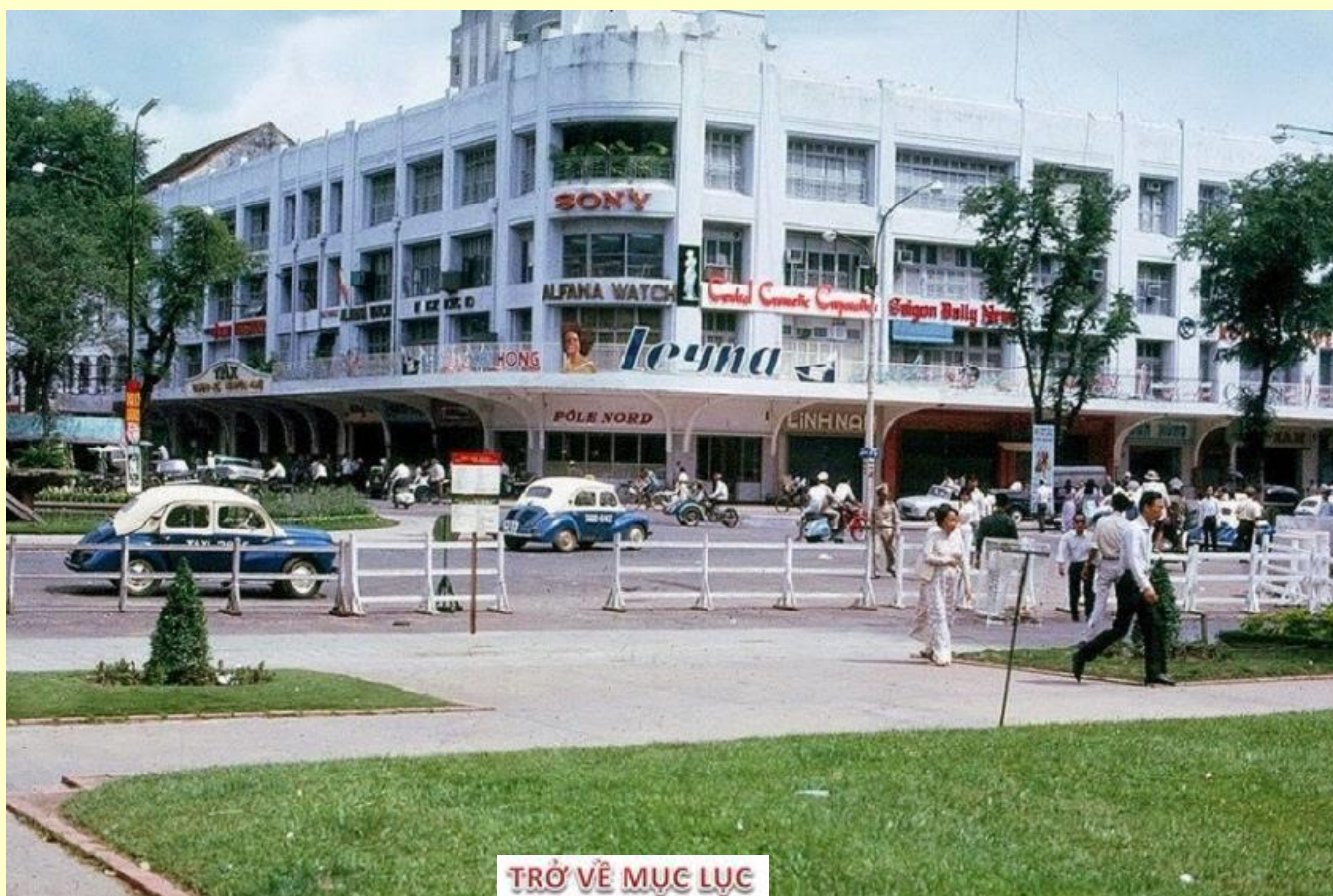
Cảm thức về Sài Gòn ở trong tôi dù sống nơi đâu. NVS

Gần nửa đời người lặn lội đó đây trên nhiều khu khác biệt của đất Sài-gòn vậy mà tôi chỉ thấy được hai mặt, hoặc trái ngược nhau: một bên là con người dưới gông cùm kim tiền vật chất, hoặc bùn lầy nước đọng chết đuối con người bằng những thứ tầm thường nhỏ mọn như miếng ăn chỗ ở. Không có bộ mặt nào khác hơn. Sài-gòn đối với tôi, như vậy trên bản chất giống bất cứ một thành phố nào trên thế giới, không thể tìm thấy tánh cách thuần túy Việt Nam. Tôi một thời lơ là với Sài-gòn cũng vì lẽ đó. Thế nhưng có ai chơi cắc có hỏi tính chất Việt của một thành phố là cái gì, nằm

trong địa hạt nào của muôn ngàn dáng vẻ biểu hiện từ văn minh đến văn hóa, chắc thế nào tôi cũng ậm ừ cho qua bởi không thể nào vẽ lên, tả được những nét tận tường. Ở chuột và những căn nhà chông chênh trên mặt sông bùn lầy đen đúa thì hiện diện ở bất cứ thành phố nào của xã hội nghèo nàn, nhất là vùng Đông Nam Á. Xã hội tân tiến Tây phương ít xóm nghèo, ít hang cùng ngõ hẻm hơn, ít nhưng không phải là không. Nhà lầu cao với những kiến trúc tân kỳ càng ngạo nghễ, đẹp mắt càng không thể tượng trưng cho Việt chất. Chộp nắm

được phần nào dễ thương, là lạ trong kiến trúc, trong lối ăn nếp ở, trong cách xử thế tiếp vật, trong một nghề nghiệp đặc biệt, tôi, lòng lúc đó đương lạnh tanh, nôn nao sung sướng như hồi nhỏ được về quê thấy lại cái lò gạch cũ, nghe được mùi thơm từ khu vườn mía Tây của người láng giềng, ngó mẩn nhãn những miếng ruộng lớn đại nổi tiếp nhau chạy tới mức chân trời, hay thấy con sông hiền hòa thỉnh thoảng có vài chiếc ghe lồng trôi chậm...

Điều dễ thương đối với tôi cũng bình thường thôi. Thường là những căn nhà ở vùng Bà Chiểu, Thủ Đức, ba gian hai



(Credit: Internet)

chái, vách bồ kho, mái ngói âm dương, cột danh mộc tròn lên nước bóng lưỡng dựng chững chạc trên từng tầng đá xanh vuông vức, trong nhà đối liễn vẫn còn treo trên những vị trí trang trọng. Hay một cái bàn 'ông thiên' giữa trời thường thấy ở vùng Giồng Ông Tố với hình ảnh người chủ gia đình, lúc vừa chụp tối, bận áo bà ba hai tay chấp năm nhang xá xá bốn phương trời. Hoặc một cái gáo dừa gắn cán dài úp trên lu nước dựng ngoài mái hiên bắt gặp thường xuyên từ khoảng Cầu Hàn đổ ra đến nửa đường đi Nhà Bè hay từ phía Phú Lâm đổ lên Gò Đen. Có những hình ảnh nhỏ hơn và tầm thường hơn như tiếng văng đưa kéo-kẹt vào lúc giữa trưa trời đứng gió. Văng phải treo phía trên một cái giường tre khập khểnh mới đúng điệu, hòa hợp với cảnh trí xa xa là một bụi tre mà ngọn và tất cả lá đều đương đứng im lìm trầm ngâm ngó trời như thường thấy ở xóm Cầu Tre trước đây thì càng tốt.

Nhưng tôi chưa đủ thời giờ để nhìn cho thỏa mắt, chưa đủ lớn để chíp vô ký ức cất làm kỷ niệm riêng cho đời mình thì các cảnh trí trên phần nhiều đã bị sóng thời gian tàn nhẫn phủ lấp chìm hay bóp cho biến dạng theo sự đổi thay tất nhiên của xã hội. Chúng mất hút đi mau chóng, tới khi tôi kịp rãnh rồi ngó lại thì còn chẳng thấy được bao nhiêu.

A, hình như là Sài-gòn phát triển theo tốc độ phi mã của thời đại tân tiến nên tiêu diệt mất những vết tích nhà quê nghèo nàn nhưng dễ thương của một sinh hoạt tiền đô thị mà trước đây tôi tưởng lầm là nét chấm phá nào đó của Việt tính. Nhưng không sao, tôi biết được bệnh mình. Mình thèm, mình thiếu trong máu huyết một mảnh trời quê và đương đòi Sài-gòn cung cấp cho một chút quê mùa đó. Đô thị vây hãm tầm mắt bằng nhà cao, hăng xướng và xe bụi, Sài-gòn giới hạn tâm hồn người bằng chuyện thành phố lăm cẩm tình-tiền-thù không có gì đặc trưng, tôi cảm thấy

thiếu một khung trời khoáng đãng, thềm một chút hoàn cảnh thuận tiện để buông thả tâm hồn, tôi thiếu tình người ở trạng thái sơ tâm...

Trong tâm thái hoài cổ nao nao của nỗi thèm khát đó tôi được nghe chuyện hai vợ chồng chú Hai Một nhưng quan, khóc đăm.

Như bao nhiêu lần trước, Chú Hai Một khi vô tới hàng ba, dậm cẳng bước lên ngạch cửa, thì quay về phía sau rầy dức vợ sao chậm lức còn hơn bà già đi âm phủ rồi xăn xẩy bước ào vô nhà như con trốt, bỏ mặc kệ thím Hai còn đứng đĩnh đánh-dồng-xa đầu đó mút tí tè ngoài đầu ngõ.

Nhiều người ngưng chuyện trò len lén ngược lên quan sát người khách mới, cách quan sát có chút tò mò đó, nhưng e dè, xa cách. Nhiều người, cử chỉ bỗng nhiên chậm rãi hơn như đương bận rộn hết giác quan để bí mật theo dõi chuyện gì đó xảy ra chung quanh. Có người còn liếc liếc rồi lại giả bộ cúi xuống hớp ly nước đỡ dang này giờ để lơ là trước mặt. Không một câu hỏi nào được nói lên thành lời, chỉ có những câu hỏi thăm ngầm chứa trong thái độ và cử chỉ. Chú Hai Một tuy vậy cũng đã biết mình phải nói gì nên lên tiếng trước, chú nói trống không nhưng thật ra là nói với toàn thể những người đương có mặt.

'Được rồi, để đó tôi lo liệu cho. Bà con mình không chớ ai vô đây,' chú hỏi tiếp theo sau khi dòm sơ qua một vòng từ những người ngồi ở cái bàn gần cửa tới một số người trai trẻ ngồi bỏ chun thông xuống đất trên bộ ngựa rồi tới những người hơi lạ lạ ngồi tuốt trong gần chỗ cái màn cửa ngăn với nhà trong. 'Mà hồi nào vậy? Hôm kia hôm kia gì đây tôi còn thấy ảnh đi bằng-xiêng bằng-nai, té lên té xuống trước nhà tôi, quần ống cao ống thấp, lè nhè, con nít chạy theo coi rùm trời. Gì mà mau vậy?'

Ba bốn tiếng giọng thanh niên, mau mắn tranh nhau nói với khách. 'Chị Sáu thấy xác ảnh nằm vắt vẻo nửa trên nửa dưới ở cái mương cá đặng nhà thẳng cha Ba Khìa hồi tương bưng sáng....'

'Chắc đâu hồi khuya....'

'Trúng gió, té nước...'

Tiếng xì xào bàn gốp thêm chi tiết như một thứ bình truyền nhiễm chuyển từ nhóm này sang nhóm kia, phá tan bầu không khí lạnh nhạt e dè từ khi chú Hai Một bước vô. Một tay tổ nào đó, ý chừng là bạn nhậu thân tình với nạn nhân, chêm vô một câu điều vô duyên ớn. 'Chắc đâu cũng đồn hết mấy lít rồi nên nóng nảy trong mình, về khuya gặp nước, tắm mát rồi khoái chí tử nằm ì ra đó không chịu lên.'

Những cặp mắt bây giờ đổ dồn về phía tay anh chị ăn nói bật mạng đó. Trách móc, khinh thị, bất bình. Biết mình nói hớ, anh ta cười cầu tài, sửa. 'Ày... mà sinh ký tử quy. Chết trẻ khoẻ ma, chết già lụm khụm. Anh Sáu thọ như vậy là được rồi, năm một bước qua năm ba bước lợi đầu có bao nhiêu người qua khỏi cái cầu này. Ày... mà đời bây giờ còn sống là còn khổ. Chính tôi đây nè, nhiều khi khổ quá mạng, cầu trời chết cho rảnh nợ mà không được.'

'Con vợ thẳng Sáu nóng ruột chồng đi cả đêm không về nên trời vừa hừng hừng sáng là lo xách đèn đi kiểm, ai dè sự thể như vậy...' một tiếng đàn bà nhỏ nhẹ, nói với mọi người mà như nói với mình. 'Í hì!' Tiếng thở dài thương hại thay cho cái chấm câu.

Chú Hai Một quay qua cúi đầu chào người đàn bà, bà vừa nói tiếp vừa gặt đầu chào lại, giọng nho nhỏ pha một chút mùi lòng.

'Tôi nghiệp, cái thẳng say sưa vậy mà cũng biết lo tương tới vợ con, trên bờ mương còn hai xâu thịt heo quay với một mớ bánh bò trắng nằm lẫn lóc. Tao tiếc quá lượm đem về bỏ trong gạt-măng-giê... Cái số con vợ nó không được ăn heo quay, chồng đem về chưa tới ngõ đã lăn đùng ra theo ông

theo bà.'

'Tuần rồi ảnh với tôi còn leo lên nóc nhà lợp lại cái mái lá đột phía trước hết một buổi trời,' người đàn ông hồi nãy cũng cái mừng cũ vừa nói vừa khoe. 'Thiệt anh Sáu khỏe còn hơn tiên, hồi nào tới giờ ở nhà quê mà sống theo kiểu dân cậu, đầu cần động tới móng tay....' Anh ta đổi giọng vui vui. 'Chắc biết mình sắp đi nên bữa đó mới chịu khó trả nghĩa vợ lần chót.'

Nhiều tiếng cười tán thưởng ở phía đám thanh niên hòa chung với vài cái hứ bất bình từ đám đàn bà.

Chú Hai Một bây giờ mới quay về phía người đàn ông họ. Chú biết là ai nhưng cũng không thèm để ý tới chuyện chào hỏi, cũng không thèm cười góp mà chỉ hất hàm một cách trống không về phía buồng.

'Ờ, ở trong đó đó,' Bà già vừa nói hồi nãy hiểu ý trả lời hốt mọi người. 'Tội nghiệp, sớm tối giờ hai mẹ con nó xà quần trong đó. Bây giờ chắc là đương lo thay quần áo cho 'thằng'. Bùn đất không... Hồi mới đem về.... ướt mềm ướt mẹp nên tụi nó xót ruột. Nhà không có đàn ông con trai để lo mấy chuyện đó nên tụi nó phải làm. Đầu thằng Hai mày vô coi coi, liệu giúp đỡ gì được mẹ con nó thì giúp.'

Thím Hai Một tới bây giờ mới vô tới hàng ba. Khác với chồng, thím thùng thẳng bước nhích nhích từng bước một, đầu cúi xuống, hai đầu khăn rằn hết đầu này đưa lên chùi nước mắt tới đầu kia đưa lên chùi nước miếng nước mũi. Người trong nhà chưa ai thấy mặt mày thím nhưng tiếng khóc xụi hòa với tiếng hít khịt mũi đã nghe rõ ràng, nức nở đứt ruột đứt gan, lâm li như tiếng khóc dễ mũi lòng của bà con ruột thịt khi mất người thân thương.

Không mấy ai ngạc nhiên trước cảnh này. Chuyện thím khéo dư nước mắt khóc người 'thân sơ' dân làng Bình An đâu ai lạ lòng gì. Nghề nghiệp. Nghề nghiệp ít người theo như vợ chồng thím. Hai ông bà đã

từ bao lâu nay trở thành một cặp bài trùng không thể thiếu trong mấy đám ma chẳng những quanh quẩn trong mấy cái cù lao giữa kinh Ruột Ngựa và kinh Tàu Hủ mà nhiều khi còn có người rước lên tới Chợ Đệm, Bình Điền, Gò Đen nữa. Một vài người khách ngạc nhiên quan sát, sao trên đời lại có người lạ lùng như vậy cà, mau nước mắt đã đành lại còn không biết mặc cỡ khi làm chuyện trên đời chỉ có một mình mình. Thím Hai Một khóc ngọt ngào, bất tận. Nước mắt như mưa tuôn trào đầy mặt. Nào can tràng hơn tiếng than của đào thương trong gánh hát. Khóc đã đời thím cất giọng kể lể. 'Sáu ơi là Sáu, chú bỏ vợ yếu con thơ chú vội vàng đi đâu. Bao nhiêu người thương chú trên đời sao không ở lại. Âm phủ dương gian hai đàng cách trở, từ nay vợ con chú biết trông cậy vô ai? Sáu ơi là Sáu ơi. Ngày trước chú giúp người cô quả, chú thân thiện xóm làng, đầu trên chợ dưới, người dựng họ hàng, ai có chuyện gì chú không nề hà giúp đỡ. Sao người như chú mà trời bắt đi cho nữ, còn những kẻ lồi đạo vô nghĩa lại sống chặt trời chặt đất, tổn gạo tổn cơm... Sáu ơi là Sáu ơi.'

Chú Hai Một quay mặt ra cửa, ngó mau về phía vợ, nhần mày tỏ ý không bằng lòng—quá lố rồi đó, quá trong nước mắt thì còn chấp nhận được, quá trong lời than thì chạm tới biết bao nhiêu người, ăn của chủ nhà bao nhiêu mà đưa lưng mang tiếng oán. Tuy nghĩ bụng như vậy nhưng chú không nói gì, chỉ vén màn bước thẳng vô phòng trong.

Bóng tối âm u của ngọn đèn dầu phụng tim se bằng một miếng vải trắng bỏ trong cái đĩa dầu để dưới gầm giường và cây đèn cây nhỏ đặt phía dưới chơn người chết chập chờn leo lét, không giúp cho đôi mắt quen với ánh sáng của chú Hai thấy gì hơn là một cụm tối dày đặc, khổng lồ. Chú đứng định

thần một hồi hèn lâu mới quen mắt lần. Con nhỏ Huê đương quay lưng về phía chú, mặt quay vô vách, đương giơ cao lên xăm xoi một cách dềnh dàng bộ đồ bà ba hàng màu hột gà của ba nó đầu như là mới vừa được lấy từ trong tủ ra, còn đầy những lần xếp. Chị Sáu đương rờ rờ nắn hai cánh tay co rút của người chết mà mấy ngón tay cong lại như đương thủ thế để cào cào ai. Gương mặt chị thiếu nào pha lẫn nét chán chường. Chị biết bốn phận mình phải làm gì nhưng không biết bắt đầu từ đâu và bằng cách nào. Trong lòng chị đương có một sự tương tranh dữ dội giữa hai mặt sợ-thương. Thấy ánh sáng và đã đoán được ai bước vô, chị ngước mắt lên chờ đợi một mệnh lệnh, mệnh lệnh dưới hình thức đề nghị thiết bình thường nhưng giúp chị ra khỏi cảnh bối rối hiện tại không biết mình phải làm gì mới đúng cách và trọn đạo.

'Chị Sáu với con Huê 'quá bộ' ra ngoài nhà tiếp khách đi,' chú Hai Một nói như ra lệnh, nói lựa chữ văn hoa một cách ăn trét. 'Bà con lối xóm nghe tin hồi nào không biết mà đã kéo tới chia buồn coi bộ hơi bộn rồi đó. Đây nhà! Mà tôi thấy có ai ở ngoài đó lo trầu cau nước nôi gì cho khách đâu,' Chú ngừng một chút ngó vô con Huê bây giờ mới day mặt lại phía ánh sáng. 'Với lại ba cái chuyện này nên để tôi. Nghề nghiệp ai người nấy làm. Chuyện này đâu phải ai cũng mó tay mó chân vô được.' Một lần nữa chú ngó về phía con Huê. 'Đàn bà con gái gần hơi người mới đi không nên đâu. Độc lắm. Về sau bị bệnh hậu khó lòng.' Mặt con Huê, nãy giờ nước mắt đã lần rơi, buồn lâm ly, đổi sắc liền, mừng thấy rõ, nó bỏ bộ quần áo xuống rồi đi vòng về phía đầu giường của ba nó, sẵn sàng bước ra. Chị Sáu trái lại chỉ hơi khựng lại một chút khi nghe nhắc tới mấy tiếng không nên nhưng rồi cũng tiếp tục cố gắng tuột tay áo của chồng ra. Cái áo đã được mở nút cần thận, phơi màu da ngực xám

ngắt của xác chết dưới ánh đèn. Cánh tay cứng đờ, cả huỳnh cả hoang, tay áo dính một lớp bùn mỏng thêm phần trở ngại. Chị bậm môi hề hụi giũt mạnh nhưng cũng không ích lợi gì, chỉ làm rớt lớp đắp lớp bùn khô xuống giường như bánh trắng nướng bể. Bỏ mặt người chết nhăn nhó với cặp môi đã bắt đầu rút, lời rằng ra cười ngạo cảnh tượng. Cánh tay thấy ma cứng cong, trĩ lại phản đối không cho thay bộ quần áo cuối cùng trong đời mình. Chú đánh thêm một đòn tâm lý trong khi thông thả cho tay vô túi trong lục kiện gói thuốc *Job* đổ lộn theo từ đằng nhà.

'Chết bất đắc kỳ tử linh lắm. Ngày giờ trùng thì chuyện gì cũng có thể xảy ra. Tránh trước thì hơn. Trùng tang liên tang xui mấy đời chớ không ít đâu. Chị với con Huê làm ơn dang ra cho tôi.'

Chú ngừng nói, đứng yên, điều thuốc đã an vị trên môi, tay mặt cầm sẵn diêm quẹt nhưng chưa quẹt lửa, cổ ý đợi hai người phụ nữ bước ra. Thân nhân nào cũng sẽ khó chịu khi thấy xác của người thân bị kéo nắn mạnh tay, mười người như một, ai cũng nắn nì này nọ, xin xỏ vậy khác. Khó lòng. Chú thấy công việc mình làm phải mang tính cách thiêng liêng, bí mật, càng ít người biết mình làm gì với cái xác chết càng tốt. Chú đưa tay rờ rờ cái mặt lạnh tanh của thầy ma, rồi bằng một cử chỉ thiết nghề nghiệp chú đưa hai ngón tay cái-trỏ ra kéo kéo hai môi người chết lại cho khít khao hơn như ngậm nói tôi đã sẵn sàng rồi, mời bà con nhường chỗ cho tôi. Tay chú đụng vô chỗ lạnh hơn mình tưởng, chú chửi thầm trong bụng cái thằng nhậu nhẹt chết bở chết buội, ngâm nước cả đêm để cho cái mặt lạnh còn hơn đá cẩm thạch ướp nước đá. Chú đưa mắt ngó con Huê rồi đảo qua má nó. Thường thường mời thân nhân của người quá cố ra khỏi buồng chú chỉ cần xài tới mấy tiếng 'không nên' đã là quá đủ, họa hoằn lắm mới phải xài tới mấy



điều dọa dẫm về chuyện bệnh hậu, trùng tang liên tang mà chú học lóm, khi đi đám đó đây, từ mấy bô lão biết chút ít bói toán thuốc men.

Người đàn bà bỏ cánh tay chồng xuống với một tiếng thở thiết dài như là bà nín hơi từ lâu lắm bây giờ mới được phép thở. Cách bỏ xuống cũng nhẹ nhàng, ẩn chứa trong đó cả một trời thương yêu. Nhẹ nhẹ, chậm chậm bước lần về phía cửa. Khoảng cách chỉ vài bước mà như xa thăm thẳm, vừa bước đi vừa ngó ngoái lại như không muốn mất những phút giây chót với chồng. Ra khỏi đây rồi, lúc trở vô người chồng đầu ấp tay gối — người mới hôm qua còn gây gỗ với chị — một sự gây gỗ nhẹ nhàng cảm rằm, quen thuộc trong bao nhiêu năm trời, khiến chị cảm thấy mình hiện diện và là một thứ gì khác với những đồ vật vô tri trong nhà — bây giờ sẽ thật sự trở thành một cái xác chết đứng ngơ ngác, hoàn toàn là một cái thầy ma lạnh lẽo chờ tới giờ để được bỏ vô hòm đem chôn. Hư vô, mất tuyệt từ đây. Xa cách đời đời, thật sự, tuyệt đối từ đây. Một xa cách mặc dầu không hình dung được, mới chỉ lấp ló trước mặt đã cắt đứt ruột gan, khiến chị

chưa gì đã thấy mình bơ vơ, nhỏ nhoi lạc lõng hơn. Chị bật khóc thành tiếng, nấc nghẹn, mặc dầu đã cố dẫn xuống ngay từ hồi thấy xác chồng nằm úp mặt nửa trên nửa dưới ở bờ mương — sợ nước mắt nhều xuống mặt ổng ổng khó đi đầu thai. Chị bỗng nhiên thấy tức mình tại sao bữa hôm ổng đòi uống thêm xị nữa chị tiếc tiền và sợ ổng bệnh không cho con đi mua lại còn biểu nó dấu cái chai đi. Phải dè sớm như vậy ổng muốn uống mấy ghe tàu cũng bán nhà mua cho ổng không tiếc tiền. Chị cũng tức mình là tại sao mấy năm trước nghe phong thanh ổng mèo mỡ chị đã làm quá mạng, cần nhằn cười nhười, cần xé. Phải dè... Phải dè... Chị kêu tên chồng, cách thân mến rất ít khi sử dụng từ ngày có đứa con đầu tiên. Con Huê ấy náy nẩy nằm cánh tay mẹ, chỗ con chuột, mà nó có cảm giác là đầy xương, dẫn ra cửa. Mắt ngập nước, nó cũng ngó ngoái lại lần chót ba nó, vẫn còn nằm trong một vị thế lạ lùng, một căng co vô bụng, một căng thẳng ra luôn cả bàn chân, như người đương kiếm cách leo lên khỏi mương nước, hai bàn tay quắp cứng ngắc hai nằm bùn bây giờ đã khô, mấy chỗ tứ chi lộ ra khỏi quần áo

bao trùm một màu xanh xám đen đen lạnh lẽo khiến nó bắt rùng mình. Chị vợ ngó lại lần nữa thì thấy người chồng, gật đầu chào chú Hai Một, rồi như len lén giở màn bước ra. Những giọt nước mắt được kiềm giữ quá lâu thong thả bỏ trên gương mặt chị, nhiều xuống ngực áo khi chị bắt gặp những ánh mắt thân tình chia sẻ niềm đau xót của bà con lối xóm bây giờ tới đã tới ngồi đứng chật nhà.

Chú Hai Một nao nao theo dõi hai mẹ con lúp xúp đi trong tiếng thút thít, ánh mắt chú đậu lại trên cái lưng đầy sức sống và bộ hậu lảng o của đứa con gái — được ôm bằng cái áo bà ba bó sát và cái quần vải đen đầy ứ thẳng thớm. Chú nheo mắt với mình và cười cười...

Ngoài kia chú nghe rõ tiếng chào của chị Sáu với bà vợ mình. Tiếng khóc của bà ta nín bật ngang xương. Chú nghe loáng thoáng câu trả lời của vợ: '... Ừ... Kể từ trưa mai cho tới giờ hạ huyết tôi sẽ ở đây... Ừ.. tiền bạc gì. Đừng có lo chạy cho mất công. Bà con mình không, ai cũng nghèo chứ đâu có dư dả gì... Nói nào ngay, tôi cũng đâu giàu có gì hơn với mớ đó'. Tiếng khóc lại nổi lên, bi thương thập bội hơn giọng tí tê nhè nhè của vợ người quá cố. Dòm qua chỗ hở do tấm màn bị vướng, chú Hai Một thấy vợ mình đầu bù tóc rối dụi dụi mắt khóc kể như chết cha chết mẹ. Bà ta nhảy từ nhân vật này qua nhân vật kia. Ban đầu là bà mẹ vợ. '... Sáu ơi là Sáu ơi, nhà này một mình mấy lo từ trong ra ngoài. Vợ con mấy giờ đây làm sao đủ sức chống chọi với đời. Đi đâu thấy món ngon vật lạ mấy cũng mua về cho tao, bây giờ mỗi khi thấy quán thấy hàng làm sao tao không khóc được, Sáu ơi là Sáu ơi.' Rồi tới vợ, tới con gái, mỗi người thím đều sáng tác giùm một bài văn tế bình dân nôm na như vậy, kể công đức người chết, vài phần thiệt, vài phần phóng đại những hành trạng mà nếu nghe được chắc người chết

cũng phải hổ người. Chỉ có một điều là giọng kể lẽ của thím lâm ly quá, nước mắt của thím sụt sùi quá khiến người nghe không còn đủ bình tĩnh tâm trí để phân biệt đâu thiệt đâu ngoa. Một cảm giác xấu hổ mà chú thường có khi vợ khóc đắm người quen như kiểu thằng cha Sáu Say nầy len lỏi vô tim chú. Chú ngỡ ngợ như vợ mình làm điều gì sai quấy, quá đáng, hơn sự phải có của điều bình thường, hơn sự bắt buộc của nghề nghiệp. Vừa lúc đó con Huệ quay lại, đưa tay kéo cái chèo tấm vải màn xuống cho kín cửa buồng. Chú dòm lom lom bàn tay tròn trịa của con nhỏ cho tới khi ánh sáng trong phòng trở thành lù mù. Chú đột điều thuốc, dựa vách ngó xác chết, thông thả hít từng ngụm khói say sưa. Mỗi khi trong người có chuyện buồn vui lẫn lộn, những hơi đầu tiên của điều thuốc vẫn là một thứ thần dược giúp chú tỉnh táo trở về thực tại với một tinh thần sáng suốt vô biên. Chú vạch màn dòm ra ngoài nhà trên như là tìm kiếm ai, ánh mắt chú đậu lại phía có con Huệ đương đứng. Nghĩ sao không biết chú bước hẳn ra ngoài tới một bàn, cầm lấy chai rượu để rót đầy một ly lớn, mỉm cười chào mấy người ngồi ở bàn đó rồi quảy quả bước vô. Chú cẩn thận bỏ màn xuống, kéo mí lại như ngại ánh sáng bên ngoài có thể chui vô phòng. Tới bên xác chết, chú thiệt sự bắt tay vô công việc: phun phun, bóp bóp sửa nắn lại cho vào vị thế bình thường bộ tứ chi trước đây đã cứng đờ cứng còng. Chú cắt rách tay áo và ống quần của xác chết bằng cái kéo nhỏ, vật liệu độc nhưt chú mang theo mình như một thứ dụng cụ nghề nghiệp. Chẳng bao lâu cái công việc mà người vợ nạn nhân loay quay hàng giờ không thực hiện được đã được chú hoàn thành mỹ mãn. Anh Sáu Say bây giờ đã thiệt sự ngủ say trong một tư thế thoải mái, thanh thản.

Chú Hai Một bước lùi một bước, ngẫm nghĩ công trình mình, chú mỉm cười hài lòng và tự thưởng bằng chút cạn rượu còn sót lại trong ly...

Tôi náo nức thiệt tình! Tôi sẽ gặp được cặp vợ chồng truyền nhân chánh của một nghề đang sắp biến mất trong một xã hội trên đà chuyển mình Âu hóa như cái thành phố Sài-gòn nầy. Đường có xa, có lạ cũng chỉ là dịp để mở rộng nhãn quan thôi... Chúng tôi đi qua cầu chữ U ở bến Thuyền Buồm (Quai des Jonques), một cái cầu tuy lót cây nhưng cao chưa từng thấy. Chiếc mô-bi-lêt già chạy tới đâu đã cây lót cầu rung rinh nhúc nhích la hét ầm ầm tới đó, những chiếc bu lon sắt khổng lồ đưa lên như hàm răng con quái vật cầu sấn sàng cắn vô vỏ bánh xe. Cây ván trơn chao đảo tay lái, tôi phải kèm thật vững.

Đã hết đâu. Lại còn qua một cái cầu chữ U khác y hệt như vậy ở ngay trước chợ Bình Đông. Sao vùng này lạ lùng vậy, cầu cao không tráng xi-măng hay trải nhựa, chỉ lót bằng cây mà lại lót xuôi theo đường xe cộ chạy?

Người dẫn đường như đoán được ý tôi, giải thích ba hoa. 'Vùng này không có thể để làm dốc nên cầu phải xây hình chữ U, cũng không thể xây bằng vật liệu nặng vì bờ kinh hẹp, đất hai bên lại mềm, không có chỗ đúc móng chơn cầu. Phải xây cao cho ghe chài qua lại bỏ lủa vô chành hay lấy lủa từ trong chành ra chở đi Lục tỉnh, lên Nam Vang... Ngày trước ghe chài ra vô khúc kinh này liên liên, bây giờ có thêm kho chứa ở Bến Tàu nên ít đi đó chở.'

Tuy không biết rõ ràng danh từ 'chành' là gì nhưng tôi cũng mừng rỡ đoán được đó là một thứ kho chứa trữ nên mần thính không hỏi như mọi khi. Cảnh tượng quê nhiều hơn tỉnh của vùng này trở thành một thứ loại ven biển đô thị mới ngó qua đã bắt mắt nên tôi cũng làm biếng nghe thêm. Cái thằng cha nầy có



khả năng nói chuyện này qua chuyện kia lòng vòng ba bốn ngày không hết, đừng nên khờ dại cho nó nói không nhằm lúc.

'Gần tới chưa?' Tôi hỏi cũng là cách dẫn anh ta vô chuyện chánh. 'Sao chưa thấy cái đình anh nói?'

'Đi dò qua bên bờ kia. Đó là làng Bình An, đình Bình An cách bến đò chừng một cây số ngàn,' hẳn trả lời rành rọt. 'qua đò rồi lội một đôi nửa thì tới nhà họ. Không xa đâu.'

Lại còn thêm chuyện đò! Ánh mặt trời chói chang trên đỉnh đầu. Coi bộ hơi trưa. Sài-gòn lấm rấm mà rộng thênh thang, đi nửa ngày từ trung tâm chưa ra tới ven biển.

Con đò ngang đưa khách qua bên đình do một cô gái trắng trẻo độ mười sáu mười bảy tuổi thông thả đẩy đưa mái chèo. Những nhịp đẩy-kéo căng lên căng xuống bộ ngực tròn mạnh thiếu nữ. Nàng thành thạo, không tỏ vẻ gì tổn sức tổn công. Tôi chợt nhớ tới chuyện thơ nàng Tiên Bửu xinh đẹp, thông minh chèo đò. Chỉ tiếc mình không có bộ râu dài phất phơ và tài đối đáp như ông Trương.

Cảnh vật hai bên bờ kinh hiền hòa. Nhà cửa khang trang của một vùng quê trù phú. Mạ non xanh mơn. Sóng lúa rung rinh trên đầu lúa. Gió mát thơm mùi hạt lúa còn đương ngậm sữa. Vài căn nhà lá ẩn hiện sau những tàn cây mít, vú sữa xum xuê. Nét thanh bình có thể cảm thấy vương vương lảng đãng cùng khắp không khí. Trong khung cảnh như vậy mà gặp được một cái đám ma để quan sát

luôn tài nghệ của vợ chồng Hai Một 'ra đám', 'khóc đám' thì còn gì thích thú bằng. Một công hai ba việc. Khỏi phải đi về chờ đợi lâu thời.

Tôi mừng rỡ khi nghe tiếng kèn đám ma văng vẳng từ xa xa khuất đầu trong xóm. Trúng mỗi rồi. Mấy thuở trời chịu lòng người, cầu được ước thấy.

Vậy mà tôi không được chứng kiến gì hết những điều cần chứng kiến, mặc dầu kèn đám ma đương ò-e ngay tại nhà ông Hai Một. Tôi không gặp một ông 'nhưng quan' tài nghệ đặc biệt, điều khiển mọi chuyện liên quan đến động quan, di quan bằng nhạc của hai khúc tre. Tôi không gặp một người đàn bà bán nước mắt, khóc mướn trong mấy đám ma, ré lên từng hồi cắt dạ rồi xuống giọng tí tê bi thảm đau thương, kéo dài ngày này qua ngày khác từ lúc tấn liệm cho tới khi hạ huyệt. Những hình ảnh lạ lùng tôi có trong trí vẽ ra do người dẫn đường khi giới thiệu về cặp kỳ nhân này không thấy đâu nữa. Còn lại chẳng là một cặp vợ chồng già héo úa từ sâu thẳm trong lòng héo ra, một thứ cây chết rû, một loại người bị chấn thương do Tây tà tra tấn bằng bàn tay sắt bọc vải, bầm nát ngũ phủ lục tạng tuy bên ngoài vẫn còn chút nào đó đáng vẻ bình thường.

Người đàn ông ngồi đó, mặt co rúm nhăn nheo của một thứ trái chín héo vì quá nắng, mắt ở hờ ngó ra con đường đất đỏ bụi mù trước mặt, bất động tới cả từng thớ thịt mặt. Tôi biết chắc chắn cái hàng rào bông búp đầy bông nở đỏ thắm ngoài kia, cái hàng rào đặc biệt được đóng cột bằng mấy cây so đũa trái lòng thông và sợi dây kẽm giăng kể đó, nơi con gái ông phơi quần áo hằng ngày, không lọt vào trong giác trường của ông. Kể cả những người học trò đạo tỳ mặc quần áo đen viền trắng lẫn xăn lít xít vì chuyện của thầy cũng vậy thôi, không có. Thời gian và hoạt cảnh trên cõi đời

này hình như đối với ông không còn nữa. Dàn đèn trời ò-e ngưng trỗi không biết bao nhiêu chấp, tôi để ý nhưng không thấy vợ chồng ông Hai Một nhúc nhích cục kịt gì, ngay cả khi một người đệ tử tới trước mặt ông cung kính xin phép cho mình được thay ông điều khiển cuộc 'di quan', ông cũng không trả lời hay hạ cái màn vô hồn trước ánh mắt mình xuống, mặc cho đám đệ tử và ông Hòa Thượng già điều khiển việc khiêng cái hàng ra khỏi khung cửa chật hẹp của căn nhà. Hai chung rượu để trên nắp hàng sòng sánh rồi tràn ra vài giọt do sự điều khiển không thành thạo của người đệ tử trẻ ông cũng không thấy, không biết. Hồn ông đương ở trong một cảnh giới ta-bà nào đó xa xăm, chỉ cái thân xác ngũ uẩn hiện diện mà thôi.

Đám ma ra tới đầu ngõ, ông Hai Một mới choàng tỉnh khỏi cơn mộng du, đứng dậy bước chậm rãi theo vài ba người đi chót sau khi đã ngó bà vợ và lắc đầu trong tiếng thở dài. Người đàn bà ngồi trên cái ghế dựa, mắt vô hồn ngó tôi khi tôi tới kể bên nói mấy lời chia buồn cho phải phép. Không có một giọt nước mắt nào trên khóe mắt của người đàn bà tuổi lệ dễ tuông này. Không có cả một hít, khịt mũi nhỏ nhoi. Không có cả chuyện đỏ hoe hai mắt hay tiếng kể lẽ phân bua. Vậy đó. Một sự im lặng tuyệt đối của môi trường chân không. Vô lý tới khó tin.

Tôi ngó lại lần nữa tấm hình người quá cố. Cô gái có nụ cười thật buồn nhưng vẻ trẻ trung làm nao nao lòng người. Đôi mắt sâu thẳm thẳm của cô khiến ai nấy dòm qua một lần cũng phải ngó lại một lần nữa. Cái đẹp man dại và lôi cuốn. Cái đẹp của một cánh đồng đầy hoa thắm bên triền núi rộng cao. Có thể hình ảnh cô gái trẻ mới chết có sức mạnh tạo xúc động cho người sống—và một chút bằng lòng vì sự bất hạnh giáng xuống người khác chứ không phải mình—khiến phải ngó thêm.

Tôi thấy trí mình coi bộ cải lương khi bỗng nhớ tới câu thơ có mấy chữ 'hồng nhan bạc mệnh.'

'Vợ chồng họ làm nghề thất đức nên bây giờ như vậy đó,' người dẫn đường kéo tôi về thực tế khi anh nắm tay tôi nói nhỏ. 'Cha tần liệm, di quan người khác lòi thối, nên Trời khiến tới phiên con mình thì sống sờ muốn tự tay sờ sóc cũng không làm được. Tụi học trò đạo tỳ nó làm đầu có đúng lẽ. Hồn ma trước đây họ về trả thù đó. Biết bao nhiêu lần ổng bẻ tay bẻ chân thiên hạ mạnh tay hay làm ầu xị cho qua. Biết bao nhiêu lần ổng thay áo thay quần hay tần liệm dứt chạc, nhứt là người nghèo... Để rồi coi, hồn cô ta còn lẫn quất nhiều ngày trên trần thế chưa xuống dưới đó liền được đâu. Thiếu lễ đi đâu có xuôi chèo mát mái. Nhiều khi nó về nó phá nữa là khác.'

Không đồng ý với nhận xét này, nhưng tôi không cãi. Con người ta sinh ra vốn là mục tiêu cho những tấn kịch cách này cách nọ của tất cả ai khác trên đời, hưởng gì chú Hai Một làm một nghề thiên hạ chỉ thấy sợ hãi và xa cách.

Không muốn khơi mào một cuộc đấu khẩu vô ích, tôi chỉ qua thím Hai Một, chưa kịp nói gì thì người dẫn đường đã lên tiếng, lần này pha một chút giọng thầy đời.

'Thối thường thương vay khóc mượn tới khi cần khóc cho mình thì hết nước mắt.'

Phải, điều gì xài quá thì mau hết, cái lý đó cũng đâu có gì là khó hiểu. Nói một cách trừu tượng, cái tình thương bà ta xài cho thiên hạ trong bao nhiêu năm trường 'khóc đám' khiến cho bà ta cạn tuyệt tình thương đối với con gái mình. Suối lệ cạn nguồn người ta thường nói vậy hoài.

Vâng, lý luận này có vẻ hữu lý nếu — và nếu, và nếu — tình thương là một dạng của vật chất cụ thể. Con người ta thường tỏ ra mình thông thái, mình phải, mình hay như cái anh chàng nói nhiều này. Mấy ai biết được và thông cảm được với vợ chồng ông nhưng

quan Hai Một. Tình thương con biển trời lai láng của họ khiến tất cả những biểu lộ bình thường khác đã trở thành vô nghĩa, không phù hợp. Với người sơ tội đã khóc, và đã khóc mùi mẫn, với con gái cứng của tôi, tôi cũng khóc như vậy hay thôi sao? Tại sao tôi phải giống thiên hạ biểu lộ tình thương bằng nước mắt kia chứ? Có sự khác biệt giữa con gái tôi và người thiên hạ chứ? Nếu khóc đám làm xôm đám chớ không biểu lộ tình yêu thương chân thật thì cái gì mới diễn tả được lòng thương con của tôi đây. Con ơi, con nỡ bỏ cha mẹ già một mình ra đi sao con...

Tôi dòm lại dáng thất thế của chú Hai Một sau đuôi đoàn người. Bước thấp bước cao, hệt hẫng như một hình nộm được điều khiển vùng vẫy. Tôi ngó lại thím Hai Một, cũng dáng ngồi đó không biết bao lâu rồi, hai tay buông xuôi trên vế, bất động của một pho tượng đất sét, thiếu não của một thứ người tuyết đương tan rã từ từ. Thím sẽ ngã xuống. Chắc chắn như vậy.

Tôi bỏ ra về, không dám ngó lại một tấm hình khác ở trên bàn thờ. Cuộc đời người con gái đó bình thường, cái chết cũng có thể rất bình thường nhưng một nhân duyên đặc biệt đã hé mở cho tôi một cánh cửa để nhận thấy rõ ràng về tấm lòng nhỏ nhen, ganh ghét của người đời nói chung và nỗi đau đớn khôn cùng của cặp vợ chồng già mất con trẻ nói riêng.

Trên đường về không khí bỗng nhiên nặng nề u ám ngang. Tôi ngậm cảm cho tới lúc chia tay.

Tại sao?

Tôi xúc động vì lòng thương con trời biển bao la đến nỗi mất hồn của cặp vợ chồng nhưng quan - khóc đám Hai Một. Mà cũng có lẽ là do tình cảm trân trọng đối với một cánh rừng đang chứa chấp một loài trân cầm dị diệu kỳ hoa hiếm hoi đang trên đà tuyệt chủng.

Sau này lắm lúc ngồi ôm súng ở một vùng đồi núi cao nguyên, đêm về bốn bề tĩnh mịch, giữa cảnh trùng trùng của bóng tối bao la, trí nhớ bình bỗng trôi về quá khứ, tôi ngạc nhiên thấy kỷ niệm của mình về Sài Gòn không chỉ nằm trong chỗ những sinh hoạt ồn ào tấp nập ở các khu ổ bùn lầy nước đọng từng sống một thời gian dài lúc trẻ, và những nơi có kiến trúc nguy nga tráng lệ có dịp đặt chơn tới sau này khi đã thành nhơn, mà còn nằm ở cảnh trí đơn giản của một buổi sáng ven đô nơi ít người biết tới là làng Bình An bên kinh Ruột Ngựa, chỗ căn nhà có hàng rào bông bụp, xen kẽ bằng hàng cây so đũa lòng thông trái...

Không ai chịu mất thì giờ đào sâu vào chốn tận cùng tâm hồn mình để tìm hiểu những yếu tố cụ thể nào khiến mình yêu đậm đà quê hương xứ sở, thân mến tuyệt cùng với nơi mình lớn lên trong buổi đầu đời.

Mà cần gì tìm hiểu nguyên nhân?

Sài Gòn cũng vậy, đối với tôi thân thiết, đáng nhớ, xa trong thực thức nhưng tiềm thức không bao giờ xa. Bao nhiêu đó đã là quá đủ. Một vài chi tiết cụ thể về nơi này nơi nọ, người này người kia, nói cho cùng, cũng chỉ như một nhúm sao nhỏ nhoi trong vũ trụ bao la của triệu triệu dãy Ngân Hà.

Nguyễn Văn Sâm

(Port Arthur, Texas, những ngày dạy học trầm buồn ở quê người)



Vườn kiếng Cự Bình

LAM NGUYỄN

Tháng Chạp năm ấy tôi đến thăm Cự Bình ở Diêu Trì. Nhà Cự gần sông Cây Da và kề bên Quốc lộ số 1 từ Nam ra Bắc. Tôi còn nhớ rõ hôm đó nhằm phiên chợ Diêu Trì, Cự Bình đang lo mây chậu bonsai. Thấy tôi đến Cự vui vẻ, ân cần hỏi thăm Tía tôi có khỏe không, sao lâu quá không thấy Tía tôi đến Diêu Trì thăm Cự. Rồi Cự Bình bảo tôi ngồi chơi một tí vì Cự phải đi rửa tay. Mặc dù Cự Bình đã vào tuổi bát tuần mà trông Cự vẫn còn khang kiện lắm; nụ cười của Cự cho tôi cảm giác cuộc sống của Cự an nhiên tự tại vô cùng!

Vườn nhà Cự Bình rộng chừng một mẫu tây. Mặc dù có cổng sắt rào kiên cố nhưng ít khi Cự cho người nhà đóng lại vì gần như lúc nào nhà Cự cũng có người hàng xóm đến thăm, hay khách thập phương đến thưởng thức hoa kiếng. Cự Bình được tiếng là một con người lịch sự, rất hào sảng và hiếu khách! Khi vào cổng sắt theo một con đường dài độ mười mấy mét và rộng chừng hai chiếc ô-tô nhỏ tránh nhau được dẫn từ cổng ngoài vào vườn kiếng. Bên hữu, Cự Bình trồng những cây dừa xiêm, vài cây mít tố nữ, và mấy cây măng cầu... Bên tả, một dãy nhà ba gian và khu vườn kiếng. Phía Bắc vườn kiếng là một nhà thủy tạ được cất trên một cái hồ hình chữ nhật mà bề dài độ gần mười mét tây và bề ngang bốn, năm mét. Lúc nào có bạn thân đến thăm, Cự Bình ngồi trên nhà thủy tạ buông cần, câu mấy con lý ngư đãi khách và vài chung rượu Bàu Đá mà ông Sui của Cự mang từ Bình Khê đến Diêu Trì

tặng Cự. Thật là một cảnh thanh nhàn hiếm có giữa thời buổi loạn lạc này!

Tôi không thể nào quên được ngày đến thăm Cự Bình lại được vinh dự diện kiến Thầy Năm Dzu và Thầy Hai Khẩu là hai vị lương y nổi danh cả một vùng Tuy Phước. Lúc mặt trời đã nghiêng hẳn về phía Tây, bóng mát chiếm một góc nhà thủy tạ. Cự Bình mời khách ngồi trên cái phảng bằng đá non nước kê dưới tầng cây vú sữa. Niềm vui thấy rõ trên nét mặt của Cự Bình làm cho mọi người bên Cự cảm thấy thoải mái giữa khung cảnh đầy thanh tịnh này. Chủ nhân đích thân vào nhà trong bưng ra một bộ khay trà thuộc vào đời vua Tự Đức làm tôi nhớ đến tác phẩm "*Vang Bóng Một Thời*" của nhà văn Nguyễn Tuân nên lòng thấy lâng lâng một niềm vui khó tả! Gió Nồm thổi dịu dịu làm cho cả chủ lẫn khách càng thấy hương trà có mùi Thiền vị. Vừa được vài chung trà thì Cự Bình hỏi Thầy Năm Dzu:

"Anh còn nhớ 'cặp tùng' của ông Hương Kiếm Diêu ở Cầu Phủ không?"

"Anh muốn nói đến cặp tùng nào, cặp 'long đầu' hay cặp 'long trảo'? Nếu cặp 'long trảo' thì so với cặp tùng của anh, nó thua xa. Hai cây tùng của anh mới đúng là 'móng rồng' vì những chùm lá vừa tròn vừa có góc cạnh, lại cong quắp vào và nếu kể đến niên tuổi thì cặp tùng 'long trảo' của anh cũng cao tuổi hơn! Nhìn hai cây tùng của anh người biết thưởng ngoạn sẽ nhận rõ là 'cổ thụ' nhờ nghệ thuật cắt tỉa của anh. Đây là tôi chưa nói đến màu da khô mốc

và thêm những khuỷu cong càng làm tăng vẻ đẹp của cây kiểng giống như những cây tùng trong các danh họa đời Nguyên, đời Tống vậy! Thầy Năm Dzu nói đến đây như hầy còn thiếu một điều gì nên Thầy đã tư lự một lát rồi đưa ra thêm ý kiến là 'tùng' phải hùng vĩ, 'mai' phải thanh kỳ, 'trúc' cần nét nho nhã và 'liễu' phải yếu điệu... Lúc đó tôi mới ngộ được là mình 'chơi hoa kiểng chậu' bấy lâu nay mà thiếu trình độ hiểu biết về nghệ thuật 'bồn tãi' này! Quý Cự vừa thưởng thức trà ngon vừa thảo luận thêm 'cặp tùng long đầu.' Vì thân phụ tôi là bạn đồng châu với Cự Bình nên Thầy Năm Dzu thương mà hỏi ý kiến tôi về việc chơi cây kiểng. Lúc đó, tôi nghĩ lại mà hổ thẹn cho chính mình; tôi đỏ mặt và gục đầu im lặng như bức tượng suy tư của điêu khắc gia Tây-phương! Thầy Hai Khẩu vừa cầm chén quân lên nhấp thêm ngụm trà thơm rồi ngâm mấy câu thơ của thi sĩ Vi Ứng Vật (韋應物) đời Đường:

Hoài quân thuộc Thu dạ 懷君屬秋夜

Tản bộ vịnh lương thiên 散步詠涼天

Không sơn tùng tử lạc 空山松子落

U nhân ứng vị miên. 幽人應未眠

Rồi Thầy Hai lại tiếp, "nếu có điều kiện ta nên trồng tùng trên đường đi vào cạnh núi rừng hay trên dốc cao như vườn kiểng anh Bình đã trồng cây tùng trên đường nhỏ vào 'hòn non bộ'."

Lúc đó, Cự Bình lại nói thêm rằng "Chơi kiểng hoa phải biết tánh ý của hoa kiểng! Như người xưa từng bảo "tùng, trúc, mai" là "hàn tam hữu" ba người bạn mùa lạnh. Lúc Cự Bình đang chế trà, tôi đưa mắt quan sát khắp vườn để tìm thứ "hòn non bộ" đặt nơi nào. Cự Bình vừa đưa tay mời chúng tôi dùng trà, vừa giảng lý lịch mấy cây kiểng trong vườn. Như cây "bach mai" nguyên trước kia của cụ Tổng đốc Hoàng Yến tặng tôi nhân dịp tôi tháp tùng Cụ đi Nha Trang và Cự lưu ý tôi nên để chậu bạch mai gần thư phòng vì mỗi khi có trăng là lúc ngắm "mai" đẹp nhất. Nhưng cũng có người thích ngắm "mai" vào lúc hoàng hôn như thi sĩ Lâm Bô: "Ám hương phủ động nguyệt hoàng hôn!" Và cây khế này tôi đã này lại Cụ Tú Trí Thiên hai lượng vàng; cây khế này niên tuế trăm năm đấy, còn cây sung trước của Sư Cụ Chùa Thiên Trúc Bình Lâm..."

Rồi Thầy Năm Dzu nhắc lại lời của người xưa rằng "mai" là hoa khô, "mẫu đơn" là hoa vương, và mỗi loài hoa đều có mang một sắc thái riêng; chẳng hạn "hoa lan" u tĩnh, thường mọc ở những hang cốc vắng vẻ, nó biểu tượng cho những ẩn sĩ "cô phương độc thủ"!" Còn Cự Bình đề nghị nên ngắm "hoa cẩm nhung" vào buổi rạng đông. Theo quý cụ quan niệm không gì thanh thản, nhàn hạ bằng khi nghe "gió trúc" xào xạc miên man và ngửi được "mùi lạnh hương" của mai hay ngắm "tùng" dưới trăng! Nhìn thấy phong thái nho nhã và nếp sống thanh cao của Cự Bình làm tôi ao ước được như Cự khi mình đã lão hồi hưu! Nhưng



than ôi "mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên"! Sau hàng giờ hầu chuyện với quý cụ tôi lại biết thêm là Cự Bình đã từng đi Huế, Hà Nội mua kiểng chậu mà tiêu biểu trước mắt tôi lúc ấy là "chậu cây si với con trâu đất nằm dưới nước" tuyệt đẹp!

Càng về sau các cụ vui quá chẳng để ý đến tuổi tác nên rất cởi mở và thích thú bàn luận làm tôi nghe được những câu chuyện thật hay của các cụ. Cự Bình bảo rằng cuộc đời là bao mà cứ cầu xé tranh giành mãi làm chi! Thiên nhiên thật đẹp và quý vô cùng lại không biết thưởng thức, không biết hưởng thụ và không biết trân trọng! Thế cho nên người xưa hiểu được cái giá trị của thiên nhiên mà tạo ra "hòn non bộ" để thu nhỏ thiên nhiên lại và từ đó mỗi lần ngắm là một lần suy tư về cuộc sống đích thực hơn! Rồi Thầy Năm Dzu bảo rằng tiền nhân của chúng ta có quan niệm "Bất học Dịch hà dĩ thức / Tạo Hóa chi đoan nghệ" 不學易何以識造化之端倪 nên lúc nào quý cụ đều dùng Kinh Dịch để hiểu rõ giềng mối của vũ trụ. Mặc dù bảo là "giả sơn" nhưng mình lại gửi tâm sự thật của mình vào đó, cũng là một điều thú vị!

Cự Bình tâm sự riêng về hòn non bộ này là cụ đã dự tính gần mười năm mà khi thực hiện chỉ tròn bảy tháng. Những gì không có được trong cuộc đời thực tế, cụ Bình đem tất cả ước vọng đặt vào "hòn giả sơn". Không có sức và chẳng đủ tài để thu gọn tất cả những thắng cảnh của tỉnh nhà Bình Định song cụ cũng nêu được vài nơi như: Chùa Thập Tháp, Tu Viện Nguyên Thiều, những ngọn Tháp Chàm, Chùa Linh Phong tức Chùa Ông Núi và Chùa Long Khánh, nhà thờ lớn Qui Nhơn. Cự Bình nhắc lại lời của người xưa là lòng ta có ngay thẳng mới biết được Đạo, mới hiểu được cơ trời cùng thấy được cơ vi... mới thông được quyền biến, đấy là thiên nhân hợp nhất! Rồi Thầy Hai Khẩu thêm là ở Bình Định rất nhiều nhà xây cất theo Kinh Dịch vì "trên thượng lương" thường có dòng chữ Nho "Càn Nguyên Hanh Lợi Trinh." Lúc đó tôi hỏi và được các cụ giảng rằng Càn 乾 là thuận dương cực kiện, Nguyên 元 là lớn, đầu hết, Hanh 亨 là thuận tiện thông thái, Lợi 利 là

tiện lợi, thỏa thích, Trinh 貞 là chính, bền chặt!
Cụ Bình cũng theo quan niệm địa lý của tiền nhân mà tạo ra hòn non bộ này:

Muốn cho con cháu Trạng Nguyên

Thì tìm bút lập đôi bên sắp bày

Nhất là Tân, Tồn mới hay

Bính, Đinh, Đoài, Cấn sắp bày đột lên!

Hôm ấy có lễ cụ Bình quên cả mệt vì bàn chất hiếu khách và cũng do gặp lại hai người bạn tâm giao, đúng như quan niệm của nhà Nho “Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ! 有朋自遠方來，不亦樂乎! Bạn từ xa đến thăm, làm sao không vui! Cụ Bình chỉ chúng tôi xem Tháp Bánh Ít trong hòn giả sơn mà người xưa gọi là Tam Tháp Cang tức là Gò Ba Tháp, nơi kia là Thành Đồ Bàn. Nếu ai đã từng ghé thăm Bình Định mà không đến Thành Đồ Bàn là một điều thiếu sót. Một khi đã đến Thành Đồ Bàn mà không lưu tâm đến mấy con voi đá thì mất đi một dịp may trong đời lấy du lịch làm thú và lấy thắng cảnh làm hành trang kỷ niệm cho đời!

Rồi Cụ Bình vào thư phòng lấy ra một tập giấy đánh máy cho chúng tôi xem bài viết của người con trai Cụ về “Mấy Con Voi Đá Thành Đồ Bàn”: “Vào một buổi chiều tà, mặt trời còn thoi thóp sau đồi mà đứng bên cạnh “con voi đá” của Thành Đồ Bàn thì bạn sẽ cảm thấy rợn tóc gáy! Một cảm giác lạnh lạnh chạy suốt trong thân thể vì như chợt nghe có tiếng voi rống trong nội thành. Nếu bạn nhìn con voi đá đứng ở các gò đất màu nâu của lớp gạch ong ngổn ngang chung quanh thành, thì bạn sẽ có cảm giác hoang vu lạ thường! Có con voi đang ngóc đầu réo gọi vì lạc đàn sau một trận xung kích; có con tìm lối thoát hoặc đang trốn trong bụi cây xương rồng vì quá hoảng sợ. Nhìn đàn voi khác cúi đầu thẫn lảng như đang suy niệm một Vương Quốc Chiêm Thành mà giờ đây chỉ còn lại mấy lớp gạch vụn! Có chăng chỉ là hồn Ma Hời phảng phất nơi đây! Gió chiều thổi vào ngàn cây tạo thành tiếng vi vu, réo rắt như tiếng than vãn của một bài ca Nam-ai, thật não nùng thê lương! Bạn sẽ thấy có những con voi đá trên mình còn đầy chiến tích: sứt vòi, đứt đuôi, mất đầu... đang nằm la liệt chung quanh hào mương, thành quách nhưng đã hãnh diện vì tận trung, tận hiếu cho gia tộc và Vương Quốc Chăm. Một vương quốc đã từng nổi tiếng là hùng mạnh nhất phương Nam! Một vương quốc nổi tiếng về văn minh kiến trúc mà những ngọn Tháp Chăm còn ngạo nghễ đứng sừng sững với thời gian. Một dân tộc có phong tục tập quán khai nguyên cho các bộ lạc miền Trường sơn. Và có những con voi đá mà các bạn đã tìm gặp kiếp chân tu đang nằm quanh ngôi Chùa cổ bên trong Thành Đồ Bàn như chẳng buồn để ý đến thời cuộc, mặc cho ai muốn thay chủ đổi ngôi vẫn thản nhiên nằm nghe câu kinh tiếng kệ của các Thiền Sư. Lại có những con voi đá vẫn một lòng chung thủy đứng tro tro bên các đền đài bị đổ vỡ tự thuở

nào mà lòng dạ sắt son vẫn thờ một Chúa, đứng châu một các trang nghiêm không hề hay biết Vua, Chúa của mình đã bị đầy ải hoặc đã bị giết tự thuở nào!

Trời đã xẩm tối, nếu du khách trở gót quay về thì sẽ nhìn thấy trên đường vào làng mấy chú voi con đang nằm một cách thản nhiên, không hề biết Vương quốc Chiêm Thành đã bị diệt từ bao thế kỷ qua!

Nhắc đến vườn kiểng của Cụ Bình, tôi vẫn thấy lòng mình lâng lâng khó tả! Một dịp may hiếm có cho đời chơi kiểng châu của tôi! Tôi mang ơn quý cụ, nhất là Cụ Bình. Tôi đã làm bài thơ để tỏ lòng biết ơn của mình đối với quý Cụ nhưng chẳng bao giờ dám gửi vì tay nghề thơ còn thô thiển. Tuy nhiên, mỗi lần nhớ Cụ Bình là tôi chế bình trà nhâm nhi một mình rồi ngâm bài thơ:

Thú Kiểng Châu

Một đời yêu kiểng, thích chơi bông,

Lập cuộc giả sơn, ra sức trồng.

Dừa, trúc chen chân trên lối nhỏ,

Sanh, tùng phơi lá dưới mưa giông.

Đêm khuya thanh cảnh nằng nằng nhẹ,

Sáng sớm tinh sương ảm ảm bông.

Vũ trụ bao la thu góp lại,

Trong vườn nghệ thuật Lão Tiên Ông!

Lam Nguyễn



Cánh én mùa Xuân

NGUYỄN THÚY NGÂN



Lại một mùa đông nữa đến. Cái lạnh tái tê như ngàn mũi kim châm vào da thịt. Có khi cái lạnh len lỏi vào tận cùng lòng người. Đôi lúc nó như bất chợt châm thẳng vào trái tim buốt nhói từng cơn. Gió rít lên từng chập, tiếng gió tựa như bà lão đau răng rên rỉ. Đôi môi Thu tê cóng, hai hàm răng va vào nhau lập cập. Cô thở ra, rồi lấy hai bàn tay khum lại hứng lấy xoa xoa cho ấm. Năm nay cái lạnh đến sớm hơn và theo như dự báo – mùa đông sẽ kèm theo nhiều cơn mưa và những đợt áp thấp nhiệt đới xen kẽ. Mùa đông, là mùa của đôi lứa yêu nhau và tìm về nhau để sưởi ấm. Đó cũng là mùa cưới. Là mùa những đàn chim đi trú đi tìm miền đất hứa. Còn với Thu – lại là mùa cô đơn.

Thu dọn những cành hoa còn lại trong ngày vào một cái thùng. Cô dọn vệ sinh chậu, để chuẩn bị cho ngày lấy hàng sớm mai. Hôm nay cô bán cũng tạm tạm. Chủ yếu là hoa Cát tường, Lay ơn hồng và đỏ, nhiều nhất vẫn là các nhánh Lan. Hoa Hồng hình như ít ai mua vào mùa này, ngoại trừ là khách mua theo đơn đặt hàng.

Lượng hoa Hồng còn hơi nhiều. Loài hoa mình chứng cho tình yêu, nhưng tình yêu qua hoa dường như cũng đã mai một trong thời đại chuộng kỹ thuật và thực dụng. Nào là – Nhung hồng với cánh hoa pha sắc tím dịu dàng. Hồng vàng như một nàng tiểu thư kiêu kỳ con nhà cành vàng lá ngọc. Những cánh Hồng tiểu muội có phần dân dã, thân thiện hơn. Đặc biệt, vẫn không

thể sánh với loài Nhung đỏ. Loại này hoa lớn, cánh dày, thân to lá xanh đậm. Nàng Nhung đỏ giương những cái gai sắc nhọn, lại còn hơi khum xuống giống như móc câu, màu nổi bật. Những móc gai ấy, chàng trai nào bị nàng móc phải không để lại thương tích thì cũng xuýt xoa đôi chút:

- Mi đẹp thế này mà ít ai để mắt tới, có phải mi quá tự cao, tự phụ – rằng ta “nữ hoàng của các loài hoa.” Ta chỉ dành cho các đấng mình vương công tử. Còn các thần dân thì đừng hòng có ý mơ mộng tới chứ gì. Thật trớ trêu! Mi càng đẹp thì lại càng cô đơn hơn...”

Nhánh Nhung rung rinh trong tay cô như không đồng tình với lời kết luận ấy.

- Thôi được – Mi không đồng tình thì thôi! Cô lật bót những cánh hoa bị dập kém sắc, để chúng lúc nào cũng tươi rói, rạng rỡ. Cô vẫn thường nói chuyện với chúng như người bạn, bởi cô biết chúng nghe và hiểu được. Cô vừa làm vừa nói chuyện không để ý một người khách mới bước vào.

- Chào cô, này cô ơi... đi – Cô có thể cho tôi một bó hoa đặc biệt... Tiếng ông khách hỏi sang lần thứ hai cô mới giật mình quay lại.

- Chào ông. Ông cần mua gì ạ? Xin lỗi tôi không chú ý – Cô trả lời.

- Cô cho tôi một bó, nhưng nó phải bao hàm được ý nghĩa: “Thật cao sang nhưng đừng quá lộ liễu, đầy ắp tình thương và bao dung, một chút thẹn thùng của cô

gái, một tí của mệnh phụ phu nhân. Thêm một tẹo hương đồng gió nội...” – Ông khách nói yêu cầu của mình. Đôi mắt không ngớt nhìn Thu, vừa như chờ đợi, vừa như giải bày lòng mình.

- Theo yêu cầu của ông, có lẽ tôi sẽ phải gói hết cửa hàng hoa này mất – Cô đùa và nhìn ông khách đầy thích thú xen một chút phân vân, lạ lẫm.

- Xin ông vui lòng đợi một lát. Cô nói và nhìn lại ông khách một lần nữa để khẳng định đây không phải là một yêu cầu đùa cợt như một vài người tới mua hoa tán tỉnh. Không hiểu sao, Thu chợt nhận ra nơi lòng mình một niềm vui, ấm áp, mới lạ!

- Phải mất nửa tiếng sau cô mới gói xong bó hoa đặc biệt đó. Mặc dù nó không đầy đủ lắm. Cô ôm bó hoa trân trọng trao cho ông khách và nói:

- Lặng hoa này ông phải tặng cho một người thật đặc biệt. Nhưng ước gì... Cô bỏ lửng câu nói.

- Sao, cô nói sao? Ông khách ngạc nhiên hỏi lại. Nét tươi vui hiện rõ trong ánh nhìn tràn đầy cảm xúc và hy vọng của ông.

- Ô! không có gì. Chúc ông vạn sự may mắn – Cô bèn lên nói lời tiễn khách.

- Cảm ơn cô – Ông khách đáp lễ. Ra đến cửa ông còn tần ngần quay lại muốn nói thêm điều gì đó, nhưng lại im lặng bước đi. Thu nhìn theo ông, mơ hồ hiểu ông khách muốn nói điều gì với mình. Ông đã đi xa, nhưng trong cô dạt dào một niềm luyến nhớ, ngán ngời...

Cả thành phố như đang

chuẩn bị cho ngày giao thoa giữa trời và đất đầu năm mới. Giao thoa giữa con người với thiên nhiên. Đặc biệt hơn là giữa con người với con người. Tâm trạng ai ai cũng như vừa nô nức, vừa lo lắng. Phố xá sáng trưng với muôn ánh đèn rực rỡ. Rộn rảng với đủ màu sắc áo hòa với trăm hoa khoe thắm. Thành phố như đang thở nhanh hơn. Cứ nhìn dòng người lưu chuyển không ngừng nghỉ, đầy vội vã khắp phố phường thì biết nhịp sống đang sôi động đến dường nào.

Mặc dù, công việc mua bán những ngày cuối năm thật bận rộn, nhưng trong lòng cô luôn đau đáu một nỗi buồn, một nỗi nhớ mà không sao có thể bù lấp được. Cô nhớ mẹ - Người đã cho cô may mắn hiện diện trên cõi đời này, rồi lại vội vã bỏ cô bơ vơ. Những lời Người nhủ trước lúc ra đi, cứ xoáy vào trái tim non nớt của cô đau nhói. Cửa hàng hoa bé nhỏ của mẹ, giờ được chuyển thành phượng kế sinh nhai cả đời cô. Cô yêu từng cánh hoa, từng loài hoa, cho dù cô không hiểu hết chúng như Bà. Cô luôn có cảm giác là mẹ hóa thân vào chúng: "Lòng Mẹ độ lượng thanh cao như đóa Sen. Thẹn thùng mong manh như nàng Violet. Chung tình như nhành Lưu ly bé nhỏ nhưng vẫn kiên cường như bụi Xương rồng trước gian truân cuộc đời. Dù thế, Mẹ vẫn không mất đi nét kiêu sa bông Hồng vàng rực rỡ. Một chút hoang dại của Sim, thoang thoảng tóc mẹ mùi Hoàng lan, mỗi khi cô được mẹ ôm vào lòng... Mẹ - trong lòng cô như một vị thần. Cô nói thầm với chính mình. Cô nhớ lại hôm gặp ông khách lần trước. Cô gói cho ông bó hoa như gói tất cả lòng cô cho Mẹ. Cứ mỗi lần nhớ Bà, nước mắt lại dâng tràn khóe mi. Cô nuốt nước mắt vào trong, lại thì thầm gọi: "Con nhớ Mẹ lắm, Mẹ ơi".

- Chào cô, giao thừa rồi mà cô vẫn chưa nghỉ sao? Ông khách hôm trước ở đâu bỗngưng xuất hiện. - Cô ngược lên và chạm phải đôi mắt đang chăm chú nhìn vào cô như dò

COI CHỪNG KHẨU NGHIỆP!

*Khẩu nghiệp khó tránh ở đời
Xin nguyện ăn nói những lời từ tâm
Tránh lời dối trá gian thâm
Tránh lời chia rẽ gây mầm hại nhau
Tránh lời phách lối ba hoa
Tránh lời thô lỗ khẩu xà mọi nơi!
Nói cho đúng lúc đúng thời
Nói theo sự thật một lời không sai
Nói cho lợi ích lâu dài
Nói lời tao nhã để hài lòng nhau;
Nói ra phải nghĩ trước sau
Tránh lời phê phán khổ đau cho người.
Nói lời phát tự tâm từ
Nghe sao thanh thản tựa như chuông đồng
Đêm ngày niệm Phật cầu mong:
Xin giữ im lặng khi lòng sân si!*



TÂM CẢNH NGUYỄN NGỌC CẢNH

hỏi. Ánh mắt hai người giao nhau ngỡ ngàng. Cô thẹn thùng cúi xuống che lấp một điều gì đó vừa lóe lên và hình như trái tim cô vừa đập lồi nhịp.

- Ôi ! chào ông. Rất vui được gặp lại ông, Ông cần gì không? Cô hỏi giọng hân hoan.

- Vây lần này cô cho tôi một bó, mà nó phải gói hết trái tim và cả tình yêu của tôi trong đó. Ông khách yêu cầu, nhưng đôi mắt ông như lại biết cười - ông tiếp, giọng chân thành:

- Cô thử nhìn xem, tôi trông có già lắm không?. Cô có thể vui lòng gọi tôi bằng "anh" thay cho lời chúc may mắn năm mới được không? Câu nói bất ngờ của ông, khiến Thu ngại ngùng, hơi cúi đầu, bối rối.

- Dạ..dạ... Thu ập ứng. Cô mạnh dạn ngẩng lên, nhìn lại ông như để suy đoán. Quả là ông không già, mà cũng chẳng còn trẻ. Khuôn mặt

dày dạn phong sương. Điểm đặc biệt là đôi mắt sâu hun hút đầy bí ẩn và ấm áp. Cô lắc lắc cái đầu như cổ xưa đuổi ý nghĩ vừa hé mở:

- Anh.. anh.. chúc năm mới an lành!" Cô lí nhí nói và trao bó hoa cho người.

- Em có thể đón nhận nó không?

Ông đưa ngược lại bó hoa cho cô:

"Anh xin tặng em và cho phép anh được mời em đi dạo một lát. Ta đi đón thời phút giao thời thiêng liêng của vũ trụ và của tình yêu..."

* * *

Thu e lệ, đi nép vào vai anh. Anh vòng tay qua vai cô kéo nhẹ vào lòng như che chở. Bầu trời sáng bừng. Những bông hoa, bao ánh mắt, nụ cười của mọi người xung quanh sáng lên lấp lánh hạnh phúc. Cô nói thầm: "Con cảm ơn Mẹ!"

Thúy Ngân

ĐIỀU XẤU ĐẾN, DO LỖI MÌNH

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

Xin mời quý vị đọc:
Cư sĩ Lý Bình Nam khai thị tại Phật thất chùa Linh Sơn năm Nhâm Tý:

"..... Tổ sư Ngẫu Ích đã dạy cho kẻ ngu pháp 'sám hối hồi hướng.' Với hết thảy những sự nơi thân, khẩu, ý, hễ lành thì hồi hướng Tây Phương, hễ ác thì sám hối ngay lập tức. Ngay cả việc lành sám hối đó cũng đem hồi hướng Tây Phương. Kẻ si chẳng thể phân biệt thiện ác thì cứ nhất loạt sám hối, nhất loạt hồi hướng. Tâm quyết định như thế thì niệm niệm tại Tây Phương, lực dụng rất lớn. Cách thực hiện như sau:

1) Sau hai khóa lễ sáng tối liền sám hối, hồi hướng.

2) Thường ngày hễ gặp cảnh trái ngang, lắng nhục, khổ não liền lập tức sám hối, hồi hướng. Bởi đây là do túc nghiệp (1) tạo thành như thế cho nên phải sám hối nghiệp nặng.

3) Lúc tâm khởi ác niệm, phiền não bèn lập tức sám hối. Do nghiệp lực (2) nên phiền não thường khởi, đừng đổ lên người khác. Nếu không, hậu báo (3) vô cùng vậy. Bởi lẽ, những chuyện ngang trái v.v... là do nghiệp lực, chịu xong liền hết. Nếu lại khởi phiền não gieo vạ cho người khác thì sẽ xoay vần báo trả nhau, chính là mình tự hại mình vậy!

Ba thứ sám hối hồi hướng như thế chính là pháp môn mất nhiều năm tôi mới cầu được, nay tặng cho quý vị. Quý vị hãy thực hành, đừng khinh là tầm thường. Tổ Ngẫu Ích bảo sám hối, hồi hướng lại thêm niệm Phật thì không ai là chẳng thành cả!

(Đệ tử Ngô Thông Long kính ghi -- Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa dịch Việt)

Chú thích:

(a): Túc nghiệp: nghiệp đời trước (có thể là nghiệp lành hoặc nghiệp ác.)

(b): Nghiệp lực: sức báo ứng của việc mình làm

(c): Hiện báo: đời này làm và đời này có báo ứng.

Sinh báo: Kiếp này làm, kiếp sau có báo ứng.



Hậu báo: Kiếp này làm, hai, ba hay nhiều kiếp về sau mới có báo ứng.

Xin được viết lại phần 2 và phần 3 như sau:

Ta gặp cảnh trái ngang, lắng nhục, khổ não,... cũng như tâm thường khởi ác niệm, phiền não là do ta đã tạo nghiệp đời trước nên nay phải trả quả. Vậy phải sám hối. Sám hối là việc làm tốt nên đem hồi hướng về Tây Phương.

Hiểu như vậy, mình phải chấp nhận những điều xấu đến với mình như một sự trả quả báo.

Vậy đừng đổ lỗi (gieo vạ) cho

người đem điều xấu đến cho mình. **Vì đổ lỗi** cho người tức mình không nhận lỗi thì kết quả là nhiều kiếp sau mình sẽ nhận quả báo nặng hơn. (**Hậu báo vô cùng**)

Những trái ngang, lắng nhục, khổ sở... ta gặp là quả báo ta phải chấp nhận. Chịu nhận và sám hối là hết. Còn cứ ôm phiền não để rồi trả oán thì **ân oán cứ xoay vần** mãi không thôi. Có phải làm vậy là ta đã **tự hại ta** không?

Xin ghi lại ý chính trong phần 2 và phần 3 qua bài thơ sau:

ĐIỀU XẤU ĐẾN, DO LỖI MÌNH

*Có người lắng nhục, bồi nhọ,... ta,
Hoặc chướng duyên đến, tự nhủ là:
Do ta tạo nghiệp nhiều kiếp trước,
Đủ duyên, quá trở, chẳng kêu ca.*

*Hậu báo vô cùng, vì gieo vạ (đổ lỗi)!
Ân oán vẫn xoay, tự hại ta!
Biết vậy từ nay, điều xấu đến.
Chỉ thành sám hối, ắt tội qua.*

*Sám hối vừa xong phải nhớ là:
Đó là công đức chớ bỏ qua!
Liền đem hồi hướng về tịnh độ,
Làm nhiều, Cực Lạc sẽ không xa!*

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân



(Làm nhiều: tức hồi hướng công đức về Tây Phương càng nhiều, con đường ta về cõi ấy càng gần)

Chúng tôi đã học thuộc lòng bài thơ. Một khi có điều gì không hay xảy đến, lại nhớ bài thơ và áp dụng. Nếu chịu nhận điều xấu đến là do tội mình đã gây nhiều kiếp trước và nay phải trả quả, rồi liền chí thành sám hối và hồi hướng thì coi như xong. Còn như tâm vẫn thấy phiền não, chúng tôi cứ nhầm hai câu:

*"Hậu báo vô cùng vì gieo vạ!
Ân oán vẫn xoay, tự hại ta"*

thật nhiều lần rồi từ từ thấy tâm cũng dịu lại. Nếu phiền não lại khởi lên nữa, chúng tôi vẫn kiên trì lặp 2 câu thơ ấy. Hoặc có khi nhầm trong đầu 2 câu khác là:

*Điều xấu đến, do lỗi mình.
Đừng khổ, giận mới thật tình tập tu.*

Xin mời quý vị cứ thử thực tập mà xem. Điều khó nhất là phải tin luật nhân quả một cách tuyệt đối thì việc áp dụng bài thơ mới có kết quả.

Bài viết tuy ngắn nhưng có nhiều từ Phật học khó hiểu, việc tra cứu để chú thích e có chỗ không sát nghĩa, kính mong quý bậc cao minh chỉ giáo qua địa chỉ email loanxuandao@gmail.com. Chúng tôi xin chân thành biết ơn.

Nếu quý vị hữu duyên: "Đọc, gạn lọc lấy điều hay, đem áp dụng mong đổi thay cuộc đời" mang lại kết quả tốt, chúng tôi xin đem hồi hướng công đức này về cho tất cả pháp giới chúng sanh đều trọn thành Phật đạo. Trân trọng.



BÀI THƠ HẠNH PHÚC

*Em muốn reo lên như cái thời thơ bé
Được phần quà yêu thích nhất người trao
Lòng em bừng tia nắng ấm dạt dào
Khi người về tựa ngàn muôn ánh lửa*

*Em muốn hát vang từng bài ca năm cũ
Từng bài ca nào một thuở đã say mê
Em muốn dang tay ôm cả khoảng trời Thu
Gom kết lại làm thành hương vị sống*

*Em muốn ôm nốt đêm khuya và gió lạnh
Cất vào lòng chuyện hơi ấm yêu thương
Em muốn nhòa tan vào vũng mù sương
Đem hạnh phúc thành thang hoà vũ trụ*

*Em muốn cả không gian sâu ử rữ
Sáng bừng lên ngàn tia nắng hừng đông
Em muốn làm loài chim nhỏ đêm Xuân
Cất tiếng véo von cho một ngày tươi mới*

*Em muốn nói cùng ai vạn lời thân ái
Em muốn cùng người chia sẻ mọi niềm vui
Những niềm vui ngàn thuở đã hiếm hoi
Chợt sống lại trong em từ khoảnh khắc!*

thơ TỪ TÚ TRINH

NGUYỄN LƯƠNG VỸ

TRƯỜNG CA ÂM BẢN THỜI GIAN

I.

Khuya nước nở những cội lòng không ngủ
Đợi vì sao dậy sớm tiễn người đi (*)
Lời già biệt niềm chi đau gió hú
Khép lòng tay nghe nặng cũ thăm thì

Nghe thời khắc rướm âm sâu rạng rỡ
Âm còn đây hay đã lắng đâu nơi?!
Lời già biệt hay là lời chẳng nở
Bởi ngàn trùng là ngăn lệ đây thôi

Người đã gửi câu thơ trong ngát tạnh
Những vì sao dậy sớm biết bao phen
Cầm dương trắng cầm dương xanh ngát lạnh
Lời tro than khía cạnh đỏ môi đèn

Người đã tỏ những tâm tình tận hiến
Những cội lòng không ngủ bên đời kia
Bên quán nọ chẳng còn ai lên tiếng
Ghé trơ vơ bàn lịch cốc quên về

(Chẳng thể nói một điều chi hơn nữa
Một âm lạ ngủ vui trong ngách cửa
Một âm quen nheo mắt gọi người đi
Con say khướt vỡ òa theo nỗi nhớ...)

Ta đã gửi lời tâm âm rạng rỡ
Nhịp cầm canh xanh đỏ tím lam rơi
Lời tịch tịch ghim cơn đau muôn thuở
Bên đời kia âm tan theo muôn nơi

Ta đã tỏ suốt một đời làm lữ
Đời mô côi thương hạt bụi điêu linh
Bụi ca hát cùng ta mơ chín suối
Mộng mười sông đông đủ gió thâm tình!!!

Khuya nước nở lời sơ sinh rướm huyết
Tuyết băng oi và ngăn lệ kia ơi
Lời tri ngộ cũng là lời vĩnh quyết
Mở lòng tay nghe tiếng nấc xa xôi

Nghe thời khắc nhắc người đi kẻ ở
Lá đầu cây rung máu lá trong cây
Ta vẫn đợi người về trong hơi thở
Tự nhủ thầm: Âm rất đỏ bấy nay!!!...

(*) Thơ Joseph Huỳnh Văn.



II.

Gọi lá trong mưa gọi mưa trong lá
Gọi ta sát vai bóng-lạ-đầu-mùa
Gọi Sonata trắng xanh trở dạ
Âm cầm dương sóng sánh mưa mưa mưa

Lá lá lá buốt âm đời nước nở
Mùa buông tay theo giọng nói tro than
Mùa thức đậm mắt tre già nuôi nhớ
Mùa vùi trông sông buốt nhịp ly tan

Mắt em xưa vẫn tràn hồn thơ đại
Đêm vớt lên tên tuổi của muôn trùng
Đêm chảy ngược mở tung ngực áo nảo
Đêm vang trầm kỷ niệm phôi mềm lung

Bóng-lạ-đầu-mùa chim kêu rót hạt
Rụng trong ta tiếng vọng của non ngàn
Rụng trong ta gió đầu trường thơm ngát
Rụng trong ta hương đất trích Chiên Đàn

Gọi nắng trong cây gọi cây trong nắng
Gọi lắng im trong vườn hạnh nhoèn cười
Gọi lý tình tang trong hồn mướt đắng
Lục huyền cầm xanh ngắt đã về xuôi

Chào kiến bé gầy vai khiêng hạt thóc
Mùa trần gian heo hút dấu chân ghi
Mùa lãng mạn gió bay xanh mái tóc
Mùa chia xa cây lá thức râm rì

Chào sân gạch bầm âm rêu rướm nhạc
Hát ngu ngơ vết cắt gió lam điền
Hát lá giọng nắng réo rắt lục bát
Hát đỏ chiều vàng lạnh nắng bay quên

Chào bóng cũ thêm hoang rơm nhớ ra
Nghe trong cây nắng đã trút linh hồn
Nghe trong nắng cây hóa trầm ngâm gió
Nghe trong đời em để vội ngàn sông

Gọi gió trong em gọi em trong gió
Thơ trong veo trong vắt đón nhau về
Chữ cảm động dựng ngôi nhà tuyết đỏ
Âm sáng lừng tan theo Sonata...

III.

Người bạn hỏi cầm dương hay dương cầm?
Ta cười buồn vuốt ngược vài sợi nắng
Cầm dương thì xanh dương cầm thì trắng
Nha-Trang-Ngày-Về biển trắng và xanh

Trắng và xanh và phím ngắt âm thanh
Bạn cười buồn nhắc bài thơ nuôi gió
Gió nuôi thời gian những con sóc nhỏ
Ta ngơ ngác nuôi ta ghim tiếng la

Tiếng la đỏ huyết cầu hay huyết phượng?
Ta cười buồn nhấp một ngụm cà phê
Lóng lánh nắng tháng Tư chảy tám hướng
Niềm thương cháy lên nỗi nhớ tìm về

Tìm về đâu huyết cầu tan tác vỡ
Huyết phượng bay theo vỗ trán hát rằng:
Lời huyết sử tuyết băng đau rạn vỡ
Đã lâu rồi mắt lá cỏ dăm dăm

Người bạn hỏi cầm dương hay dương cầm?
Ta cười buồn xòe bàn tay ra đếm
Cầm dương thì nâu dương cầm thì tím
Thơ khát ngàn trùng thì tím và nâu

Tím và nâu và vút lên đôi câu
Bạn cười buồn nhắc hiên xưa phố cũ
Phố cũ gầy như dáng núi viễn xứ
Ta sững sờ nhìn một bóng nhện sa

Nhện sa huyết cầu huyết phượng huyết hoa
Ta cười lớn phôi trào ra huyết biển
Biển trắng và xanh và nâu và tím
Và bạn và ta và nắng tháng Tư...



IV.

Sức nhớ ngày sanh của con rồng đất
Chín tháng Năm vừa giáp mệnh Nhâm Thìn
Tự trào ta sáu mươi năm phơ phất
Phất phơ đời mô Phật cũng còn hên

Hên vì rồng không bay nên chẳng lộn
Ấy tuy nhiên cuống rồn ngấm âm trời
Đất ngấm huyết nhớ trời kia lạc giọng
Nhịp chia lia bóng cũ cũng chìm trôi

Hên vì đời mờ cội ta mờ cút
Ấy tuy nhiên chết hụt biết bao lần
Hồn niên thiếu nghe rần ngân gió trút
Mây trên đầu bông bọt đỏ trên sân

Hên vì nắng tung ngàn âm sắc lạ
Ấy tuy nhiên cây nịu lá xanh ngời
Hồn cô lục chiêm bao phơ buốt quá
Tự nhủ lòng vâng dạ đảo điên chơi



Hên vì đất ngấm bao đời tuyết tận
Ấy tuy nhiên điền dã vẫn vang lừng:
Các em trắng các em hường mây bận
Khúc huê tình ngân ngân lệ rung rung

Hên vì bóng huyền lâm từng đã gặp
Ấy tuy nhiên ai té sập bên cầu
Câu thệ nguyện từ lâu reo réo rất
Huyết âm rền cho cát bụi thương nhau
Hên vì gió vô cầu bay quá rợp
Ấy tuy nhiên ma lớp lớp thâm tình
Ma-Ta nhớ Ma-Người sau với trước
Xa với gần xuôi với ngược mần thỉnh

Hên vì lộc điều linh ta đã giữ
Ấy tuy nhiên ý đã bỏ quên lời
Thơ trở giấc nằm chơi bên cổ tự
Quên luôn đời quên trú xứ đâu nơi

Chào ta nhé đầu xanh ời đã bạc
Vân hồn nhiên nghe núi hát sông đàn
Cho sông chết hân hoan đẹp tan nát
Rồi tan tành trong chớp tắt dung nhan...
Bis! Bis! Bis!!!

Chào ta nhé một lần thôi cũng quá
Ấy tuy nhiên các em đã xa rồi
Tình chưa ngấm hết một đời chưa thỏa
Thơ khôn cùng rung huyết tạ mù khơi

Chào ta nhé nắng chiều rơi kín ngõ
Ấy tuy nhiên còn chiếc lá Chiên Đàn
Hoàng hôn gọi hồn hoàng man mác nhớ
Giấc lam điền sâu nín gió chia tan

Chào ta nhé khoe môi trắm mắt sáng
Ấy tuy nhiên năm với tháng muôn trùng
Trăng mười bốn mười lăm sáu bảy tám
Chín mười mười trăm ức vạn sâu chung

Chào ta nhé tuyết cùng âm bích huyết
Ấy tuy nhiên làm sao biết niềm trời
Niềm thơ đại vẫn ca xang thống thiết
Vẫn tung bùng náo nhiệt dậy muôn nơi
Chào ta nhé nghiêng vai mời ngất tạnh
Ấy tuy nhiên quang với gánh hao gầy
Niềm thương tưởng đã trưng bày khía cạnh
Xương trắng rền máu đỏ lạnh òa bay

Chào ta nhé một kiếp này làm lười
Ấy tuy nhiên xin kiếp nữa làm người
Người với ngợm với ma ngồi đắm đuối
Niệm vô thường sao niệm vẫn khôn nguôi

Chào ta nhé khẻ thôi rồi cất tiếng
Ấy tuy nhiên mộng huyền đã vang lừng
Âm đã vút trên tầng không én liệng
Lá đầu cây sông cuối bến sương rung
Chào ta nhé điệp trùng ta kẻ lạ
Ấy tuy nhiên ta đã gặp ta rồi
Thì cũng chẳng đáng dừng chi nữa cả
Lá hừng đông sông chuyên dạ thể thôi

Câu thệ thủy ngời tro cổ độ ()*
Kẻ hậu sanh ngoảnh mặt lại khôn đành
Sáu mươi nhịp cầm canh âm trắng đỏ
Chữ xếp hàng thơ dựng mộ hòa thanh...
Bis! Bis! Bis!!!

() Thơ Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều.*



V.

Mấy hôm rày chữ đi chơi mất biệt
Ý ngụ ngơ chẳng biết phải mần sao
Âm lắng xuống đất trào lên ánh chớp
Của hồn hoa phơ phất tự hôm nào

Chớp mắt em ướt giọt nắng đồng dao
Nắng huyết sáo ở bên rào hồng hạnh
Trời tháng Sáu ngọn cỏ khô lóng lánh
Như có ai về trong cánh bướm bay





Mấy hôm rày chữ đi chơi chẳng hay
 Ý thẳng thốt tiền đưa ngày quá vắng
 Âm trắng ngát trên đường về vô hạn
 Giọng cười khô đá xám nhớ môi người

Chớp mắt em trời hôm ấy rất tươi
 Nắng rảo bước rất biếng lười nhắc lại
 Trời tháng Sáu ngọn gió cũng thơ dại
 Như trang kinh chìm trong mây đang trôi

Mấy hôm rày chữ đi chơi mót chỉ
 Ý bơ vơ nên tâm trí quên luôn
 Âm tịch mịch sấm luôn trong cốt tủy
 Mưa đầu mùa hoan hỉ địa trào tuôn

Rằng thì là nước đã bỏ xa nguồn
 Câu thơ nào chết non chưa biết khóc
 Câu thơ nào bướm gáy vang triền dốc
 Câu thơ nào buông tay rơi mệnh mông

Mấy hôm rày ta cũng không buồn nhớ
 Chẳng buồn quên kẻ ở với người đi

Chỉ nghe ngóng lời gì trong hơi thở
 Sát na xanh tím đỏ rất ly kỳ

Rằng thì là tuyệt bi âm trong mưa
 Câu thơ nào vừa mới thơm một đoá
 Câu thơ nào tóc lệch xõa nguyệt ngã
 Câu thơ nào giá băng trôi lặng cầm

Xòe bàn tay tháng Sáu mưa vĩ cầm
 Trời nghịch âm mạn ngược trắng đỏ dốc
 Ta nghịch âm trốt gió xoáy long ốc
 Cánh ong bay chiều té sắp tê nhòa...

VI.

Rất nhiều câu thơ viết hoài chưa xong
 Đành phải chia tay mà lòng vẫn xót
 Câu thơ bay đi mượt hết mệnh mông
 Chỉ còn mình ta ngồi thương tóc bạc

Thương giọt nắng chiều bèo giạt mây trôi
 Và những ai kia vừa mới đi rồi
 Và những ai kia vừa cất tiếng khóc
 Trời đất thở dài trời đất mủi cười

Ta mò côi em ngồi chơi với nắng
 Khúc nhạc chiều tà Schubert nhói tim
 Chìm khuất phố xưa chìm tan huyết phượng
 Chìm lặng môi khô mắt ướt lãng chìm

Ta mò côi em ngồi im nghe lắng
 Rớt rơi âm vang mà sao quá vắng
 Mà sao quá nhiều những lóng xương mây
 Hèn chi câu thơ viết hoài chẳng đặng

Rất nhiều quán không ở trong mỗi chữ
 Rất nhiều bóng đời ở trong mỗi câu
 Rất nhiều sinh linh ở trong mỗi từ
 Chẳng biết mần sao chẳng biết mần sao

Chẳng biết đi đâu chẳng biết về đâu
 Chỉ biết đỉnh ninh giọt nắng nghiêng đầu
 Rủ ta hồn nhiên cất giọng hát xẩm:
 Huyết phượng trên đường hãy thắm dài lâu

Ta mò côi em ngồi khâu mộng ảo
 Những vết thương tâm chưa ráo sắc màu



Tháng Bảy trong veo treo một tà áo
Náo nức thiên thanh bay vút lên cao

Ta mò cội em ngồi tìm bóng ta
Bóng đồ liễu xiêu là bóng không nhà
Là bóng thất thanh là bóng thất sắc
Cô liễu chín chiều là bóng nhện sa

Em gần tươi bông em xa rợp nắng
Nắng đỏ rung cương ngựa trắng lam hồng
Bài thơ chưa xong bài thơ mận đắng
Ta quên mất rồi sao vẫn thương mong?!...

VII.

Nhớ rục rờ biển một thời trẻ dại
Hồn tình sương về lại cuối chân trời
Trời thu rộng gió thu cao gọi mãi
Nắng hanh vàng vang nhịp nắng xanh trôi
Nhớ lắm liệt núi vẫn ngồi thỉnh lặng
Hồn đường Thu vừa lắng chút dư âm
Âm rất mỏng mà sao nghe nặng nặng
Cánh buồm xa và những tiếng la thầm:

Sầu ngất áo sầu cầm năm tháng cũ
Sầu im vai phai sắc gió Thu phai
Người bạn nhắc một vài câu viễn phố
Ta ngồi nghe máu nở Khúc Chiều Tà

Chiều đất lạ chiều trời quen Bolsa
Chiều trầm huyết hương chiều ngân huyết hoa
Tháng Mười nắng cũng không đành tắt sớm
Nghe nhạc chờ xem ánh trăng mười ba

(Ô trăng mười ba kìa trăng mười ba
Nhật tiếng chiều rơi phơi trước hiên nhà
Chạy u một hơi ra ngoài ngõ vắng
Hết lên đẹp quá trời xa trắng xa

Trắng Sonata vàng Sonata
Qui Nhon Qui Nhon bọt nước tê nhòa
Để cho bóng ta nhện sa bóng núi
Bơ vơ chín chiều Hoàng Hoa Hoàng Hoa)

Thời trẻ dại lướt qua như vệt nắng
Chữ hồn nhiên âm rục nắng ngất âm

Màu viễn phố màu thu lam đã ngấm
Đã hóa trầm hóa nhạc hóa mệnh mông

Sầu tịch mịch sầu bi âm buốt lá
Sầu tàn canh tâm nã dấu hương bay
Người bạn nhắc bóng ngày trên vách đá
Ta ngồi xem chiếc lá ngủ trên tay
Nhớ nghiệt ngã những luống cày hư
huyền
Hồn tình sương thệ nguyện đã lâu rồi
Gió thu rộng trời thu cao ngất tiếng
Tuyết mù âm thu bén gót về thôi

Nhớ ẩm lạnh môi người câu chuyện kê
Hồn đường thu trắng xé xốt cầm thu
Cầm thu tạnh gió thu phai rất nhẹ
Nhấn tình sau thương ý trước cho dù...

VIII.

Câu thơ hiện ra bỗng rơi nước mắt:
Xiết bao ngờ vực kiếp người đó ư?! ()*
Tiếng than thầm hay câu hỏi trầm tư
Nheo đôi mắt hay khép hờ đôi mắt

Khuya nương sao bóng thời gian thăm
nhắc
Nhánh phong lan ủ mệnh sắc hương xưa
Dương cầm mưa xanh quá dương cầm
mưa
Vuốt mắt lá tìm về hương cỏ mục

Bài hát cũ hay là lời khánh chúc
Đời lãng quên như mây trắng lãng quên
Ria vực nhen sao xác một ngọn đèn
Kiếp kiếp mọc gió rền trong cổ tháp

Kiếp người đó ư?! Giữa thời mạt pháp
Rất nhiều khi nhớ ngất những hiên đời
Hiên xám máu xô ngang triều gió giật
Chân dung người chân dung lá sóng đôi

Tri ân thi nhân ngồi lau cổ độ
Chữ nén huyền âm Tượng Số ngân dài

Huyết hóa ngọc em hồng say giấc ngủ
Ta hóa cuồng ngâm ngợi những tàn phai

Kiếp người đó ư?! Tìm nhau những ai
Những kia những sau những nọ bị hài
Cần một âm tung bay áo viễn xứ
Mồ ta hong khô giọt lệ buốt vai

Buốt vai người trời cuối thu buốt âm
Tím mật ngữ trong câu kinh Cồ Đàm
Ta say khướt âm nịu giọng cỏ hát
Đời say khướt đời tro nhạc từ tâm
Kiếp người đó ư?! Đành thôi thế thôi
Trùng vây oan khiên ta ực hết rồi
Chật ních chỗ ngồi ma về đông đủ
Phủi chân vỗ tay và hát rân trời

Cuối Thu huyết rung - Khuya chìm theo khuya
Mộng huyền gì đâu lịch kiếp theo về
Ta ôm bóng ta vô trần tĩnh giác
Giọt lệ chưa khô chưa ráo cơn mê...

(*) Thơ Vũ Hoàng Chương

Vâng! Thưa Mẹ, con đã ngồi bên cửa
Bên niềm vui bên nỗi nhớ đông đầy
Mây trắng xóa, mắt nhòa theo bóng mây
Tim bỗng nhói, chiều bỗng gầy heo hút

Mẹ rất đẹp. Bóng với hình rất đẹp
Như trời quê như cánh bướm dâng mùa
Bông cúc trắng bông cúc vàng đông đưa
Trời Trung Việt đáng Mẹ ngồi im lắng

Con nhìn mãi những chiều xa bay trắng
Âm bay nghiêng hơi âm Mẹ trong đời
Đời nghiêng ngửa đời ly tan lâu rồi
Huyết âm Mẹ trong con riu riu lửa

Con nhìn mãi giọt lệ khô chan chứa
Biển rền vang đồng vọng núi mênh mang
Ôi thời gian, thời gian ôi thời gian
Con ôm mẹ giữa chiều ngân giọng sáo

Vâng thưa Mẹ! Con lần theo nếp áo
Áo sờn vai, hai bóng, một vuông chiều
Chiều rất thắm chiều rất trầm yêu dấu
Như chưa từng. Thưa Mẹ! Biết bao nhiêu...

IX.

Vâng! Thưa Mẹ, con đã về bên Mẹ
Ngồi bên hiên nhà cũ để tâm tình
Trời xuống thấp, đất lên cao: Nắng xé
Chiều u trầm chiều êm như trang kinh

Mẹ rất mỏng, bóng với hình rất mỏng
Con rất ngây, hình với bóng rất ngây
Và đôi tay rất ấm trong đôi tay
Và đôi mắt rất nồng trong đôi mắt

Con nhìn mãi chiều thu xa, xa lác
Nhìn rất lâu, lâu lắm giữa chiều phai
Chiều huyền ảo, Mẹ đẹp như trăng cài
Trên đỉnh núi trên đỉnh trời chói rạng

Con nhìn mãi chiều thu xa, xanh lẫm
Tiếng hát xanh, xanh đất ẩm trời êm
Như lá non như cành non muốt đêm
Mẹ áp ngực ru con theo giòng sữa



Thuật giả: **Trí Hiền**
 Soạn giả: **THÍCH MINH CHIÊU**
 (trích Truyện Cổ Phật Giáo)

Tình giấc mơ hoa

Đàn én bốn phương bay về, đem lại cho trần gian tin xuân vui đầm ấm. Ánh triều dương sắc vàng rực rỡ, lần lần lan rộng, phá tan màu khói sương vẫn màu sữa đục của buổi bình minh. Đồi hàng cây bên vệ đường đã trút sạch lớp áo vàng để thay vào những mầm non mập mạnh. Ngọn gió đông dịu mát đầy sinh khí, nhẹ nhàng thổi lướt trên đám cỏ xanh. Thành Thất La Phiệt vào buổi mai, âm thanh tràn ngập về thanh hòa đáng mến.

Phút chốc vắng hồng đã lên cao.

Trên con đường lớn quanh co hướng dẫn vào thành, một đoàn Sa môn có hơn nghìn người, đi nối tiếp nhau như con rồng lướt khúc. Các Tăng sĩ, vị nào cũng có vẻ điềm tĩnh đoan trang, nhìn xuống lặng lẽ bước, dáng đi xem tự tại thoát trần. Dẫn đầu là một bậc Tôn túc, thân xác vàng ánh, tướng tốt trang nghiêm, đi chậm rãi oai nghi như voi chúa. Sau đấng ấy một vị Tỳ kheo trẻ tuổi ôm bát theo hầu. Đây là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cùng thị giả A Nan và chư Tăng vào thành khát thực. Bấy giờ, những người có lòng tin ngôi Tam Bảo, muốn gieo trồng giống phước, đem thức ngon vật lạ cúng dường Phật và chúng Tăng. Lại có kẻ không dâng cúng, nhưng thấy dáng điệu đoan trang nghiêm siêu thoát của đấng Điều Ngự và các Đại Đức Tỳ kheo, cũng họp nhau đứng nơi cửa trông ra, hoặc đứng bên đường để nhìn ngắm.

Từ nơi cửa sổ trên lầu cao, nàng Ma Đăng Đà một bậc tài sắc trong thành Thất La Phiệt, nghe tiếng động, khẽ vén bức màn thêu, đưa mắt nhìn

xuống. Nhưng sống với hương tình vị ái của tuổi xuân, nàng làm sao nhận thức được sự giải thoát đức thanh cao nơi các nhà tu sĩ. Trông qua lớp áo hoại sắc của những vị Sa môn, nhìn lại y phục sa hoa lộng lẫy nơi thân mình, nàng tự thấy phong lưu sang trọng. Rồi kêu hãnh, nàng điểm trên môi một nụ cười. Nhưng bỗng ngạc nhiên, Ma Đăng Đà chăm chú nhìn vị Tỳ kheo trẻ tuổi đứng hầu sau Đức Phật. Ôi! giữa trần gian này sao lại có trang nam nhân đẹp đến thế? Nàng tự nghĩ thầm nếu được cùng người này chung hưởng được trăm năm, dù phải nghèo nàn, khổ nhọc, ta cũng ưng lòng, không còn ước mong gì hơn nữa! Mắt vẫn nhìn, trí mãi suy nghĩ, Đức Phật và chư Tăng đi khuất từ lúc nào, nàng Ma Đăng Đà còn ngồi ngơ ngẩn dường như không hay. Đến chừng định thần lại, nhìn ra khoảng đường vắng vẻ, nàng buông một hơi thở dài, trên mặt lộ đầy vẻ bàng khuâng nhớ tiếc...

Không rõ A Nan xinh đẹp thế nào, mà Đức Phật không cho ông mặc áo trần vai, vì sợ hàng phụ nữ trông thấy động tình. Và Ngài Văn Thù Bồ Tát từng khen tặng ông rằng: "Mặt như vầng nguyệt sáng, mắt tựa cánh sen tươi." Thế thì cô mỹ nữ kia yêu mến ông, điều ấy cũng không lấy chi làm lạ.

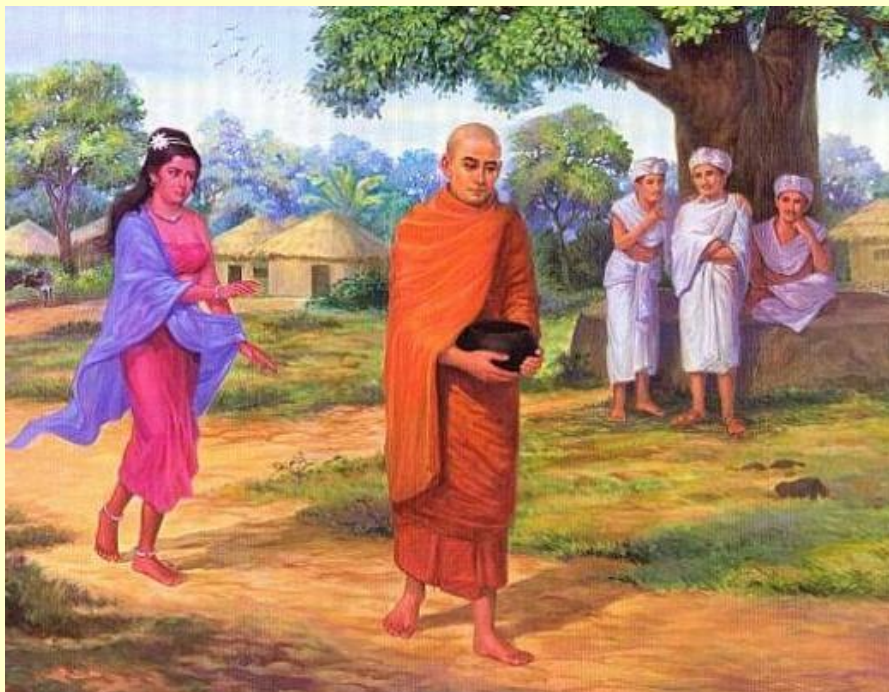
Nàng Ma Đăng Đà từ khi trông thấy A Nan mỗi tình si dường như vẫn vương khó dứt. Mỗi ngày, nàng thường lên lầu, trông ra cửa sổ, chờ chư Tăng đi khát thực, mong sao cho được thấy mặt người

yêu. Sống trong tình khát ái khó tỏ nỗi lòng, Ma Đăng Đà tâm thần ngơ ngẩn, quên ăn uống, biếng nói cười, gương mặt xinh tươi lần lần hóa ra tiêu tụy. Thân mẫu nàng thấy con có những trạng thái bất thường như thế, sinh nghi đôi ba phen gạn hỏi. Không thể che giấu, nàng phải đem sự thật tỏ bày và van xin mẹ làm thế nào cho mình khỏi thất vọng. Nghe xong, mẹ nàng lộ vẻ ngậm ngùi bảo: "Con ơi! Điều con muốn khó thể thực hiện được. A Nan là người hầu cận thân tín của ông Cù Đàm ông ấy và những Sa môn đệ tử của ông có nhiều phép thần thông kỳ diệu. Những bậc cao đức trong hàng lục sư còn phải nhường họ, thì mẹ đâu có tài gì làm thỏa nguyện cho con. Hơn nữa, A Nan là người thuộc dòng tôn quý, con của ông Hộ Phạm Vương, nếu không xuất gia, có lẽ y thay thế cho thái tử Tất Đạt Đa là vua trong một nước, mẹ con ta là phận thấp đâu mong gì sánh được với người. Thôi con hãy xóa bỏ những ý nghĩ ấy và khuấy khuấy nỗi sầu khổ để cho mẹ vui lòng. Mất A Nan này sẽ có A Nan khác, trong bốn phương thiên hạ lẽ không tìm được một người đẹp như thế hay sao?" Nghe mẹ nói, tuy lặng yên không đáp, song nàng Ma Đăng Đà thật trăm phần đau đớn. Trước kia, một tia hy vọng lập loè trong trí, nay hiểu qua mọi nỗi khó khăn, nàng tự cảm thấy như rơi vào cõi âm u ghê sợ.

Tâm tư tràn ngập nỗi buồn thương thất vọng, nàng thầm than: "Thôi, thế là hết! Đời ta đã đến giai đoạn kết cuộc từ hôm nay..."

Thế là bệnh của Ma Đăng Đà mỗi ngày một nặng. Trong cơn mơ thấy A Nan đi đến, nàng vô cùng mừng rỡ, vội chạy đến choàng vai, nhưng vị Tỷ kheo trẻ tuổi nhẹ nhàng thoát khỏi tay nàng rồi biến mất; nàng cất tiếng khóc to lên thì vừa thức giấc... Thân mẫu nàng thấy con khi mê khi tỉnh, thoát khóc thoát cười, lấy làm buồn rầu lo lắng, một mặt khuyên dỗ, một mặt chạy chữa đủ thứ thuốc thang, song vẫn không hiệu quả.

Một buổi sáng tà dương đang tiết trời dịu dịu, gió bên ngoài nhẹ thổi động bức rèm thêu đùa không khí trong mát vào phòng; cơn sốt như được giảm bớt, Ma Đăng Đà lặng lẽ thức tỉnh. Nhìn lay thân hình vỏ vàng gầy héo, lộ vẻ chua cay, nàng nhẹ nhếch một nụ cười. Nhưng vừa khi ấy nàng bỗng ngạc nhiên, vì nhận thấy hôm nay trong phòng trang hoàng rất sạch sẽ. Đối diện nàng bức họa: "Vườn xuân dưới nắng mai" được treo lên với vẻ mỹ thuật. Và, chiếc lọ thủy tinh cắm đầy hoa tươi, ai đã đem đến đây để ngay ngắn giữa mặt bàn như tấm thảm màu xanh da tươi. Để ý trông qua khe cửa, Ma Đăng Đà thấy mẹ đang ngồi tiếp chuyện với một vị đạo sĩ râu tóc bạc phơ, vàng trán sáng suốt, nét mặt trầm ngâm. Hai người nói gì nàng không nghe rõ, nhưng hình như xem mẹ nàng có vẻ chú trọng lắm, Ma Đăng Đà chưa hiểu, còn đang nằm yên suy nghĩ, thì nghe có tiếng giày của mẹ đi nhẹ vào phòng. Nàng nhắm mắt giả vờ như không hay biết, tiếng giày đi lại bên giường chợt im bất hồi lâu, thốt nhiên nàng cảm thấy bàn tay từ mẫu đặt lên trán mình và tiếp theo đấy, nổi lên một giọng đều đều êm dịu: "Con ơi! Chớ nên buồn rầu! Con là lẽ sống duy nhất của mẹ; với lòng quý mến con, mẹ có thể hy sinh tất cả hạnh phúc trên đời. Vì thế vừa rồi mẹ có mới được một đạo sĩ danh tiếng, ông đã truyền cho mẹ bài mật ngữ "Ta Tì La Phạm Thiên chú." Theo lời ông mật ngữ có năng lực mê hoặc



người, dù người ấy đạo hạnh đã đến mức cao siêu. Nếu học thuộc thần chú này, con có thể thực hiện nguyện vọng của mình bằng cách mê hoặc A Nan, khiến cho y mất sức tự chủ và hoàn toàn bị sai sử tùy theo ý con muốn." Máu nóng chảy rần rạt trong huyết quản, Ma Đăng Đà như cảm thấy có một nguồn sinh lực mầu nhiệm làm cho nàng mạnh mẽ hơn hồi chưa bệnh, sau khi nghe được mấy lời ấy; gương mặt tươi tỉnh hẳn lên, nàng nói với giọng run run vì sung sướng, cảm động: "Thật thế hở mẹ? Nếu vậy bệnh con sẽ lành và con không còn lo buồn gì nữa!" Rồi nàng trỗi dậy gọn gàng như người vô sự.

Nửa tháng sau, khi sức khỏe gần bình phục, Ma Đăng Đà đã thuộc lòng bài mật ngữ. Nàng còn chờ một thời gian ngắn cho trong người thật mạnh sẽ thi hành ý nguyện, lòng chứa chan hy vọng, tin chắc thế nào mình cũng đắc thắng bằng hai lợi khí: nhan sắc và thần chú nhiệm mầu. Rồi, một buổi sớm mai, nàng trang sức rất đẹp, sẵn sàng những thức cúng dường để gợi ý trung nhân. Nhưng bóng ác càng cao, Ma Đăng Đà càng nhìn trông mỗi mắt và cuối cùng phải thất vọng, vì đã quá ngộ mà vẫn vắng bóng hành khất

của chư Tăng. Hoài công chờ đón như thế đến bốn năm hôm, hỏi ra nàng mới biết lúc này vào đầu mùa mưa, chư Tăng theo lệ thường mỗi năm phải ăn cư một chỗ trong vòng ba tháng. Nghe được tin ấy, nàng âu sầu khổ não, song cũng phải dẫn lòng đợi dịp, không biết phải làm thế nào.

Lá tươi rồi héo, hoa nở rồi tàn, cảnh vật âm thầm biến chuyển mau lẹ theo cánh thời gian, thắm thoát đã đến ngày chư Tăng mãn hạ. Đối với nàng Ma Đăng Đà, ba tháng thật là mấy năm trường đằng đẳng! Nhưng việc sẽ đến tất phải đến, hôm nay nàng sẽ cảm thấy sống dậy một mùa xuân tươi đẹp mùa xuân ở cõi lòng. Từ sáng sớm, những thức cúng dường đã được sắp đặt đầu vào đấy. Công việc xong xuôi, Ma Đăng Đà đến trước gương trang điểm, vừa đọc nhẩm mấy câu Phạm chú. Vẻ vui tươi đặc ý hiện rõ trên mặt nàng. Giai nhân lồng bóng trong gương, hai dáng xinh đẹp in nhau, phưởng phất như cảnh hoa Tịnh Đế. Khi ánh nắng mai chiếu vào song cửa, trên con đường vào thành, hình dáng của đoàn Sa Môn đi khất thực lần lần lộ rõ và cũng lại gần, Ma Đăng Đà vô cùng mừng rỡ, định thỉnh riêng ông A Nan đến trước nhà để tiện bề dùng huyền thuật. Nhưng lần này nàng rất ngạc nhiên, vì

không thấy vị Tỳ kheo trẻ tuổi theo hầu Đức Phật. Thêm một điều lạ: chư Tăng cùng đi thẳng, không dừng lại từng nhà để thọ cúng như mọi khi. Ma Đăng Đà để ý nhìn từng vị Sa Môn lần lượt đi qua, nhưng cũng không thấy người mình muốn gặp. Mỗi nỗi buồn vô tả xâm chiếm tâm nàng, khi vị Sa Môn cuối cùng vừa đi khuất. Nàng để rơi mình xuống ghế, hai tay bưng mặt, choáng váng cả tâm thần. Không biết ngồi như thế được bao lâu, khi ngược đầu lên, Ma Đăng Đà chợt thấy từ xa tiến đến một hình dáng quen thuộc. Nàng mở to đôi mắt nhìn kỹ người ấy không ai đâu lạ, chính là vị Tỳ kheo trẻ tuổi mà nàng đã thương nhớ từ lâu. Lòng rạo rực, nỗi vui mừng không thể tưởng tượng, nàng vội và đứng dậy đón chờ.

Tại sao lại có việc như thế? Nguyên vào lúc các thầy Tỳ kheo mãn hạ, nhân ngày kỵ phụ vương Ba Tư Nặc sắm những thức ăn quý lạ, mời Phật và chư Tăng thọ trai trong hoàng cung. Đức Thế Tôn thân lãnh các vị Tỳ kheo thẳng đến cung vua để ứng cúng, nên không theo thường lệ đi từng nhà khất thực. Duy có ông A Nan trước đã chịu người mời riêng, đi xa chưa về, không kịp dự hàng trai chung. Vì về trễ, ông đi giữa đường một mình. Nhớ lời Đức Phật đã quở Tôn Giả Ma Ha Ca Diếp và Tu Bồ Đề làm A La Hán tâm không quân bình, ông kính vâng lời dạy vô giá của đấng Diêm Ngự, ôm bát theo thứ lớp ghé vào từng nhà, kính giữ phép hoá trai.

Khi A Nan đi đến, nàng Ma Đăng Đà đem thức ăn ra cúng dường đồng thời gọi thăm tên vị Tỳ kheo trẻ tuổi và đọc mấy câu Phạm chú, đoạn nàng xây lưng trở vào nhà.

Tay chân bủn rủn, thần trí không định, A Nan cũng nổi gót theo sau. Lúc hai người đã vào đến phòng, như cây héo gặp mùa xuân, Ma Đăng Đà giờ đủ trò khêu gợi quyết tâm làm nổi dậy ngọn sóng tình trong con người tịnh hạnh. Trong giờ phút nguy hiểm ấy;

tuy bất lực, song cũng còn tinh trí, A Nan tha thiết tường nghị: "Hỡi Đức Từ Nghiêm! Nay con bị nạn, Ngài đành bỏ con sao?".

Khi ấy Đức Như Lai thọ trai xong, đã về đến tịnh xá và đang ngồi thuyết pháp giữa vô số thánh chúng. Đấng Từ Nghiêm trí tuệ thần thông nghe thấy ông A Nan mắc nạn, liền từ nơi nhục kế trên đánh, phóng ánh sáng trăm thứ báu rất tự tại nhiệm màu. Trong ánh sáng có vô số hóa Phật, mỗi vị đều ngồi trên tòa sen nghìn cánh, đồng thời nói ra thần chú bí mật. Đức Như Lai khiến Ngài Văn Thù phụng trì chú ấy, đến dẹp trừ tà chú đem ông A Nan về. Ngài Văn Thù vâng lời đến, phóng ánh sáng nói lại thần chú bí mật. Bấy giờ ông A Nan tâm trí sáng suốt, như cá đã thoát khỏi lưới, vụt chạy ra ngoài. Chưa được thỏa nguyện, bỗng mất người yêu, Ma Đăng Đà cũng chạy theo A Nan tâm trạng như người cuồng dại. Khi ba người đã đến Tịnh xá, lòng si ái quá nặng, Ma Đăng Đà sầu khổ bạch với Phật: "Xin Ngài trả ông A Nan lại cho tôi". Đức Phật mỉm cười, dùng phương tiện bảo: "A Nan là kẻ xuất gia, nàng là thế tục, hình thức và đời sống của đôi bên đều khác, thế thì làm sao gần gũi nhau được? Nếu nàng chịu cạo tóc, mặc áo cà sa, ta sẽ giao A Nan lại cho." Trước tiên, Ma Đăng Đà còn dùng dằng, nhưng bị ái tình làm mù quáng, đã thương trót phải liều, nàng nghĩ thầm: "Nếu Phật không giữ lời hứa, ta sẽ nằm áo Ngài và ông A Nan."

Nghĩ như thế nàng liền ưng thuận, sau khi đã thành hình thức xuất gia, Ma Đăng Đà lập lại yêu cầu khi trước, Đức Phật không đáp hỏi lại:

- Nàng thương A Nan vì chỗ nào?

- Tôi thương đôi mắt xinh đẹp của ông.

- Mắt của A Nan chỉ là hai khối thịt hôi, trong ấy chứa những nước mắt, ghen dờ, có chỗ nào tinh sạch đáng cho

nàng mến?

- Tôi thương cái mũi ông A Nan.

- Mũi của ông ấy có những chất nhớt bên trong và thường chảy ra thứ nước không sạch, nàng chẳng nên ưa thích.

- Tôi thương cái miệng ông A Nan.

- Miệng của A Nan có những nước miếng, đờm, dãi, nếu ông ấy không năng súc rửa, nơi đó sẽ đóng cáu bợn và tiết ra mùi hôi. Thế thì không đáng cho nàng yêu chuộng.

Sau khi đánh tan những chỗ ái chấp của Ma Đăng Đà, Đức Phật lại vì nàng giải thích, chỉ rõ thân người không sạch, mong manh chóng suy tàn, là nguyên nhân của sự đau buồn trong hiện tại và vô lượng nỗi khổ về sau.

Nghe lời chánh chơn hợp lý của Đức Phật, như người trong bóng tối chợt bắt gặp ánh sáng, Ma Đăng Đà đứng lặng suy nghĩ. Trước kia nàng lầm tưởng ái tình là vườn hoa tươi đẹp, đầy màu sắc rực rỡ, hương vị thơm tho, nơi ấy hứa hẹn cho thế gian một diễm phúc tuyệt trần. Nhưng hôm nay nhìn sâu vào thực tế, nàng mới biết nó là một mũi gai độc ẩn núp dưới lớp lá xanh; một sợi dây vô hình lôi kéo người vào ngục tối đau khổ. Tỉnh Giác Mơ Hoa, nàng quan sát những lý: bất tịnh, khổ không, vô thường, vô ngã của Đức Phật vừa khai thị, liền chứng được quả A Na Hàm. Vừa mừng rỡ vừa tủi thẹn, nàng cúi xuống đánh lễ Đức Thế Tôn, xin trọn đời làm đệ tử và phát nguyện sẽ dẫn dắt chúng sanh thoát khỏi vòng hoa mộng, vào bản thể an vui trong sạch...

Thuật giả: **Trí Hiền**

[1] Chỉ Mang: Vì chặt ngón tay người làm chuỗi đeo nên gọi là Chỉ Mang.

NGŨ TÂM HƯƠNG

Đức Hạnh



Nói về chữ Hương. Hương, nghĩa là thơm, một danh từ chỉ cho mùi thơm. Chỉ có mũi mới ngửi được mùi. Theo Duy Thức Học của Phật Giáo gọi cái biết của mũi là Tỷ thức, danh từ vật lý là khứu giác. Cái biết của mũi có phân biệt nhiều mùi: tanh, hôi, thơm, thối, mốc meo...

Chữ *Hương* là tiếng Tàu, tiếng Việt nói là Thơm. Người Việt ta có lúc nói cả hai chữ "hương thơm." Thế nào gọi là Thơm? Mùi nào, mũi vừa nghe, ý không phản đối, bằng lòng và thích, đó là mùi thơm. Ngược lại, không gọi là hương. Có những mùi thơm làm quyến rũ con người vừa đi qua, phải quay lui, liếc mắt tìm xem mùi thơm đó từ chỗ nào, vật nào tỏa ra khi mắt chưa phát hiện. Hoặc là một vật thể mang nhãn hiệu nước hoa khi mắt đã thấy, người ta cầm lên mũi ngửi để xác định phẩm chất và giá trị của nó.

Mùi thơm, đa số ở các loài hoa như hoa Sen, Hồng, Ngọc Lan, Lài, Dạ Lý Hương, v.v... và gỗ như gỗ Trầm.

Các loài hoa, chúng tự tỏa ra mùi thơm. Còn gỗ trầm phải đốt lên tỏa khói mới nghe thơm. Trong các loài hoa có mùi thơm, thì hoa sen tỏa mùi thơm ngát và thanh thoát hơn tất cả, cho nên gọi là **Hương Sen** và Trầm cũng thơm ngát, thanh thoát khắp không gian, gọi là **Hương trầm** khi được đốt lên, nghe rõ qua lời ca: "Trầm hương đốt, xông ngát mười phương," cho nên gọi là Trầm Hương. Khói trầm bốc lên không trung quện lại thành mây gọi là **Hương vân** (mây thơm).

Hai loại mùi thơm tinh khiết và quyến rũ lòng người, đó là **hoa** và **trầm**. Do vậy nhân loại trên thế giới trong các giai cấp vua, chúa, quý tộc, giàu sang... từ ngàn xưa, đã tìm đủ mọi cách, làm sao cho những mùi thơm của hoa, trầm luôn tồn tại mãi nơi bản thân mình. Với hoa, khó có thể tạo ra mùi thơm lâu dài! Còn trầm hương có thể được, bằng cách đốt lên trong căn phòng, rồi đặt để những quần, áo, xiêm, y vào đó, để xông ướp mùi thơm.

Ngày nay khoa học, kỹ thuật của nhân loại đã tiến bộ, cho nên đã chế tạo ra nhiều loại nước hoa rất tinh xảo cho nam giới, nữ giới một cách riêng biệt có mùi thơm thanh nhẹ, đậm đà, nồng nàn thật quyến rũ khứu giác con người.

Mùi thơm trên cõi đời này được thấy ở hai lãnh vực vật chất và tinh thần. Vật chất như những thứ: Hoa, trầm, cà phê, rượu, cam, lê, ổi, táo, rau thơm, ngò rí, v.v... Mùi thơm của ngò, khi cầm trong tay liền nghe thơm, bỏ vào nồi canh, càng nghe rõ hơn, đúng như lời người chị dặn: "Khi nấu canh, em nhớ bỏ ngò vào cho thơm." Ngũ cốc, như các thứ gạo, nếp đều có mùi thơm. Chất thơm của gạo, khi bàn thể của chúng đang có tên **Lúa** trên cánh đồng đã thơm rồi, gọi là **hương đồng nội**, được nghe qua lời thơ: "**Hôm qua em đi tỉnh về, hương đồng gió nội bay đi ít nhiều**" (thơ Nguyễn Bính). Bàn thể đang còn hạt lúa đã thơm, sau khi bị xay xác thành gạo, nấu lên thành cơm càng thơm hơn, nghe là muốn ăn liền. Để cho khách hàng được thấy rõ, các chủ chợ đề ngoài bao: "**Gạo thơm thượng hạng**." Có thứ gạo ít thơm, nhưng người ta cứ đề thơm thượng hạng để được giá.

Tinh thần. Lãnh vực này, được đa số Phật tử đem lời thắc mắc rằng; tinh thần mà cũng có mùi thơm à? Xin trả lời, có chứ!

Mùi thơm của tinh thần được gọi là **Tâm Hương**, hay còn gọi là lòng thơm thảo. **Tâm hương** cũng được thấy ở hai giới nhân sinh: Đời và Đạo. Đạo ở đây là Đạo Phật. Chỉ có Đạo Phật mới có Tâm hương. Người theo Đạo Phật, ai cũng được có từ 1, 3, 4 hay 5 Tâm hương (vị hương của tâm) theo nguyên lý, hễ có tu tập Phật pháp một cách tinh tấn, là có tâm hương. Người không tu tập Phật pháp, cũng có nhưng, hương đó gọi là hương đời, do có công gì với núi sông, được đời biết đến. Hương có tu tập Phật pháp gọi là **Hương Đạo**.

TÂM HƯƠNG của người thế gian Việt Nam. Tâm hương của người Việt chúng ta, đó là những đức tính nhân bản đầy nhân ái, đạo đức, hiền lành, biết thương yêu đồng bào, sống đời khăng khải, cương trực, công minh, liêm chính, chân thật, tận tụy việc nước, việc nhà thật chu toàn... Tâm hương này, được thấy ở các hàng sĩ phu, trí thức khoa bảng ở các địa vị giáo dục, chính quyền, chính trị, quân sự trong mọi thời đại trên quê hương xưa nay. Tất cả đức tính nhân bản này là nền tảng tạo nên lòng yêu nước, cương quyết chống ngoại xâm một cách bất khuất trước bạo lực của giặc, để giành độc lập dân tộc. Tâm hương là đó, cũng được

gọi là **vị ngọt tâm hồn**, lòng thơm thảo. Tâm hương của những nhà đạo đức, liêm chính này, được đi vào tâm hồn của toàn dân trên cả nước, đâu đâu cũng nghe, biết đến. Những người có tâm hương, một khi được có trong lòng, ắt phải hiển lộ ra những hành động quên mình: cho Tổ quốc, vì dân, vì nước, luôn vị tha, lợi lộc cho dân tộc trước hết và trên hết. Phải có **danh gì với núi sông** như vậy, thì danh mới Thơm, tên tuổi được đi vào trang sử Việt, đúng theo định lý duyên khởi của Phật Giáo "Thử hữu cổ bị hữu" (Cái này có, cái kia có).

TÂM HƯƠNG của người trong Đạo Phật, không nhất thiết là Tăng, Ni, Phật tử của Phật Giáo Việt Nam. Những quốc gia nào trên thế giới đang có Đạo Phật hiện hữu, mà Tăng, Ni, Phật tử, tại các nước đó hể có quyết tâm học Phật và tu tập đúng chánh đạo, là có ngay Tâm Hương. Từ Tâm hương cơ bản này, là có ngay 5 người con khác nữa có tên HƯƠNG. **1- Giới hương. 2- Định hương. 3- Huệ hương. 4-Giải thoát hương. 5- Tri kiến hương.** Tất cả 5 người con này cùng sống chung trong ngôi nhà Tâm linh (A- lại- đa-thức hay Bạch tịnh thức). Nói rõ hơn, trong tâm thức của các cấp Tăng, Ni, Phật tử dù ở quốc độ nào, luôn có 5 Tâm Hương do tu tập Phật pháp và hành trì Giới luật thật nghiêm minh tinh tấn. Do vậy, trước khi đi vào mọi thứ nghi lễ, người con Phật, bất luận Tăng hay Cư Sĩ đều sử dụng 5 Tâm hương của mình để **Cúng Hương** lên Tam Bảo trong 10 phương hiện tại (Hiện tiền Tam Bảo Phật-Pháp-Tăng). Gọi cúng hương này là **"Niệm hương"**. Bài Niệm hương: **Giới** hương, **Định** hương, giữ **Huệ** hương, **Giải thoát**, **Giải thoát Tri kiến** hương. Quang minh vân (mây) đài biến pháp giới, cúng dường thập phương Tam Bảo tiền. Nam Mô **huệ** **Vân Cái** Bồ tát, Ma ha tát. Hoặc "Nam Mô hương cúng dường Bồ tát, Ma ha tát". Cho dù ngôn ngữ lúc niệm hương bạch Phật là tiếng **Việt, Tàu, Nhật, Anh, Pháp, Mỹ...**vẫn không ngoài 5 Tâm Hương đó(**giới, định, huệ, giải thoát và tri kiến**). Cụm từ **"Hương vân cái"**, có nghĩa là : **"Cây long không trầm hương"**. Do khói trầm, từ lư trầm tỏa lên không trung, tụ lại như cây lộng giữa bầu trời bao la, nếu không nói là nhân cách hóa.

Bài niệm hương trên không thấy tác giả, hiện hữu rất lâu đời trong chốn thiền môn Việt Nam cả thế kỷ qua từ 1900, được chư Tăng, Ni tại các chùa Việt Nam trên 3 miền Bắc, Trung, Nam niệm lên thành lời để cúng hương trước bàn Phật. Niệm đủ 5 tâm hương ấy, rồi cắm ba cây hương lên lư hương, sau đó vào nghi lễ tụng niệm cầu Siêu, cầu An, lạy sám hối, v.v...

Sau này, một số chư Tăng thuộc Tổng Hội Phật Giáo VN đã soạn thêm một vài bài Niệm hương. Chẳng hạn như bài **DÂNG HƯƠNG**: Hương xông đánh báu. **Giới, định, tuệ** hương. **Giải thoát, tri kiến** quý khôn lường. Ngào ngạt khắp muôn phương. **Thanh tịnh tâm hương**. Đệ tử nguyện cúng dường. Nam mô

Hương Cúng Dường Bồ Tát. Bài Dâng Hương này vẫn còn đủ 5 Tâm Hương.

Một bài niệm hương nữa, có tên **"CÚNG HƯƠNG."** *Nguyện thứ điều hương vân. Biển mẫn thập phương giới. Cúng dường nhứt thiết Phật. Tôn Pháp chư Bồ tát...* Bài **Cúng Hương Tán Phật**: "Nguyện đem lòng thành kính. Gởi theo đám mây hương. Phưởng phất khắp mười phương. Cúng dường ngôi Tam bảo..." Những bài Niệm Hương, Cúng Hương, càng về sau, bớt đi 5 tâm hương. Mặc dù có bớt đi, nhưng tâm ý những người con Phật cúng hương, niệm hương vẫn ẩn tàng 5 tâm hương bên trong. Qua đây, cho ta thấy 5 tâm hương rất quan trọng đối với các hành giả trên bước đường tu tập Phật pháp để đạt cho bằng được tư lương giải thoát.

Năm Tâm Hương: Giới hương, **Định** hương, **Huệ** hương, **Giải** thoát hương, **Tri kiến** hương. Năm tâm hương được viết ra thành văn, thì chữ hương luôn đi cùng với 5 chữ: Giới, Định, Huệ, Giải thoát, Giải Thoát Tri kiến. Khi niệm hương, chư Tăng, Ni đọc theo lời văn của niệm hương, cho nên có chữ **Giữ** đi với **Huệ hương** và 2 lần **Giải thoát, Giải thoát**, rồi mới đến **Tri kiến hương** sau cùng.

Người niệm hương trước bàn Phật, phải là Tăng, Ni có đủ ba đức tính lớn: Giới, Định, Huệ, ba **Tâm Hương** của các bậc tu hành cao tột, trong vai trò trụ trì ngôi chùa, Tu viện, lãnh đạo tối cao trong các giáo hội, mới có thể đại diện cho Tăng đoàn và Phật tử, quỳ trước bàn Phật, nói lời tác bạch lên chư Phật, Bồ Tát, chư Thánh hiện Tăng trong mười phương, trước khi đi vào nghi lễ cầu an, cầu siêu, các lễ vía chư Phật, Bồ Tát, chư vị Tổ sư, Hòa Thượng, Ni sư tiền bối đã viên tịch.

Để biết rõ thêm bản chất và lý nghĩa của **5 tâm hương** qua sự giảng luận sau đây: Năm Tâm hương trên, trong đó ba thứ Giới, Định, Huệ (Tuệ), là nền tảng vượt thoát khỏi sinh, tử, luân hồi, gọi là ba thứ Vô lậu. Lậu, có nghĩa là bị lọt vào cọn đường sanh tử, luân hồi, bị lọt xuống ba cõi Ác: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh. Vô, có nghĩa là không bị. Vô lậu, không bị lọt vào ba đường ác. Qua đó, cho ta thấy rằng; chư Tôn đức Tăng, Ni trong Phật Giáo Việt Nam nói riêng, thế giới nói chung, đều có Tâm vô lậu, cho nên vào lời niệm hương, quý Ngài nói ba lời: **Gới** hương, **Định** hương, giữ **Huệ** hương...

Giới Hương. Bản chất của Giới là thanh tịnh. Cội gốc của muôn hạnh lành, do tâm hành giả trên vận hành tu tập, có quyết tâm hành trì các giới luật của Phật, sống đúng **tám con đường chơn chánh** một cách nghiêm mật. Suốt đời tu hành, thân, khẩu, ý luôn thanh tịnh, nguyện làm các điều lành. Được mọi người ngoài xã hội, trong Phật giáo thấy rõ qua những đức tính: từ, bi, hỷ, xả, không còn những thứ **ngã: nhân, sở, ái...** luôn thương yêu mọi loài vật và con người trong các giới một cách bình đẳng trong đối đãi. Những bậc tu hành có giới đức nghiêm minh, được tỏa ra

khắp nơi, làm cho đồng bào các giới nghe, biết đến, giống như nghe đến mùi thơm của hương trầm, cho nên cụm từ **Giới hương**, cũng được gọi là **Giới Pháp Thân**, như thân Phật.

Định hương. Định, nghĩa là tâm thanh tịnh, vắng lặng, gọi tắt là **tịch tịnh**. Nói khác hơn, tâm của hành giả trong đạo Phật trên vận hành tu tập, luôn luôn tỉnh thức, an trú trong chánh niệm, đối cảnh luôn vô tâm, xa lìa mọi vọng niệm, không hề khởi tâm nhận thức hay khái niệm, gọi là im lặng như chánh pháp. Tuy nhiên, đôi lúc cũng tư duy về công án tu tập và phương cách phụng trì chánh pháp cho công cuộc hoằng hóa độ sanh, luôn nói đúng theo chánh pháp. Tất cả những tư tưởng vì đạo pháp này, giống như khói trầm hương từ lư trầm vươn lên cao vút tận trời mây, không bao giờ lộn xuống không gian cõi trần. Qua đó, cho ta thấy rằng; **tâm định là tâm siêu lên như khói trầm hương. Cũng như vậy, tâm** hồn của chư Tăng, Ni luôn luôn sống trong định, cho dù có tư duy công việc đạo pháp, tâm hồn quý Ngài, cũng vẫn vươn lên như khói trầm hương, vì không có việc nào là ích kỷ, riêng tư của quý Ngài ! Nếu không nói là tự tánh bất động trước vật chất. Do đó cụm từ **Định hương**, được gọi là **Định Pháp Thân**, như thân Phật.

Huệ hương. Huệ, nói cho đủ là trí huệ, hay **trí tuệ**, tuệ giác. Tâm thức của hành giả trong đạo Phật, được có trí huệ, là do qua quá trình giữ gìn giới luật một cách kỹ lưỡng, nói như lời Phật dạy: "Người tu tập Phật pháp phải giữ giới luật, như gìn giữ con Người của mình. Bên cạnh đó, luôn thường hằng hành thiền định, gọi là sống trong định. Nhờ hai thứ: gìn giữ **giới luật và thiền định**, là năng lực xua đuổi, nhận chìm các lậu hoặc bên trong, làm cho tâm yên lặng, trống rỗng, không bị cảnh trần chi phối, là nền tảng phát sinh ra trí huệ, giống như tim đèn sáng rực, đứng yên một chỗ không bị lu, bị tắt, do có bóng đèn che gió. Nói rõ hơn, tâm hành giả không còn bị tám ngọn gió cảnh cảnh giới (bát phong) thổi vào tâm ý nữa.

Tâm hành giả, một khi được có Huệ rồi, không bao giờ nghĩ đến các việc ác. Bởi vì đã thấy rõ nguyên lý của các việc ác, nếu hành động, ắt sẽ nhận lãnh quả báo nghiệp của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, luân hồi, sanh tử, cho nên luôn tránh né. Nếu có nghĩ, nghĩ đến những điều hay, lẽ phải, cao siêu, mang tính trong sạch, thơm tho, giải thoát. Nếu hành động cứu khổ độ sanh, thì tâm hồn vươn cao, siêu lên giống như khói trầm hương luôn bay cao lên không trung. Vì thế cho nên cụm từ **Huệ hương**, được gọi là **Huệ Pháp Thân**, như thân Phật.



Giải thoát hương. Một lúc nào đó, hành giả tự cảm thấy tâm hồn mình thanh thoi, thanh tịnh, an lạc trong thực tại, không nghĩ ngợi, giận hờn, suy tư gì hết trước sắc trần thế gian. Được như vậy, do thường trực trì hành ba giáo pháp Vô lậu : **Giới, Định, Huệ**. Ba tâm hương vô lậu này, cũng gọi là **Hương Vị Chân Tâm**, chính là tâm

giải thoát của những hành giả trong đạo Phật nói chung, chư Tăng, Ni nói riêng. Nếu ai đang có ba **Tâm hương** ấy ngay thực tại trong kiếp này, ắt sẽ được giải thoát, siêu lên các thế chư Phật ở mai sau. Qua đây, cho ta thấy rõ ràng ba pháp: **Giới, Định, Huệ**, là **NHÂN**. Hành giả trì hành ba pháp vô lậu cùng một cách đúng đắn, thì nhất định được có **quả giải thoát** không sai chạy.

Giải Thoát Tri Kiến Hương. Giải Thoát Tri kiến hương, là phần của hành giả đã thấy được tư lương giải thoát, là do ba pháp Vô lậu: Giới, Định, Huệ, qua quá trình tu tập về **giới luật, thiền định**. Nhờ thiền định, tâm có trí tuệ. Cho nên, nghĩa của Giải Thoát **Tri kiến Hương**, là phần thấy cuối cùng của cái tâm có chứa đựng ba môn học giải thoát ngay sau khi được có Trí huệ hay còn gọi Tuệ giác.

Với chư tôn đức trong Phật giáo Việt Nam và thế giới, càng thấy rõ hơn ba môn học **Vô lậu (Tam vô lậu học)**, là nền tảng trọng yếu đối với những ai đến với đạo Phật, để tìm cầu cho mình con đường giải thoát, là phải tiếp nhận "**BA MÔN HỌC GIẢI THOÁT**" (Tam Vô Lậu Học), rồi quyết tâm tu tập đúng cách, đúng pháp về **Giới, Định, Huệ**, thì nhất định ắt sẽ được có Tâm hương giải thoát, thường hằng siêu lên các thế giới chư Phật ngay trong kiếp này, không đợi ở tương lai sau khi xả bỏ báo thân trần thế!

Hành giả **thấy biết trước "Tâm Hương Giải Thoát" (Tri kiến Hương)** hôm nay và cả mai sau, đó là những danh **Tăng Phật Giáo Việt Nam**. Cho nên quý Ngài đã biên soạn thêm một số bài Niệm Hương Cúng Dường, tác bạch lên chư Phật, Bồ Tát, Thánh hiền Tăng trước khi vào các nghi thức tụng niệm. Trong bài niệm hương. Nếu không nói rằng; để nhấn mạnh và nhắc nhở quý Phật tử các giới về ba bài pháp Giới, Định, Huệ là con đường giải thoát rất quan trọng, cần phải tinh tấn, tri hành trên vận hành tu tập...Do vậy, nhiều bài niệm hương sau này; từ 1959 trở đi, cũng do một số danh Tăng Việt Nam biên soạn có Giới, Định, Huệ hương hay không có nhưng, Giới, Định, Huệ Hương vẫn ẩn tàng trong bài, không bao giờ mất ba thứ quan trọng đó.

Đức Hạnh

Cựu Tăng Sinh PHV Hải Đức Nha Trang
Già Lam Sài Gòn.

Thư gửi người bạn đã khuất

TIỂU LỤC THẦN PHONG

.. Gió vẫn cuốn đi tất cả, mây vẫn bay không ngừng, thời gian như phi hoa lạc điệp...

Hai mươi lăm năm mất tin tức, rồi một ngày tình cờ gặp lại bạn bè qua cái thế giới ảo này; bao buồn vui lẫn lộn vu vơ, những suy nghĩ mơ hồ... nhưng rồi cũng từ cái thế giới ảo này tôi lại nhận tin cậu đã ra đi về miền phương ngoại. Vẫn biết sanh-tử là chuyện thường tình nhưng làm sao lòng không khỏi đau thương đây? Càng đau thương hơn khi biết mẹ cậu vẫn nhớ và nhắn tin tôi nhưng không biết tôi ở phương trời nào! Không biết để lệ nó rơi có nhẹ nhõm hơn không? Lòng đau thương biết bao khi tôi biết rằng không bao giờ còn gặp lại cậu nữa. Tôi và cậu có tính nết giống nhau, cổ nhiều nét tương đồng. Tôi và cậu là những kẻ lệt đệt, hậu đậu không cạnh tranh và không có khả năng cạnh tranh với cuộc đời này! Khi tôi có những bất tương ứng trong cuộc đời thì tôi quay về học Phật. Cậu bất tương ứng thì chìm trong men rượu. Ngày tháng vẫn đều đều trôi qua. Tôi biết cậu, muốn về thăm cậu nhưng cuộc đời này đâu thể muốn là được, khi mình không còn tự tại. Cậu thì hoàn toàn không biết tôi ở phương trời nào. Bây giờ thì chắc cậu biết rồi chứ? Đã bỏ đi các thân tử đại ngũ uẩn giả hợp này thì còn gì để hệ lụy! Có một điều tôi không dám nói hay nghĩ đến là: Cậu triền miên trong men rượu cho nên khi ra đi không biết ra sao? Tôi thầm mong dự phước trong tiền kiếp sẽ dẫn dắt cậu về

miền phương ngoại nào đấy! Miền phương ngoại là cái khái niệm mà khi sống cậu sẽ không hiểu và phần lớn người đời cũng không hiểu. Họ sẽ nhầm lẫn là quê ngoại! Miền phương ngoại đẹp lắm, yên ả, bình an, không có những bất hạnh của cõi đời này. Miền phương ngoại không có trên thế gian này. Miền phương ngoại nó ở chính trong tâm tôi, tâm bạn, tâm những người... như vậy!



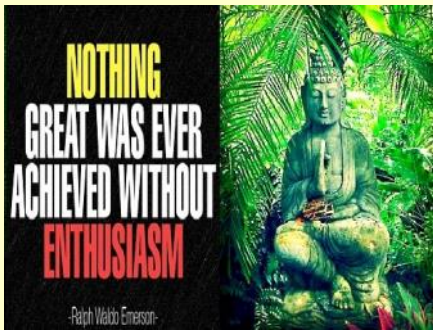
... Cậu đi rồi, mẹ cậu ngồi đấy buồn biết bao, mẹ cậu thương cậu biết bao. Cậu vốn sanh ra từ một gia đình danh gia nhưng rồi vật đổi sao dời, thay ngôi đổi chủ... Rồi từ đó gia đình cậu suy vi! Cố quận mình đầy những nghiệt ngã nhiều nhượng. Cậu chán đời tìm vào men rượu. cậu muốn tìm quên nhưng làm sao quên; tỉnh lại sau những cơn say thì lòng càng trống trải, cô đơn và càng buồn thêm và kết cục cậu ra đi sớm vì men rượu. men rượu nó phá huỷ cả thân xác và tinh thần cậu. Tôi chơi thân với cậu, tôi thật tình với cậu... Những người bạn khác có thể không muốn dây dưa vì e ngại nhiều tiếng đời, có lẽ vậy mà cậu và tôi mới thân

hơn. Tôi vốn thật lòng, chẳng ngại gì. Tôi vốn sống bằng cảm tính chứ không bằng lý tính. Tôi sống nặng về tình, lụy chữ tình nên khổ vì tình. Tôi ôm trong lòng những nỗi đau tình.. vì vậy tôi và cậu hợp nhau. Cậu ra đi tôi cũng không hề hay biết, làm sao đây? Ở phương trời này tôi vẫn thường lang thang một mình, tôi đi vào thiên nhiên nghe gió hát cây ca. Ngày xưa đi học, đọc sách những chuyện bạn bè tri kỷ như Lưu Bình - Dương Lễ hay Bá Nha - Tử Kỳ... những tương là chuyện văn chương; cho đến tận tuần rồi tôi xem một bộ phim về cái tình thiên sơn vạn thủy đầy thương tâm... Vẫn còn nghĩ ấy là chuyện văn chương. Thế mà giờ đây biết tin cậu ra đi thì tôi mới thấy cái tình là thật!

... Cậu đi rồi nhưng hình bóng vẫn còn trong tâm tôi. Tôi xưa nay vẫn sống tốt giờ tôi càng phải sống tốt hơn nữa. Tôi phải cố gắng hơn làm lợi cho người cho vật, những gì tôi làm được đều hồi hướng cho cậu. Tôi phải sống tốt hơn nữa cho tất cả hữu tình chúng sanh. Cậu sẽ không phải xấu hổ về tôi mà ngược lại cậu sẽ tự hào về tôi.

... Hai mươi lăm năm qua rồi, cậu đã ra đi; hai mươi lăm năm tiếp nữa không biết trong số bạn bè, người thân ai còn ai mất đây? Tôi chỉ biết chắc chắn là rồi ai cũng sẽ như cậu thôi! Vô thường là thế nhưng vô thường đến làm sao mà không khỏi đau thương. Người không phải vật vô tri. Ngồi gõ bôn mà ca như Trang Châu ư? Mấy ai đủ bản lĩnh này?

... Vùng trời phương ngoại



mà tôi đang sống đây giờ đã chớm thu. Mùa đi rồi mùa đến. Dù có trông mong hay chờ thì nó vẫn đến đi. Cậu cũng đi rồi! khi còn sống cậu có bao giờ tự hỏi mình đến nơi này từ đâu, rồi mình sẽ về đâu không? Mình đến nơi này để làm gì? Tôi nghĩ chắc là không, đa phần mọi người ai cũng thế; cứ lòng bông mặc thời gian qua đi, rồi đến một ngày kia giặt mình thì đã quá muộn màng!

Tôi vẫn lang thang ở cái vùng ngoại phương của mình. Nhiều lúc tôi cũng không biết mình mong gì, đi tìm cái gì... Tôi vẫn lang thang trong cuộc đời; ý nghĩa của cuộc đời này là gì? Tôi vẫn tự hỏi, tôi cũng như tất cả mọi người đang trên đường về, về cái nơi mà ta đã ra. Dòng sanh- tử vẫn tất bật bất tận... Giá mà được như các bậc A La Hán thì sao nhỉ? Liệu mình có còn gặp lại trong đời nữa không? Liệu có còn trần trở những nỗi đau tình đời! Thế nào thì thế, cậu đi rồi, tôi vẫn phải tiếp tục đi cho hết con đường đời!

... Thời gian vẫn qua đi như phi hoa lạc diệp, như gió thổi mây bay. Cậu đã đi rồi thì thôi cậu hãy thông dong mà chơi ở vùng phương ngoại ấy! Quốc độ mong manh lắm cậu đừng bận lòng mà chi, sớm muộn gì rồi ai cũng phải tới thôi! Cậu hãy an lòng nhé! Chữ nghĩa vẫn tự làm sao nói hết được, ý tại ngôn ngoại mà! Giờ cậu không còn bó buộc hạn hẹp trong cái thân ngũ uẩn nữa thì ắt cậu hiểu thôi!

Dù thế nào đi nữa cậu vẫn mãi là bạn của tôi!

Georgia, 2016

The Story of Punna the Slave Girl

Dhammapada—Verses 226

While residing at the Gijjhakuta mountain, the Buddha uttered Verse (226) of this book, with reference to a slave girl in Rajagaha.

One night, Punna the slave girl was up pounding rice for her master. As she got tired she rested for a while. While resting, she saw Thera Dabba leading some Bhikkhus to their respective monasteries on their return from listening to the Dhamma. The girl seeing them up so late, pondered, "I have to be up at this late hour because I am so poor and have to work hard. But, why are these good people up at this late hour? May be a Bhikkhu is sick, or are they being troubled by a snake?"

Early in the morning the next day, Punna took some broken rice, soaked it in water and made a pan-cake out of it. Then, intending to eat it at the riverside she took her cheap, coarse pan-cake along with her. On the way, she saw the Buddha coming on an alms-round. She wanted to offer her pan-cake to the Buddha, but she was not sure whether the Buddha would accept to eat such cheap, coarse pan-cake. The Buddha knew her thoughts. He accepted her pan-cake and asked Thera Ananda to spread the small mat on the ground.

The Buddha sat on the mat and ate the pan-cake offered by the slave girl. After eating, the Buddha called Punna to him and answered the question which was troubling her. Said the Buddha to the slave girl, "Punna, you cannot go to sleep because you are poor and so have to work hard. As for my sons, the Bhikkhus, they do not go to sleep because they have to be always vigilant and ever mindful."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 226: *In those who are ever vigilant, who by day and by night train themselves in the three sikkhas (i.e., sila, samādhi and pañña), and who have their mind directed towards Nibbana, moral intoxicants become extinct.*

At the end of the discourse Punna attained Sotapatti Fruition.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.



Phương trời cao rộng

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương mười hai

(kỳ 3 tiếp theo)

Mùa hè sau niên học thứ nhất, tôi không về quê mà ở lại dự khóa an cư kiết hạ do viện tổ chức. Chư tăng từ các quận trong tỉnh tựu về khá đông, nên việc ăn ở phải sắp xếp lại. Mất vài ngày mới ổn định hết mọi thứ để bắt đầu cho khóa an cư kiết hạ này.

Theo truyền thống Phật giáo Việt Nam, mùa an cư (nghĩa đen là ở yên một chỗ) được tổ chức vào mùa hè (nên gọi là *kiết hạ*) từ rằm tháng tư (nhằm lễ Phật Đản) đến rằm tháng bảy (nhằm lễ Vu Lan). Trong thời gian ba tháng này, chư tăng (hoặc chư ni) tập trung tại một ngôi chùa thuận lợi nhất để cùng cấm túc (không bước ra khỏi chùa nếu không có lý do chính đáng và sự đồng thuận của đại chúng), nỗ lực tu tập và trao đổi nhau những kinh nghiệm, kiến thức về Phật pháp. Đến rằm tháng bảy thì *giải hạ* (*kiết* là cột, đóng, đan lại, kết hợp; *giải* là mở, buông ra), chư tăng có thể ai về chùa nấy, tiếp tục hành đạo nơi trụ xứ địa phương của mình.

Thượng tọa giám viện muốn nhân mùa an cư có chư tăng vân tập đông đủ, tổ chức một giới đàn Sa-di thập giới

cho các chú tiểu đủ điều kiện được thọ giới. Điều kiện ấy trước hết là tuổi tác, có giới hạnh, có trình độ Trung đẳng về Phật học và có sự giới thiệu của vị thầy bốn sư. Giới đàn sẽ được tổ chức vào ngày rằm tháng bảy. Hai phần ba lớp học chúng tôi xin ghi danh vào danh sách các giới tử (những người xin thọ giới). Vào tháng bảy năm ấy, tính theo tuổi tây thì tôi chưa được mười sáu tuổi. Nhưng thường thì mười lăm tuổi cũng có thể thọ Sa-di thập giới được rồi. Vì vậy, tôi gửi thư về Nha Trang xin phép thầy bốn sư. Đầu chừng nửa tháng sau, có chú Tâm Hạnh, sư huynh của tôi, mang thư, có cả tiền nữa, của thầy tôi gửi. Thầy đã hoan hỉ cho phép tôi thọ giới. Thầy còn gửi hai xấp vải vàng và lam cho tôi may y (cà sa) và áo tràng mới nữa. Chú Tâm Hạnh giúp tôi lo việc may y áo bằng cách đo kích tấc của tôi rồi đem ra Đà Nẵng may.

Sau ngày rằm tháng bảy năm ấy, tôi đại diện hơn một trăm hai mươi giới tử, tác bạch xin được thể phát thọ trì mười giới cấm của bậc Sa-di. Thượng tọa giám viện thay mặt Hòa thượng đàn đầu (Hòa thượng trụ trì tổ đình Vu Lan tại Đà Nẵng) làm lễ tỳ tịch và thể phát cho giới tử.

Tôi được chọn làm giới tử đại diện để Thượng tọa cạo tóc. Khi những sợi tóc cuối cùng từ cái chòm trên đầu tôi rơi xuống cùng lúc với lời chú nguyện vang lên chung quanh, tôi bỗng nhận thức một cách sâu xa và khẳng định rằng, chỉ có con đường xuất gia mới là con đường cao cả tốt bậc để vươn tới giải thoát tối hậu. Tôi cúi lạy mà nghe như lời phát nguyện chấn động sâu xa đến tận bản thể của mình:

"Hủy hình thù chí tiết

Cát ái tử sở thân

Xuất gia hoẵng Phật đạo

Thệ độ nhất thiết nhân."

(Lãnh thay bậc đại tướng phu, kẻ đã xả bỏ hình hài tốt đẹp bề ngoài để giữ lấy chí tiết thanh cao, cắt bỏ mọi tình cảm, xa lìa bao người thân, chọn con đường xuất gia mà truyền rộng giáo pháp của Phật-đà với thệ nguyện cứu độ tất cả chúng sinh).

Sau lễ thể phát, cả trăm giới tử ùn ùn kéo ra vườn sau để cạo tóc. Tôi cũng được cạo sạch mớ tóc còn sót lại trên đầu vì khi nãy trên chánh điện, Thượng tọa giám viện chỉ dùng dao cạo một khoảng tượng trưng thôi. Cạo mất cái chòm rồi, tôi thấy nhẹ hẫng cả thể xác lẫn tinh thần.

Hai giờ chiều cùng ngày, toàn thể giới tử lại tập trung ở khoảng sân trước chánh điện

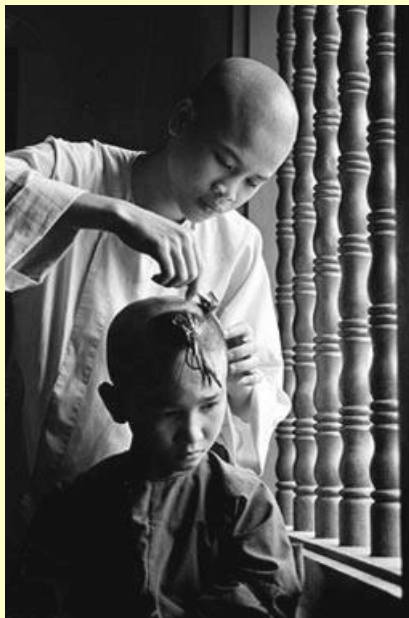
để làm lễ thọ giới. Trong chánh điện, các vị tôn đức trong *hội đồng thập sư* (bao gồm Hòa thượng đàn đầu, Yết-ma, Giáo thọ, bảy vị tôn chứng) cùng ban *dẫn thỉnh sư* (từ hai đến bốn vị) cũng đã quy tụ.

Chúng tôi quỳ nơi sân của viện để lắng nghe và làm theo các nghi thức cần thiết của giới đàn.

Cảm động nhất là khi hướng về phương Bắc để lạy tạ cha mẹ lần cuối cùng. Vị dẫn thỉnh sư cũng không ngăn được xúc động khi nói:

"Này các giới tử! Trước khi chính thức lãnh thọ mười giới, tham dự vào dòng giống của Phật-đà, lấy trí tuệ và sứ mệnh độ sanh làm sự nghiệp, quý vị phải một lần nữa, dứt khoát cắt bỏ mọi tình trần. Sau khi thọ giới, quý vị sẽ không được phép cúi lạy những người thế tục, cho dù người ấy là cha mẹ mình. Nhưng cha mẹ là những bậc có công ơn sâu dày sinh ra và nuôi dưỡng quý vị thành người, đã vậy còn hý sinh cắt bỏ tình phụ tử, mẫu tử để chấp nhận sự thoát ly của quý vị, cho phép quý vị từ bỏ cuộc đời để xuất gia đầu Phật, theo đuổi con đường giải thoát cao cả của tiền nhân. Vậy, trong niềm biết ơn vô hạn đối với công đức của cha mẹ, quý vị hãy cùng hướng về phương Bắc, chân thành đem cả thân tâm lạy tạ cha mẹ lần cuối để khởi sự dẫn mình vào con đường lợi sanh trước mắt..."

Hàng trăm giới tử cùng cúi lạy cha mẹ ba lần theo lời xướng lễ của vị dẫn thỉnh. Có tiếng sụt sùi khóc bên ngoài và bên trong giới trường. Đúng ra, khi quyết tâm bỏ nhà xuất gia, chúng tôi đã chấp nhận trước sự thực hiển nhiên này rồi. Nhưng chúng tôi không bao giờ có thể tưởng được rằng giây phút cuối cùng lạy tạ ấy lại làm chúng tôi bàng hoàng, ngỡ ngàng như những con nai con lạc mẹ. Con đường xuất gia cao đẹp quá, nhưng sự lựa chọn nó cũng thật là đau khổ. Ở cái lạy thứ nhất, tôi thấy hình ảnh ba mẹ tôi



hiện ra với ánh mắt bao dung và nụ cười hiền hòa muôn thuở. Lạy thứ nhì, tôi thấy nghi dung đức Phật chói lòa với bàn tay đưa lên cả vòm trời tự tại giải thoát. Nhưng ở lạy thứ ba, trong tôi không còn hình bóng nào hiện ra nữa. Chỉ thấy cay cay trong mắt.

Sau một vài nghi thức cần thiết, chúng tôi được truyền thọ mười giới, rồi được truyền thọ ca-sa.

Toàn thể giới tử cúi lạy rồi đứng dậy khoác mặc ca-sa lần đầu tiên vào người, vừa mặc vừa tụng lớn:

*"Đại tài giải thoát phục,
Vô tướng phước điền y
Phụng trì Như Lai mạng
Quảng độ chư quần mê."*

(Cao cả thay khi được khoác chiếc áo giải thoát, chiếc áo ruộng phước vô tướng, để xin vâng giữ sứ mệnh mà Như Lai giao phó: cứu độ cho tất cả những chúng sinh mê muội của trần gian).

Khoác pháp y vào người rồi, chúng tôi đã chính thức trở thành người xuất gia, tuy chưa thực sự là bậc trưởng tử của Phật như các vị tỳ kheo, nhưng cũng đã vượt qua được giai đoạn tập sự căn bản của thời kỳ làm chú tiểu. Giới pháp đã trao, giới thể đã đắc, chúng tôi lạy tạ Tam Bảo rồi

lui về phòng với tâm thức mới, con người mới.

(mời đón đọc Chương Mười Ba)

Vĩnh Hào

Chương mười ba

Hồi chưa xuất gia, tôi có khá nhiều bạn học chung trường, chung lớp. Nhưng giữa tôi với những người bạn ấy, nếu có quen và thân nhau thì cũng chỉ là cái thân thiết hời hợt của những đứa con nít. Tôi hãy còn nhớ tên, nhớ mặt những người bạn thân từ tiểu học Sinh Trung đến trung học Võ Tánh. Từ khi xuất gia rồi, tôi thấy giữa tôi và họ tự dưng lại có một khoảng cách thật lớn, đến nỗi không còn gì để nói với nhau nữa nếu có cơ hội gặp mặt.

Ngày tôi còn ở viện Hải Đức, các bạn học chung lớp với tôi ở trường Võ Tánh như Đức, Rạng, Dũng, Trung... có tìm thăm tôi. Lúc ấy thầy tôi đang bệnh nặng, tôi đang túc trực bên thầy suốt ngày đêm vì tôi là thị giả. Nghe có bạn tìm gặp, tôi cũng không dám rời thầy để ra tiếp. Bắt các bạn phải chờ đợi thật lâu, tôi ngại quá, mới nhờ chú Sáng trực hầu bên thầy mà ra ngoài. Gặp các bạn, niềm vui trong tôi theo phản xạ tự nhiên đã lóe sáng lên nhưng rồi lại lặn mất ngay sau đó, cuối cùng chỉ còn là sự ngỡ ngàng. Tôi đứng bên các bạn mà e lệ như đứa con gái vì cách ăn mặc và cái chòm ngõng trên đầu. Hình thức ấy tôi không thấy mắc cỡ trước bất cứ người lạ nào, nhưng lại thấy kỳ cục làm sao trước mặt các bạn thân cũ. Các bạn hỏi thăm tôi đôi điều, tôi trả lời cho xong rồi lặng thỉnh. Tình bạn không mất nhưng thật là khó gần lại như xưa. Tôi nói thực với các bạn rằng tôi phải trở vào phòng thầy. Các bạn tôi thông cảm, từ giã mà về. Có lẽ các bạn tôi không chấp trách tôi chuyện đó, nhưng nhiều năm sau, tôi vẫn không sao quên được buổi chiều mà các bạn lên núi tìm thăm: tôi đã không

tiếp được họ bình thường trong tình thâm giao của những ngày xưa cũ.

Bây giờ ở trong chùa, nhất là trong mùa an cư kiết hạ và giới đàn tổ chức tại Phật học viện vừa qua, tôi có thêm rất nhiều bạn bè từ các nơi tựu về. Có nhiều người bạn cùng trang lứa tôi, nhưng cũng có người đáng tuổi anh tôi. Tình bạn đạo là thứ tình cảm lạ lắm. Nó bền chặt mà không đòi hỏi phải có sự gần bó lâu dài qua thời gian hay hoàn cảnh. Nó cũng không bùng lên nồng nhiệt hăm hở nơi những phút đầu để rồi phai nhạt dần về sau. Nó đến lặng lẽ như không hề có. Nó xa biệt biệt mà chẳng hề không. Nó thắm. Đúng là thắm như sương mù. Trong bài văn Cảnh Sách của Tổ Qui Sơn, tôi nhớ có câu: "*Thân cận thiên hữu, như vụ lộ trung hành, tuy bất thấp y, thời thời hữu nhuận.*" Nghĩa là, gần gũi bạn hiền cũng giống như đi trong sương mù; tuy không ướt áo ngay nhưng dần dần cũng nhuần thấm. Chúng tôi có thể không ở chung một chùa, không học chung một lớp, không tho giới một năm, không cầu pháp một thầy, không cùng xứ sở, không cùng thời gian sinh ra... nhưng với chiếc áo nâu đơn sơ ấy, với cái đầu nửa thảng cạo một lần ấy, chúng tôi vừa chấp tay chào nhau đã thấy người kia là bạn đạo của mình với bao niềm thông cảm. Người bạn đạo ấy đã cùng ta xa lìa mái ấm gia đình, cùng ta dẫn thân vào cửa thiền, chịu đựng bao thử thách; sống đời chay tịnh thanh cao, thiếu ăn thiếu ngủ vẫn bền chí kiên gan, dốc cả tuổi thanh xuân thơ mộng vào con đường xuất gia khó nhọc. Người bạn ấy và ta không cần phải nói nhiều với nhau, nhưng dòng máu trong tim hẳn đã cùng chảy chung một nhịp trong khát vọng vươn tới giải thoát giác ngộ; bỏ tất cả, hy sinh tất cả, cũng vì mục tiêu tối hậu ấy.

Chúng tôi kể cho nhau những kỷ niệm vui buồn trong quãng đời hành điệu (làm chú

tiểu) của mình. Chúng tôi cũng trao đổi những kinh nghiệm và kiến thức thấu đạt được từ những vị đạo sư khác nhau. Tôi thấy sự kết bạn rộng rãi như vậy rất bổ ích và chẳng bao giờ thiệt thòi mất mát gì cả. Trước đây tôi đã từng là chú tiểu khó tánh, lằm lì ít nói, khó lòng để người khác bắt chuyện làm quen. Bây giờ, tôi biết điều đó chẳng lợi gì cho tôi. Vì ngay cả một người bạn khờ khạo, tưởng như bất tài vô tướng, cũng có những cái rất hay, rất dễ thương, để ta cảm mến và học hỏi. Tôi trở nên cởi mở, vui tính hơn trong giao tiếp. Và tôi trở thành một chú tiểu có nhiều bạn trong viện.

Sau ngày giải hạ, những người bạn mới của tôi lục tục trở về quê quán. Và học tăng chúng tôi bắt đầu niên khóa thứ hai. Theo sự đề nghị của thầy quản chúng và các chứng trưởng, Thượng tọa giám viện cho bốc thăm bầu và chia lại nhân sự của hai chúng. Tôi và Sáng vẫn ở lại trong chúng Ca Diếp, nhưng nhiều chú khác từ chúng A Nan đã đổi qua chúng Ca Diếp, và ngược lại. Chú Tấn là chúng trưởng cũ của chúng Ca Diếp, nay cũng là chúng trưởng, không thay đổi gì, nhưng người chúng phó là chú Cung thì nay được thay vào bởi chú Tửu. Chú Tửu đổi từ chúng A Nan sang, vào phòng tôi thì được bốc thăm trúng bàn học và giường nằm ở cuối phòng, kế bên bàn học và giường nằm của tôi.

Chú Tửu gốc người Huế, lớn hơn tôi chừng năm, sáu tuổi. Da chú đen ngăm ngăm, trán võ và cao, mắt nhỏ, mũi nhỏ, miệng vầu, có chiều cao trung bình, ốm roi roi. Chú học rất khá, cứ nhìn cái trán thông minh của chú thì cũng đoán được phần nào. Đã vậy chú còn siêng năng, chăm chỉ từ việc học đến công tác, bắt tay vào việc nào chú cũng hết lòng với việc nấy, đầu vào đó cho thành mới thôi. Chú còn là người giỏi dang việc làm vườn, gánh nước, trồng rau, làm giàn (cho bầu, bí, mướp, khổ qua...), cuốc đất v.v...

việc nào cũng thông thạo. Cho đến những việc cần đức tính tần mẫn tỉ mỉ của đàn bà con gái, chú cũng khéo tay chứ chẳng chịu thua. Nhất là chuyện may vá. Chú có cái áo cũ bị rách toác mấy đường thật lớn sau lưng. Kiểm được ở đầu mấy cái áo rách của chú nào bỏ, chú Tửu cắt được một miếng vải vuông lớn, vá đắp lên cái áo rách lưng của mình. Đường may của chú trên nếp vải, đều và nhỏ như người ta sử dụng máy may vậy. Trong viện tôi biết có nhiều chú như chú Khai, chú Tin, chú Kha... cũng tự vá lấy quần áo bị rách, nhưng chưa chú nào khéo tay được như chú Tửu.

Một hôm, chiếc áo nhật bình của tôi bị rách toác một đường dài trên vai. Áo nhật bình là loại áo dài cài một hàng nút ở giữa từ chỗ ngực chạy xuống đến sát gấu áo; cổ áo là một khúc vải chữ nhật nổi vào áo, từ gáy kéo vòng hai bên xuống ngực, tạo thành chữ *Nhật* bằng nhau nên gọi là áo *nhật bình*—trong chữ Hán, chữ *nhật* có nghĩa là ngày, hay mặt trời, được viết như là một hình chữ *nhật* để đứng (tức chiều rộng thì nằm ngang, chiều dài thì làm chiều cao), có một vạch chạy ngang ở giữa. Tôi có hai chiếc áo nhật bình nâu trước kia cũng là màu lam, sau vì thấy cũ và bị dính dầu ở vạt sau nhiều quá, tôi đưa đi vá ở đây đem nhuộm nâu giùm. Nhuộm xong, trông đẹp và có vẻ mới, nhưng thực ra áo đã cũ từ lúc còn ở Nha Trang đến giờ nên cũng đã mục, không chịu nổi sức nẩy nở của xương và bắp vai đang độ tăng trưởng của tôi. Áo rách chỉ một đường thẳng ở gần chân cổ đến bắp vai chứ không kéo hai, ba đường lộn xộn nên tôi thấy cũng không cần thiết phải vá lại. Hơn nữa, tôi đâu có biết khâu vá gì. Mỗi lúc đến trai đường để dùng bữa, tôi đều mặc chiếc áo nhật bình nâu này (còn áo nhật bình lam thì dùng để đi học, đồng phục của viện được qui định như vậy). Đầu khoảng tuần sau, chỗ rách không chịu làm chữ *I* nữa mà rẽ sang một



đường khác, tạo thành chữ L. Vậy thì coi có vẻ hờ hang quá, tôi bèn lấy kim tây (kim băng) cài chỗ rách lại. Vải chỗ ấy vì vậy mà bị nhũn, trông thô xấu, và mỗi lần tôi vươn vai, đưa tay hay cử động mạnh thì chỗ rách càng hoác rộng ra thêm, cái kim tây muốn rớt xuống. Nhưng tôi cứ để vậy, chẳng biết làm sao hơn. Ngày cuối tuần, chú Tửu bảo tôi đưa áo ấy cho chú vá giúp. Tôi ngại mất thì giờ học bài của chú nhưng chú cứ giành lấy rồi ngồi vá. Chú cắt bớt một miếng vải ở vạt trong, phía lưng áo để đắp vào chỗ rách (áo nhạt bình của tôi là loại có sáu vạt thay vì bốn vạt; hai vạt trong được nối với hai vạt trước và quấn quanh hai chân khi mặc vào, hai vạt này có thể bỏ bớt để làm thành áo bốn vạt). Chú ngồi vá cho tôi đầu khoảng nửa giờ thì xong. Thật là khéo. Tôi ngồi gần đó nhìn chú làm việc để học cách vá đồ, may ra có thể tự lo lấy về sau, khỏi phải phiền ai. Thấy tôi có ý muốn học, chú Tửu chỉ dẫn tôi cận kề cách gấp và đắp miếng vải sao cho được thẳng, gọn và ăn khớp theo chiều rách của áo; chú còn đưa chậm từng đường kim cho tôi thấy. Tôi và chú bắt đầu quen và dần dần thân với nhau kể từ hôm ấy. Chuyện vá đồ rách, tôi học được từ chú Tửu, nhưng chỉ mới áp dụng được một lần sau này. Lần đó, vá xong, tôi đưa chú Tửu xem, chú cười rồi tháo ra, làm lại từ đầu. Vậy là tôi chỉ mới học

được trên lý thuyết, phần thực hành chắc là chẳng bao giờ có thể làm khéo nổi. Nhưng ít ra, tôi cũng tự tin rằng nếu chẳng có ai giúp, tôi có thể tự làm lấy, tuy không được khéo nhưng cũng là biết rồi.

Ngoài chuyện dạy vá đồ, chú Tửu còn dạy tôi gánh nước nữa. Cơ thể tôi lúc ấy trông có vẻ mập mạnh lắm, nhưng đặt quang gánh với cặp thùng chưa có nước trên vai đã thấy đau rêm ròi. Chú Tửu tập tôi gánh nước vào mỗi tối khi các chú khác lo học bài. Ở viện có bốn cặp thùng dùng để tưới rau hoặc gánh nước đổ vào các bồn nước ở bếp, ở nhà vệ sinh... Thùng bằng thiếc, được buộc cứng vào đòn gánh bằng giấy thùng ni-lông. Miệng thùng hình tròn, chu vi rộng, đường kính cũng phải hơn hai gang tay, nhỏ dần về phía đáy, giống như chiếc nón lá lật ngược; đáy nhọn, có cái bằng đáy nhưng diện tích nhỏ, không thể đặt cho thùng đứng yên được dưới đất nếu không có người đứng giữ. Như vậy, khi đôi thùng đầy nước đã đặt trên vai rồi thì phải gánh luôn một mạch đến chỗ cần đến, không nghỉ giữa chặng được. Gánh nước đổ vào bồn còn đỡ, đổ ào thùng này xong, đến thùng khác; nhưng gánh nước để tưới rau thì phải rưới nước vừa phải và phải đều, gọn, sao cho các luống rau, khoảnh nào cũng được thấm đủ, không thiếu nước, cũng chẳng hao nước để phải mất công gánh nhiều lần. Ban đầu chú Tửu tập cho tôi gánh cặp thùng có dung tích nhỏ nhất trong bốn cặp, và kéo nước từ giếng lên, chú chỉ đổ vào mỗi thùng một gàu, rồi bảo tôi gánh đi, chú đi theo vịn nhẹ nhàng. Cứ gánh như vậy đi vòng vòng trong vườn chùa, khi nào mỏi thì ghé đổ vào bồn vệ sinh; sau đó, lại ra giếng lấy nước khác. Số nước đổ vào thùng tăng dần, tăng dần theo mỗi ngày. Mỗi ngày đầu, tôi thấy ê ẩm và đau rất cả hai vai. Đầu chừng một tuần tôi mới

quen và đã gánh được hai thùng nước đầy, rồi bỏ loại thùng nhỏ, chọn loại thùng lớn, đều gánh được cả. Tôi còn tập gánh luôn cả hai vai, rồi tập chuyển quang gánh với hai thùng đầy nước từ vai này qua vai kia mà không cần nhờ người khác đỡ hay phải dừng chân lại, cứ vừa gánh chạy vừa hất nhẹ một cái là cái đòn gánh đang đè nặng bên vai phải, đổi ngay qua vai trái, và ngược lại. Tôi trở thành một trong những tay gánh nước "thiên chiến" của chúng Ca Diếp. Sau chuyện gánh nước, chú Tửu còn tập cho tôi cuốc đất, chẻ tre, bở củi, trồng trọt, v.v... Một bữa đang ngồi chẻ tre để làm một giàn mướp, chú nói với tôi rằng:

"Tôi nghĩ mình tập cho biết cách làm việc càng nhiều càng tốt, sau này vút mình ở đâu cũng không sợ, có thể sống tự lập được. Mà tu sĩ tụi mình rất cần sự tự lập."

Chú ấy nói chí lý. Tôi đã không ngần ngại gì chuyện học việc từ nơi chú, mà chú hướng dẫn lại tận tâm nữa nên tôi học và làm được rất nhiều việc. Có điều, tôi chẳng biết làm sao để đáp lại sự tận tâm chỉ dẫn của chú ngoại trừ việc giải thích một số chỗ chú chưa hiểu rõ trong bài học, bài tập của trường hay của viện. Lúc ấy, tôi càng thấy rõ ràng hơn, sự khác nhau giữa kiến thức học đường và kinh nghiệm cuộc sống như thế nào. Những điều tôi giải thích cho chú Tửu trong một bài toán hay một đoạn văn chẳng hạn, hình như chẳng ăn nhập gì đến cuộc sống thường nhật cả. Tôi như nghe được tiếng nói của chính mình phát lên từ đáy lòng rằng: đừng bao giờ thỏa mãn hay kiêu hãnh với sự hiểu biết thu lượm từ sách vở, từ học đường; tất cả những thứ ấy đều chỉ là cặn bã rơi rớt lại của những người đi trước mà thôi.

(mời xem tiếp chương 13, kỳ 2)

Vĩnh Hào



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ - CANADA

KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ

PHIẾU BẢO TRỢ – CHUYÊN PHÁP LUÂN

“Hoằng pháp thị gia vụ - Lợi sanh vi sự nghiệp” là trách nhiệm của người con Phật nói chung. Để góp phần vào việc hoằng dương chánh pháp, chúng tôi xin hoan hỷ bảo trợ cho **KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ** như sau:

1. CÁ NHÂN BẢO TRỢ

Họ và tên: Pháp Danh:

Địa chỉ: Thành Phố:

Tiểu bang: Zip Code: Quốc gia:

Email: Phone:

Chúng tôi phát tâm bảo trợ mỗi tháng là: \$ USD \$ CAD

Thời hạn: ☐ 01 năm ☐ 02 năm ☐ 03 năm ☐ 06 năm ☐ Vô thời hạn ☐ Coupon TỔNG CỘNG:

Phát tâm 2 tháng 1 lần: \$ USD \$ CAD TỔNG CỘNG: \$

2. DOANH NHÂN BẢO TRỢ (Ban tổ chức sẽ triển lãm thương hiệu bảo trợ trong khóa tu)

Tên thương hiệu: Họ, Tên chủ doanh nghiệp:

Địa chỉ: Thành Phố:

Tiểu bang: Zip Code, hoặc Postal Code: Quốc gia:

Email: Phone: Cell:

Chúng tôi phát tâm bảo trợ mỗi năm là: \$ USD \$ CAD

Thời hạn: ☐ 01 năm ☐ 02 năm ☐ 03 năm ☐ 06 năm ☐ Vô thời hạn ☐ Coupon TỔNG CỘNG:

Xin vui lòng gửi cho chúng tôi biên lai khai thuế ☐ Không cần gửi biên lai khai thuế ☐

* Chi phiếu xin để **“KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP”** và xin gửi về Ni Sư Thích Diệu Tánh,
Thiền Tịnh Đạo Tràn, 11502 Daniel Ave., Garden Grove, CA 92840 * Phone (714) 638-0989
Cell: (714) 266-4171

Thành tâm cầu nguyện cho Phật Pháp được trường tồn, chúng sanh được an lạc.

NAM MÔ THÀNH TỰU TRANG NGHIÊM CÔNG ĐỨC PHẬT

....., ngày tháng năm 201

NGƯỜI BẢO TRỢ

(ký tên)